ISSN 1859 – 1000

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

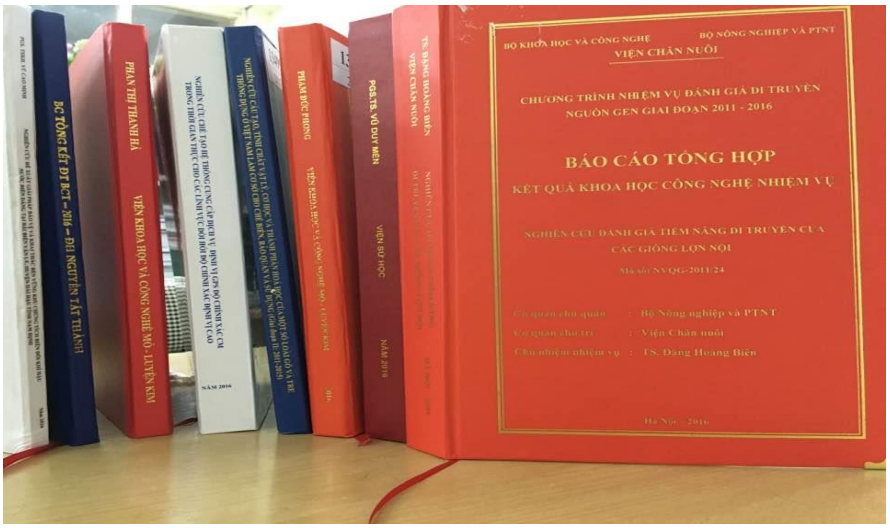

SỐ 10 (2022)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Định kỳ 1số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban:	THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban:	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
Uỷ viên thư ký:	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	150

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ".***

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: **http://sti.vista.gov.vn**. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thờithông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: *quanly@vista.gov.vn*

Website: http://www.vista.gov.vn/

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

❶ ❷ ❸ ❹

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước**/ ThS. Lê Nguyên Bồng, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuân; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

❺ ❻ ❼ ❽ ❾

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ——— ❿

Số hồ sơ lưu: 19779

❶	Mã biểu ghi trong CSDL
❷	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
❸	Tên nhiệm vụ
❹	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
❺	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
❻	Cấp nhiệm vụ
❼	Nơi viết báo cáo
❽	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
❾	Năm viết báo cáo
❿	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU

1. Khoa học tự nhiên 9

10101. Toán học cơ bản 11

10103. Thống kê 12

10201. Khoa học máy tính 12

10202. Khoa học thông tin 14

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học 16

10302. Vật lý các chất cô đặc 16

10307. Âm học 17

10403. Hoá lý 17

10501. Địa chất học 17

10509. Các khoa học môi trường 18

10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển 20

10511. Khí hậu học 21

10513. Thuỷ văn; Tài nguyên nước 22

10602. Tế bào học, mô - phôi học 22

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh 23

10615. Đa dạng sinh học 23

10616. Công nghệ sinh học 24

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ 24

20102. Kỹ thuật xây dựng 26

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải 26

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi 26

20201. Kỹ thuật điện và điện tử 27

20202. Người máy và điều khiển tự động 27

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.. 28

20205. Viễn thông 30

20304. Chế tạo máy động lực 30

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp 31

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng 32

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân 33

20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác 34

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) 34

20403. Kỹ thuật hoá dược 35

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ 35

20507. Vật liệu xây dựng 36

20508. Vật liệu điện tử 36

20509. Vật liệu kim loại 37

20510. Gốm 38

20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ 39

20515. Vật liệu tiên tiến 39

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật 39

20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí 42

20704. Viễn thám 42

20799. Kỹ thuật môi trường khác 43

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học. 43

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất) 44

21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209) 45

21102. Kỹ thuật đồ uống 47

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác 47

3. Khoa học y, dược 49

30103. Miễn dịch học 52

30107. Hóa học lâm sàng và sinh hóa y học 53

30202. Sản khoa và phụ khoa 54

30301. Khoa học về chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..) 54

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc 55

30404. Hoá dược học 56

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế 58

4. Khoa học nông nghiệp 59

40101. Nông hoá 67

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm 68

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả 73

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc 78

40106. Bảo vệ thực vật 83

40107. Bảo quản và chế biến nông sản 84

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác 85

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi 88

40205. Bảo vệ động vật nuôi 89

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác 90

40306. Bệnh học thú y 92

40312. Dược học thú ý 92

40405. Giống cây rừng 92

40406. Nông lâm kết hợp 93

40502. Di truyền học và nhân giống thuỷ sản 93

40504. Nuôi trồng thuỷ sản 94

40507. Bảo quản và chế biến thủy sản 97

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi; 97

40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp 99

499. Khoa học nông nghiệp khác 100

5. Khoa học xã hội 100

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh 113

50202. Kinh doanh và quản lý 115

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. 118

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác 119

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội 120

50499. Xã hội học khác 124

50501. Luật học 126

50599. Các vấn để pháp luật khác 127

50601. Khoa học chính trị 128

50602. Hành chính công và quản lý hành chính 130

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá 130

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị 132

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội 132

599. Khoa học xã hội khác 133

6. Khoa học nhân văn.....134

60101. Lịch sử Việt Nam 141

60203. Nghiên cứu ngôn ngữ khác 143

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam.. 143

60209. Các nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác 144

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ 145

60405. Nghệ thuật dân gian 148

699. Khoa học nhân văn khác 148

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

83292.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ IoT để xây dựng mô hình trang trại chăn nuôi thông minh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Trịnh Trọng Chưởng, PGS.TS. Trịnh Trọng Chưởng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Bá Nghiễn; ThS. Hà Văn Phương; TS. Ninh Văn Nam; TS. Quách Đức Cường; TS. Phạm Văn Hùng; ThS. Phạm Việt Anh; ThS. Nguyễn Hữu Hải; Nguyễn Thị Thêu - Trường Đại học Công nghiệp - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2020; 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về IoT và các ứng dụng của IoT trong chăn nuôi thông minh ở Việt Nam và thực trạng tình hình chăn nuôi ở tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu, thiết kế phần cứng hệ thống thu thập, giám sát dữ liệu cho trang trại chăn nuôi gà tập trung ở Vĩnh Phúc. Nghiên cứu, thiết kế phần mềm điều khiển giám sát trên thiết bị cầm tay. Ứng dụng công nghệ nghiên cứu vào quy mô trang trại chăn nuôi gà đã lựa chọn. Đề xuất các giải pháp quản lý, duy trì sử dụng, nhân rộng kết quả và phương án bàn giao tài sản được trang bị và tài sản hình thành từ kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu:30/ĐTKHVP/2019-2020

83293.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển 3 loài cây dược liệu thìa canh Gymnema Sylvestre (Retz.) R.BR.Ex schult, Sâm cau Curculigo Orchichioides Gaertn và Giảo cổ lam Gynostemma Pubescens (Gagnep.) C.y.wu theo tiêu chuẩn Gacp-WHO trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ TS. Lưu Văn Huyền, TS. Lưu Văn Huyền; TS. Đỗ Hữu Thư; ThS. Phạm Đôn; ThS. Đinh Văn Thuân; ThS. Nguyễn Văn Kiên; PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc; PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng; TS. Lê Thanh Huyền - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài. Điều tra, khảo sát tình hình phân bố, thực trạng khai thác và việc sản xuất, mua bán Dây thìa canh, Sâm cau và Giảo cổ lam trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu đặc điểm sinh vật học và đặc tính sinh thái học của 3 loài cây được nghiên cứu. Nghiên cứu đặc điểm cơ bản của thảm thực vật tiến hành trồng 3 loài cây dược liệu. Xây dựng mô hình nhân giống Giảo cổ lam, Sâm cau và Dây thìa canh. Xây dựng mô hình trồng Giảo cổ lam, Sâm cau và Dâu thìa canh. So sánh hiệu quả kinh tế với một số cây khác trong điều kiện tương ứng. Đánh giá kết quả thực hiện trong 03 năm (2018-2020) và đề xuất các giải pháp bảo

tồn, phát triển 3 loài cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 68/ĐTKHVP-2018

83402.10-2022 **Xây dựng hệ thống truyền thanh công nghệ số cho cấp cơ sở**/ KS. Điệp Thị Hồng Nhiên, KS. Điệp Thị Hồng Nhiên; TS. Lâm Thành Thép; ThS. Nguyễn Minh Khuê; ThS. Nguyễn Minh Phú; ThS.Phùng Như Kiên; ThS. Trần Văn Thành; ThS. Hồ Viết Quang Thạch; Cn. Huỳnh Công Lợi; ThS. Nguyễn Thu Nguyệt Minh; NCS.ThS. Lê Thị Ngọc Thảo - Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau - Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau, 2021; 08/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống truyền thanh công nghệ số có tiêu chuẩn kỹ thuật của một Hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng Công nghệ Thông tin – Viễn thông, sử dụng công nghệ IoT (Internet of things), AI (Artificial Intelligence) phù hợp với xu thế phát triển của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhằm tiến tới đầu tư thay thế cho hệ thống truyền thanh cơ sở của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau đáp ứng kịp thời nhiệm vụ tuyên truyền cho các cơ quan quản lý nhà nước vì đây là một kênh thông tin quan trọng để đưa nhanh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước, địa phương trực tiếp đến với đông đảo người dân. Triển khai Hệ thống truyền thanh công nghệ số sẽ góp phần đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh Cà Mau trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các xã đã đạt nông thôn mới và các mục tiêu chính trị liên quan.

Số hồ sơ lưu: CMU-2021-016

83431.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng phương pháp dạy học môn Khoa học tự nhiên lớp 9, tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới theo định hướng phát triển năng lực tư duy logic cho học sinh THCS**/ ThS. Đoàn Thị Minh Hải, ThS. Ngô Quốc Đường; ThS. Đỗ Minh Tuệ; ThS. Dương Trọng Phong. - Bắc Giang - Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Bắc Giang, 2021; 01/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích cơ sở lý luận năng lực tư duy logic và phân tích được vai trò cho HS trong dạy học. Kết quả điều tra thực trạng dạy học. Xác định mục tiêu rèn luyện năng lực tư duy logic và các kĩ năng thành phần. Thiết kế quy trình tư duy logic và đề xuất quy trình rèn luyện năng lực tư duy logic. Thiết kế công cụ để rèn luyện năng lực tư duy logic cho HS trong dạy học. Thiết kế hệ thống tiêu chí đánh giá năng lực tư duy logic thông qua hệ thống tiêu chí đánh giá các kĩ năng tư duy logic. Đánh giá hiệu quả của quy trình và các công cụ rèn luyện năng lực tư duy logic cho HS.

Số hồ sơ lưu: NVCS98/2021

83872.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình văn hóa ứng xử học đường ở tỉnh Tây Ninh**/ TS.

Nguyễn Thành Kỉnh, TS. Phạm Ngọc Hải, ThS. Cao Đức Hòa, ThS. Bùi Anh Tuấn, CN. Nguyễn Hồng Phượng, CN. Võ Kim Hồng, ThS. Phùng Thanh Hùng, ThS. Nguyễn Quyết Tiến - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh, 2021; 08/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lý luận hình thành khung cơ bản của văn hoá học đường (VHHĐ). Văn hoá học đường với nhiều cách hiểu khác nhau, ở công trình này văn hoá học đường được thống nhất ý nghĩa và nhất là những lý thuyết những công trình xác định mối tương quan giữa văn hoá và bạo lực học đường. Các phương thức xây dựng văn hoá ứng xử học đường và nuôi dưỡng phát huy tính tích cực của văn hoá học đường. Văn hoá học đường ở Tây Ninh, mô hình hoá và phương thức duy trì, phát triển.

Số hồ sơ lưu: K03/2021

10101. Toán học cơ bản

83214.10-2022 **Tập xác định duy nhất hàm phân hình và các L-hàm**/ GS.TSKH. Hà Huy Khoái, TS. Vũ Hoài An; TS. Phạm Ngọc Hoa; TS. Nguyễn Xuân Lai; TS. Lê Quang Ninh - Hà Nội - Viện Toán học và Khoa học ứng dụng Thăng Long, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng của bội không điểm và cực điểm của hàm phân hình lên tập xác định duy nhất. Tìm hiểu L-hàm xác định bởi những giá trị nào. Qua đó tìm hiểu tập xác định duy nhất cho lớp hàm phân hình có những tính chất đặc thù, trong đó bao gồm các L-hàm.

Số hồ sơ lưu: 19975

83570.10-2022 **Nghiên cứu trạng thái lượng tử tương đối tính Jackiw-Rebbi trong hệ ống dẫn sóng nhị nguyên có phi tuyến dạng Kerr và dạng bậc ba-năm**/ PGS.TS. Trần Xuân Trường, PGS.TS. Dương Chí Dũng; PGS.TS. Nguyễn Như Xuân; TS. Nguyễn Minh Huệ; TS. Nguyễn Thế Quang; ThS. Nguyễn Văn Toàn - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm nghiệm chính xác của trạng thái lượng tử tương đối tính JR trong BWA với phi tuyến dạng Kerr. Tìm nghiệm chính xác của trạng thái lượng tử tương đối tính JR trong BWA với phi tuyến bậc ba – năm (cubic – quintic). Nghiên cứu sự tương tác giữa hai trạng thái JR thuộc những loại khác nhau. Kết quả cho thấy chúng có thể được bảo vệ khỏi sự tác động lẫn nhau theo một cách rất ổn định và tin cậy. Nghiên cứu sự liên kết (coupling) giữa hai trạng thái JR thuộc cùng một loại trong BWA. Kết quả cho thấy hiệu ứng liên kết và bẫy của hai trạng thái JR thuộc cùng một loại rất giống với kịch bản diễn ra trong bộ ghép quang tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi trong quang học quang sợi.

Số hồ sơ lưu: 20150

10103. Thống kê

83254.10-2022 **Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa**/ CN. Trịnh Xuân Phú, - Thanh Hóa - Cục Thống kê Thanh Hóa, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, đánh giá tổng quan về công tác thống kê hiện nay trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Điều tra, khảo sát và đánh giá thực trạng công tác thống kê tại các Sở, Ban, Ngành và Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa và phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa. Tài liệu hướng dẫn thực hiện quy trình nghiệp vụ thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa và xây dựng quy chế quản lý, khai thác, vận hành phần mềm thống kê trực tuyến.

Số hồ sơ lưu: THA-024-2021

10201. Khoa học máy tính

82500.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin giám sát, điều khiển và tự động đóng mở tại một số cống thoát nước chính của thành phố Hà Tĩnh**/ TS. Đoàn Hoài Sơn, ThS. Nguyễn Hữu Đồng; TS. Nguyễn Đăng Khoa; TS. Nguyễn Hữu Chúc; ThS.Nguyễn Thị Hồng Tình; TS. Trần Viết Cường; ThS. Trần Quốc Hoàn; ThS. Nguyễn Kim Bằng; ThS. Lê Thị Thùy; CN. Nguyễn Viết Hùng - Hà Tĩnh - Trường đại học Hà Tĩnh, 2021; 11/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, thiết kế, lắp đặt, vận hành, hiệu chỉnh, hoàn thiện, tập huấn chuyển giao sử dụng cho thành phố Hà Tĩnh và các đơn vị liên quan Hệ thống giám sát mực nước tại các cống bằng các cảm biến siêu âm; điều khiển đóng/mở trực tiếp tại hiện trường qua tụ điều khiển và tự động qua hệ thống web theo mức mong muốn cho hai cống thoát nước (cống Đập Hầu và cống Sông Cụt) của TP. Hà Tĩnh.

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –008/ KQNC

83270.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS để xây dựng CSDL thổ nhưỡng, tài nguyên đất xây dựng phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững, Ứng dụng thí điểm tại tỉnh Thừa Thiên Huế**/ PGS. TS. Nguyễn Quang Tuấn, TS. Bùi Thị Thu; PGS. TS. Hà Văn Hành; PGS. TS. Đỗ Quang Thiên; TS. Trần Hữu Tuyên; TS. Đỗ Thị Việt Hương; ThS. Trương Đình Trọng; ThS. Nguyễn Vũ Giang; ThS. Lê Duy Sử; TS. Trần Thanh Nhàn - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế, 2021; 11/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu thổ nhưỡng, tài nguyên đất xây dựng phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nghiên cứu xây dựng phương pháp và quy trình ứng dụng viễn thám và GIS để xây dựng thổ nhưỡng, tài nguyên đất xây dựng phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng được cơ sở khoa

học ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu thổ nhưỡng và tài nguyên đất xây dựng phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tiến hành thí điểm ứng dụng viễn thám và GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu thổ nhưỡng, tài nguyên đất xây dựng phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại tỉnh Thừa Thiên Huế và ứng dụng viễn thám và GIS trong quy hoạch phát triển nông lâm nghiệp và tổ chức không gian tổ chức lãnh thổ đô thị công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số hồ sơ lưu: 20009

83632.10-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị phát hiện, phòng chống xâm nhập mạng máy tính phục vụ phát triển Chính phủ điện tử**/ PGS.TS. Hà Quang Thuy, PGS.TS. Nguyễn Hải Châu; PGS.TS. Trần Quang Đức; PGS.TS. Nguyễn Linh Giang; TS. Ngô Lam Trung; TS. Trần Hải Anh; ThS. Bùi Trọng Tùng; PGS.TS. Nguyễn Trí Thành; ThS. Vũ Bá Duy; TS. Hoàng Xuân Tùng; PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn; TS. Dư Phương Hạnh; ThS. Phạm Hải Đăng; TS. Trần Mạnh Thắng; ThS. Phùng Văn Trọng; ThS. Hoàng Mạnh Cường; ThS. Trần Tiềm; ThS. Lê Thuỳ Dung; ThS. Nguyễn Đức Thuận; TS. Nguyễn Ngọc Thanh; TS. Đào Tuấn Hùng; TS. Lê Xuân Đức; TS. Phạm Thị Huyền; TS. Nguyễn Trọng Hải - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2022; 07/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng về hệ thống phát hiện và phòng chống xâm nhập. Xây dựng giải pháp tổng thể phát hiện và chống xâm nhập trong các hệ thống thông tin tại các cơ quan nhà nước. Thiết kế, chế tạo, tích hợp thiết bị NetIPS từ những thành phần phần cứng cơ bản, chú trọng áp dụng thêm những mô hình tính toán hiệu năng cao dựa trên những thiết bị xử lý đồ hoạ GPU (Graphic Processing Unit) và những card mạng hiệu năng cao. Xây dựng hệ thống phát hiện, phòng chống xâm nhập máy chủ HostIPS và xây dựng hệ thống IPS Manager quản lý toàn bộ các NetIPS và HostIPS. Triển khai thử nghiệm toàn bộ giải pháp phát hiện và phòng chống xâm nhập: NetIPS, HostIPS và IPS Manager.

Số hồ sơ lưu: 20154

84043.10-2022 **Nghiên cứu, xây dựng phần mềm giám sát, cảnh báo, hỗ trợ công tác phòng, chống tấn công trên mạng cục bộ, đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**/ ThS Nguyễn Thanh Lâm, CN. Lê Đăng Trung; ThS. Dương Văn Tuấn; CN. Nguyễn Mạnh Hoàng; ThS. Chu Bá Dũng; CN. Phan Văn Giáp; CN. Nguyễn Thị Vân - Hà Tĩnh - Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2021; 05/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các dạng tấn công mạng, xây dựng bộ dữ liệu các dấu hiệu
phát hiện tấn công; bộ dữ liệu các hoạt động dị thường trên hệ thống từ đó đề
xuất các phương án xử lý tấn công

mạng của các cơ quan, đơn vị. -Xây dựng hệ thống biểu mẫu phục vụ cho công tác giám sát; xây dựng các
phương án, quy trình ứng phó sự cố. Xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác quản lý, xử lý số liệu, thống kê, tổng hợp, truy tìm dấu vết tấn công, dự đoán sớm các cuộc tấn công mạng để có phương án xử lý giảm thiểu lộ lọt thông tin, tránh mất mát dữ liệu, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và hỗ trợ công tác an ninh mạng trên địa bàn. Xây dựng bộ tài liệu đào tạo, hướng dẫn cán bộ chuyên trách CNTT về kỹ năng phối hợp ứng phó sự cố tấn công mạng.

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –012/ KQNC

84167.10-2022 **Phát hiện bất thường sử dụng mạng nơ-ron học sâu**/ PGS.TS. Nguyễn Quang Uy, TS. Cao Văn Lợi; TS. Vũ Thị Ly; ThS. Nguyễn Hoàng Quân; TS. Chu Thị Hường - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất một số phương pháp mới để xử lý vấn đề mất cân bằng dữ liệu trong phát hiện bất thường dựa trên các kỹ thuật sinh các mẫu dữ liệu bất thường nhân tạo. Đề xuất các mô hình mới cho học biểu diễn ẩn dựa trên mạng AutoEncoder và áp dụng các mô hình đó trong giải bài toán phát hiện dữ liệu bất thường. Nâng cao độ chính xác của bài toán phát hiện bất thường dựa trên phương pháp học cộng đồng. Ứng dụng các phương pháp được đề xuất trong giải quyết các bài toán thực tế bao gồm bài toán phát hiện tấn công mạng và bài toán phân tích quan điểm người dùng. Phát triển các kỹ thuật ngữ nghĩa trong lập trình di truyền và ứng dụng các kỹ thuật đó trong phát hiện bất thường.

Số hồ sơ lưu: 20158

10202. Khoa học thông tin

83307.10-2022 **Xây dựng cơ sở dữ liệu multimedia phục vụ hoạt động ứng dụng – chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**/ CN. Nguyễn Thị Hạnh, ThS. Trần Văn Thắng; ThS. Nguyễn Bá Trung; KS. Nguyễn Thị Tâm; CN. Chu Thị Mai Hương; CN. Cao Thị Phượng; CN. Đàm Thị Tuyết; TS. Nguyễn Thị Yến - Thanh Hóa - Trung tâm Thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa, 2019; 11/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát thực trạng việc tạo lập, lưu trữ, quản lý, ứng dụng, chuyển giao kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu trên địa bàn tỉnh. Xây dựng bộ công cụ để sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia. Xây dựng 07 quy trình kỹ thuật để sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2015-2018. Tổ chức tiếp nhận, chuyển giao công nghệ sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia.

Số hồ sơ lưu: THA-036-2021

83606.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất cơ chế vận hành và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giá đất**

thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai/ TS. Bùi Thị Cẩm Ngọc, ThS. Nguyễn Trọng Trường Sơn; ThS. Đỗ Như Hiệp; TS. Phạm Thị Hồng Nhung; KS. Nguyễn Tiến Cường; KS. Đào Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Hồi; ThS. Chu Thanh Ngọc; KS. Nguyễn Minh Tuân; ThS. Nguyễn Thị Lý - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng công tác xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác CSDL giá đất; Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng CSDL giá đất; Đề xuất cơ chế vận hành cơ sở dữ liệu giá đất tại Việt Nam. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế khai thác CSDL giá đất. Xây dựng modun cập nhật thông tin dữ liệu giá đất trên nền tảng QGIS, với modun cập nhật thông tin dữ liệu giá đất có đầy đủ các chức năng cập nhật các loại giá đất như: bảng giá đất, giá đất chuyển nhượng, giá đất cụ thể, giá đất đấu giá,… Xây dựng hệ thống thông tin trên nền tảng công nghệ WebGIS mã nguồn mở hỗ trợ khai thác CSDL giá đất với khả năng tương tác giữa người dân và chính quyền nhằm thu hút sự tham gia của cộng đồng trong triển khai và thực hiện khai thác CSDL giá đất. Hệ thống cho phép hiển thị và tra cứu dữ liệu giá đất cùng một số dữ liệu có liên quan; các bên tham gia (cơ quan quản lý đất đai, người sử dụng đất, chính quyền địa phương) có thể cung cấp thông tin hoặc thể hiện ý kiến trong hệ thống về giá đất cho từng đối tượng cụ thể; các số liệu thống kê, tổng hợp có thể được chiết xuất để giúp các cơ quan chức năng nắm bắt thông tin và sự thay đổi thông tin giá đất.

Số hồ sơ lưu: 20201

10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác

83278.10-2022 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về cơ chế, chính sách, thông tin quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trong phát triển kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình. Cấp nhiệm vụ: Cấp tỉnh**/ ThS. Lê Hoàng, Lê Hoàng; Bùi Đình Chiến; Nguyễn Trần Quang; Nguyễn Tấn Khôi; Hoàng Trung Tâm; Nguyễn Văn Hiếu - Trung tâm Tin học - Công Báo - Trung tâm Tin học - Công báo, 2021; 03/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổ chức nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về cơ chế, chính sách, thông tin quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực trong phát triển kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình. Hướng tới kết nối, tích hợp, chia sẽ thông tin với các cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý điều hành và sử dụng chung, tạo nền tảng cơ bản vững chắc về hạ tầng, nhân lực, quy trình, cơ sở dữ liệu (CSDL) cho các hoạt động hành chính theo hướng số hoá và tạo tiền đề phát triển cho các năm sau; Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về cơ chế, chính sách, thông tin quy hoạch, kế hoạch phát triển của các

ngành, lĩnh vực phục vụ cho các ngành, các địa phương và người dân có thể khai thác tiện lợi, dễ dàng trong việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện quy hoạch có hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 19/2021-QLKHCN

83520.10-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chấm điểm Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nam Định./** Trần Thị Thúy Hiền, Trần Thị Thúy Hiền; Nguyễn Quốc Hoàn; Nguyễn Vũ Giang; Đỗ Thị Minh Giang; Phạm Văn Phúc; Nguyễn Thị Thanh Hương - Nam Định - Sở Nội vụ, 2021; 08/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mua sắm phần mềm xác định chỉ số cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Nam Định; mua sắm một số trang thiết bị phục vụ việc nhập liệu và đào tạo, tập huấn chuyển giao phần mềm; nhập liệu dữ liệu chấm điểm CCHC 5 năm (2016, 2017, 2018, 2019, 2020); đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm.

Số hồ sơ lưu: 01

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

83582.10-2022 **Nghiên cứu sự tập hợp của các hạt colloid dị thể, dị hướng tạo thành cấu trúc cluster và cấu trúc tinh thể: mô phỏng và thực nghiệm/** PGS.TS. Phạm Văn Hải, TS. Trần Phan Thuỳ Linh; PGS.TS. Nguyễn Minh Thuỷ; TS. Đường Khánh Linh; TS. Dương Quốc Văn - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2022; 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định những cấu trúc cluster mới bằng phương pháp mô phỏng kết hợp so sánh với thực nghiệm. Giải thích tính đối xứng hình học của những cluster đó bằng các công cụ toán học thích hợp. Nghiên cứu pha tinh thể colloid mới ổn định về mặt nhiệt động, có cấu trúc đối xứng mạng kim cương, hoặc các pha tinh thể khác có độ rộng vùng cấm photonic ba chiều trong vùng ánh sáng nhìn thấy.

Số hồ sơ lưu: 20156

10302. Vật lý các chất cô đặc

83555.10-2022 **Ảnh hưởng của áp suất đến chuyển pha cấu trúc và sự không đồng nhất động học trong hệ ôxít thủy tinh nhiều thành phần/** TS. Nguyễn Thị Thanh Hà, TS. Nguyễn Thị Trang; TS. Trần Thùy Dương; ThS. Hoàng Việt Hưng - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thủy tinh ôxit nhiều thành phần trên cơ sở SiO_2, GeO_2, B_2O_3, Al_2O_3, P_2O_5, CaO, Na_2O_3, Li_2O… có kích thước từ 5000 đến 35000 nguyên tử. Khoảng áp suất khảo sát từ 0-200 GPa, nhiệt độ từ 300-5000K, nồng độ ôxit kim loại pha thêm thay đổi. Khảo sát đặc trưng cấu trúc trong khoảng áp suất 0-200 GPa như trật tự gần, trật tự khoảng trung và môi trường địa phương của các loại ion. Khảo sát các tính chất động học, các tính chất chuyển động, cơ chế khuếch tán của

ion trong mạng, hiệu ứng "alkali effect", sự không đồng nhất không gian của động học. Xác định nguyên nhân của hiện tượng nguyên tử chuyển động nhanh, chậm. Khảo sát ảnh hưởng của chuyển pha cấu trúc, thành phần cấu trúc đến các tính chất cơ-lý-hóa của hệ.

Số hồ sơ lưu: 20157

10307. Âm học

83231.10-2022 **Nghiên cứu phát triển biến tử áp điện dùng để chế tạo các thiết bị siêu âm - thủy âm**/ PGS. TS. Võ Thanh Tùng, PGS. TS. Nguyễn Mạnh Sơn; TS. Trương Văn Chương; PGS. TS. Phan Đình Giớ; TS. Nguyễn Trường Thọ; TS. Lê Quang Tiến Dũng; TS. Lê Quý Thông; TS. Lê Trần Uyên Tú; ThS. Lê Ngọc Minh - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn tình hình phát triển vật liệu áp điện và các ứng dụng. Xây dựng thành công qui trình công nghệ chế tạo các loại vật liệu áp điện cứng và mềm trên cơ sở PZT và vật liệu áp điện không chì. Chế tạo các biến tử áp điện đáp ứng các yêu cầu ứng dụng cho thiết bị siêu âm dùng trong xử lý nước, nuôi trồng thủy sản. Đồng thời, xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh về vật lý, công nghệ chế tạo và ứng dụng vật liệu áp điện, góp phần phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 19995

10403. Hoá lý

83609.10-2022 **Nghiên cứu cấu trúc và tính chất điện tử của các phân tử hợp chất dị vòng hấp phụ trên bề mặt kim loại sử dụng lý thuyết phiếm hàm mật độ**/ TS. Phạm Lê Minh Thông, TS. Hồ Viết Thắng; TS. Võ Thành Công; ThS. Nguyễn Thị Thái An; ThS. Lê Anh Thi - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tính toán cấu trúc hình học và cấu trúc điện tử của phân tử CH3OH bị hấp phụ trên bề mặt kim loại Pt(111) và Ir(111) sử dụng phương pháp DFT có và không có hiệu chỉnh tương tác van der Waals. Kết quả của các tính toán DFT được so sánh với số liệu thực nghiệm, làm cơ sở cho việc lựa chọn hàm trao đổi tương quan DFT có hiệu chỉnh tương tác van der Waals. Sử dụng phương pháp DFT để tính toán cấu trúc hình học và cấu trúc điện tử của các phân tử hợp chất dị vòng 5 cạnh: thiophene, furan và pyrrole hấp phụ trên bề mặt của kim loại Fe(110).

Số hồ sơ lưu: 20185

10501. Địa chất học

83523.10-2022 **Điều tra đánh giá hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng trong đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Nam Định (vùng gần làng nghề, cơ sở y tế và khu công nghiệp) đề xuất một số giải pháp cải tạo và sử dụng hợp lý đất bị ô nhiễm**/ Vương Hồng Nhật, TS. Nguyễn Văn Hồng; PGS.TS. Lưu Thế Anh; PGS.TS. Lại Vĩnh Cẩm; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; TS.

Dương Thị Lịm; ThS Nguyễn Đức Thành; ThS Nguyễn Ngọc Thắng - Hà Nội - Viện Địa lý - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam., 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra,đánh giá tình hình hoạt động và nguồn thải gây ô nhiễm kim loại nặng từ các làng nghề ,cơ sở y tế và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định; Điều tra,phân tích , đánh giá thực trạng ô nhiễm kim loại nặng (Cu, Pd,Cd, Cr, Hg,As, Zn, Ni....) trong đất sản xuất nông nghiệp vùng gần làng nghề,cơ sở y tế và khu công nghiệp tỉnh Nam Định; Nghiên cứu đề xuất một số biện pháp cải tạo và sử dụng hợp lý đất sản xuất nông nghiệp bị ô nhiễm kim loại nặng tỉnh Nam Định; Xây dựng CSDL GIS và WEBGis về thực trạng ô nhiễm kim loại nặng trong đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Nam Định

Số hồ sơ lưu: 04

10509. Các khoa học môi trường

83107.10-2022 **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên đất**/ ThS. Dương Xuân Hiện, ThS. Đào Thị Thanh Lam; ThS. Lương Thị Diệu Linh; ThS. Trần Thị Hòa; ThS. Trịnh Minh Tùng; TS. Phạm Thị Phin; TS. Lê Thị Giang; ThS. Phạm Như Hách; ThS. Lã Bình Minh; ThS. Nguyễn Đức Thuận - Hà Nội - Viện nghiên cứu quản lý đất đai, 2020; 07/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về đánh giá tiềm năng đất đai, sử dụng bền vững tài nguyên đất, lựa chọn và đề xuất bộ tiêu chí đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên đất. Nghiên cứu, xây dựng quy trình ứng dụng công nghệ GIS và phương pháp MCA để đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên đất. Đồng thời xây dựng mô hình trong đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên đất và xây dựng phần mềm trong đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên đất. Tiến hành thử nghiệm và hoàn thiện mô hình ứng dụng công nghệ GIS và MCA trong đánh giá tiềm năng đất đai phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên đất.

Số hồ sơ lưu: 19959

83145.10-2022 **Nghiên cứu đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường cửa sông đồng bằng sông Hồng, Việt Nam**/ ThS. Cù Thị Trâm, ThS. Phạm Thị Dinh; TS. Phạm Văn Thanh; TS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Đoàn Thị Hạ; TS. Đào Mạnh Tiến; TS. Nguyễn Thế Tưởng; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương - Hà Nội - Hội Địa hóa Việt Nam, 2021; 03/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng và dự báo mức độ ô nhiễm môi trường nước và trầm tích các vùng cửa sông lớn đồng bằng sông Hồng. Điều tra, khảo sát thực địa bổ sung thông qua các phiếu khảo sát phỏng vấn sâu các thông tin cần thiết phục vụ nghiên cứu tại một số địa phương có

cửa sông ở Đồng bằng sông Hồng. Xử lý số liệu, tổng hợp tài liệu thu thập được cũng như từ thực địa bổ sung của chính các tác giả nhằm xây dựng bộ sản phẩm giao nộp. Xây dựng các bản đồ và chuyên đề về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường và dự báo ô nhiễm môi trường các cửa sông đồng bằng sông Hồng. Qua đó đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường phục vụ phát triển kinh tế bền vững các cửa sông đồng bằng sông Hồng.

Số hồ sơ lưu: 19973

83147.10-2022 **Những yếu tố nào ảnh hưởng đến ô nhiễm không khí? Bằng chứng thực nghiệm mới từ dữ liệu toàn cầu**/ TS. Lê Thái Hà, TS. Nguyễn Phúc Cảnh; ThS. Ngô Hà Quyên; ThS. Nguyễn Thu Quỳnh; ThS. Đặng Huyền Trang - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển Mekong, 2021; 05/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phân tích tác động của đô thị hóa, thu nhập, công nghiệp hóa và công nghệ đến ô nhiễm không khí cho mẫu nghiên cứu toàn cầu, đồng thời xem xét tác động phi tuyến của thu nhập lên các mối quan hệ trên. Tiến hành nghiên cứu xem xét liệu tác động của các yếu tố lên ô nhiễm không khí có khác biệt theo các chỉ số ô nhiễm không khí hay không cũng như nghiên cứu xem xét liệu tác động của các yếu tố lên ô nhiễm không khí có khác biệt theo nhóm quốc gia với mức thu nhập khác nhau hay không. Để từ đó, đề xuất các hàm ý chính sách cho toàn cầu, khu vực và cả ở cấp độ quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 19965

83204.10-2022 **Nghiên cứu đa dạng cảnh quan và lượng giá cảnh quan phục vụ định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên tại vùng núi phía Bắc: nghiên cứu mẫu tại huyện Bắc Hà (tỉnh Lào Cai) và huyện Văn Chấn (tỉnh Yên Bái)**/ PGS. TS. Nguyễn An Thịnh, TS. Hoàng Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; TS. Tống Thị Mỹ Thi; ThS. Hứa Thanh Hoa; ThS. Tạ Văn Hạnh; TS. Nguyễn Thanh Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021; 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng luận cứ khoa học cho phân tích đa dạng cảnh quan và lượng giá cảnh quan tại khu vực miền núi, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ đầu vào cho phân tích đa dạng cảnh quan và lượng giá cảnh quan. Tiến hành phân tích, đánh giá cảnh quan, dự tính sự phát triển cảnh quan trong tương lai và tìm hiểu về lượng giá các cảnh quan có giá trị nổi bật. Từ đó, đề xuất các giải pháp quản lý cảnh quan và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Số hồ sơ lưu: 19983

83429.10-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ Ion hoá nước dùng cho sản xuất nông nghiệp tại Trung tâm Ứng dụng KH& CN tỉnh Bắc Giang**/ KS. Nguyễn Thị Huyền, ThS. Triệu Ngọc Trung; ThS. Nguyễn Thị Thảo; KS. Đỗ Nguyên Hạnh; CN. Trần Thị Phượng - Bắc Giang - Trung tâm Ứng dụng KH&CN Bắc

Giang, 2021; 07/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ứng dụng công nghệ Ion hoá nước dùng cho sản xuất nông nghiệp tại Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Bắc Giang là công nghệ nước qua hệ thống từ trường tĩnh giúp ion hóa nguồn nước, có khả năng chuyển đổi cấu trúc phân tử của nước thành các cụm nhỏ hơn. Nước qua hệ thống này giúp làm tơi mới nguồn nước, tăng sức căng bề mặt nước. Kết quả thiết bị tạo nước Ion nông nghiệp nhằm đáp ứng công nghệ vật lý từ trường xử lý nước ngầm nhiễm phèn đồng thời thay đổi tính chất vật lý của nước giúp cây trồng hấp thu dinh dưỡng chất trong đất và phân bón tốt hơn, tránh dư lượng phân bón trong đất quá cao dẫn đến bạc màu và chay đất.Thiết bị này có thể được xem là giải pháp hữu ích, kinh tế và hiệu quả trong việ rửa mặn cho đất, làm giảm lượng muối tích lũy trong vùng dễ, cải thiện sự sinh trưởng của cây trồng trên đất mặn.

Số hồ sơ lưu: NVCS99/2021

83635.10-2022 **Nghiên cứu xác định nguyên nhân sạt lở bờ sông và đề xuất công nghệ cảnh báo, dự báo mức độ sạt lở bờ sông tại một số khu vực sạt lở trọng điểm ở Đồng bằng sông Cửu Long**/ TS. Nguyễn Anh Đức, PGS.TS. TS. Cấn Thu Văn; ThS. Ngô Chí Tuấn; ThS. Lưu Văn Ninh; ThS. Trịnh Minh Ngọc; TS. Nguyễn Quang Hưng; ThS. Nguyễn Đức Hạnh; TS. Lê Vũ Việt Phong; PGS.TS. Đỗ Minh Đức; ThS. Lương Thị Phương Thảo; PGS.TS. Nguyễn Thanh Sơn - Hà Nội - Viện Khoa học tài nguyên nước, 2022; 07/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về cơ chế, nguyên nhân, phương pháp nghiên cứu sạt lở và xây dựng quy trình công nghệ dự báo, cảnh báo sạt lở. Thu thập, khảo sát, tổng hợp, cập nhật, điều tra, và phân tích các tài liệu liên quan đến các nội dung nghiên cứu của đề tài như: điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, khí tượng thủy văn, thủy triều, bùn cát, sạt lở bờ. Đánh giá hiện trạng sạt lở bờ sông, phân tích cơ chế, nguyên nhân, và các yếu tố gây sạt lở bờ sông trên khu vực nghiên cứu. Xác định nguyên nhân chủ yếu và chỉ rõ các yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình sạt lở bờ sông khu vực này. Xây dựng phương pháp luận về tính toán nguy cơ sạt lở bờ sông và công nghệ dự báo, cảnh báo sạt lở bờ sông Cửu Long ở các vị trí nghiên cứu. Phân tích, đề xuất công nghệ dự báo, cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông trong khu vực nghiên cứu và tại các điểm sạt lở nghiêm trọng. Trên cơ sở mô phỏng chế độ bùn cát, sự mất cân bằng bùn cát ở các đoạn sông nghiên cứu ứng với các dữ liệu tác động để đề xuất cơ sở đánh giá nguy cơ sạt lở bờ ở 3 khu vực nghiên cứu điển hình. Xây dựng bộ bản đồ nguy cơ sạt lở bờ sông tại 3 khu vực nghiên cứu điển hình về sạt lở bờ sông.

Số hồ sơ lưu: 20182

10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển

83543.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo tổ hợp sóng biển cho khu vực Biển Đông và**

ven bờ Việt Nam phục vụ phòng chống thiên tai/ PGS.TS. Nguyễn Bá Thủy, ThS. Bùi Mạnh Hà; TS. Trần Quang Tiến; TS. Đỗ Đình Chiến; TS. Dư Đức Tiến; ThS. Trần Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Mạnh Dũng; ThS. Nguyễn Khắc Hưng; CN. Phạm Khánh Ngọc; ThS. Lê Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Thị Hải Yến; CN. Nguyễn Phương Anh; ThS. Nguyễn Mạnh Linh; ThS. Hoàng Phú Cường; CN. Trần Sơn Tùng - Hà Nội - Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia - Tổng cục Khí tượng Thủy văn, 2022; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về phương pháp và công nghệ dự báo tổ hợp các yếu tố khí tượng và hải văn. Xây dựng lưới tính bao gồm lưới tính Biển Đông (dự kiến 4 phút) và lưới lồng chi tiết (dự kiến 1 phút) cho các khu vực ven bờ biển (Đông Bắc, Đồng Bằng, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ), vùng biển quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Lựa chọn và thiết lập mô hình dự báo sóng cho các khu vực. Lựa chọn mô hình gió thành phần, đánh giá chất lượng các trường đầu vào và thiết lập trường gió dự báo cho các mô hình dự báo sóng. Hiệu chỉnh và kiểm nghiệm kết quả dự báo tổ hợp của các mô hình sóng với số liệu sóng quan trắc và tái phân tích.Đánh giá kết quả dự báo tổ hợp sóng, đề xuất lựa chọn mô hình dự báo sóng và số thành phần gió tham gia dự báo tổ hợp. Xây dựng các chương trình hỗ trợ dự báo tác nghiệp và bộ công cụ hiển thị, phân tích kết quả dự báo tổ hợp sóng biển. Thử nghiệm hệ thống dự báo tổ hợp sóng biển trong nghiệp vụ, dự kiến từ quý 3 năm 2020.

Số hồ sơ lưu: 20161

83670.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng công cụ cảnh báo dông và định lượng mưa cho các khu vực ở Việt Nam trên cơ sở sử dụng số liệu ra đa thời tiết, định vị sét, ảnh mây vệ tinh Himawari và mưa bề mặt.**/ ThS. Phùng Kiến Quốc, ThS. Bùi Thị Hồng Trang; ThS. Nguyễn Quang Vinh; Cử nhân. Đỗ Thị Tâm Khánh; TS. Nguyễn Thị Hoàng Anh; ThS. Đào Thị Loan; ThS. Vũ Văn Sáng; ThS. Nguyễn Mạnh Linh; ThS. Nguyễn Vinh Thư; ThS. Nguyễn Đức Phương - Hà Nội - Đài Khí tượng cao không, 2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các bộ chỉ tiêu cảnh báo dông, hệ số hiệu chỉnh mưa ra đa trên cơ sở sử dụng số liệu ra đa thời tiết, số liệu định vị sét, vệ tinh Himawari và số liệu mưa bề mặt. Xây dựng công cụ tích hợp và trình diễn các sản phẩm phân tích và cảnh báo định lượng mưa, dông thời hạn từ 0-3h trên cơ sở số liệu ra đa thời tiết, số liệu định vị sét, vệ tinh Himawari và số liệu mưa bề mặt.

Số hồ sơ lưu: 20202

10511. Khí hậu học

83870.10-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và đề xuất các giải pháp thích ứng**/ TS. Lê Ngọc Tuấn, GS TS. Nguyễn Kỳ Phùng, ThS. Trần Tuấn Hoàng, ThS. Nguyễn Văn Bằng, CN. Đoàn

Thanh Huy, ThS. Nguyễn Văn Tín, ThS. Trần Xuân Hoàng, TS. Trần Thị Mai Phương, TS. Dương Thị Thúy Nga - Viện Khí tượng Thủy văn Hải văn và Môi trường - Viện Khí tượng Thủy văn Hải văn và Môi trường, 2020; 02/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan vấn đề và khu vực nghiên cứu. Đánh giá tình hình biến đổi khí hậu (BĐKH) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Mô phỏng kịch bản biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh. Đánh giá tác động của BĐKH đến tỉnh Tây Ninh. Đánh giá tính dễ bị tổn thương do BĐKH tỉnh Tây Ninh. Đề xuất các giải pháp ứng phó BĐKH tỉnh Tây Ninh. Xây dựng tập bản đồ BĐKH tỉnh Tây Ninh.

Số hồ sơ lưu: K01/2021

10513. Thuỷ văn; Tài nguyên nước

83687.10-2022 **Đề tài Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức dùng nước quản lý công trình thủy lợi tỉnh Bắc Kạn**/ PGS. TS. Trần Chí Trung, PGS.TS. Trần Chí Trung; ThS. Đặng Minh Tuyến; ThS. Nguyễn Danh Minh; ThS. Nguyễn Xuân Thịnh; KS.Võ Kim Dung; ThS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Đào Thị Hà Thanh; ThS. Trần Việt Dũng; KS. Lê Thị Phương Nhung; KS. Phạm Văn Hiệp. - Trung tâm Tư vấn quản lý thủy nông có sự tham gia của người dân (Trung tâm tư vấn PIM). - Trung tâm Tư vấn quản lý thủy nông có sự tham gia của người dân (Trung tâm tư vấn PIM)., 2017; 02/2014 - 07/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý thủy nông ở tỉnh Bắc Kạn và Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả các tổ chức dùng nước quản lý công trình thủy lợi. Đánh giá thực trạng hoạt động của các tổ chức quản lý thủy nông ở tỉnh Bắc Kạn; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả các tổ chức dùng nước quản lý công trình thủy lợi. Xây dựng nội dung, quy trình thành lập, củng cố các TCDN quản lý các công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Xây dựng dự thảo quy định, hướng dẫn của tỉnh về tổ chức và hoạt động của tổ chức dùng nước quản lý công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Kết quả xây dựng mô hình điểm tổ chức dùng nước quản lý công trình thuỷ lợi; Bài học kinh nghiệm từ các các mô điểm TCDN và kiến nghị các giải pháp phát triển mô hình TCDN trênđịa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Số hồ sơ lưu: 07/Quyển số 01-STD-QLCN

10602. Tế bào học, mô - phôi học

83181.10-2022 **Nghiên cứu đánh giá sự thay đổi trong cấu trúc bộ khung tế bào cơ thể sống trong điều kiện mô phỏng trạng thái vi trọng lực (simulated microgravity)**/ TS. Lê Thành Long, TS. Đoàn Chính Chung; GS. TS. Hoàng Nghĩa Sơn; TS. Nguyễn Hoàng Dũng; TS. Hồ Nguyễn Quỳnh Chi; PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Thảo; TS. Bùi Đình Thạch; ThS. Diệp Trung Cang; ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Lê Quỳnh

Loan; ThS. Lê Phúc Chiến; TS. Trần Trọng Tuấn; ThS. Nguyễn Lê Huy Thịnh; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Trần Thị Linh Giang - Hà Nội - Viện sinh học Nhiệt đới, 2021; 05/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống mô phỏng trạng thái vi trong lực 3D clinostat. Đồng thời ứng dụng hệ thống này trong việc đánh giá ảnh hưởng của điều kiện vi trọng lực mô phỏng lên tăng sinh, cấu trúc bộ khung tế bào gốc trung mô, tế bào gan, tế bào da. Đặc biệt, nghiên cứu đã đánh giá ảnh hưởng của điều kiện vi trọng lực lên một số thay đổi cấu trúc bộ khung xương tế bào cơ thể sống trên cơ sở sử dụng hệ thống mô phỏng vật lý trạng thái vi trọng lực.

Số hồ sơ lưu: 19977

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh

83604.10-2022 **Nghiên cứu cơ chế tác động của các chất ô nhiễm hữu cơ bền vững lên các sinh vật thông qua thụ thể tế bào Constitutive Androstane Receptor bằng phương pháp biosensor dựa trên nguyên lý cộng hưởng plasmon bề mặt/** TS. Phạm Thị Dậu, TS. Lê Hữu Tuyến; PGS.TS. Nguyễn Lai Thành; PGS.TS. Lê Thu Hà; TS. Phạm Thị Thu Hường; GS.TS. Hisato Iwata; TS. Bùi Thị Hoa; ThS. Hoàng Thị Trang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022; 05/2016 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển phương pháp biosensor để sàng lọc các phân tử nhỏ (ligand) có tiềm năng gắn với receptor (thụ thể CAR) trên hệ thống SPR trong điều kiện phòng thí nghiệm tại Việt Nam. Sàng lọc và xây dựng cơ sở dữ liệu về các hợp chất hữu cơ (ligand) có khả năng gắn với thụ thể CAR để cung cấp thông tin về cơ chế tác động của chúng tới các sinh vật.

Số hồ sơ lưu: 20187

10615. Đa dạng sinh học

83192.10-2022 **Khảo sát, điều tra và xây dựng kế hoạch bảo tồn nguồn gen tỉnh Long An./** GS.TS. Nguyễn Văn Phước, TS. Nguyễn Thanh Hùng; ThS. Đào Phú Quốc; TS. Nguyễn Hải Âu; CN. Tạ Phương Khê; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Hằng; PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Phượng; TS. Phạm Thị Thu Hằng - Long An - Viện Môi trường và Tài nguyên - ĐH quốc gia Tp HCM, 2019; 01/2015 - 10/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thống kê, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học và nguồn gen của các loài sinh vật đặc hữu của tỉnh Long An, thực trạng khai thác sử dụng và quản lý, bảo tồn nguồn gen trên địa bàn tỉnh Long An. Qua đó, đề xuất các giải pháp bảo tồn, sử dụng hợp lý và nâng cao giá trị tiềm năng nguồn gen của tỉnh Long An. Đồng thời tiến hành xây dựng kế hoạch bảo tồn, sử dụng hợp lý và nâng cao giá trị tiềm năng nguồn gen của tỉnh Long An.

Số hồ sơ lưu: LAN-004-2021

10616. Công nghệ sinh học

82713.10-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam đến năm 2030/** TS. Trần Quốc Trọng, ThS. Phạm Thị Kiều Oanh; ThS. Nguyễn Thị Thiên Phương; PGS. TS. Phí Quyết Tiến; TS. Vũ Thị Hạnh Nguyên; TS. La Trần Bắc; PGS. TS. Nghiêm Ngọc Minh; CN. Nguyễn Việt Thắng; TS. Nguyễn Đăng Tôn; ThS. Nguyễn Văn Tình; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Văn phòng Tổng cục Môi trường (Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế), 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được thực trạng và tiềm lực của ngành công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp sinh học lĩnh vực môi trường đến năm 2030. Đề tài đề xuất được các giải pháp về cơ chế, chính sách; khoa học, công nghệ; cơ chế thúc đẩy phát triển các cơ sở nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, phát triển doanh nghiệp, thị trọờng, và sản phẩm mũi nhọn, lộ trình phát triển theo các giai đoạn 2021-2025; 2025-2030. Đã xây dựng dự thảo Đề án phát triển Công nghiệp sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo từng giai đoạn để trình các cấp có thẩm quyền ban hành.

Số hồ sơ lưu: 19853

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

78914.10-2022 **Ứng dụng khoa học và công nghệ xử lý bã thải của quá trình sản xuất miến dong tại huyện Bình Liêu/** ThS. Đào Thị Hương, - CN. Lương Thị Việt Phương - ThS. Nguyễn Hoài Nam - ThS. Đào Thị Nguyệt Tân - ThS. Lê Thị Thu Hương - Quảng Ninh - Trung tâm ứng dụng và Thông tin KHCN, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công 01 quy trình công nghệ sản xuất giá thể hữu cơ từ bã thải của quá trình sản xuất miến dong tại huyện Bình Liêu. Xây dựng thành công mô hình sản xuất 400 tấn giá thể hữu cơ tập trung từ 1.000 tấn bã thải của quá trình sản xuất miến dong tại huyện Bình Liêu. Đánh giá chất lượng giá thể hữu cơ thông qua các chỉ tiêu kỹ thuật: C/N, Hàm lượng chất hữu cơ, Độ ẩm, pH, As, Cd, Pb, Hg, *E. Coli*, *Salmonella*. Đào tạo và chuyển giao các quy trình kỹ thuật cho 05 cán bộ kỹ thuật và 15 công nhân lao động

Số hồ sơ lưu: 204/GCN-UDTK

82809.10-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống quy trình công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch một số sản phẩm rau quả chủ lực của tỉnh Vĩnh Phúc/** Phạm Anh Tuấn, PGS.TS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Tạ Phương Thảo; ThS. Nguyễn Mạnh Hiếu; KS. Vũ Ngọc Dũng; ThS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Nguyễn Tiến Khương; ThS. Trần Thị Thu Hoài; ThS. Bùi Mỹ Trang; ThS. Lê Xuân Hảo; ThS. Hoàng Văn Mạnh - Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2018;

06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát thực trạng và đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sơ chế bảo quản, chế biến một số rau quả chủ lực của tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu công nghệ, tính toán thiết kế, tư vấn kỹ thuật một số hạng mục thiết bị, hoàn thiện và chuyển giao công nghệ sơ chế bảo quản quả ớt tươi bao gói khí điều biến (MAP) phục vụ xuất khẩu. Nghiên cứu công nghệ, tính toán thiết kế, tư vấn kỹ thuật một số hạng mục thiết bị, hoàn thiện và chuyển giao kỹ thuật sấy ớt gia vị xuất khẩu, bằng công nghệ sấy bơm nhiệt kết hợp hồng ngoại (HPD-IR). Nghiên cứu công nghệ, tính toán thiết kế, tư vấn kỹ thuật một số hạng mục thiết bị chế biến ngô ngọt lạnh đông xuất khẩu, bằng công nghệ cấp đông IQF. Nghiên cứu tính toán thiết kế, tư vấn kỹ thuật một số hạng mục thiết bị chế biến snack (chối, ngô ngọt) bằng công ghệ chiên chân không liên tục và chế biến bột giàu dinh dưỡng từ quả bí đỏ, quy mô công nghiệp. Nghiên cứu hoàn thiện và chuyển giao công nghệ chế biến snack (chuối, ngô ngọt).

Số hồ sơ lưu: 55.2020

82885.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống Honeywall phục vụ công tác bảo vệ website các đơn vị hành chính, sự nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ**/ ThS. Nguyễn Văn Kha, TS. Lê Quyết Thắng; TS. Trương Minh Nhật Quang; TS. Lê Văn Lâm; TS. Nguyễn Thanh Hải; ThS. Phạm Hữu Tài; KS. Lê Hồng Anh; ThS. Nguyễn Như Tuấn; KS. Nguyễn Thị Bích Trà; CN. Đỗ Trần Nguyệt Khánh - Cần Thơ - Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Cần Thơ, 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thử nghiệm thành công kiến trúc Honeynet thu thập dữ liệu về các cuộc tấn công mạng thực tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Chuẩn hóa được bộ dữ liệu HNET20 có 29 đặc trưng với 200.000 Mẫu tin (Sample) của 11 kiểu tấn công mạng tổng quát; Xây dựng thành công Hệ thống phát hiện và cảnh báo tấn công mạng Adaptive Cybersecurity (AC) hiệu quả trong giám sát an ninh mạng trực tuyến, có hiệu suất cao hơn Snort trong phát hiện các kiểu tấn công nguy hiểm; Thử nghiệm các hình thức tấn công mạng khác nhau để khai thác 10 rủi ro bảo mật Website được OWASP khuyến nghị. Với chu kỳ một cuộc tấn công của tội phạm mạng bao gồm bảy giai đoạn: trinh sát, chế tạo vũ khí, phân phối, khai thác, cài đặt, điều khiển và kiểm soát, hành động trên mục tiêu. Nếu chúng ta chủ động làm gián đoạn bất kỳ một hành động nào trong chu kỳ tấn công của tội phạm mạng nhờ cảnh báo sớm từ Hệ thống phát hiện và cảnh báo tấn công mạng (AC) thì một cuộc tấn công mạng tiềm năng có thể được ngăn chặn.

Số hồ sơ lưu: CTO-2021-14

83684.10-2022 **Phân tích, đánh giá chất lượng nước phục vụ xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Quảng Bình**/ ThS. Phan Thanh

Nghiệm, . Phan Thanh Nghiệm; Nguyễn Thị Ái Trinh; Giang Tấn Thông; Trần Mai Giang; Lê Thị Lệ Thúy; Đoàn Hoàng Đạt; Lê Trần Phương Thảo - Trung tâm Kỹ Thuật Đo lường Thử Nghiệm - Trung tâm Kỹ thuật - Đo lường - Thử nghiệm Quảng Bình, 2021; 07/2021 - 01/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, đánh giá chất lượng nguồn nước và nước sạch sau xử lý tại các cơ sở cung cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Bình làm cơ sở cho việc xây dựng quy chuẩn địa phương về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Số hồ sơ lưu: 20/2021-QLKHCN

20102. Kỹ thuật xây dựng

83146.10-2022 **Nghiên cứu ứng xử uốn của dầm cải tiến dùng bê tông thường kết hợp với bê tông tính năng cao nhằm nâng cao sức chịu tải và độ bền của kết cấu với giá thành tốt**/ TS. Nguyễn Duy Liêm, TS. Trần Tuấn Kiệt; TS. Nguyễn Mạnh Tuấn; TS. Lê Trung Kiên; ThS. Vương Thị Ngọc Hân - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ CHí Minh, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thí nghiệm để xác định một số ứng xử về vật liệu bê tông tính năng cao liên quan đến đề tài thực hiện. Nghiên cứu, thiết lập mô hình, công thức tính toán sức chịu tải của dầm cải tiến và mô phỏng dầm cải tiến. Tiến hành thí nghiệm dầm cải tiến và so sánh, kiểm tra đối chứng, đánh giá kết quả.

Số hồ sơ lưu: 19966

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

83587.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo và thử nghiệm thiết bị sửa chữa đường bê tông asphalt bằng phương pháp gia nhiệt**/ TS. Lê Hồng Chương, TS. Ngô Thanh Long; ThS. Hoàng Triệu Long; PGS.TS. Nguyễn Việt Phương; ThS. Phạm Đình Sùng; ThS. Nguyễn Duy Thái; ThS. Nguyễn Quốc Dũng; ThS. Tống Đức Năng; ThS. Đỗ Văn Nhất - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phương pháp sửa chữa mặt đường bê tông nhựa bằng phương pháp HIR trong điều kiện Việt Nam. Chế tạo thiết bị gia nhiệt phục vụ HIR. Thử nghiệm trong phòng thí nghiệm ở điều kiện không tải và điều kiện có tải. Thử nghiệm thiết bị ngoài hiện trường và đề xuất quy trình hướng dẫn sử dụng thiết bị HIR.

Số hồ sơ lưu: 20146

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi

83139.10-2022 **Xây dựng quy định quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và các công trình thủy lợi**/ TS. Nguyễn Thị Kim Dung, ThS. Đào Kim Lưu; ThS. Phạm Đình Kiên; TS. Nguyễn Xuân Lâm; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; ThS. Trần Thị Nhung; ThS. Lê Thị Văn Anh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; ThS. Trần Hưng; ThS. Trần Thị Mai Lan - Hà Nội - Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tình hình thu gom, quản lý và sử dụng bùn nạo vét từ kênh mương và công trình thủy lợi. Tiến hành điều tra đánh giá hiện trạng nguồn, trữ lượng, chất lượng và các giải pháp quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và các công trình thủy lợi. Từ đó, đề xuất các biện pháp quản lý cũng như xây dựng các quy định quản lý một cách hợp lý.

Số hồ sơ lưu: 19970

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

83549.10-2022 **Nghiên cứu tích hợp cơ chế điều chỉnh phụ tải (demand response) trong vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh tại Việt Nam**/ ThS. Lê Anh Đức, KS. Đỗ Hồng Thanh; ThS. Đỗ Hùng Mạnh; KS. Nguyễn Hồng Minh; ThS. Vũ Ngọc Dương; KS. Phan Thị Thu Thủy; ThS. Mai Sơn Tùng; KS. Nguyễn Minh Đức; KS. Nguyễn Văn Thiêm; ThS. Nguyễn Hoài Nam; KS. Hoàng Trí Lân; CN. Phan Đỗ Thu Ngân; KS. Lê Văn Dũng; ThS. Đỗ Thị Kiều Trang; KS. Nguyễn Kim Hưng; KS. Bùi Thế Dũng; KS. Hồ Đức Linh; TS. Nguyễn Trọng Tiến; CN. Nguyễn Thu Huyền; ThS. Cao Hoàng Việt - Hà Nội - Cục Điều tiết điện lực, 2022; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hiện trạng thị trường điện và chương trình điều chỉnh phụ tải tại Việt Nam. Kinh nghiệm quốc tế về việc tích hợp cơ chế điều chỉnh phụ tải vào thị trường bán buôn điện. Đề xuất cơ chế tích hợp điều chỉnh phụ tải trong thị trường bán buôn điện cạnh tranh Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20147

83598.10-2022 **Linh kiện quang tử SOI trên cơ sở kết hợp buồng cộng hưởng và kênh dẫn sóng dạng khe hẹp trong tinh thể quang tử 2D ứng dụng cho cảm biến chất lỏng độ nhạy cao**/ TS. Hoàng Thị Hồng Cẩm, PGS.TS. Phạm Văn Hội; TS. Nguyễn Thuý Vân; ThS. Phạm Thanh Bình; ThS. Phạm Văn Đại - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mục tiêu nghiên cứu cơ bản về linh kiện quang tích hợp phẳng trên cơ sở kết hợp buồng cộng hưởng tinh thể quang tử dạng khe hẹp và tinh thể quang tử dẫn sóng ứng dụng để phát hiện những sự thay đổi nhỏ của môi trường, bằng việc khảo sát sự ảnh hưởng của các tham số cấu trúc của hệ. Đe tài là sự kết hợp giữa tính toán, mô phỏng và chế tạo thực nghiệm. Sản phẩm chính là 2 bài báo khoa học quốc tế trong Danh mục tạp chí quốc tế uy tín do Quỹ ban hành; đề tài còn hướng tới là các sản phẩm về công bố khoa học trong nước (1 công bố trên tạp chí trong nước, 2 công bố tại hội nghị, hội thảo quốc gia, quốc te có phản biện nhằm giới thiệu về đề tài và mở rộng, tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế), hỗ trợ đào tạo nhân lực trong chuyên ngành quang tử và hợp tác quốc tế...

Số hồ sơ lưu: 20197

20202. Người máy và điều khiển tự động

83545.10-2022 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo mô hình thực nghiệm**

bộ điều khiển phân tán thông minh phỏng sinh học cho hệ thống cơ khí phi holonom tự hành có ràng buộc ngõ vào/ PGS.TS. Nguyễn Tấn Lũy, TS. Trần Hữu Toàn - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế chế tạo các mô hình hệ phi holonom quan sát được thông tin lẫn nhau. Đề xuất mới luật điều khiển thông minh đồng bộ hóa hệ phi holonom trong trường hợp tri thức của chuyên gia bị giới hạn. Thiết kế bộ điều khiển tối ưu phỏng sinh học áp dụng cho cơ cấu chấp hành công suất lớn bị ràng buộc ngõ vào. Mô phỏng và thực nghiệm trên cho hệ phi holonom và cơ cấu chấp hành có ngõ vào ràng buộc để kiểm chứng tính hiệu quả của thuật toán điều khiển đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 20145

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

82228.10-2022 **Nhân rộng mô hình áp dụng tích hợp hệ thống quản lý, kết hợp với công cụ cải tiến năng suất chất lượng phù hợp với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực phía Nam.**/ ThS. Nguyễn Đào Duy Tài, CN. Bùi Đức Duy, CN. Nguyễn Văn Lý; CN. Trần Gia Tuấn; CN. Bùi Đức Vinh; CN. Nguyễn Việt Trung; CN. Huỳnh Phạm Thanh Thủy; CN. Nguyễn Minh Khang; CN. Phạm Minh Chi; CN. Lê Minh Khôi; ThS. Nguyễn Thị Kim Loan; CN. Võ THị Bích Liên - Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Chuyển giao Tri thức Chí tân, 2021; 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng 40 mô hình điểm áp dụng thành công Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015 với 01 Hệ thống quản lý phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp như ISO 22000/ HACCP, ISO 14001:2015, ISO 45000.... kết hợp với công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ các các tỉnh phía Nam (từ Đà Nẵng trở vào); Thúc đẩy nhân rộng áp dụng thông qua các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về kết quả và chia sẻ hiệu quả áp dụng tại doanh nghiệp,

Số hồ sơ lưu: 19667

83275.10-2022 **Nghiên cứu, phát triển hệ thống giám sát chất lượng môi trường không khí bằng công nghệ Lidar mặt đất và viễn thám, ứng dụng thử nghiệm tại thành phố Hà Nội và thành phố Đà Nẵng**/ TS. Lê Thanh Sơn, TS. Dương Thị Hạnh; TS. Nguyễn Trần Điện; ThS. Đinh Ngọc Đạt; ThS. Vũ Lê Minh; ThS. Trịnh Đức Anh; CN. Nguyễn Trần Dũng; ThS. Nguyễn Minh Ngọc; ThS. Mai Thị Hồng Nguyên; CN. Trần Quang Toàn - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2021; 11/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về ô nhiễm môi trường không khí và khả năng ứng dụng viễn thám, Lidar trong nghiên cứu ô nhiễm môi trường không khí.

Đánh giá thực trạng ô nhiễm môi trường không khí ở đô thị Hà Nội và Đà Nẵng. Thu thập thông tin độ dầy quang học sol khí (AOD) bằng thiết bị Lidar mặt đất, từ đó chiết tách giá trị độ dầy quang học bằng tư liệu viễn thám có độ phân giải thời gian cao (MODIS/NPP-VIIRS). Đồng thời, thu thập dữ liệu quan trắc môi trường tại các trạm và xây dựng thuật toán cho các thông số ô nhiễm không khí tại 2 thành phố Hà Nội và Đà Nẵng dựa vào dữ liệu đầu vào. Qua đó, phát triển hệ thống thông tin giám sát chất lượng không khí gần thời gian thực dựa trên nền tảng hệ thông tin địa lý mã nguồn mở qua đó đề xuất các giải pháp nhằm giám sát chất lượng môi trường không khí và giảm thiểu ô nhiễm không khí cho hai thành phố Hà Nội và Đà Nẵng.

Số hồ sơ lưu: 20007

83547.10-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống cân động để kiểm tra tải trọng xe cơ giới phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo**/ TS. Dương Quang Khánh, ThS. Ngô Thị Thu Tình; ThS. Phạm Đức Anh; ThS. Vương Thị Hương; ThS. Nguyễn Công Nam; ThS. Hoàng Thế Phương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Hoàng Thị Thúy; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Thái Sơn - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2022; 01/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các hệ thống cân tải trọng xe cơ giới trên đường bộ, các tiêu chuẩn đo lường áp dụng, các quy định quản lý xe cơ giới tại Việt Nam. Nghiên cứu sơ đồ cấu trúc, lưu đồ thuật toán, từ đó thiết kế và chế tạo hệ thống cân động WIM. Trình bày quy trình thi công, lắp đặt, thử nghiệm, đánh giá độ chính xác của hệ thống cân động WIM. Xây dựng hệ thống bài giảng cân động tổng hợp các kết quả nghiên cứu được phục vụ cho công tác đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 20148

83600.10-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các cảm biến để xây dựng hệ thống thiết bị đo nồng độ khí thải và điều khiển quá trình đốt cháy nhiên liệu**/ TS. Hồ Trường Giang, ThS. Giang Hồng Thái; ThS. Phạm Quang Ngân; Nguyễn Phúc Hải; TS. Nguyễn Trọng Thành; TS. Đỗ Thị Anh Thư; KS. Lê Ngọc Thành Vinh; TS. Vũ Thị Thái Hà; ThS. Đoàn Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Khải; TS. Nguyễn Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Phạm Đình Tuân; KS. Nguyễn Ngọc Linh - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 06/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo cảm biến khí dựa trên nguyên lý điện hóa. Xây dựng hệ quang học cho thử nghiệm thiết kế các cấu hình cảm biến khí dựa trên nguyên lý hấp thụ hồng ngoại. Chế tạo các thiết bị đo và thiết bị truyền, thu, quản lý tín hiệu từ các thiết bị đầu đo về hệ thống phân tích khí. Xây dựng hệ trộn và tạo nồng độ khí chuẩn cho nghiên cứu đặc trưng nhạy khí của các cảm biến khí tại phòng thí nghiệm. Xây dựng hệ các tham số môi trường như nhiệt độ, áp suất, độ ẩm và khí chuẩn cho nghiên cứu thử nghiệm hoạt động các thiết bị đo khí. Xây dựng hệ thiết bị lấy

mẫu khí nhiệt độ cao. Xây dựng cơ sở hạ tầng cho lắp đặt các thiết bị trong hệ phân tích khí tại nhà máy. Xây dựng và vận hành điều khiển tối ưu quá trình đốt cháy than trong sản xuất xi măng với sự trợ giúp phân tích khí.

Số hồ sơ lưu: 20173

83610.10-2022 **Nghiên cứu, đánh giá công nghệ phát hiện chiếm quyền điều khiển các thiết bị IoT trên thế giới và đề xuất khả năng chuyển giao vào Việt Nam**/ PGS.TS. Trần Nguyên Ngọc, TS. Trần Cao Trưởng; TS. Nguyễn Việt Hùng; TS. Cao Văn Lợi; TS. Phan Thị Hải Hồng; TS. Nguyễn Quốc Khánh; TS. Hoàng Tuấn Hảo; TS. Phan Việt Anh; ThS. Nguyễn Hữu Nội; ThS. Vũ Đình Phái; TS. Khuất Văn Thành; ThS. Vi Bảo Ngọc; TS. Phạm Thị Huyền; TS. Lê Xuân Đức; TS. Nguyễn Trọng Hải; ThS. Hoàng Thế Triều - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2022; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích tổng thể công nghệ phát hiện chiếm quyền điều khiển các thiết bị IoT. Phân tích và đánh giá tập các dữ liệu thực tế được dùng trong phát hiện chiếm quyền điều khiển các thiết bị IoT. Phân tích các giải thuật được dùng để phát hiện chiếm quyền điều khiển thiết bị IoT. Thống kê các thiết bị IoT đang được ứng dụng tại Việt Nam hiện nay và một số giải pháp an toàn IoT trên thế giới. Phân tích các tiêu chí an toàn cho hệ thống phát hiện chiếm quyền điều khiển các thiết bị IoT và đề xuất bộ tiêu chí an toàn và phương án chuyển giao công nghệ cho hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 20189

20205. Viễn thông

83546.10-2022 **Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về khung pháp lý đấu thầu hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông di động (4G, 5G) cho vùng sâu, vùng xa và đề xuất cho Việt Nam**/ ThS. Trần Duy Hiếu, TS. Bùi Xuân Chung; TS. Trần Thị Anh Thư; TS. Đỗ Mạnh Thái; ThS. Phạm Nam Sơn; ThS. Bùi Thị Minh Thùy; ThS. Lê Thanh Hòa; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thúy; CN. Ngô Văn Tuấn; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Đinh Thị Tuyết Nhung; CN. Nguyễn Thị Linh Chi - Hà Nội - Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, 2022; 02/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông di động băng rộng tại vùng sâu vùng xa của Việt Nam. Thực trạng chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông băng thông rộng/hạ tầng số tại một số nước trên thế giới. Một số giải pháp thực hiện khung pháp lý đấu thầu, giao nhiệm vụ hỗ trợ phát triển hạ tầng viễn thông di động (4G, 5G) tại vùng công ích/vùng sâu vùng xa của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20144

20304. Chế tạo máy động lực

83108.10-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng các quy định kỹ thuật đối với động cơ diesel 01 xi lanh**/ ThS. Hoàng Minh Đức, GS.TS. Lê Anh Tuấn; ThS. Trần Đức Hòa; ThS. Lại Minh Dũng; ThS. Lê Trí Hùng; ThS. Đinh

Minh Huy; ThS. Lê Việt Hùng; ThS. Nguyễn Tuấn Thành; ThS. Lê Văn Bình - Hà Nội - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, 2020; 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tiêu chuẩn động cơ diezen 1 xy lanh,công suất nhỏ (dưới 37kW), dùng cho máy động lực và máy nông nghiệp: thông số cơ bản và yêu cầu kỹ thuật. Đồng thời, nghiên cứu và đưa ra phương pháp thử nghiệm đặc tính động cơ diezen cỡ nhỏ dùng cho máy nông nghiệp. Từ đó, đề xuất các yêu cầu kỹ thuật và biện pháp quản lý với động cơ diezen 01 xy lanh (Tiêu chuẩn giới hạn và phương pháp đo khí thải đối với động cơ diezen cỡ nhỏ không dùng trong giao thông đường bộ) và đưa ra lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải động cơ diezen cỡ nhỏ không tham gia giao thông đường bộ.

Số hồ sơ lưu: 19957

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

83144.10-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy gieo sạ lúa kết hợp bón phân theo hàng với sự trợ giúp của khí nén**/ TS. Nguyễn Thanh Hải, TS. Nguyễn Thị Hiên; PGS. TS. Lê Minh Lư; PGS. TS. Trần Như Khuyên; PGS. TS. Trần Văn Quang; TS. Nguyễn Xuân Thiết; TS. Lê Vũ Quân; TS. Ngô Thị Hiền; ThS. Hoàng Xuân Anh; ThS. Đỗ Thị Huệ - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan thực trạng sản xuất và tình hình áp dụng cơ giới hóa trong canh tác lúa ở trong và ngoài nước. Xây dựng yêu cầu nông học khâu gieo sạ trong quy trình canh tác lúa ứng dụng máy gieo sạ kết hợp bón phân theo hàng và nghiên cứu thiết kế tổng thể máy gieo sạ lúa kết hợp bón phân theo hàng với sự trợ giúp của khí nén, tính toán, thiết kế chi tiết các bộ phận chính trong máy gieo sạ lúa kết hợp bón phân theo hàng với sự trợ giúp của khí nén. Đồng thời, nghiên cứu tính toán và thiết kế hệ thống điều khiển tự động khâu gieo và bón phân. Chế tạo và hoàn thiện các bộ phận chính trong máy gieo sạ lúa kết hợp bón phân theo hàng với sự trợ giúp của khí nén. Tiến hành lắp ráp, vận hành và hiệu chỉnh tổng thể máy gieo sạ lúa kết hợp bón phân theo hàng. Khảo nghiệm tính năng kỹ thuật và đánh giá hiệu quả hoạt động của máy gieo sạ lúa kết hợp bón phân theo hàng trên đồng ruộng. Hoàn thiện quy trình canh tác lúa sử dụng máy gieo sạ kết hợp bón phân theo hàng với sự trợ giúp của khí nén.

Số hồ sơ lưu: 19964

83182.10-2022 **Nghiên cứu công nghệ, thiết kế và chế tạo thiết bị chế biến các sản phẩm từ quả hồi đạt chất lượng xuất khẩu**/ ThS. Đặng Ngọc Khải, TS. Trần văn Tưởng; PGS. TS. Dương Văn Tài; PGS. TS. Vũ Khắc Bẩy; TS. Hoàng Sơn; TS. Nguyễn Văn Xá; TS. Đỗ Xuân Trường; TS. Nghiêm Xuân Sơn; PGS. TS. Trần Như Khuyên; ThS. Nguyễn Văn Sáng; KS. Dương

Văn Giỏi; KS. Lê Mạnh Tuấn; ThS. Đặng Thị Tố Loan; ThS. Bùi Văn Trung; KTV. Nguyễn Hoàng Minh Đức - Hà Nội - Công ty cổ phần thiết bị chuyên dùng Việt Nam, 2021; 11/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ và thiết bị sấy quả hồi, chưng cất, tinh chế tinh dầu hồi, nghiên cứu công nghệ và thiết bị thu hái quả hồi làm nguyên liệu cho chế biến các sản phẩm hồi, xây dựng qui trình công nghệ sấy quả hồi khô tiết kiệm năng lượng. Xây dựng qui trình công nghệ chưng cất tinh dầu hồi sử dụng hơi quá nhiệt và xây dựng qui trình công nghệ tinh chế tinh dầu hồi. Từ đó thiết kế, chế tạo hệ thống sấy quả hồi tiết kiệm năng lượng và thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị chưng cất và tinh chế tinh dầu hồi. Đồng thời, nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống xử lý nước thải, bã thải sau chế biến các sản phẩm hồi và khảo nghiệm hệ thống thiết bị chế biến các sản phẩm hồ.

Số hồ sơ lưu: 19976

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

83109.10-2022 **Nghiên cứu, áp dụng các phương pháp công nghệ thu hồi vàng bằng vi sinh và hóa học cho các quặng sulfide - Au, quặng thiếc chứa Au, quặng thiếc - wolfram chứa Au và quặng antimon chứa Au nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường trong khai thác khoáng sản ở Tây Nguyên**/ TS. Phạm Ngọc Cẩn, PGS.TS. Trần Tuấn Anh; PGS.TS. Phí Quyết Tiến; TS. Ngô Thị Phượng; PGS.TSKH. Trần Trọng Hòa; TS. Vũ Thị Hạnh Nguyên; TS. Phạm Thị Dung; TS. Bùi n Niên; ThS. Đặng Thị Thùy Dương; TS. Dương Tuấn Hưng; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Mai Thị Phương Thảo; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn; TS. Lê Việt Dũng; TS. Nguyễn Thị Minh; KS. Lê Hồng Sơn; CN. Bùi Thị Liên; ThS. Trần Quốc Công; ThS. Phạm Thị Phương Liên; ThS. Lê Việt Hà - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc tính công nghệ của các kiểu quặng, xây dựng quy trình nghiền và tuyển quặng phù hợp cho quá trình tiền xử lý quặng bằng công nghệ vi sinh. Phân lập, tuyển chọn các chủng vi khuẩn phù hợp cho hòa tách các kiểu quặng. Tiến hành xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị nhân giống vi khuẩn đáp ứng yêu cầu hòa tách các loại quặng và hòa tan vàng quy mô pilot và xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị hòa tách quặng sử dụng công nghệ vi sinh. Nghiên cứu xác định các thông số công nghệ thu hồi vàng bằng hóa học ở quy mô phòng thí nghiệm cho các loại quặng sau xử lý vi sinh. Đồng thời, nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ và thu hồi vàng bằng hóa học ở quy mô pilot các loại quặng đã qua xử lý vi sinh và định hướng công nghệ xử lý thải của quá trình thu hồi vàng bằng hóa học.

Số hồ sơ lưu: 19960

83148.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật kiểm tra không**

phá hủy nhằm phát hiện ăn mòn dưới lớp bảo ôn cho một số đối tượng đường ống đặc trưng sử dụng trong một số nhà máy lọc dầu tại Việt Nam./ ThS. Nguyễn Thế Mẫn, ThS. Nguyễn Xuân Thao; CN. Nguyễn Văn Duy; ThS. Phạm Vũ Dũng; KS. Vũ Đức Vinh; KS. Vũ Tiến Hà; KS. Nguyễn Đức Huyền; CN. Lê Đức Thịnh; KS. Hoàng Hiếu; KS. Phạm Thanh Tùng; ThS. Lương Thị Hồng; CN. Phùng Thị Thu Nga; KS. Đào Đình Đăng; KS. Đỗ Đăng Thành - Hà Nội - Trung tâm Đánh giá không phá hủy, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về các phương pháp kiểm tra đánh giá phát hiện ăn mòn dưới lớp cách nhiệt, các yếu tố tác động tới ăn mòn dưới lớp cách nhiệt. Khảo sát thực tế, đánh giá hiện trạng xác định nhu cầu áp dụng các kỹ thuật kiểm tra không phá hủy nhằm đánh giá ăn mòn dưới lớp cách nhiệt trong ngành dầu khí tại Việt Nam. Xây dựng 4 quy trình kiểm tra tương ứng với 4 phương pháp kiểm tra ăn mòn áp dụng trong kiểm tra một số đối tượng có bọc cách nhiệt trong dầu khí. Từ đó, thiết kế, chế tạo các mẫu kiểm tra, hệ thiết bị tạo môi trường có điều kiện ăn mòn trong công nghiệp thử nghiệp các mẫu ống. Thực hiện ứng dụng 4 kỹ thuật kiểm tra không phá hủy nhằm phát hiện ăn mòn dưới lớp cách nhiệt trên các mẫu đã chế tạo và đánh giá kết quả trong phòng thí nghiệm và áp dụng kết quả thực nghiệm tại một đơn vị dầu khí.

Số hồ sơ lưu: 19971

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

83601.10-2022 **Nghiên cứu về ADS sử dụng nhiên liệu thorium để chuyển hóa các nguyên tố có chất phóng xạ cao: Thiết kế công suất nhỏ nhằm giảm sự dao động độ phản ứng và tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu**/ TS. Vũ Thanh Mai, TS. Phạm Như Việt Hà; TS. Nguyễn Thị Dung; TS. Vi Hồ Phong; ThS. Bùi Thị Hoa - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia hà Nội, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các thông số của lõi lò ADS bao gồm kích thước viên nhiên liệu, lưới thanh nhiên liệu, chiều cao lõi lò, số bó thanh nhiên liệu và thành phần trong nhiên liệu của lò phản ứng sử dụng chương trình MCNP6. Sử dụng chương trình MONTEBURNS để đánh giá khả năng chuyển hóa TRU và sự dao động độ phản ứng của lò ADS. Khảo sát việc giảm tối đa sự dao động, độ phản ứng do cháy nhiên liệu với các kích thước đường kính viên nhiên liệu và chiều cao lò phản ứng khác nhau sử dụng MCNP6 và MONTEBURNS. Đánh giá các thông số quan trọng của lò phản ứng trong quá trình hoạt động bao gồm sự dao động phản ứng, hệ số đỉnh năng lượng, các hệ số độ phản ứng để khảo sát các đặc tính an toàn của hệ ADS. Tối ưu hóa tốc độ chuyển hóa TRU và hiệu suất sử dụng nhiên liệu thorium qua việc khảo sát các thành phần nhiên liệu khác nhau. Đánh giá ảnh của của số liệu hạt

nhân đến keff và các hệ số độ phản ứng của ADS.

Số hồ sơ lưu: 20184

20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác

83233.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo hệ thống bia tự động báo kết quả bắn đạn thật sử dụng nhiều lần bằng súng bộ binh**/ Trịnh Văn Xa, Phù Phước Huy Dương Xuân Trà; Huỳnh Huy Cường; Trần Việt Dũng; Nguyễn Trúc Quyên; Dương Khánh Hoàng; Trần Phương Chiến; Đặng Hoàng Tuấn; Tạ Duy Bình - Long An - Viện Công nghệ Thông tin, 2019; 03/2016 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng trang thiết bị hiện có phục vụ công tác kiểm tra bắn đạn thật. Đánh giá khả năng ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, các kết quả nghiên cứu liên quan đến chế tạo thiết bị phục vụ cho công tác kiểm tra bắn đạn thật, các thiết bị đã được chế tạo phục vụ kiểm tra bắn đạn thật. Xây dựng chức năng, tính năng và chỉ tiêu kỹ thuật hệ thống và đề xuất các giải pháp thiết kế chế tạo hệ thống. Đề xuất sơ đồ hệ thống, chức năng các bộ phận. Chế tạo bia sử dụng nhiều lần và thiết kế phần cứng của hệ thống.

Số hồ sơ lưu: LAN-011-2021

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

83232.10-2022 **Nghiên cứu thăm dò điều chế bột TiO2 từ tinh quặng ilmenite theo phương pháp thăng hoa**/ TS. Lưu Xuân Đĩnh, ThS. Nguyễn Đình Việt; TS. Bùi Công Trình; ThS. Trần Hoàng Mai; PGS. TS. Lê Bá Thuận; KTV. Ngô Quang Hiển - Hà Nội - Viện công nghệ xạ hiếm, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan phương pháp nung phân hủy quặng quặng ilmenite bằng NH4F.HF, nghiên cứu các điều kiện nung phân hủy cũng như là quá trình thăng hoa của TiF4. Đối với quá trình nung phân hủy thì điều kiện tối ưu cho quá trình là; tỷ lệ phản ứng tinh quặng ilmenite/NH4F.HF theo khối lượng: 1/2.5, nhiệt độ 180˚C thời gian phản ứng 2 giờ. Quá trình thăng hoa là nhiệt độ 600ºC trong 2 giờ. Hiệu suất của quá trình phân hủy tinh quặng ilmenite và thăng hoa TiF4 đạt khoảng 94%. Sản phẩm thu được cuối cùng là TiO2 dạng bột, có thành phần pha tinh thể rutil, độ sạch sản phẩm đạt 99,31%. Sản phẩm thu được có tiềm năng ứng dụng trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 20001

83304.10-2022 **Nghiên cứu, sản xuất phân bón NPK mới có chứa chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, B) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**/ KS. Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Thị Thu Hà; Lê Văn Thủy; Phạm Thị Thủy; Lê Thị Thu; Nhữ Văn Thiện; Lê Đình Thuận; Lê Đức Thọ; Cao Thị Hòa; Lê Thị Phượng - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Thiên Nông Thanh Hóa, 2020; - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu quy trình sản xuất phân bón NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc. Sản xuất 15 tấn phân bón NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) chuyên dùng cho lúa, ngô, mía, sắn, lạc (01 loại cho lúa, 01 loại cho ngô; 01 loại cho mía; 01 loại cho sắn; 01 loại cho lạc), tăng năng suất sắn, mía ≥10%; ngô, lúa, lạc ≥8% so với các loại phân bón NPK đang dùng phổ biến hiện nay và được đơn vị do Bộ NN&PTNT chỉ định đánh giá đạt chất lượng theo quy định. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật bón phân NPK mới có chứa các chất dinh dưỡng trung, vi lượng (Ca, Mg, S, Mo, Bo) cho từng loại cây trồng. Xây dựng 5 mô hình trồng lúa, ngô, mía, sắn, lạc sử dụng phân bón mới quy mô 1ha/ loại cây trồng.

Số hồ sơ lưu: THA-033-2021

20403. Kỹ thuật hoá dược

83565.10-2022 **Tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng ung thư của các dẫn xuất tubulysin**/ TS. Trần Tuấn Anh, TS. Trần Văn Chiến; PGS.TS. Trần Văn Lộc; TS. Trần Thị Phương Thảo; TS. Lê Văn Hải; ThS. Nguyễn Thế Anh; CN. Lê Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Tuấn Thành - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2022; 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp toàn phần các dẫn xuất amino acid của N-methylpipecolic acid, Tubuvaline và Tubuphenylalanine sử dụng các phương pháp tổng hợp hiện đại, từ các tác nhân dễ kiếm tại Việt Nam. Gắn kết các amino acid tổng hợp được để tạo thành các sản phẩm tetrapeptid khác nhau. Tách chiết và tinh chế các sản phẩm trung gian và các tetrapeptid bằng sắc ký cột trên các chất hấp phụ khác nhau. Xác định cấu trúc của các sản phẩm trung gian và các tetrapeptid bằng các phương pháp phổ IR, MS và NMR (1D-, 2D-). Đánh giá hoạt tính kháng ung thư của các dẫn xuất tubulysin (tetrapeptid) tổng hợp được trên các dòng tế bào ung thư khác nhau (ung thư vú, phổi, máu, gan, ruột kết và cổ tử cung).

Số hồ sơ lưu: 20176

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

83579.10-2022 **Nghiên cứu phát triển vật liệu đa năng trên cơ sở Fe3O4/Cu gắn trên cacbon xốp giàu cacboxylat dùng để xử lý đồng thời phẩm màu nhuộm và kim loại nặng trong nước thải**/ TS. Lê Văn Thuận, TS. Nguyễn Quang Vĩnh; TS. Đoàn Văn Đạt; ThS. Trần Thị Kiều Ngân; ThS. Lê Thị Thanh Nhi; ThS. Đào Mỹ Uyển; TS. Nguyễn Hoài Thương - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển phương pháp đơn giản (một bước) để tổng hợp vật liệu đa năng trên cơ sở nano Fe3O4/Cu gắn trên cacbon xốp giàu cacboxylat. Xác định điều kiện tối ưu để tạo ra vật liệu Fe3O4/Cu-CRC có khả năng loại bỏ các chất ô nhiễm cao nhất và có độ bền cao trong môi trường xử lý. Nghiên cứu cơ chế hấp phụ và cơ

chế xúc tác của vật liệu Fe3O4/Cu-CRC đối với kim loại nặng và phẩm màu nhuộm. Thiết lập các thông số tối ưu cho quá trình xử lý các chất ô nhiễm bằng vật liệu Fe3O4/Cu-CRC.

Số hồ sơ lưu: 20186

20507. Vật liệu xây dựng

82461.10-2022 **Nghiên cứu sản xuất các cấu kiện bê tông hạt nhỏ đúc sẵn có độ bền cao từ nguyên liệu tro bay Vũng Áng và cát mịn trên địa bàn Hà Tĩnh**/ PGS. TS. Nguyễn Thanh Sang, TS. Thái Minh Quân - thư ký; PGS.TS. Lê Thanh Hà; ThS. Nguyễn Duy Mạnh; ThS. Trương Văn Quyết; ThS. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Tấn Khoa; ThS. Phạm Đình Huy Hoàng; ThS. Hoàng Tiến Văn - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2021; 09/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đã chế tạo được thành phần của Bê tông hạt nhỏ để chế tạo các cấu kiện từ tro bay Vũng Áng và cát mịn Hà Tĩnh có cường độ chịu nén từ 40MPa, có độ chống thấm Ion Clo ở mức thấp ≤2000 Culong; Đánh giá được độ bền lâu của cấu kiện Bê tông hạt nhỏ trên cơ sở các sản phẩm thử nghiệm hiện trường. Sản xuất thành công một số cấu kiện bê tông đúc sẵn có độ bền cao từ phế liệu tro bay Vũng Áng và cát mịn sẵn có ở địa phương; làm cơ sở khoa học để phát triển sản xuất các cấu kiện đúc sẵn phục vụ xây dựng các công trình trên địa bàn Hà Tĩnh cũng như vùng Bắc Trung Bộ, góp phần trực tiếp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh.

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –004/ KQNC

20508. Vật liệu điện tử

83566.10-2022 **Tính chất truyền dẫn quang-từ của các vật liệu hai chiều tương tự graphene**/ PGS.TS. Huỳnh Vĩnh Phúc, TS. Nguyễn Đình Hiên; PGS.TS. Lương Văn Tùng; PGS.TS. Lê Đình; ThS. Đỗ Mười; ThS. Phạm Tuấn Vinh - Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các tính chất truyền dẫn quang-từ của một số vật liệu đơn lớp hai chiều có cấu trúc tương tự graphene khi có mặt tương tác electron-phonon. Từ đó, xác định ảnh hưởng của các đặc trưng tương tác electron-phonon, các tham số của vật liệu, nhiệt độ và từ trường ngoài lê hệ số hấp thụ và độ rộng vạch phổ. Nghiên cứu các tính chất hấp thụ quang-từ của một số vật liệu đơn lớp hai chiều có cấu trúc tương tự graphene khi không xét đến tương tác electron-phonon. Từ đó, xác định ảnh hưởng của các tham số của vật liệu, nhiệt độ và từ trường ngoài lê hệ số hấp thụ và độ thay đổi chiết suất. Nghiên cứu ảnh hưởng của các đặc trưng tương tác electron-phonon lên các tính chất truyền dẫn từ, bao gồm độ dẫn dọc và độ dẫn Hall, trong các vật liệu đơn lớp hai chiều có cấu trúc tương tự graphene.

Số hồ sơ lưu: 20141

83568.10-2022 **Cấu trúc, các tính chất điện tử và truyền dẫn của vật liệu hai chiều và các vật liệu xếp lớp van der Waals giữa chúng**/ TS. Nguyễn Văn Chương, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hiếu; PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu; ThS. Võ Thị Tuyết Vi; ThS. Lê Thị Phương Thảo; ThS. Lê Minh Đức - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2022; 09/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát cấu trúc, các tính chất điện tử và truyền dẫn của các vật liệu hai chiều như graphene, phosphorene, antimonene, silicene, tellurene, họ dichalcogenides kim loại chuyển tiếp RX2. Xác định ảnh hưởng của các điều kiện bên ngoài như điện trường và biến dạng lên các tính chất của các vật liệu 2D. Nghiên cứu quy luật thay đổi các đặc trưng cấu trúc và các tính chất điện tử và truyền dẫn của các cấu trúc xếp lớp vdW giữa các vật liệu hai chiều dưới tác động của các điều kiện ngoài như biến dạng, điện trường ngoài. Từ đó, đề xuất các phương pháp nhằm nâng cao khả năng ứng dụng của các vật liệu này trong chế tạo các linh kiện điện tử và quang điện tử hiệu năng cao như sử dụng biến dạng cơ học, điện trường ngoài.

Số hồ sơ lưu: 20149

20509. Vật liệu kim loại

82749.10-2022 **Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu đồng xốp có cấu trúc mao dẫn, ứng dụng làm ống tản nhiệt cho các thiết bị điện tử công suất lớn**/ TS.Trần Bảo Trung, PGS. TS. Đoàn Đình Phương; TS. Trần Quốc Tiến; TS. Tống Quang Công; ThS. Lê Danh Chung; ThS. Lương Văn Đương; ThS. Nguyễn Văn Luân; ThS. Đỗ Thị Nhung; KS. Phạm Đình Thu; PGS. TS. Nguyễn Văn Tích; TS. Trần Bá Hùng; TS. Hoàng Vũ Chung; ThS. Phạm Thị Hải Đăng; KS. Trần Trung Tưởng; TS. Nguyễn Trọng Thành; KS. Nguyễn Lương Ngọc; KTV. Nguyễn Quang Huân; CN. Nguyễn Mạnh Hiếu; CN. Vũ Hoàng; CN. Phạm Văn Trường - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2021; 06/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ chế tạo vật liệu đồng xốp có cấu trúc mao dẫn bằng phương pháp luyện kim bột, ứng dụng làm ống tản nhiệt cho các thiết bị điện tử công suất lớn xây dựng được dây chuyền thiết bị chế tạo ống nhiệt đường kính 8mm, 10mm và 12mm, chiều dài trung bình 500mm bằng vật liệu đồng xốp có cấu trúc mao dẫn, công suất 8000 ống/năm. Chế tạo, sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa một số hệ thống tản nhiệt cho thiết bị điện tử công suất từ 200W đến 500W

Số hồ sơ lưu: 19854

83556.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo cảm biến khí trên cơ sở màng mỏng ôxít kim loại biến tính bởi đảo xúc tác micro-nano**/ TS. Nguyễn Văn Toán, PGS.TS. Đặng Thị Thanh Lê; CN. Nguyễn Đức Hoàng; CN. Nguyễn Thị Bắc; TS. Matteo Tonezzer - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2022; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo và khảo sát tính chất nhạy khí H2, CH4, NH3, LPG, SO2 … của vật liệu màng mỏng ôxít kim loại SnO2 biến tính với một số loại vật liệu xúc tác ôxít kim loại.Chế tạo và khảo sát tính chất nhạy khí SO2, CH4, H2… của vật liệu màng mỏng ôxít kim loại WO3 biến tính với một số loại vật liệu xúc tác ôxít kim loại. Phát triển quy trình chế tạo cảm biến khí trên cơ sở màng mỏng SnO2, WO3 với đảo xúc tác phù hợp, đồng thời xác định các điều kiện làm việc tối ưu của mỗi loại cảm biến.

Số hồ sơ lưu: 20139

83559.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo bột huỳnh quang không đất hiếm trên cơ sở vật liệu ZnO, $ZnAl_2O_4$ pha tạp Cu và Mn ứng dụng trong chế tạo điốt phát quang ánh sáng trắng**/ TS. Đỗ Quang Trung, GS.TS. Phạm Thành Huy; TS. Tống Thị Hảo Tâm; ThS. Lê Thị Thu Hương; KS. Chu Đức Anh - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2022; 12/2017 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình tổng hợp bột ZnO pha tạp hoặc đồng pha tạp các ion kim loại chuyển tiếp Cu, Mn cho phát xạ dải rộng từ 400-800nm. Nghiên cứu quy trình tổng hợp vật liệu $ZnAl_2O_4$ pha tạp hoặc đồng pha tạp ion kim loại chuyển tiếp Cu, Mn cho phát xạ trong vùng bước sóng 600-850nm. Chế tạo thử nghiệm các LED trên cơ sở sử dụng các bột ZnO_4, $ZnAl_2O_4$ pha tạp hoặc đồng pha tạp kim loại chuyển tiếp Cu, Mn. Nghiên cứu tỷ lệ phối trộn hai loại bột huỳnh quang ZnO và $ZnAl_2O_4$ pha tạp hoặc đồng pha tạp Cu, Mn nhằm điều khiển phổ phát xạ của WLED.

Số hồ sơ lưu: 20165

20510. Gốm

83215.10-2022 **Nghiên cứu công nghệ, chế tạo gốm quang học đa tinh thể hạt mịn KO-12 trong suốt bức xạ hồng ngoại trên cơ sở bột nano MgF2 ứng dụng cho hệ quang hồng ngoại**/ TS. Nguyễn Tuấn Hiếu, TS. Nguyễn Đình Thái; ThS. Trần Đức Long; ThS. Vũ Lê Hoàng; TS. Trần Ngọc Hưởng; TS. Nguyễn Quang Hạnh; ThS. Lê Duy Hoàn; ThS. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Vũ Thành Long; ThS. Nguyễn Thiên Hoàng - Hà Nội - Viện công nghệ, 2021; 06/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan và khảo sát thành phần, cấu trúc, tính chất cơ lý và tính chất quang học của vật liệu mẫu gốm quang học KO-12 do Liên Bang Nga chế tạo. Từ đó, nghiên cứu công nghệ chế tạo gốm quang học KO-12 như thiết kế, chế tạo bộ trang bị công nghệ (khuôn ép, đồ gá) phục vụ chế tạo và thử nghiệm sản phẩm. Tiến hành chế thử phôi gốm quang học KO-12 và chế thử phôi chóp gió tên lửa phòng không tầm thấp từ gốm quang học KO-12. Tiến hành hiệu chỉnh trang bị công nghệ, hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo phôi chóp gió tên lửa phòng không tầm thấp và chế tạo chóp gió tên lửa phòng không tầm thấp.

Số hồ sơ lưu: 19990

20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ

83230.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Duplex cho chi tiết khuôn ép nhựa làm việc trong môi trường ăn mòn cao**/ ThS. Nguyễn Thành Hợp, TS. Phạm Hồng Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thanh Lan; CN. Phạm Kim Thu; ThSNguyễn Văn Thành - Hà Nội - Trung tâm Quang điện tử, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát khuôn đúc phôi chai nhựa PET, các dạng sai hỏng của chi tiết khuôn trong quá trình sử dụng để lựa chọn vật liệu chế tạo chi tiết khuôn phù hợp. Đồng thời nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến vật liệu thép không gỉ DIN 1.2083 (AISI 420), công nghệ nhiệt luyện chân không, công nghệ thấm ni tơ thể khí cho mác thép này. Thử nghiệm hóa nhiệt luyện mác thép DIN 1.2083 trên thiết bị nhiệt luyện chân không, thấm ni tơ thể khí. Nghiên cứu công nghệ Duplex và áp dụng công nghệ Duplex cho chi tiết lõi khuôn PET và tiến hành thử nghiệm tại doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 20002

20515. Vật liệu tiên tiến

83638.10-2022 **Cấu trúc và các tính chất điện của vật liệu gốm áp điện không chì trên cơ sở KNN chế tạo bằng phương pháp thiêu kết hai bước**/ PGS.TS. Phan Đình Giớ, PGS.TS. Nguyễn Trường Thọ; PGS.TS. Võ Thanh Tùng; TS. Lê Đại Vương; TS. Lê Trần Uyên Tú - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo hệ gốm (l-x)(Koi48Naoj48Lio;o4)(Nbo>95Sbo !o5)03- H xBio.5(Nao.82Ko.i8)o.5Zr03 với các tính chất vật lý được cải tiến bằng công nghệ gốm thiêu kết hai bước. Khảo sát ảnh hưởng của thành phần BNKZ đến cấu trúc, vi cấu trúc của hệ gốm KNNLS-BNKZ. Khảo sát ảnh hưởng của thành phần BNKZ đến các tính chất điện môi, sắt điện, áp điện của vật liệu, Xác định nồng độ BNKZ tối ưu để thu được gốm có hiệu ứng áp điện mạnh, hằng số điện môi lớn, tổn hao điện môi bé, phân cực dư lớn. Khảo sát ảnh hưởng của các thông số công nghệ thiêu kết hai bước đến cấu trúc, vi cấu trúc và các tính chất vật lý của hệ gốm sắt điện KNNLS-BNKZ - Xác định được các thông số công nghệ tối ưu để vật liệu có tính chất tốt nhất.

Số hồ sơ lưu: 20194

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

83178.10-2022 **Nghiên cứu xác định các nguồn đóng góp chính đối với bụi PM10, PM2.5 ở đô thị miền Bắc Việt Nam – Thực nghiệm tại Hà Nội, Quảng Ninh và Phú Thọ**/ ThS. Lê Hoàng Anh, ThS. Mạc Thị Minh Trà; TS. Dương Thành Nam; CN. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; CN. Vương Như Luận; KS. Lưu Hải Đăng; TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh; ThS. Trần Tuấn Vinh; ThS. Phạm Văn Hà - Hà Nội - Trung tâm Quan

trắc môi trường miền Bắc, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu. Tìm hiểu diễn biến nồng độ bụi PM_{10}, $PM_{2.5}$ và mối tương quan với các yếu tố ảnh hưởng ở khu vực miền Bắc. Nghiên cứu ứng dụng mô hình hoá và ảnh vệ tinh để xác định nguồn phát sinh của PM_{10}, $PM_{2.5}$ ở khu vực miền Bắc. Từ kết quả nghiên cứu giải pháp tích hợp thiết bị đo nồng độ PM_{10}, $PM_{2.5}$ và kết quả quan trắc thực nghiệm xác định nồng độ bụi PM_{10}, $PM_{2.5}$ tại Quảng Ninh, Hà Nội và Phú Thọ. Qua đó, đánh giá mức độ tác động của các nguồn thải đối với nồng độ bụi PM_{10}, $PM_{2.5}$ ở khu vực miền Bắc và đề xuất các giải pháp giám sát và kiểm soát các nguồn thải tác động tới nồng độ bụi PM_{10}, $PM_{2.5}$ trong môi trường không khí xung quanh.

Số hồ sơ lưu: 19978

83536.10-2022 **Mất đất và những ảnh hưởng đến sản lượng nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long dưới tác động của biến đổi khí hậu**/ TS. Phạm Văn Chiến, TS. Lê Vũ Việt Phong; TS. Trần Anh Phương; ThS. Trần Hồng Thắng; KS. Nguyễn Trung Hiếu - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tính toán sụt lún bề mặt khu vực đồng bằng sông Cửu Long sử dụng ảnh viễn thám radar khẩu độ tổng hợp (Synthetic Aperture Radar - SAR). Xây dựng các mô hình mô phỏng chế độ thủy văn, thủy lực vận chuyển bùn cát. Phát triển mô hình mô phỏng xâm nhập mặn dựa trên mô hình thủy lực và xây dựng bản đồ xâm nhập mặn tương ứng, khai thác nước ngầm và xây dựng hồ thủy điện phía thượng lưu sử dụng công cụ GIS. Đánh giá tác động của xâm nhập mặn lên sự thay đổi của diện tích đất trồng trọt và ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến sản lượng lúa gạo sử dụng hàm quan hệ giữa độ mặn và năng suất lúa. Sử dụng ảnh viễn thám đánh giá ảnh hưởng của hạn hán và xâm nhập mặn đến sự biến đổi của thảm thực vật. Đánh giá diễn biến xâm nhập mặn sử dụng kết hợp mô hình mô phỏng và số liệu viễn thám.

Số hồ sơ lưu: 20137

83560.10-2022 **Nghiên cứu xử lý nước rỉ rác trên địa bàn miền Đông Nam Bộ bằng công nghệ SBBR dòng liên tục (ICEAS có giá thể) kết hợp điện hóa**/ TS. Trần Lê Lựu, PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Phương; TS. Hồ Ngô Anh Đào; TS. Trịnh Bảo Sơn; Nguyễn Hồng Dân - Bình Dương - Trường đại học Việt Đức, 2022; 09/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát hiện trạng ô nhiễm nước rỉ rác tại các bãi chôn lấp trên địa bàn miền Đông Nam Bộ, bao gồm các tỉnh thành nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như: thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Nghiên cứu xử lý nước rỉ rác bằng công nghệ SBBR dòng liên tục. Nghiên cứu xử lý nước rỉ rác bằng công nghệ SBBR dòng liên tục kết hợp với phương

pháp oxi hóa điện hóa. Nghiên cứu xử lý nước rỉ rác bằng công nghệ SBBR dòng liên tục kết hợp với phương pháp keo tụ điện hóa. Nghiên cứu xử lý nước rỉ rác bằng công nghệ SBBR dòng liên tục kết hợp với fenton điện hóa.

Số hồ sơ lưu: 20166

83563.10-2022 **Nghiên cứu phát triển mô hình bãi lọc trồng cây kiểu lai dựa trên vật liệu hấp phụ bản địa để nâng cao hiệu quả xử lý phốtpho trong nước thải chăn nuôi lợn ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Việt Nam.**/ TS. Nguyễn Thị An Hằng, TS. Vũ Ngọc Duy; GS.TS. Ngô Hữu Hào; PGS.TS. Cao Thế Hà; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải; PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Hà; TS. Đặng Thanh Tú; TS. Nguyễn Minh Phương; CN. Nguyễn Ngọc Hương; CN. Nguyễn Thị Xuyên - Hà Nội - Trường Đại học Việt Nhật, 2022; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát và thu thập vật liệu lọc tiềm năng, dự kiến gồm: đá ong, đá vôi, xỉ than, vỏ ngao biển, đất Ferralsols và phân loại vật liệu theo cỡ hạt, chuẩn bị vật liệu biến tính. Lựa chọn công thức vật liệu cho bãi lọc trồng cây thông qua việc tiến hành nghiên cứu so sánh giữa các vật liệu lọc tiềm năng (dựa trên tiêu chí: hấp phụ phốt-pho tốt, thấm nước tốt, ít tác dụng phụ, v.v…). Xác định đặc tính lý hóa (độ rỗng, mật độ, thành phần khoáng, diện tích bề mặt, hình thái học bề mặt, nhóm chức bề mặt) của vật liệu lọc tiềm năng. Khảo sát, thu thập và xác định đặc tính của nước thải chăn nuôi lợn sau xử lý biogas (nhiệt độ, pH, EC, DO, TOC, COD, TSS, NO3-N, NH4-N, TKN, PO4-P, TP). Đánh giá hiệu quả và cơ chế xử lý phốt-pho trong nước thải tổng hợp của bãi lọc trồng cây.

Số hồ sơ lưu: 20171

83581.10-2022 **Nghiên cứu than sinh học biến tính từ chất thải nông nghiệp và thực vật gây hại cho xử lý nước thải**/ TS. Nguyễn Xuân Cường, TS. Nguyễn Đình Đức; TS. Võ Quang Nhã; ThS. Trần Thị Cúc Phương; ThS. Võ Thị Yên Bình; ThS. Nguyễn Trùng Dương - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo than sinh học bằng phương pháp nhiệt phân chậm. Các nguồn sinh khối sản xuất than sinh học gồm có vỏ tràm (Arabica auriculiformis), cà phê (Arabica) và cây mai dương (Mimosa pigra L.), than sinh học biến tính - muối kim loại. Xác định đặc điểm hóa lý của các loại than sinh học gồm các đặc tính thông thường như độ ẩm, vật liệu bay hơi, tro, mật độ, pH diện tích không và đặc điểm hấp phụ. Thử nghiệm khả năng hấp phụ của than sinh học để loại bỏ thuốc nhuộm, màu và hợp chất hữu cơ. Các thông số ảnh hưởng đến quá trình hấp phụ được đánh giá bao gồm độ pH, thời gian, lượng than sinh học, nhiệt độ và nồng độ chất ô nhiễm. Ngoài ra, mô hình động học và đẳng nhiệt hấp phụ cũng được nghiên cứu để đánh giá sự phù hợp của mô hình với kết quả thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 20191

20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí

83584.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu Ti và F pha tạp cấu trúc compozit spinel/layered của vật liệu cathot giàu Li và Mn ứng dụng cho pin Li-ion**/ TS. Vũ Ngọc Hùng, TS. Đào Văn Dương; ThS. Lê Thành Huy; ThS. Nguyễn Trọng Quang - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp LMR (Li-Mn - rich layerde oxide) theo phương pháp sol-gel và ứng dụng làm điện cực cathot cho Li-ion baterry. Tổng hợp F pha tạp cấu trúc compozit spinel-layered của LMR và ứng dụng làm điện cực cathot cho Li-ion baterry. Tổng hợp Ti pha tạp cấu trúc compozit spinel-layered của LMR và ứng dụng làm điện cực cho cathot Li-ion baterry. Tổng hợp Ti và F đồng pha tạp cấu trúc compozit spinel-layered của LMR và ứng dụng làm điện cực cathot cho Li-ion baterry.

Số hồ sơ lưu: 20170

84022.10-2022 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới ứng dụng phù hợp cho cơ quan công sở, trường học, doanh nghiệp tại thành phố Lào Cai**/ PGS. TS. Nguyễn Hữu Công, PGS. TS. Phùng Trung Nghĩa; TS. Ngô Kiên Trung; TS. Vũ Ngọc Kiên; TS. Phạm Đăng Tứ; ThS. Nguyễn Thế Cường; Tạ Thành Nam - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2021; 10/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, hảo sát, điều tra về khí hậu thủy văn của tỉnh Lào Cai. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tiềm năng điện mặt trời của tỉnh tại 8 huyện và Thành phố Lào Cai. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo, kiểm định chất lượng Hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới có khả năng tiết kiệm năng lượng cho lưới điện quốc gia. Triển khai ứng dụng lắp đặt thử nghiệm 3 mô hình tại 3 cơ sở khác nhau.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-035

20704. Viễn thám

83550.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng vệ tinh viễn thám có độ phân giải cao trong đánh giá ô nhiễm bụi và các ảnh hưởng sức khỏe có liên quan ở khu vực miền Bắc của Việt Nam**/ PGS.TS. Nguyễn Đức Lượng, TS. Bùi Thị Hiếu; ThS. Bùi Quang Trung; ThS. Nguyễn Hoàng Hiệp; ThS. Vũ Việt Hà; ThS. Ứng Thị Thúy Hà - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập số liệu nồng độ bụi đo tại các trạm mặt đất, số liệu AOD và số liệu đặc tính quang lý của sol khí đo tại các trạm mặt đất AERONET, số liệu vệ tinh MODIS AOD, số liệu các điểm cháy từ vệ tinh MODIS, số liệu khí tượng tái phân tích. Xử lý sơ bộ và hợp nhất các bộ số liệu và kiểm định số liệu vệ tinh MODIS AOD đối với số liệu AERONET AOD. Đánh giá sự biến đổi theo không gian và thời gian đối với các

thông số MODIS AOD cho khu vực nghiên cứu và sự biến đổi theo không gian và thời gian của bụi trên bề mặt dựa trên số liệu vệ tinh MODIS AOD, xây dựng bản đồ ô nhiễm bụi cho khu vực nghiên cứu. Đánh giá chỉ số dân số phơi nhiễm đối với bụi sử dụng bản đồ ô nhiễm bụi và chỉ số phơi nhiễm cho khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 20138

83588.10-2022 **Mô phỏng chính xác phổ hấp thụ trong vùng hồng ngoại của hơi nước để ứng dụng trong viễn thám khí quyển**/ PGS.TS. Ngô Ngọc Hoa, TS. Lê Công Tường; TS. Lê Minh Thư; TS. Nguyễn Mạnh Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2022; 12/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đo phổ hấp thụ của hơi nước trong vùng hồng ngoại ở các điều kiện khác nhau về nhiệt độ và áp suất toàn phần. Dựa vào phương pháp bình phương cực tiểu để xây dựng các chương trình khớp các phổ thực nghiệm bằng hàm HT và xác định các thông số quang phổ tương ứng. Mô phỏng phổ hấp thụ của một số khí nhà kính dựa trên mô phỏng động lực học phân tử ở các điều kiện khác nhau về nhiệt độ, áp suất toàn phần và nghiên cứu hiệu ứng của các cơ chế động học lên các thông số quang phổ. Hoàn thiện các kết quả thu được từ mô phỏng để đưa ra một bộ các thông số quang phổ của một số khí nhà kính nhằm ứng dụng và nâng cao độ chính xác trong các hoạt động viễn thám khí quyển.

Số hồ sơ lưu: 20169

20799. Kỹ thuật môi trường khác

83636.10-2022 **Nghiên cứu sự tích lũy kim loại nặng trong thực vật xung quanh khu mỏ đa kim Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên**/ TS. Nguyễn Thị Hoàng Hà, TS. Trần Thị Huyền Nga; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Phạm Thị Thúy; TS. Bùi Thị Hoa; ThS. Đỗ Thị Thanh Trung - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, đánh giá khả năng tích lũy kim loại nặng trong một số cây khu vực xung quanh mỏ đa kim Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên nhằm (1) Luận giải cơ chế di chuyển và tích lũy kim loại nặng trong các loài thực vật; (2) Tìm kiếm cây siêu tích lũy phục vụ xử lý ô nhiễm môi trường và (3) Đánh giá rủi ro sức khoẻ nhằm đưa ra khuyến cáo về lựa chọn và sử dụng cây trồng hợp lý.

Số hồ sơ lưu: 20195

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.

83590.10-2022 **Nghiên cứu thành phần hóa học và khảo sát hiệu lực phòng trừ sinh học của một số cây chọn lọc thuộc 3 chi *Myoporum*, *Clerodendrum*, và *Acrostichum* ở vùng ngập mặn Việt Nam**/ TS. Trần Thị Minh, TS.

Nguyễn Văn Thông; PGS.TS. Trần Thượng Quảng; PGS.TS. Trần Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Minh Thu; ThS. Ninh Thị Phương; ThS. Đoàn Thị Thuý Ái - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2022; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập các mẫu *A.aureum, C.inerme* và *M.bontioides* tại vùng ngập mặn ven biển tỉnh Thái Bình. Xử lý mẫu, tạo dịch chiết tổng và các dịch chiết phân đoạn phục vụ cho việc sàng lọc hoạt tính sinh học và hóa học. Thử nghiệm hoạt tính sinh học của các dịch chiết tổng và phân đoạn chiết. Phân lập và tinh chế các hợp chất. Lựa chọn các cao chiết có hoạt tính sinh học nhằm phân lập các hợp chất bằng các phương pháp sắc ký kết hợp. Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất sạch bằng một số phương pháp phổ kết hợp như IR, MS, NMR và CD. Đánh giá hoạt tính sinh học của các chất sạch theo hướng ức chế sinh trưởng, phát triển của nấm bệnh trên cây trồng và khả năng gây độc trên một số dòng tế bào ung thư ở người.

Số hồ sơ lưu: 20188

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

83608.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo và tính chất nhiệt điện của hệ vật liệu cấu trúc nano ZnO có pha tạp và lai ghép với oxide graphene**/ PGS.TS. Trịnh Quang Thông, PGS.TS. Trịnh Quang Thông; TS. Nguyễn Trọng Tĩnh; Dương Văn Thiết; Lê Hải Đăng.Ngô Đức Quân; Lê Hải Đăng; Vũ Viết Doanh - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 08/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp dung dịch ZnO pha tạp/đồng pha tạp với Sn, Co, Sb trên cơ sở phản ứng hóa pha ướt. Chế tạo vật liệu lai ghép giữa ZnO pha tạp đã tổng hợp với GO. Thực hiện bài toán mô phỏng cấu trúc điện tử của các hệ vật liệu và cơ chế truyền nhiệt-điện dựa trên phương pháp phiếm hàm mật độ (Density Functional Theory, DFT), động học phân tử (Molecular Dynamics - MD) hoặc phần tử hữu hạn (Finite Element Method - FEM) trên cơ sở các phần mềm tính toán thương mại. Nghiên cứu các đặc trưng vi cấu trúc tinh thể và tính chất nhiệt điện của các hệ vật liệu sau khi đã được chế tạo, thảo luận cơ chế cải thiện hiệu suất chuyển đổi năng lượng của vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 20179

83633.10-2022 **Nghiên cứu phát triển vật liệu phát quang dải bước sóng hồng ngoại gần trên cơ sở Si và Ge cấu trúc nano**/ TS. Ngô Ngọc Hà, TS. Nguyễn Đức Dũng; Cử nhân. Nguyễn Thị Ngọc Lâm; ThS. Nguyễn Trường Giang; ThS. Lê Thành Công; TS. Bùi Quang Thanh - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2021; 12/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu sự cải thiện tính chất phát quang của vật liệu Ge và Si nano tinh thể. Các kết quả nghiên cứu sẽ đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu tâm bẫy điện tử và tạo ra thêm các tâm phát quang trong vật liệu. Các giải pháp bao gồm việc

giảm thiểu các liên kết tự do tại biên hạt hoặc pha thêm các tâm tạp phát quang vào vật liệu Ge và Si nano tinh thể. Các vật liệu Ge và Si cấu trúc nano sẽ được chế tạo bằng phương pháp phún xạ catốt hoặc ăn mòn hóa học. Các điều kiện biên khác nhau của các hạt nano tinh thể sẽ được nghiên cứu bằng việc thay đổi các lớp vật liệu nền khác nhau như thành phần và loại vật liệu, hoặc các điều kiện và môi trường xử lý nhiệt khác nhau. Hình thái và tính chất của vật liệu sẽ được khảo sát bằng phương pháp nhiễu xạ tia x, hiển vi điện tử quét, hiển vi điện tử truyền qua và nhiều phương pháp tiếp cận quang học khác nhau. Các điều kiện tối ưu sẽ được sử dụng để đánh giá mức độ cải thiện tính chất quang học của vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 20204

21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)

83537.10-2022 **Tổng hợp và khảo sát tính chất điện hóa của vật liệu TiO_2 và natri titan ôxít Na_xTiO_2 ứng dụng trong linh kiện tích trữ năng lượng**/ TS. Nguyễn Văn Nghĩa, TS. Hoàng Vũ Chung; TS. Hoàng Mạnh Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Hòa; ThS. Nguyễn Tú Oanh - Hà Nội - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2021; 12/2018 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo vật liệu TiO_2/TiO_2@C cấu trúc dây nano bằng phương pháp thủy nhiệt. Tổng hợp các dây nano TiO_2/TiO_2@C bằng phương pháp thủy nhiệt trong điều kiện nhiệt độ cao, áp suất cao, sử dụng thiết bị tạo mẫu Autoclave. Nghiên cứu các điều kiện thực nghiệm khác nhau về nhiệt độ, áp suất, nhằm tối ưu hóa điều kiện chế tạo các dây nano và nghiên cứu cấu trúc, hình thái của vật liệu chế tạo được. Nghiên cứu tổng và tối ưu hóa điều kiện chế tạo vật liệu Na_xTiO_2/Na_xTiO_2@C bằng phương pháp phản ứng pha rắn. Phân tích các đặc điểm cấu trúc và hình thái học của vật liệu. Xác định tính chất điện hóa của vật liệu TiO_2/Na_xTiO_2 sử dụng làm điện cực âm trong pin ion natri. Chế tạo điện cực âm sử dụng hỗn hợp các vật liệu TiO_2, carbon black, PVDF và chế tạo điện cực âm sử dụng hỗn hợp các vật liệu Na_xTiO_2/Na_xTiO_2@C, carbon black, PVDF. Khảo sát tính chất điện hóa của điện cực trong pin NIBs.

Số hồ sơ lưu: 20136

83558.10-2022 **Nghiên cứu các quá trình quang-điện tử trong vật liệu ZnSe cấu trúc nano**/ TS. Trần Thị Kim Chi, TS. Phạm Nguyên Hải; PGS.TS. Trần Đình Phong; ThS. Mẫn Hoài Nam; ThS. Nguyễn Thị Hiệp; ThS. Bùi Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Đình Phúc - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng các điều kiện công nghệ lên chất lượng tinh thể nano ZnSe nhằm tìm ra quy trình tối ưu chế tạo tinh thể nano ZnSe có chất lượng tốt, có kích thước thay đổi được trong khoảng 3-100 nm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu cơ bản và mục tiêu ứng dụng. Sử dụng các

phương pháp vật lý (EDX, XRD, huỳnh quang tia X) phân tích nguyên tố thành phần, xác định mức độ hợp thức của vật liệu lõi cũng như vật liệu sử dụng làm vỏ (ZnS/ZnO…). Sử dụng các phương pháp hiển vi điện tử SEM, HR-TEM, nhiễu xạ tia X, phổ tán xạ Raman nghiên cứu vi hình thái và cấu trúc của các tinh thể nano. Kết hợp các phương pháp quang phổ (hấp thụ, huỳnh quang, kích thích huỳnh quang) để nghiên cứu tính chất quang-điện tử của tinh thể nano ZnSe chế tạo được.

Số hồ sơ lưu: 20172

83564.10-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của chuyển tiếp nano đến tính chất nhạy khí của cảm biến dây nano và sợi nano**/ GS.TS. Nguyễn Văn Hiếu, PGS.TS. Nguyễn Văn Duy; PGS.TS. Hoàng Sĩ Hồng; TS. Nguyễn Văn Toán; TS. Phùng Thị Hồng Vân; TS. Quản Thị Minh Nguyệt; TS. Nguyễn Văn Hoàng; TS. Trịnh Minh Ngọc; ThS. Nguyễn Tất Thắng; ThS. Trần Thị Hoa; TS. Nguyễn Xuân Thái; ThS. Phan Hồng Phước; ThS. Lê Thị Hồng; ThS. Hà Thị Nhã - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2022; 12/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng của các chuyển tiếp nano đến tính chất nhạy khí của cảm biến dây nano có cấu trúc đa chuyển tiếp dây-dây. Xác định ảnh hưởng của các chuyển tiếp ngoại và chuyển tiếp nội đến tính chất nhạy khí của sợi nano. Nghiên cứu ảnh hưởng của các chuyển tiếp dị thể đến tính chất nhạy khí của các cấu trúc lai dây, sợi nano với graphene hoặc ống nano carbon. Đánh giá ảnh hưởng của chuyển tiếp nano khi có hiện tượng uốn cong các mức năng lượng do biến tính với các loại vật liệu xúc tác.

Số hồ sơ lưu: 20140

83586.10-2022 **Tổng hợp và đặc trưng điện hóa của vật liệu nano tổ hợp oxit sắt - các bon ứng dụng cho pin sắt-khí**/ PGS.TS. Bùi Thị Hằng, PGS.TS. Nguyễn Tuyết Nga; TS. Doãn Hà Thắng; ThS. Trịnh Tuấn Anh; CN. Vũ Mạnh Thuần; CN. Phạm Thị Thủy Triều; KS. Ngô Nhật Nam; CN. Nguyễn Hạ Thi - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu (ITIMS), 2022; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo vật liệu nano tổ hợp Fe_3O_4/C và Fe_2O_3/C bằng phương pháp nghiền bi năng lượng cao và khảo sát đặc trưng điện hóa của chúng. Chế tạo và khảo sát đặc trưng điện hóa của điện cực Fe_2O_3/C. Nghiên cứu ảnh hưởng của hình thái học, kích thước hạt vật liệu lên tính chất điện hóa của điện cực Fe_2O_3/C và khảo sát ảnh hưởng của chất phụ gia đến đặc trưng điện hóa của điện cực Fe_2O_3/C. Chế tạo vật liệu Fe_3O_4 bằng phương pháp đồng kết tủa và khảo sát đặc trưng điện hóa của điện cực Fe_3O_4/C. Nghiên cứu ảnh hưởng của hình thái học, kích thước hạt vật liệu lên tính chất điện hóa của điện cực Fe_3O_4/C và khảo sát ảnh hưởng của chất phụ gia đến đặc trưng điện hóa của điện cực Fe_3O_4/C.

Số hồ sơ lưu: 20159

21102. Kỹ thuật đồ uống

83221.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất sữa gạo mầm giàu gama-aminobutyric acid (GABA từ nếp Pì Pất)**/ TS. Hoàng Hải Hà, - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình sản xuất sữa gạo mầm giàu gama-aminobutyric acid từ khâu sản xuất nguyên liệu đến đóng gói sản phẩm sữa gạo mầm từ gạo lứt Pì Pất. Xây dựng mô hình sản xuất sữa gạo mầm quy mô nhỏ. Sản xuất thử nghiệm 1000 chai thành phẩm sữa gạo mầm.

Số hồ sơ lưu: CBG-005-2021

83686.10-2022 **Dự án Ứng dụng Khoa học và Công nghệ nâng cao chất lượng rượu xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn**/ ThS. Nguyễn Văn Tuấn, KS.Nguyễn Kim Dương; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; CN. Lăng Ngọc Viên; KS. Vũ Ngọc Ánh; Trần Đình Chiến; CN. Đàm Thị Hậu; Nguyễn Thị My. - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Bắc Kạn - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Bắc Kạn (nay là Trung tâm Ứng dụng Khoa học-Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)., 2017; 09/2013 - 08/2015. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra đánh giá thực trạng sản xuất rượu và sản xuất men rượu tại xã Bằng Phúc huyện Chợ Đồn. Xây dựng khu nhà xưởng, lắp đặt dây chuyền chưng cất xử lý nâng cao chất lượng rượu tại xã Bằng Phúc. Hướng dẫn vận hành cho công nhân của Công ty Huy Hoàn để vận hành chưng cất thử nghiệm). Đào tạo tập huấn cho người dân về kỹ thuật nấu rượu đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và tận dụng bỗng rượu để chăn nuôi. Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho rượu Bằng Phúc.

Số hồ sơ lưu: 08/Quyển số 01-STD-QLCN

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

82538.10-2022 **Xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Thái Nguyên**/ TS. Nguyễn Văn Tảo, TS. Nguyễn Văn Tảo; TS. Đặng Thị Oanh; TS. Nguyễn Hải Minh; ThS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Nguyễn Kim Sơn; NCVC. TS. Nguyễn Việt Anh; NCVC. TS. Nguyễn Long Giang; ThS. Nguyễn Khắc Giáo; TS. Vũ Đức Thái; ThS. Hồ Thị Tuyến; ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Đào Thị Thu; ThS. Lê Hoàng Hiệp; ThS. Dương Thị Mai Thương; NCS. Bùi Thị Thanh Xuân; ThS. Nguyễn Hồng Tân; TS. Phùng Trung Nghĩa; NCS. Ngô Thị Vinh; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Đoàn Ngọc Phương; TS. Nông Thị Hoa; ThS. Trần Hải Thanh; ThS. Phạm Thị Liên; NCVC. ThS. Trần Huy Dương; NCVC. ThS. Trần Đức Minh; KS. Phạm Minh Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Tính; ThS. Ngô Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; NCS. Nguyễn Thị Thanh Nhàn; NCS. Hà Thị Thanh; ThS. Nguyễn Thị Tuyển; ThS. Hoàng Thị Cành; NCS. Tô Hữu Nguyên; TS. Hoàng Quang Trung; ThS. Đỗ Thị Loan; ThS. Lưu Thị Liễu; ThS.

Nguyễn Thị Thu Hằng; KS. Phạm Xuân Kiên; ThS. Đỗ Đình Lực; ThS. Nguyễn Thị Ngân; ThS. Nguyễn Thế Dũng; NCS. Vũ Xuân Nam; ThS. Nguyễn Văn Giáp; ThS. Lê Triệu Tuấn; TS. Nguyễn Văn Tới; TS. Nguyễn Duy Minh; ThS. Lê Thị Thu Phương; ThS. Phạm Quốc Thịnh; ThS. Trịnh Minh Đức; KS. Phạm Lê Tiệp; TS. Dương Chính Cương; TS. Nguyễn Văn Núi; TS. Đỗ Đình Cường; ThS. Dương Thị Nhung; ThS. Vương Thị Yến; ThS. Đào Trần Chung; NCS. Nguyễn Thị Bích Điệp; KS. Trần Đức Hoàng; TS. Nguyễn Văn Huân; ThS. Đỗ Năng Thắng; ThS. Đỗ Văn Đại; ThS. Lê Anh Tú; ThS. Lê Sơn Thái; ThS. Vũ Thị Oanh; ThS. Lê Thị Thu Huyền; ThS. Hoàng Thị Thương; ThS. Nguyễn Anh Chuyên; ThS. Đỗ Văn Toàn; ThS. Bùi Thị Hương Thơm; ThS. Ngô Mạnh Tưởng; ThS. Nguyễn Hữu Thái; ThS. Nguyễn Trần Ánh; ThS. Bùi Phương Thảo; ThS. Đỗ Thị Chi; ThS. Phan Thị Cúc; KS. Mã Văn Thu; ThS. Nguyễn Quang Minh; CN. Dương Thị Thúy Nga; ThS. Đinh Văn Nam; KS. Nguyễn Văn Cường; KS. Nguyễn Thị Thảo; KS. Mai Thị Kim Anh; KS. Đoàn Mạnh Cường; KS. Nguyễn Văn Thao; ThS. Đặng Văn Ngọc; NCS. Lê Văn Chung; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Vũ Thạch DươngThS. Lương Thị Thu Hà; ThS. Đỗ Thị Phượng; KS. Trần Nguyễn Duy Trung; CN. Trịnh Ngọc Hà; CN. Vũ Sơn Tùng; ThS. Trịnh Thị Diệp; ThS. Hồ Mậu Việt; KS. Vũ Thúy Hằng; KS. Nguyễn Thùy Dung; KS. Nguyễn Ngọc Lan; KS. Đinh Quý Long; ThS. Trần Tuấn Việt; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Đỗ Thị Mai; ThS. Bùi Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Thu Phương; ThS. Dương Thị Quy; ThS. Nguyễn Thị Kim Tuyến; ThS. Lê Thị Hằng; ThS. Đinh Thị Nguyên; KS. Hà Văn Vương; KS. Đỗ Văn Chuyên; ThS. Bùi Thị Trung Thành; KS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Đinh Thị Thanh Uyên; ThS. Nguyễn Hoài Thu; ThS. Nguyễn Lan Oanh; ThS. Nguyễn Tiến Mạnh; CN. Phan Thị Hiền; ThS. Đỗ Thị Quyên; KS. Đỗ Thị Diệu Thu; KS. Trần Hồng Thái; ThS. Nguyễn Văn Việt; ThS. Lê Thị Minh; ThS. Vũ Thị Nguyệt; KS. Nguyễn Tuấn Hiệp; ThS. Trần Duy Minh; ThS. Nguyễn Tiến Thanh; ThS. Vũ Thị Bích Ngọc; KS. Dương Minh Quốc; KS. Hoàng Tiến Tùng; KS. Lê Viết Duy; KS. Dương Văn Tài; KS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Trịnh Văn Giác; KS. Nguyễn Xuân Kiên - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2021; 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng, phát triển hệ thống CSDL trực tuyến, tập trung, tích hợp liên ngành nhằm tạo lập môi trường thu thập, lưu trữ, chia sẻ và khai thác thông tin cho lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các sở, ban, ngành, cán bộ chuyên viên các cơ quantrong tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân ở trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên. Xây dựng được phần mềm CSDL để quản lý các thông tin mang tínhđa ngành, đa lĩnh vực của tỉnh Thái Nguyên (TNDB); Xây dựng được các chuẩn, tiêu chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin, cácđịnh dạng chuẩn cho thu thập, cập nhật, chia sẻ và

khai thác dữ liệu cho các cơ quan của tỉnh Thái Nguyên trong việc xây dựng và vận hành hệ thống CSDL này; Xây dựng được ngân hàng số liệu ban đầu để sử dụng trong CSDL.

Số hồ sơ lưu: TNN-2021

3. Khoa học y, dược

82245.10-2022 **nghiên cứu ứng dụng thang điểm SUSPEKT trong tiên lượng bệnh nhân xuất huyết não trên lều tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng năm 2018/** BS.CKII. Nguyễn Xuân Tạo, BS.CKI. Đỗ Văn Chiến; BS.CKI. Hoàng Thị Dạ Thảo; BS.CK. Nguyễn Hùng Hận; DS.CKII. Huỳnh Thị Phương Duyên; BS.CKI. Đặng Thanh Quân; ThS.BS. Nguyễn Kỳ Sơn; BS. Trần Quốc Tuấn - Lâm Đồng - Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng, 2019; 04/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng là một bệnh viện tuyến tỉnh phụ trách hơn 1.200.000 dân số, còn thiếu các bác sĩ chuyên ngành thần kinh, trong lúc đó hầu hết các bệnh nhân xuất huyết não đều nằm điều trị tại khoa Hồi sức tích cực. Nghiên cứu các thành tố của thang điểm SUSPEKT ở bệnh nhân xuất huyết não trên lều tại bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng. Đánh giá độ nhạy và độ đặc hiệu của thang điểm SUSPEKT so với thang điểm ICH và các yếu tố liên quan trong tiên lượng tử vong ở bệnh nhân xuất huyết não trên lều.

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-013

82807.10-2022 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy hành vi ăn uống lành mạnh ở trẻ em tiểu học béo phì tại tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019-2020/** ThS. Nguyễn Đắc Ca, Nguyễn Đắc Ca; Nguyễn Duy Ninh; Dương Thị Oanh; Đào Văn Đăng; Hà Quang Trung; Nguyễn Thị Loan; Bùi Văn Hồng; Nguyễn Phương Thảo; Bùi Trọng Thủy; Nguyễn Thị Lộc - Sở Y tế Vĩnh Phúc - Sở Y tế Vĩnh Phúc, 2020; 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về tình trạng béo phì ở trẻ em tiểu học, các yếu tố liên quan và mô hình thúc đẩy hành vi ăn uống lành mạnh ở trẻ em tiểu học béo phì - mô hình sinh học Bronfenbrenner, 2005. Đánh giá thực trạng béo phì ở trẻ em tiểu học và các yếu tố nguy cơ có liên quan trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn hiện nay. Nghiên cứu ứng dụng mô hình thúc đẩy hành vi ăn uống lành mạnh ở trẻ em tiểu học béo phì (mô hình sinh học Bronfenbrenner, 2005) theo phương pháp định tính và định lượng. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị để nhân rộng mô hình thúc đẩy hành vi ăn uống lành mạnh ở trẻ em tiểu học béo phì (mô hình sinh học Bronfenbrenner, 2005).

Số hồ sơ lưu: 33.2020

82866.10-2022 **Đánh giá chất lượng công tác điều dưỡng tại các bệnh viện ở thành phố Cần Thơ/** BS.CKII. Lại Văn Nông, ThS. Ngô Thị Dung; ThS. Nguyễn Việt Phương; ThS. Trần Thị Như Ngọc; ĐD.CKI. Lâm Hữu Đức; ThS. Nguyễn Văn Thắm; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hân; ThS. Nguyễn Hồng

Thủy - Cần Thơ - Trường Đại học Y dược Cần Thơ, 2021; 01/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát chất lượng thực hành điều dưỡng tại các bệnh viện ở thành phố Cần Thơ và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc điều dưỡng tại các bệnh viện ở thành phố Cần Thơ. Giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc cho các nội dung này, bao gồm tăng cường giải thích về tình trạng bệnh; chuẩn hóa và nâng cao kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc; tăng cường chăm sóc về dinh dưỡng cho người bệnh; tăng cường tuân thủ việc cho người bệnh uống thuốc tại giường; tăng cường công tác giáo dục sức khỏe; tăng cường khả năng phát triển nghề nghiệp. Các giải pháp được thống nhất và đưa vào báo cáo kiến nghị sau khi được tổ chức lấy ý kiến qua 2 lần hội thảo vào tháng 10/2020 và tháng 01/2021 và đánh giá qua ứng dụng thí điểm tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ.

Số hồ sơ lưu: CTO-2021-11

82874.10-2022 **Nghiên cứu tình trạng diện cắt vòng quanh qua phẫu thuật nội soi điều trị ung thư trực tràng: kết quả theo dõi hai năm sau mổ**/ PGS.TS.BS. Phạm Văn Năng, ThS.BS. Đặng Hồng Quân; ThS.BS.CKI. Nguyễn Văn Tuấn; ThS.BS.CKI. Mai Văn Đợi; ThS.BS.CKII. Lê Thanh Vũ; ThS.BS. Nguyễn Văn Luân; ThS. Võ Thị Hậu - Cần Thơ - Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, 2021; 08/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ung thư trực tràng (UTTT) là bệnh lý thường gặp của đường tiêu hóa. Nghiên cứu đánh giá kết quả sớm phẫu thuật nội soi điều trị UTTT, đánh giá chất lượng bệnh phẩm phẫu thuật, DCVQ và giá trị tiên lượng của DCVQ đối với vấn đề tái phát, di căn sau phẫu thuật. Phẫu thuật nội soi điều trị UTTT là một phương pháp an toàn, có thể áp dụng thường qui cho các bệnh nhân UTTT. Tình trạng diện cắt vòng quanh là một yếu tố tiên lượng quan trọng đối với tái phát, di căn cũng như là thời gian sống thêm không bệnh sau phẫu thuật.

Số hồ sơ lưu: CTO-2021-12

83198.10-2022 **Đánh giá thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại trạm y tế xã tỉnh Sơn La**/ TS. Lê Anh Tuân, ThS. Vũ Văn Phương; CN. Lê Phương Thúy; ThS. Hoàng Thị Thúy Hà; ThS. Phạm Hồng Thắng; ĐD.CKI. Nguyễn Viết Chung; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Đỗ Hải Đông; ThS. Lò Thì Kiều ; ThS. Nguyễn Tuấn Hưng - Trường cao đẳng Y tế Sơn La - Trường cao đẳng y tế Sơn La, 2020; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng nguồn lực và hoạt động khám chữa bệnh của trạm y tế xã. Thực trạng tiếp cận và sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh. Kinh tế HGĐ có liên quan đến tiếp cận với thông tin giáo dục sức khỏe, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm thu nhập HGĐ với $p < 0,001$. Ở nhóm thu nhập giàu được tiếp cận với thông tin giáo dục sức khỏe

nhiều hơn…Các yếu tố liên quan đến tiếp cận và sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh. Một số giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của trạm y tế: Cần phải tăng cường việc tuyên truyền về tác dụng của BHYT, cách sử dụng từng loại thẻ đến từng người dân; Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiên thông tin đại chúng về công tác khám chữa bệnh tại TYT; Tăng cường đầu tư TTB, CSVC cho trạm y tế xã…

Số hồ sơ lưu: 0621/KHYD

83199.10-2022 **Thực trạng một số bệnh không lây nhiễm và giải pháp nâng cao năng lực cho y tế cơ sở trong khám chữa một số bệnh không lây nhiễm tỉnh Sơn La**/ ThS. Đỗ Xuân Thụ, TS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Lương Hữu Dũng; ThS. Nguyễn Trung Khải; BS. Hà Việt Phương; ThS. Vũ Thị Đức; BS.CKI. Phạm Thị Thu Hương; ThS. Trần Văn Trung; CN. Lê Phương Thúy; ThS. Bùi Nhung Hằng - Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Sơn La - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La, 2020; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tỷ lệ mắc một số bệnh không lây nhiễm (THA, ĐTĐ) và các yếu tố nguy cơ bệnh THA, ĐTĐ của người dân Sơn La lứa tuổi từ 40 trở lên. Tỷ lệ bị bệnh THA là 47%. Trong đó: THA độ 1 là 28%, THA độ 2 là 14% và THA độ 3 là 5%. Tỷ lệ mắc các yếu tố nguy cơ của bệnh THA, ĐTĐ. Năng lực khám chữa một số bệnh THA, ĐTĐ của y tế cơ sở tỉnh Sơn La và hiệu quả giải pháp can thiệp nâng cao năng lực khám chữa bệnh cho cán bộ y tế cơ sở. Kiến thức của cán bộ y tế tăng sau can thiệp bằng đào tạo, tập huấn, hướng dẫn tại chỗ và giám sát định kỳ.

Số hồ sơ lưu: 0721/KHYD

83280.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật dao động xung ký để thăm dò chức năng hô hấp trong chẩn đoán bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính**/ Đặng Văn Khoa, Trần Thành Trung TS.BSCKII. Đặng Văn Khoa; TS.BS Trần Thành Trung; BSCKII. Đỗ Xuân Hòe; TS.BS. Vũ Quang Diễn; BSCKII. Đinh Văn Thiện; BSCKII.Hà Văn Sen; THS. Đặn Hoài Thanh; THS. Đinh Thị Thuận; CN. Nhâm Thị Thu Hà; CN. Phạm Thị Hồng Duyên; CN. Đỗ Thị Thùy Hương - Bệnh viện 74 Trung ương - Bệnh viện 74 Trung ương, 2021; 08/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận và thực tiễn của kỹ thuật dao động xung ký để thăm dò chức năng hô hấp trong chẩn đoán bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (BPTNMT). Đánh giá hiệu quả của kỹ thuật dao động xung ký để so với kỹ thuật hô hấp ký để thăm dò chức năng hô hấp trong chuẩn đoán bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính; hoàn thiện quy trình kỹ thuật dao động xung ký để thăm dò chức năng hô hấp. Đề xuất các giải pháp nhân rộng ứng dụng dao động xung ký để thăm dò chức năng hô hấp trong chẩn đoán BPTNMT.

Số hồ sơ lưu: 17/ĐTKHVP 2020-2021

83287.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất và đánh giá tác dụng điều trị của bài thuốc viên "Khang dương VP" trên bệnh nhân suy giảm sinh lý nam tại Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Phúc**/ Hà Thị Minh Hạnh, BS CKI Lê Thị Thủy; BS CKI Trần Đức Tạo; ThS. BS Lê Đình Học; ThS.BS Nguyễn Minh Khang; BS CKI Trần Hồng Quân; ThS.BS Trần Quốc Huy; BS Nguyễn Thị Nhâm Phương; DS Trần Hùng Cường - Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc - Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Phúc, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về bệnh nhân suy giảm sinh lý nam và các bài thuốc đông y để điều trị có liên quan. Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình sản xuất bài thuốc viên "Khang dương VP". Đánh giá tác dụng điều trị của bài thuốc viên "Khang dương VP" trên bệnh nhân suy giảm sinh lý nam tại Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Phúc năm 2019-2020. Đề xuất phương pháp phòng bệnh suy giảm sinh lý nam và các giải pháp nhân rộng và phát triển thương mại bài thuốc viên "Khang dương VP" trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 34/ĐTKHVP 2019-2020

83288.10-2022 **Nghiên cứu, bảo tồn nguồn gen của 3 loài cây dược liệu quý hiếm: Bổ béo đen, Vù hương và lá Khôi tại Vườn quốc gia Tam Đảo**/ Đặng Văn Thạch, KS. Đặng Văn Thạch; KS. Nguyễn Ngọc Lợi; KS. Đào Đức Trung; KS. Phan Tiến Lâm; KS. Đỗ Trọng Khoa; KS. Đặng Công Thức; KS. ĐỖ Văn Dũng; KS. Hoàng Mạnh Tiến; KS. Nguyễn Tá Quyền; KS. Đầu Văn Toán; KS. Đỗ Ngọc Long; KS. Hoàng Thế Huỳnh; KS. Nguyễn Xuân Tuấn; Trương Đức Thế; KS. Nguyễn Thị Hương Thùy; KS. Trần Quốc Lực; Dương Việt Tiến; KS. Hà Duy Hoàng; KS. Trần Công Bình; Lê Ngọc Sơn; Trần Văn Rổ; Đặng Văn Thuần; Phạm Thị Hường; Tạ Minh Quang; Nguyễn Văn phúc; Trần Ngọc Sơn - Vườn quốc gia Tam Đảo - Vườn quốc gia Tam Đảo, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định được một số đặc điểm phân bố, hình thái, tái sinh, sinh thái của Bổ béo đen, Vù hương và Lá khôi. Nghiên cứu xác định được một số đặc điểm vật hậu của Bổ béo đen, Vù hương và Lá khôi. Nghiên cứu nhân giống bằng hom Bổ béo đen, Vù hương và Lá khôi. Xây dựng 01 vườn giống gốc và xây dựng 03 mô hình thực nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 60/ĐTKHVP 2018-2020

30103. Miễn dịch học

83218.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo kháng thể đơn dòng người kháng SARS-CoV-2 ứng dụng trong điều trị COVID-19**/ TS. Đỗ Minh Sĩ, TS. Đoàn Chính Chung; TS. Hồ Nhân; TS. Bruce May; ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang; ThS. Nguyễn Minh Hòa; TS. Trần Thị Như Mai; ThS. Nguyễn Thị Thanh Trúc; PGS. TS. Cấn Văn Mão; TS. Đặng Thành Chung - Tp. Hồ Chí

Minh - Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen, 2021; 05/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo trình tự gen mã hóa và tổng hợp đoạn gen mã hóa cho protein SARSCoV-2 RBD. Nuôi cấy vi khuẩn E.coli mang plasmid chứa gen biểu hiện protein SARSCoV-2 RBD, tinh sạch plasmid, chuyển gen vào tế bào CHO hay HEK293 và chọn lọc. Sản xuất protein SARS-CoV-2 RBD tinh sạch và tạo dòng plasmid biểu hiện kháng thể kháng protein SARSCoV-2 RBD dạng Fv hay Fab. Tiến hành xây dựng qui trình lên men vi khuẩn E.coli (300 L) sản xuất kháng thể kháng protein SARS-CoV-2 RBD dạng Fv hay Fab. Đồng thời, xây dựng và chuẩn hóa qui trình tinh chế kháng thể kháng protein SARS-CoV-2 RBD dạng Fv hay Fab, xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu kháng thể kháng protein SARS-CoV-2 RBD dạng Fv hay Fab. Thẩm định qui trình sản xuất kháng thể kháng protein SARSCoV-2 RBD dạng Fv hay Fab. Nghiên cứu tính an toàn của chế phẩm kháng thể đơn dòng người và hiệu quả ức chế SARS-CoV-2 của chế phẩm kháng thể đơn dòng người.

Số hồ sơ lưu: 19992

30107. Hóa học lâm sàng và sinh hóa y học

80830.10-2022 **Nghiên cứu đa dạng loài và thành phần hóa học trong tinh dầu của một số loài thuộc họ sim (*Myrtaceae*) ở Khu bảo tồn thiên nhiên Kẽ Gỗ - Hà Tĩnh**/ ThS. Trần Hậu Khanh, ThS. Trần Hậu Khanh; CN. Đoàn Thị Mai Anh; KS. Trương Khánh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; CN. Lê Như Sang; CN. Lê Đình Quân; TS. Lê Thị Hương; CN. Trần Đức Hậu - Hà Tĩnh - Trung tâm nghiên cứu, phát triển nấm và tài nguyên sinh vật, 2021; 11/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định 34 loài và thứ thuộc 10 chi trong họ Sim (*Myrtaceae*) ở Khu BTTN Kẻ Gỗ, trong đó đa dạng nhất là chi *Syzygium* với 18 loài; mô tả một số đặc điểm sinh học của 34 loài; xác định được hàm lượng và thành phần hóa học trong tinh dầu lá của 10 loài, trong tinh dầu hoa của 1 loài và trong tinh dầu quả của 1 loài; đã thử hoạt tính kháng vi sinh vật kiểm định của tinh dầu lá loài Trâm quả trắng, loài Trâm bullock, loài Trâm tích lan và loài Trâm hoa dài. Kết quả cho thấy tinh dầu lá của cả 4 loài đều có khả năng kháng các chủng vi khuẩn Gram(+) trong thử nghiệm; đã thử hoạt tính kháng muỗi(muỗi *Aedes albopictus*) của tinh dầu lá loài Trâm quả trắng, loài Trâm bullock và loài Trâm tích lan. Kết quả cho thấy tinh dầu lá của 3 loài thử nghiệm đều biểu hiện khả năng kháng muỗi; đã đưa ra 3 nhóm các giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững các loài thực vật trong đó có các loài họ Sim bullock ở Khu BTTN Kẻ Gỗ, như: Nâng cao nhận thức cho cộng đồng, nhóm giải pháp về công tác quản lý và nhóm giải pháp kỹ thuật nhằm bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn tài nguyên thực vật chứa tinh dầu

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –003/ KQNC

30202. Sản khoa và phụ khoa

83170.10-2022 **Đánh giá kết quả siêu âm doppler động mạch tử cung ở tuần 20-24 thai kỳ trong dự đoán tiền sản giật tại Bệnh viện đa khoa thành phố Châu Đốc và Bệnh viện khu vực tỉnh An Giang/** BS. Salayman, BSCKII. Lê Văn Cường; BS. Phạm Thị Hồng Loan; CN. Huỳnh Mỹ Phúc - An Giang - Bệnh viện Đa khoa Khu vực tỉnh An Giang, 2019; 10/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát tần suất tiền sản giật (TSG), đặc điểm thai phụ liên quan với TSG ở những sản phụ có tuổi thai 20 – 24 tuần đến khám thai, theo dõi thai và sinh tại Bệnh viện đa khoa TP Châu Đốc và Bệnh viện Đa khoa Khu vực tỉnh. Khảo sát đặc điểm siêu âm Doppler động mạch tử cung (ĐMTC) trên những thai phụ này gồm hình thái phổ Doppler (khuyết đầu tâm trương - KĐ TT) và các chỉ số RI, PI, S/D. Xác định độ nhạy, độ chuyên biệt, giá trị tiên đoán dương và giá trị tiên đoán âm của phổ Doppler và các chỉ số siêu âm Doppler ĐMTC trong dự đoán TSG ở những thai phụ nêu trên. Mối tương quan giữa các biến số: tuổi, tiền sử thai phụ, hình thái phổ Doppler, các chỉ số siêu âm Doppler ĐMTC ở những thai phụ có tuổi thai 20 – 24 tuần với bệnh lý TSG.

Số hồ sơ lưu: AGG-034-2021

30301. Khoa học về chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

83246.10-2022 **Nghiên cứu nhiễm khuẩn bệnh viện và các yếu tố nguy cơ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận năm 2016-2017/** ThS. Lê Huy Thạch, ThS. Nguyễn Phước Nguyễn Vũ Ngọc Hân; Thái Phương Phiên; Nguyễn Hữu Châu Thiều; Bùi Viết Tuấn; Trần Thái Tuấn; Đoàn Nhất Việt; Hoàng Lê Anh Dũng; Nguyễn Thị Kim Yến - Ninh Thuận - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả thực trạng kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận. Xác định tỉ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện chung, phân bố theo các khoa và các yếu tố nguy cơ. Xác định tỉ lệ tác nhân gây nhiễm khuẩn bệnh viện và các mức độ nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện. Xây dựng phác đồ điều trị kháng sinh dựa trên dữ liệu kháng sinh đồ của bệnh viện. Xây dựng bộ công cụ giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện và giám sát thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn dựa trên quy trình thực hành chuẩn. Xây dựng phần mềm dự đoán nhiễm khuẩn bệnh viện dựa vào đặc điểm bệnh nhân và các yếu tố nguy cơ.

Số hồ sơ lưu: NTN-004-2021

83522.10-2022 **Một số giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động dự phòng,phát hiện sớm và quản lý bệnh tăng huyết áp và đái tháo đường tại tuyến xã tỉnh Nam Định/** Hoàng Thị Vân Lan, Lê Thị

Huyền Trinh; Đỗ Minh Sinh; Vũ Thị Thanh Hương; Ngô Huy Hoàng; Vũ Văn Thành; Trương Tuấn Anh; Nguyễn Thị Lý; Nguyễn Thị Thanh Huyền; Khương Thành Vinh - Nam Định - Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, 2021; 11/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan tình hình thực hiện hoạt động dự phòng,phát hiện sớm và quản lý bệnh THA, ĐTĐ trên thế giới và Việt Nam; Thực trạng hoạt động dự phòng,phát hiện sớm và quản lý bệnh THA, ĐTĐ tại tuyến xã tỉnh Nam Định; Xây dựng một số giải pháp dự phòng,phát hiện sớm và quản lý bệnh THA, ĐTĐ tại tuyến xã tỉnh Nam Định; Triển khai và đánh giá thí điểm áp dụng mô hình dự phòng,phát hiện sớm và quản lý bệnh THA, ĐTĐ tuyến xã tỉnh Nam Định

Số hồ sơ lưu: 03

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

83634.10-2022 **Xây dựng mô hình nhân giống, trồng và sơ chế biến Giảo cổ lam (Gynostemma pentaphyllum (Thunb.) Makino) và Độc hoạt (Angelica pubescens Maxim.) theo GACP nhằm tạo vùng nguyên liệu cho sản xuất thuốc tại tỉnh Kon Tum**/ Tô Mạnh Cường, BSCKI Đinh Thị Ngân Hà; KS. Huỳnh Thị Mỹ Lệ; ThS. Chu Đình Liệu; Cử nhân. Phạm Thị Tuyết Mai; KS. Võ Thị Thu Thảo; KS. Đặng Thị Mỹ Hạnh; KS. Lê Thị Hà Phương; ThS. Nguyễn Xuân Nam; ThS. Đào Văn Núi; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; KS. Đinh Văn Khởi - Kon Tum - Công ty TNHH Thái Hòa, 2021; 08/2017 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công các quy trình nhân giống, trồng và sơ chế Giảo cổ lam và Độc hoạt theo GACP phù hợp với điều kiện tại tỉnh Kon Tum. Xây dựng nhà xưởng sơ chế biến nguyên liệu Giảo cổ lam và Độc hoạt tại xã Hòa Bình, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum: Công suất: 50 tấn dược liệu/năm. Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN trong nhân giống, trồng, sơ chế Giảo cổ lam và Độc hoạt theo GACP, nhằm tạo vùng nguyên liệu ổn định cho sản xuất thuốc tại tỉnh Kon Tum góp phần nâng cao đời sống vùng dân tộc thiểu số và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum.

Số hồ sơ lưu: 20196

83677.10-2022 **Nghiên cứu phát triển cây Địa hoàng (Rehmannia glutinosa) theo hướng dẫn GACP-WHO trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và một số tỉnh lân cận**/ TS. Phạm Thanh Loan, TS. Trần Thị Ngọc Diệp; TS. Hà Thị Thanh Đoàn; PGS.TS. Cao Phi Bằng; TS. Nguyễn Như Tùng; TS. Hoàng Mai Thảo; PGS.TS. Phương Thiện Thương; TS. Phạm Quốc Tuấn; PGS.TS. Lê Như Kiểu; ThS. Trần Quang Lục - Phú Thọ - Trường Đại học Hùng Vương, 2021; 06/2017 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lựa chọn các vùng có điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp cho gây trồng cây Địa hoàng tại tỉnh Phú

Thọ và một số tỉnh lân cận, làm cơ sở mở rộng diện tích gây trồng Địa hoàng lên 200 ha. Tuyển chọn được dòng Địa hoàng triển vọng; khảo nghiệm công nhận giống dược liệu Địa hoàng; xây dựng tiêu chuẩn củ giống, làm cơ sở cung cấp nguồn giống phục vụ sản xuất dược liệu Địa hoàng có năng suất và chất lượng cao, phù hợp điều kiện sinh thái của khu vực tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang. Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác cây Địa hoàng theo hướng dẫn GACPWHO, đảm bảo dược liệu an toàn, chất lượng. Xây dựng mô hình trồng Địa hoàng theo hướng dẫn GACP-WHO. Kỹ thuật tồn trữ, bảo quản nguyên liệu tươi sau thu hoạch. Kỹ thuật bảo quản Địa hoàng sau chế biến. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở Can địa hoàng, nâng cấp so với Dược điển Việt Nam IV - 2009 (bổ sung định lượng dư lượng kim loại nặng). Thiết kế, gia công, lắp đặt dây chuyền sấy ứng dụng công nghệ đốt khí hóa để sấy dược liệu Địa hoàng, đảm bảo chất lượng dược liệu theo tiêu chuẩn cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 20203

30404. Hoá dược học

83532.10-2022 **Tổng hợp dẫn xuất benzimidazole có hoạt tính ức chế polymerase và protease ứng dụng trong điều trị Zika và viêm gan siêu vi B**/ PGS.TS. Bùi Thị Bửu Huê, TS. Nguyễn Hồng Phương; TS. Hà Thị Kim Quy; TS. Nguyễn Trọng Tuân; TS. Trần Quang Đệ - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng phương pháp tổng hợp dẫn xuất benzimidazole. Tổng hợp thư viện chất benzimidazole, trong đó có khung kết hợp naphthalene-benzimidazole mang nhóm thế ở vị trí C1, C2 hoặc C5/C6. ÁP dụng phương pháp tổng hợp nhằm xây dựng thư viện gồm khoảng 40 chất chứa khung cơ bản benzimidazole. Đánh giá hoạt tính ức chế polymerase và protease ứng dụng trong điều trị Zika và viêm gan siêu vi B của các dẫn xuất benzimidazole tổng hợp được, bao gồm đánh giá tác động vào HBV polymerase, các antigen bề mặt của HBV cho hoạt tính kháng virus viêm gan B và tác động vào ZIKV protease cho hoạt tính kháng Zika.

Số hồ sơ lưu: 20133

83533.10-2022 **Tìm kiếm các chất có hoạt tính chống ung thư từ một số loài thuộc chi Bứa (*Garcinia*) và chi Thị (*Diospyros*) của Việt Nam định hướng theo phép thử sinh học dẫn đường.**/ TS. Nguyễn Thị Thu Hà, ThS. Bá Thị Châm; TS. Trần Tuấn Anh; TS. Đinh Thị Cúc; TS. Trịnh Thị Thanh Vân; ThS. Lê Công Vinh - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2021; 12/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành thu hái mẫu của một số loài thuộc chi *Garcinia* và *Dyospyros* phân bố ở Việt Nam. Chiết các bộ phận của mẫu cây bằng các dung môi thích hợp và tạo các phân đoạn của các cặn chiết trên sắc ký cột để thu được các phân đoạn.

Thử hoạt tính sinh học các phân đoạn thu được như hoạt tính gây độc tế bào với 4 dòng tế bào ung thư (ung thư biểu mô KB, ung thư gan HepG2, ung thư phổi Lu-1, ung thư vú MCF-7). Phân lập và xác định cấu trúc hóa học các chất trong các phân đoạn có hoạt tính và thử hoạt tính gây độc tế bào của các chất sạch phân lập được. Đánh giá tác động của hoạt chất lên chu kỳ tế bào (cell cycle) và xác định khả năng kích hoạt apoptosis qua: thay đổi hình thái tế bào (nhuộm Hoechst), định lượng hàm lượng ADN (FITC Annexin V/ PI) và hoạt động của enzyme caspase 3/7 (Apo-ONE® Homogeneous Caspase-3/7), là họ enzyme đóng vai trò trung tâm trong việc truyền tín hiệu apoptosis.

Số hồ sơ lưu: 20134

83551.10-2022 **Nghiên cứu cấu trúc và đặc tính lý hóa của mạng gel ứng dụng trong bào chế kem bôi ngoài da**/ PGS.TS. Vũ Đặng Hoàng, PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Huệ; TS. Nguyễn Hữu Thọ; PGS.TS. Nguyễn Thế Toàn; ThS. Trần Hữu Hưng; CN. Trịnh Minh Cương; ThS. Vũ Tùng Lâm - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2022; 04/2017 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định cấu trúc và mô tả các đặc tính lý hóa (lưu biến, nhiệt) của mạng gel có chứa chất diện hoạt không ion có nhóm polyoxyethylene (các Tween). Xác định cấu trúc và mô tả các đặc tính lý hóa (lưu biến, nhiệt) của mạng gel có chứa chất diện hoạt không ion có nguồn gốc tự nhiên (các glycolipid). Mô phỏng cấu trúc của các mạng gel bằng tính toán lượng tử hiện đại, từ đó xác định điều kiện tối ưu cho các mạng gel về các tham số cơ bản như tham số hình học phân tử và năng lượng của hệ. Bào chế các mạng gel chất diện hoạt (các Tween và glycolipid) – alcol béo – nước có chứa dầu thực vật và hoạt chất như cafein và diclofenac, đánh giá khả năng giải phóng dược chất in vitro từ các hệ này.

Số hồ sơ lưu: 20151

83553.10-2022 **Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất N-hydroxypropenamid, N-hydroxyheptanamid và acid benzhydroxamic mới mang dị vòng**/ GS.TS. Nguyễn Hải Nam, PGS.TS. Phan Thị Phương Dung; TS. Phạm Thế Hải; PGS.TS. Đào Thị Kim Oanh; DS. Đỗ Thị Mai Dung; ThS. Trần Thị Lan Hương; ThS. Đỗ Thị Thanh Thuỷ - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2022; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và tổng hợp 60 dẫn chất N-hydroxypropenamid, Nhydroxyheptanamid và acid benzo hydroxamic hoặc tương tự mới mang khung quinazolin, benzothiazol, benzimidazol hướng ức chế enzym HDAC và độc tính tế bào ung thư. Thử nghiệm tác dụng ức chế enzym HDAC và độc tính tế bào ung thư (in vitro) của các dẫn chất tổng hợp được. Thử nghiệm tác dụng chống ung thư in vivo của một số dẫn chất có độc tính tế bào in vitro mạnh. Thiết lập mối liên quan cấu trúc, tác

dụng ức chế HDAC của các dẫn chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 20142

83599.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo, xác định đặc trưng, hình thái cấu trúc của vật liệu tổ hợp carrageenan/collagen (từ vảy cá) mang allopurinol định hướng ứng dụng điều trị giảm axit uric trong máu**/ TS. Nguyễn Thúy Chinh, GS.TS. Thái Hoàng; TS. Lê Văn Quân; ThS. Vũ Quốc Mạnh; ThS. Mai Đức Huynh; ThS. Trần Thị Mai - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2022; 08/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lựa chọn điều kiện thích hợp để trích ly collagen từ hỗn hợp vảy cá nước ngọt miền Bắc Việt Nam. Xác định hàm lượng các axit amin trong collagen và độ tinh khiết của collagen thu được từ vảy cá. Xác định các đặc trưng, tính chất và hình thái cấu trúc của collagen thu được từ vảy cá. Lựa chọn điều kiện thích hợp để chế tạo màng và hạt tổ hợp carrageenan/collagen/allopurinol.
Xác định các đặc trưng, tính chất và hình thái cấu trúc của màng và hạt tổ hợp carrageenan/collagen/allopurinol.
Xác định hiệu suất mang allopurinol của hạt tổ hợp carrageenan/collagen/allopurinol.
Nghiên cứu độ hấp thụ nước của hạt tổ hợp carrageenan/collagen/allopurinol trong nước. Nghiên cứu giải phóng allopurinol từ hạt tổ hợp carrageenan/collagen/allopurinol trong các dung dịch có pH khác nhau. Xây dựng mô hình động học giải phóng allopurinol từ hạt tổ hợp carrageenan/collagen/allopurinol trong các dung dịch có pH khác nhau. Thử nghiệm in – vivo sử dụng hạt tổ hợp carrageenan/collagen/allopurinol trên chuột (chuột được tiêm phúc mạc kali oxonat và chuột bình thường).

Số hồ sơ lưu: 20152

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế

83603.10-2022 **Nghiên cứu sàng lọc một số chủng vi nấm biển khu vực phía Bắc để chiết xuất các hoạt chất có tác dụng kháng viêm, kháng khuẩn, gây độc tế bào**/ PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng, TS. Cao Đức Tuấn; PGS.TS. Phạm Văn Cường; PGS.TS. Đoàn Thị Mai Hương; TS. Lê Thị Hồng Minh; TS. Hoàng Thị Hồng Liên; ThS. Bùi Hải Ninh; TS. Phạm Thị Anh; TS. Ngô Thị Quỳnh Mai; PGS.TS. Vũ Thị Kim Loan - Hải Phòng - Trường Đại học Y dược Hải Phòng, 2022; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập mẫu, phân lập, nuôi cấy và sàng lọc hoạt tính sinh học của các chủng vi sinh vật. Định danh và lên men lượng lớn 12 chủng vi sinh vật có hoạt tính sinh học. Phân lập các hợp chất thứ cấp từ 12 chủng vi nấm có hoạt tính sinh học. Xác định cấu trúc hóa học và thử nghiệm các hợp chất phân lập từ 12 chủng vi nấm có hoạt tính sinh học. Nghiên cứu hoạt tính sinh học và cấu trúc của một số hợp chất tiềm năng.

Số hồ sơ lưu: 20175

4. Khoa học nông nghiệp

81790.10-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tưới tiết kiệm trong trồng dâu trên địa bàn huyện Cát Tiên**/ KS. Trần Trọng Quả, TS. Châu Văn Dần; KS. Hoàng Thị Loan; CN. Nguyễn Lam Vương - Lâm Đồng - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cát Tiên, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Việc áp dụng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tưới tự động, tưới tiết kiệm cho cây dâu tằm là rất cần thiết, góp phần giảm chi phí công lao động, tăng sản lượng, chất lượng là dâu, đặc biệt những vùng có nguồn nước ngầm bị nhiễm phèn… qua đó góp phần nâng cao chất lượng kén tằm đáp ứng thi trường, nâng cao giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho người nông dân. Việc "Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tưới tiết kiệm trong trồng dâu trên địa bàn huyện Cát Tiên (Israel - Netafim)" là những giải pháp và là mục tiêu góp phần phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm trên địa bàn huyện Cát Tiên cùng với sự phát triển ngành dâu tằm tơ của tỉnh Lâm Đồng.

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-008

82797.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình đăng ký, phát triển thương hiệu sản phẩm chuối tiêu hồng trên địa bàn huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc**/ Bùi Hữu Hưng, Nghiêm Xuân Mạnh CN. Đỗ Trọng Nghĩa; ThS. Bùi Đức Thọ; ThS. Nguyễn Văn Dung; CN. Nguyễn Thị Thu Huyên; KS. Văn Tiến Đạt; CN. Lê Thanh Tâm; CN. Nguyễn Văn Công; KS. Phùng Thị Vân; CN. Khổng Tiến Phúc; CN. Vũ Việt Hưng - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hồ sơ và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, phát triển thương hiệu sản phẩm chuối tiêu hồng Yên Lạc. Nghiên cứu xây dựng phương tiện quảng bá, phát triển sản phẩm. Đề xuất các giải pháp duy trì, phát triển thương hiệu trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 5.2020

82798.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình đăng ký, vận hành, phát triển thương hiệu sản phẩm kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, điều hành và truy xuất nguồn gốc đối với 03 sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.**/ Nguyễn Quốc Tuấn, Nghiêm Xuân Mạnh CN. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Bùi Đức Thọ; ThS. Nguyễn Văn Dung; KS. Văn Tiến Đạt; CN. Hoàng Thị Nhung; CN. Nguyễn Văn Công; KS. Phùng Thị Vân; KS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc; CN. Vũ Việt Hưng. - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hồ sơ và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, phát triển thương hiệu sản phẩm rau quả (ớt, ngô ngọt, bí đỏ) cho doanh nghiệp đầu mối. Nghiên cứu xây dựng phương tiện quảng bá, phát triển sản phẩm.

Nghiên cứu tìm hiểu công nghệ để vận hành hệ thống phần mềm quản lý sản xuất, nguồn gốc sản phẩm; hệ thống phần mềm QR code tra cứu thông tin truy xuất nguồn gốc bên ngoài. Đề xuất các giải pháp duy trì, quản lý và phát triển sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) trong thời gian tới; Giải pháp duy trì, quản lý, tích hợp và bảo mật thông tin trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 7.2020

82803.10-2022 **Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, lợi thế, điều kiện đặc thù và đề xuất giải pháp khoa học và công nghệ phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Lê Tất Khương, Nguyễn Kim Tuấn PGS.TS Lê Tất Khương; ThS. Nguyễn Kim Tuấn; ThS. Vũ Văn Đàm; TS. Tạ Thế Hùng; TS. Nguyễn Văn Tiễn; ThS. Tạ Quang Tưởng; ThS. Chu Huy Tưởng; TS. Ngô Văn Dương; ThS. Nguyễn T Hồng Vân - Viện nghiên cứu và phát triển vùng - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2020; 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh. Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, lợi thế và điều kiện đặc thù trong phát triển ngành nông nghiệp của 09 huyện, thành phố thuộc tỉnh. Xác định danh mục, đánh giá hiện trạng phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của 09 huyện, thành phố thuộc tỉnh. Đề xuất nhóm giải pháp KH&CN phù hợp nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế và điều kiện đặc thù trong phát triển bền vững các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của 09 huyện, thành phố thuộc tỉnh. Xây dựng 09 chương trình nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ theo chuỗi giá trị góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới cho 09 huyện, thành phố thuộc tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: 23.2020

82804.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tuần hoàn khép kín Aquaponics (hệ thống trồng cây theo phương pháp thủy canh kết hợp với nuôi thủy sản trong môi trường cộng sinh) hướng tới phát triển nông nghiệp hữu cơ an toàn trên địa bàn Vĩnh Phúc**/ KS. Đỗ Thị Thư, Nguyễn Thị Cẩm Tú; KS. Đỗ Thị Thư; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Tú; ThS. Nguyễn Thị Kim Liên; KS. Nguyễn Ngọc Khuyến; CN. Vũ Thị Luy; KS. Ngô Khánh Trình; Nguyễn Thị Oanh; Nguyễn Thế Hưng; Nguyễn Văn Phượng - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Vĩnh Phúc - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Vĩnh Phúc, 2020; 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về mô hình tuần hoàn khép kín Aquaponics, sản xuất rau thủy canh và khả năng, điều kiện thực tế triển khai nghiên cứu tại Trung tâm. Xây dựng mô hình thử nghiệm sản xuất theo công nghệ tuần hoàn khép kín Aquaponics. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ điều khiển từ xa vào hoạt động của hệ thống tuần hoàn khép

kín Aquaponics và hoàn thiện quy trình sản xuất. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật hoạt động của hệ thống và đề xuất các giải pháp, kiến nghị phát triển ứng dụng công nghệ tuần hoàn khép kín Aquaponics nhằm hướng tới phát triển nông nghiệp hữu cơ an toàn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 24.2020

82805.10-2022 **Nghiên cứu sản xuất thử một số giống Nho đen siêu ngọt Trung Quốc trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ KS. Lương Tuấn Vượng, KS. Lương Tuấn Vượng; KS. Đỗ Thị Thư; ThS. Nguyễn Thị Kim Liên; TS. Đỗ Thành Trung; ThS. Phùng Duy Hiếu; KS. Trần Quang Đạo; ThS.Bùi T Thu Trang; Nguyễn Huy Lập; Lê Văn An; Hoàng Văn Hiền; Đặng Đình Diện - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Vĩnh Phúc - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Vĩnh Phúc, 2020; 03/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tổng quan về sinh trưởng và phát triển của cây nho, điều kiện tự nhiên, hiện trạng trồng nho tại tỉnh Vĩnh Phúc. Xây dựng mô hình sản xuất thử một số giống nho đen siêu ngọt. Theo dõi, đánh giá đặc điểm sinh trưởng phát triển, khả năng chống chịu sâu bệnh, điều kiện sinh thái của tỉnh Vĩnh Phúc đối với các giống nho nghiên cứu. Đánh giá năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các giống nho trong vụ xuân hè và vụ thu đông năm 2020. Đánh giá giá trị dinh dưỡng, chất lượng quả nho, kiểm soát an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nho thương phẩm. Lựa chọn giống nho có triển vọng, thích ứng với điều kiện trồng ở Vĩnh Phúc. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng nho siêu ngọt trên địa bàn Tỉnh. Áp dụng bổ sung hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật sản xuất nho thương phẩm. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và đề xuất các giải pháp kiến nghị nhân rộng phát triển thương mại hóa sản phẩm nho đen siêu ngọt.

Số hồ sơ lưu: 25.2020

82810.10-2022 **Nghiên cứu khả năng thích ứng của một số giống bơ có năng suất chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.**/ TS. Nguyễn Đắc Bình Minh, TS. Nguyễn Đắc Bình Minh; KS. Phạm Văn Ngân; PGS.TS. Lê Tất Khương; ThS. Nguyễn Văn Lam; CN. Nguyễn Thị Minh Trang; ThS. Tạ Phương Thúy; ThS. Nguyễn Phương Tùng; ThS. Lê Đức Thắng; KS. Lê Thành Phượng; KS. Nguyễn Tiến Duy - Viện nghiên cứu và Phát triển Vùng - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá điều kiện sinh thái và tiềm năng phát triển của cây bơ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của một số dòng, giống bơ triển vọng tại một số huyện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Xây dựng mô hình. Đề xuất các giải pháp phát triển bền vững cây bơ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đào tạo, tập huấn.

Số hồ sơ lưu: 59.2020

82878.10-2022 **Đặc điểm dịch tễ học và các giải pháp kiểm soát,**

giảm thiểu thiệt hại do bệnh dịch tả heo châu Phi tại thành phố Cần Thơ/ PGS.TS. Nguyễn Đức Hiền, ThS. Lê Trung Hoàng; ThS. Nguyễn Quốc Vinh; TS. Nguyễn Đăng Quân; ThS. Nguyễn Thanh Hùng; ThS. Huỳnh Minh Trí; KS. Nguyễn Thanh Phượng; ThS. Đoàn Văn Liệt; CN. Huỳnh Văn Hoài - Cần Thơ - Chi cục Chăn nuôi và Thú y thành phố Cần Thơ, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các yếu tố bệnh học, dịch tễ học của bệnh dịch tả heo châu Phi (ASF) xảy ra trên đàn heo TPCT năm 2019 và lưu hành bệnh năm 2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sử dụng chế phẩm gồm: Tiêm Interferon 10^{4-5}UI/kgP, tuần đầu tiêm 3 lần/tuần, sau đó 1 lần/tuần, kết hợp Oligo-β-glucan 1g/Kg thức ăn và Probiotic 2g/Kg thức ăn có hiệu quả trong gia tăng hệ miễn dịch tự nhiên, giảm sự xâm nhập hoặc nhân lên của ASFV trong cơ thể heo, giúp heo đạt trọng lượng xuất chuồng cao, cải thiện FCR và tăng lợi nhuận.

Số hồ sơ lưu: CTO-2021-13

83195.10-2022 **Nghiên cứu cải tiến giống xoài tròn Yên Châu theo hướng quả to, hạt nhỏ, giảm tỷ lệ chất xơ**/ TS. Nguyễn Văn Dũng, ThS. Ngô Xuân Phong; PGS.TS. Hoàng Thị Lệ Hằng; ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng; ThS. Nguyễn Đức Hạnh; ThS. Đỗ Văn Huy; ThS. Nguyễn Thị Thu Hường; ThS. Đoàn Đức Hoàng; KS. Nghiêm Văn Hải ; TS. Vũ Việt Hưng - Viện nghiên cứu rau quả - Viện nghiên cứu rau quả, 2020; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá tuyển chọn cá thể giống xoài tròn Yên Châu ưu tú và nhân giống phục vụ nghiên cứu, xây dựng mô hình. Nghiên cứu ảnh hưởng của một số biện pháp kỹ thuật thâm canh đến khả năng sinh trưởng phát triển, năng suất và chất lượng của giống xoài tròn Yên Châu. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật thu hái, sơ chế, bao bì, đóng gói và bảo quản quả xoài tròn Yên Châu trên cơ sở bổ sung các kết quả nghiên cứu của đề tài. Quả xoài đạt yêu cầu chất lượng và đảm bảo ATTP; kéo dài thời gian bảo quản tối đa 12 ngày đối với điều kiện thường, tối đa 30 ngày đối với điều kiện lạnh, tỷ lệ hư hỏng ≤ 10%. Xây dựng mô hình trình diễn giống, kỹ thuật thâm canh, sơ chế, đóng gói và bảo quản xoài tròn Yên Châu.

Số hồ sơ lưu: 0321/KHNN

83201.10-2022 **Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La**/ ThS. Nguyễn Thành Công, ThS. Cầm Thị Phong; KS. Trần Dũng Tiến ; KS. Phan Tử Dương; CN. Nguyễn Phụng Anh ; ThS. Vũ Thị Lê Mai ; CN. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Đặng Thị Thúy Yên; KS. Nguyễn Việt Hùng ; ThS. Cầm Bun Lộc - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La, 2020; 09/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp nông thôn, những nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030, với mục tiêu: Thúc đẩy tăng trưởng xanh; xây dựng tỉnh Sơn La phát triển nhanh và bền vững; trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Tây Bắc; xây dựng Sơn La trở thành trung tâm chế biến nông sản khu vực Tây Bắc. Đồng thời đề xuất, các nhóm giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững…

Số hồ sơ lưu: 0921/KHNN

83209.10-2022 **Bảo tồn và phát triển giống xoài tròn Yên Châu mang chỉ dẫn địa lý**/ ThS Lường Trung Hiếu, KS. Lại Hữu Hưng; KS. Nghiêm Văn Hải; KS. Phạm Văn Thảnh; KS. Đào Quốc Khoa; KS. Vũ Hải Yến; KS. Tráng Lao Súa - UBND huyện Yên Châu - UBND huyện Yên Châu, 2019; 07/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá hiện trạng sản xuất, tiêu thụ và tập quán canh tác tới phát triển giống xoài tròn huyện Yên Châu , tỉnh Sơn La cho thấy giống xoài tròn có những ưu điểm là khả năng chịu hạn, phát triển tốt trên đất dốc, dễ trồng, dễ chăm sóc. Đồng thời giống cây gắn liền với giá trị văn hóa người dân bản địa vì vậy có ý nghĩa trong việc bảo tồn và phát triển. Xây dựng quy trình ghép cải tạo cây xoài có năng suất thấp, chất lượng kém, sâu bệnh nhiều, cây sinh trưởng, phát triển tốt. Xây dựng quy trình trồng mới giống xoài tròn ghép, cây sinh trưởng, phát triển tốt. Xây dựng quy trình nhân giống xoài tròn, bằng phương pháp ghép đoạn cành. Xây dựng 2 mô hình thâm canh xoài tròn. Tổ chức thành công 01hội thảo khoa học, đào tạo 06 lớp tập huấn chuyển giao khoa học cho 300 người dân (50 người/lớp) vùng nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 1121/KHXH

83212.10-2022 **Nghiên cứu biện pháp phòng chống các loài sâu, bệnh chính trên cây Chanh leo theo hướng tổng hợp tại Sơn La**/ ThS. Dương Gia Định, ThS. Phạm Thị Lan; KS. Lèo Mạnh An; KS. Lưu Thanh Nga; KS. Nguyễn Thị Hường; KS. Đào Huy Danh; KS. Trần Dũng Tiến; KS. Phạm Văn Thọ; KS. Nguyễn Kim Ngân; KS. Đỗ Thị Thanh Huyền - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Sơn La - Công an tỉnh Sơn La, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thành phần sâu bệnh hại trên cây chanh leo tại Sơn La. Các yếu tố sinh thái địa hình (chân đồi, sườn đồi, đỉnh đồi), tuổi cây, vị trí (gần rừng, xa rừng), canh tác (trồng xen, không trồng xen) đều có ảnh hưởng đến mức độ phát sinh và tỷ lệ gây hại của sâu bệnh chính. Kiểu giàn có ảnh hưởng đến diễn biến và phát sinh gây hại của sâu bệnh chính hại chanh leo, trong đó kiểu giàn đứng chữ I có tỷ lệ hại và mức độ sâu bệnh hại thấp nhất tiếp đến là kiểu giàn chữ T, giàn phẳng cải tiến, giàn truyền thống có tỷ lệ và mức độ sâu

bệnh hại cao nhất. Hiệu lực phòng trừ bệnh của thuốc bảo vệ thực vật.

Số hồ sơ lưu: 1421/KHNN

83213.10-2022 **Xây dựng mô hình nông nghiệp theo hướng hữu cơ cho cây rau, củ tại tỉnh Sơn La**/ ThS. Nguyễn Hoàng Phương, TS. Nguyễn Đức Thuận ThS. Định Thi Phương; ThS. Đặng Văn Công; ThS. Nguyễn Thị Quyên; ThS. Đoàn Hương Giang; ThS. Phạm Thu Hà ; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; CN. Nguyễn Văn Phú ; ThS. Lê Thị Thảo - Trung tâm Nông nghiệp bền vững - Đại học Tây Bắc - Công an tỉnh Sơn La, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Để phát triển sản xuất rau hữu cơ một cách đồng bộ, cần có quy hoạch vùng với các sản phẩm ưu tiên, có cơ chế giao đất dài hạn với hạn điền phù hợp cho mỗi đối tượng sản xuất. Nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong mô hình sản xuất hữu cơ liên kết theo chuỗi giá trị là rất quan trọng, từ đó hình thành và phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất một cách bền vững. Bản thân các đối tượng trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ cần chủ động tìm hiểu, cập nhật các chính sách hỗ trợ của nhà nước cũng như nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Số hồ sơ lưu: 1521/KHXH

83261.10-2022 **Thử nghiệm nuôi thương phẩm cá mú Trân Châu trong ao đất bằng thức ăn công nghiệp**/ Nguyễn Thị Nhặn, - KS. Nguyễn Quốc Huy - CN. Lê Đình Cường - CN. Nguyễn Thị Lệ Xuân - Cam Lâm - Trạm Khuyến Công – Nông – Lâm – Ngư huyện Cam Lâm, 2021; 03/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghề nuôi cá biển nói chung và cá mú Trân Châu nói riêng đang phát triển mạnh mẽ, vì vậy nhu cầu về thức ăn công nghiệp ngày càng lớn và càng cấp thiết. Thức ăn công nghiệp (dạng thức ăn viên) còn có nhiều ưu thế vượt trội hơn so với thức ăn là cá tạp do giá thành hợp lý và ổn định hơn, dễ bảo quản, kiểm soát dịch bệnh tốt hơn, môi trường nước ao nuôi ổn định, chủ động cho ăn, an toàn vệ sinh thực phẩm và giảm áp lực lên tài nguyên biển. Tùy theo tình hình sản xuất và nhu cầu thị trường, nên sử dụng tỉ lệ thức ăn công nghiệp cho cá mú Trân Châu trong ngưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất để giảm chi phí và quản lý tốt ao nuôi.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/314

83289.10-2022 **Nghiên cứu, xây dựng và phát triển thương hiệu dứa Hướng Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc**/ Nguyễn Văn Khải, Nguyễn Thanh Sơn ThS. Nguyễn Văn Khải; ThS. Phùng Mạnh Thắng; ThS. Nguyễn Thanh Sơn; KS. Trần Quốc Chí; KS. Nguyễn Văn Hiếu; KS. Nguyễn Ngọc Khánh - Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tam Dương - Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tam Dương, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm "dứa Hướng

Đạo". Đánh giá hiệu quả kinh tế từ các mô hình thực nghiệm trồng dứa và dự báo khả năng phát triển thương hiệu sản phẩm "dứa Hướng Đạo". Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhân rộng và duy trì phát triển thương hiệu sản phẩm. Đánh giá tổng kết kết quả thực hiện đề tài 03 năm.

Số hồ sơ lưu: 62/ĐTKHVP 2018-2020

83290.10-2022 **Nghiên cứu, xây dựng mô hình sản xuất giống lúa LTh31 ngắn ngày, năng suất và chất lượng tại tỉnh Vĩnh Phúc**/ Trương Công Tuyện, TS. Trương Công Tuyện; TS. Hà Văn Nhân; ThS. Lê Huy Nghĩa; ThS. Vũ Văn Bình; ThS. Trần Thị Liền; KS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Nguyễn Thị Hợi; KS. Phạm Đức Trọng; ThS. Trương Thị Thủy - Công ty Cổ phần giống cây lương thực và cây thực phẩm - Công ty Cổ phần giống cây lương thực và cây thực phẩm, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước về sản xuất lúa và các giống lúa. Khảo sát lựa chọn địa điểm, xây dựng mô hình sản xuất giống lúa LTh31. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác giống lúa LTh31 phù hợp cho tỉnh Vĩnh Phúc. Xây dựng mô hình sản xuất hạt giống các cấp nguyên chủng (NC), xác nhận (XN) cho giống lúa LTh31 tại tỉnh Vĩnh Phúc. Xây dựng mô hình sản xuất thử giống lúa LTh31 tại Vĩnh Phúc. Đào tạo cán bộ kỹ thuật và tập huấn cho nông dân. Đánh giá kết quả nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 66/ĐTKHVP 2018-2020

83403.10-2022 **Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất sản phẩm tỏi đen và hoa Atiso theo chuỗi giá trị tại tỉnh Hà Giang**/ ThS. Phạm Văn Tú - Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội - HĐND - UBND Tỉnh Hà Giang, ThS. Hoàng Nhị Sơn - Thành viên - Bí thư huyện uỷ huyện Xín Mần; ThS. Nguyễn Chí Thâm - Thành viên - Giám đốc Sở Nội vụ; ThS. Trần Quang Minh - Thành viên - Chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra Tỉnh uỷ; KS. Nông Thị Tước - Thành viên - Văn phòng Tỉnh ủy; CN. Phạm Văn Hải - Thành viên, kế toán - Văn phòng Tỉnh ủy. - Hà Giang - Văn phòng Tỉnh ủy Hà Giang, 2021; 07/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong sản xuất tỏi và hoa Atiso theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Hà Giang và đánh giá một số tác dụng sinh học của sản phẩm, làm cơ sở để sản xuất ra các dạng sản phẩm từ tỏi đen Hà Giang và hoa atiso, phục vụ chăm sóc sức khoẻ cộng đồng gắn với phát triển du lịch. Xây dựng quy trình ứng dụng công nghệ sản xuất tỏi đen và hoa Atiso trong chế biến món ăn, đồ uống nâng cao sức khỏe con người: Quy mô 04 loại sản phẩm (Tỏi đen nguyên củ, rượu ngâm tỏi đen, trà actiso, món ăn hoa atiso). Thiết kế thương hiệu, thị trường tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng 01 Hợp tác xã khởi nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKH&CN-01/2021

83413.10-2022 **Nghiên cứu công thức pha chế và ứng dụng chế phẩm (thuốc) đa dụng phòng trừ dịch ruồi vàng hại quả ổi Đài Loan, bệnh nấm mốc, rám quả bưởi Diễn tại Vĩnh Phúc**/ Hoàng Thanh Đức, TS. Hoàng Minh Đức; TS.Phạm Hương Quỳnh; TS. Đặng Hữu Trung; PGS.TS. Nguyễn Thế Hữu; TS.Vũ Thị Cương; TS. Nguyễn Văn Mạnh; ThS. Phạm Thị Ngọc Minh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS.Nguyễn Minh Tân; BS Thú y. Hoàng Thị Mai; ThS. Hoàng Minh Tuệ; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Văn Bộ; KS. Nguyễn Kim Tích - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2020; 02/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về chế phẩm (thuốc) phòng trừ ruồi vàng, bệnh nấm mốc, rám quả nói chung và ruồi vàng hại quả ổi Đài Loan, bệnh nấm mốc, bệnh rám quả bưởi Diễn nói riêng. Nghiên cứu xác định chủng loại, đặc điểm sinh trưởng của ruồi vàng tại Sông Lô và Yên Lạc, từ đó lựa chọn thành phần các hoạt chất dùng pha chế chế phẩm và phương pháp phun thuốc đạt hiệu quả. Tập huấn, hướng dẫn sử dụng chế phẩm thuốc đa dụng phòng chống ruồi vàng và bệnh dám quả bưởi Diễn, ổi Đài Loan cho bà con trồng ổi Đài Loan và bưởi Diễn tại Sông Lô và Yên Lạc. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, môi trường của chế phẩm và phân tích một số chỉ tiêu liên quan đến an toàn thực phẩm sau khi sử dụng chế phẩm. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị ứng dụng, nhân rọng kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 31/ĐTKHVP 2019-2020

84083.10-2022 **Thử nghiệm phương pháp cấy trầm sinh học trên cây dó bầu (Aquilaria crassna) tại Khánh Hòa**/ Trần Giỏi, - KS. Nguyễn Văn Hiếu - KS. Lưu Nguyên - ThS. Trần Hữu Đăng - CN. Nguyễn Huỳnh Tú Uyên - Nha Trang, Khánh Hòa - Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Khánh Hòa, 2021; 04/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhìn chung, quá trình thử nghiệm cấy tạo trầm bằng phương pháp sinh học đã cho kết quả khả quan, cả 3 loại chế phẩm sinh học đều kích ứng tốt và tạo được các vệt trầm. Kết quả trên cũng góp phần hoàn thiện quy trình cấy tạo trầm sinh học phù hợp với điều kiện tại Khánh Hòa, cung cấp thêm dữ liệu về nghiên cứu ứng dụng các chế phẩm cấy tạo trầm. Sự thành công của phương pháp cấy tạo trầm sinh học sẽ gắn kết với định hướng phát triển cây Dó tại Khánh Hòa. Khánh Hòa từng được vinh danh là ”Xứ Trầm Hương“, mặc dù trầm hương đã cạn kiệt nhưng vẫn là niềm tự hào, là biểu tượng của Khánh Hòa.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/316

84084.10-2022 **Trồng thử nghiệm cây sâm Bố Chính (*Hibiscus Sagittifolius*) trên địa bàn thị xã Ninh Hòa**/ Trần Thanh Hiếu, - CN. Nguyễn Thị My Sa -

KS. Đỗ Duy Phê - KTV. Lê Phú - Ninh Hòa - UBND thị xã Ninh Hòa, 2022; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Theo kết quả phân tích thành phần dược liệu trong Sâm Bố chính của Viện khoa học và ứng dụng Nha Trang, cho thấy thành phần củ sâm Bố chính được trồng trên vùng đất thị xã Ninh Hòa tương đối đầy đủ các dược tính, trong đó thành phần chính là Saponin tại mô hình đất bằng đạt 2,46 % và mô hình đất dốc đạt 1,51%. Đã tổng hợp đúc kết được quy trình thâm canh cây sâm bố chính phù hợp tại Ninh Hòa. Tập huấn phổ biến kỹ thuật cho 50 lượt người.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/317

40101. Nông hoá

83273.10-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất, sử dụng chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất và nấm rễ cộng sinh Mycorrhiza phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững tại tỉnh Quảng Nam**/ CN. Huỳnh Hữu Thắng, CN. Bùi Văn Tuất; KS. Phạm Viết Tịnh; ThS. Lê Thị Tường Vi; CN. Nguyễn Thị Phượng; CN. Nguyễn Thị Kim Chi - Quảng Nam - Trung tâm Khoa học và Công nghệ, 2021; 11/2016 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận các quy trình công nghệ về sản xuất và sử dụng chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất và chế phẩm nấm rễ cộng sinh Mycorrhiza. Xây dựng mô hình sản xuất chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất, chế phẩm nấm rễ cộng sinh Mycorrhiza. Xây dựng 04 mô hình khảo nghiệm sử dụng chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất, chế phẩm nấm rễ cộng sinh Mycorrhiza trong sản xuất ngô, đậu xanh, rau và cây có múi. Tiến hành đào tạo chuyển giao công nghệ cho 08 cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Ứng dụng và Thông tin KH- CN Quảng Nam và tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả, an toàn và bền vững sử dụng chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất và nấm rễ cộng sinh Mycorrhiza, cho 300 cán bộ cơ sở và nông dân vùng dự án.

Số hồ sơ lưu: 20010

83305.10-2022 **Nghiên cứu một số giải pháp cải thiện độ phì của đất và năng suất cây trồng trên đất khô hạn ven biển tỉnh Thanh Hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu**/ TS. Phạm Anh Hùng, TS. Trần Thị Hồng; TS. Nguyễn Hữu Huấn; TS. Lê Sỹ Chính; ThS. Trần Thị Hằng; TS. Nguyễn Việt Hoài; ThS. Phạm Hùng Sơn; ThS. Lê Sỹ Chung; ThS. Lê Thị Kim Dung; TS. Nguyễn Ngân Hà - Thanh Hóa - Trung tâm Nghiên cứu Quan trắc và Mô hình hóa Môi trường, 2020; 08/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng điều khí hậu, đất đai và kinh tế xã hội trong mối quan hệ với sản xuất cây trồng vùng đất khô hạn ven biển tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu thực trạng và đề xuất hệ thống biện pháp kỹ thuật nâng cao độ phì của đất và năng suất cây trồng trên đất khô hạn ven biển tỉnh Thanh Hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu. Xây dựng mô hình thí nghiệm

các biện pháp kỹ thuật cải thiện độ phì của đất và nâng cao năng suất cây trồng trên đất khô hạn ven biển tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng các biện pháp kỹ thuật đối với cây lúa, ngô, khoai lang. Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện khô hạn vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. Đề xuất một số giải pháp cải thiện độ phì của đất và năng suất cây trồng trên đất khô hạn ven biển tỉnh Thanh Hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu (giống, phân bón, kỹ thuật canh tác).

Số hồ sơ lưu: THA-034-2021

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

82076.10-2022 **Nghiên cứu giải pháp khoa học và công nghệ tổng hợp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất lạc ở vùng đất khô hạn tại Bắc Giang và một số tỉnh phía Bắc**/ TS. Đồng Thị Kim Cúc, ThS. Nguyễn Xuân Thu; ThS. Phan Thanh Phương; PGS.TS. Trần Đăng Khánh; KS. Lê Thanh Nhuận; KS. Nguyễn Đức Cương; ThS. Nguyễn Thanh Loan; KS. Nguyễn Thị Thúy Ngoan; KS. Nguyễn Văn Quang; ThS. Phạm Thị Mai - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021; 06/2016 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng sản xuất lạc tại tỉnh Bắc Giang, Hòa Bình, Hà Tĩnh. Thu thập, đánh giá nguồn vật liệu thích hợp cho 3 vùng sinh thái cho các mẫu giống lạc chịu hạn, năng suất. Đánh giá tính chịu hạn và chọn lọc giống lạc chịu hạn bằng chỉ thị phân tử. Xây dựng quy trình kỹ thuật tổng hợp cho các giống lạc trên các vùng đất khô hạn (Bắc Giang, Hòa Bình, Hà Tĩnh). Nghiên cứu hiệu quả của một số phương thức giữ ẩm để tăng năng suất cho giống lạc mới. Xây dựng 03 mô hình trình diễn (quy mô 5ha/mô hình) tại Bắc Giang, Hòa Bình, Hà Tĩnh.

Số hồ sơ lưu: 19525

82489.10-2022 **Ứng dụng Tiến bộ khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa gạo BQ chất lượng tại Hà Tĩnh**/ KS. Trần Thị Lài, CN. Nguyễn Thị Thuấn; ThS. Hoàng Hiệp; KS. Nguyễn Văn Hạnh; KS. Nguyễn Thị Hà; KS. Hoàng Thị Tuyết; KS. Phan Việt Hùng; GS.TSKH Trần Duy Quý; TS. Trần Duy Dương; CN. Trần Thị Hoa - Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tĩnh, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án đã tiếp nhận và làm chủ được 03 quy trình công nghệ sản xuất hạt lúa giống BQ cấp xác nhận 1, quy trình kỹ thuật thâm canh lúa thương phẩm BQ, quy trình thu hoạch và xay xát chế biến gạo chất lượng BQ; Đào tạo được 10 kỹ thuật viên cơ sở chuyên sâu về công nghệ sản xuất giống, sản xuất gạo thương phẩm theo quy mô hàng hóa; tập huấn được cho 429 hộ dân nắm vững kỹ thuật về sản xuất, thu hoạch và bảo quản lúa; Xây dựng thành công mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất hạt giống lúa, sản xuất lúa thương phẩm, xay xát chế biến gạo BQ.

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –006/ KQNC

82490.10-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất một số giống ngô lai mới có triển vọng tại Hà Tĩnh**/ ThS. Hoàng Hiệp, KS. Trần Thị Lài; CN. Nguyễn Thị Thuấn; KS. Nguyễn Văn Hạnh; KS. Nguyễn Thị Hà; KS. Hoàng Thị Tuyết; KS. Đinh Văn Hải; TS. Lê Quý Tường - Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tĩnh, 2021; 10/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án được triển khai tại 3 huyện Hương Khê, Vũ Quang, Hương Sơn trên diện tích 60 ha, thu hút 300 hộ dân tham gia. Các giống ngô QT35, QT55, QT68 có thời gian sinh trưởng ngắn, thích hợp trên nhiều loại đất. Đặc biệt, các giống QT35, QT55 qua đánh giá sơ bộ cho thấy cho năng suất hạt rất cao, trung bình khoảng 8 tấn/ha

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –007/ KQNC

83111.10-2022 **Chọn tạo giống lúa japonica phù hợp với chế biến dầu cám gạo tại Việt Nam**/ GS. TS. Phạm Văn Cường, PGS. TS. Tăng Thị Hạnh; TS. Trần Thị Thiêm; TS. Đỗ Thị Hường; TS. Nguyễn Hồng Hạnh; TS. Nguyễn Thị Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Quốc Trung; PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Hoàng Lan; PGS. TS. Nguyễn Văn Hoan - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn tạo 01 dòng lúa japonica triển vọng phục vụ chế biến dầu cám gạo và phù hợp với điều kiện sinh thái ở miền Bắc Việt Nam. Năng suất đạt 5,5 - 6,0 tấn/ha/vụ, khối lượng phôi ≥ 0,7mg, độ dày vỏ lụa ≥ 24µm, tỷ lệ khối lượng phôi/hạt từ 7-10%, hàm lượng dầu trong cám đạt ≥ 20%. Hoàn thiện quy trình canh tác cho dòng lúa triển vọng đạt năng suất và chất lượng và hoàn thiện quy trình chế biến dầu thô từ cám gạo đạt trên 20%. Nghiên cứu xây dựng 02 mô hình trồng dòng lúa japonica mới tại 02 vùng sinh thái ở miền Bắc với quy mô 1 ha/vùng. Đồng thời, tham gia đào tạo 01 thạc sỹ, công bố 2 bài báo khoa học (1 bài trong nước, 1 bài ở tạp chí nước ngoài trong danh mục scopus/ISI).

Số hồ sơ lưu: 19961

83172.10-2022 **Ảnh hưởng của bón silic và boron, phun ethephon qua lá lên sinh trưởng, năng suất và phẩm chất mè tại An Giang**/ ThS. Võ Thị Xuân Tuyền, - An Giang - Đại học An Giang, 2019; 12/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Điều tra hiện trạng kỹ thuật canh tác mè bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp 90 hộ trồng mè trên địa bàn tỉnh An Giang; Xác định nồng độ ethephon (0, 50, 100, 200, 300, 400 và 500 ppm) phun qua lá nhằm thúc chín quả mè; Đánh giá hiệu quả của việc bón silic, boron và phun ethephon qua lá lên sinh trưởng, năng suất và phẩm chất mè vụ Xuân Hè 2018 tại xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên.

Số hồ sơ lưu: AGG-035-2021

83256.10-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống lúa thuần năng suất, chất lượng, hiệu quả cao phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp Thanh Hóa**/ KS. Trần Phong Sắc, KS. Lê Thị Hương; TS. Nguyễn Thị Lan; TS. Trần Thị Ân; TS. Tống Văn Giang; TS. Lê Văn Cường - Thanh Hóa - Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Hồng Đức, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của các giống lúa mới. Đăng ký bảo hộ tạm thời các giống lúa được chọn tạo. Chọn và làm thuần giống trong vụ Xuân 2017(G0), vụ Mùa 2017(G1) và vụ Xuân 2018 (G2 phục vụ khảo nghiệm sản xuất) Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật canh tác giống lúa thuần mới. Đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh và chất lượng cơm gạo của các giống lúa có triển vọng. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận sản xuất thử cho 01 giống lúa được chọn tạo. Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài.

Số hồ sơ lưu: THA-026-2021

83294.10-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống ngô lai mới, ngắn ngày, năng suất cao, chống chịu tốt, thích hợp với các vùng trồng ngô tỉnh Thanh Hóa**/ TS. Lê Văn Ninh, TS. Lê Quý Tường; ThS. Nguyễn Văn Hoan; ThS. Trần Thị Mai; ThS. Phạm Hữu Hùng; ThS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Lê Thị Hường - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá các dòng ngô thuần và lai các tổ hợp ngô lai mới. Khảo sát, đánh giá các tổ hợp lai mới và phân tích chất lượng ngô hạt. Chọn tạo giống ngô lai mới và khảo nghiệm các giống ngô lai mới tại Bắc Trung bộ. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật canh tác giống và xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm các giống ngô lai mới triển vọng.

Số hồ sơ lưu: THA-031-2021

83395.10-2022 **Mô hình trồng thử nghiệm giống lúa chất lượng cao ST 25**/ ThS. Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Quang Phúc; Đặng Ngọc Thăng; Hoàng Văn Hải; Hồ Hữu Tuấn - Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ Nông nghiệp Đại Phong - Hợph tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Đại Phong, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá được khả năng sinh trưởng phát triển, khả năng chống chịu sâu bệnh, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của giống lúa ST25; Xây dựng quy trình sản xuất giống lúa ST25 phù hợp với huyện Lệ Thủy

Số hồ sơ lưu: 13/2021-QLKHCN-CS

83562.10-2022 **Khai thác và phát triển nguồn gen lúa đặc sản Huyết Rồng tại vùng Bắc Trung Bộ**/ TS. Tạ Hồng Lĩnh, ThS. Phạm Văn Tính; ThS. Nguyễn Phi Long; ThS. Nguyễn Anh Dũng; ThS. Lê Thu Hằng; TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Trịnh Đức Toàn; KS. Võ Thị Nhung; KS. Hoàng Quang Dưỡng; KS. Bùi Thị Oanh - Hải

Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2022; 06/2017 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá bổ sung đặc điểm nông sinh học đặc trưng, ứng dụng chỉ thị phân tử đánh giá sự khác biệt của các mẫu giống lúa thu thập, đánh giá khả năng chống chịu, phân tích chất lượng các mẫu giống thu thập giống của giống lúa đặc sản Huyết rồng. Nghiên cứu phục tráng giống lúa đặc sản Huyết rồng. Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật canh tác và khả năng thích ứng của một số dòng/giống lúa đặc sản Huyết rồng. Xây dựng mô hình và hoàn thiện quy trình bảo quản, chế biến phù hợp cho giống lúa đặc sản Huyết rồng. Tổ chức hội thảo khoa học về giống lúa đặc sản Huyết rồng.

Số hồ sơ lưu: 20160

83585.10-2022 **Sản xuất hạt giống phẩm chất cao quy mô công nghiệp đối với các giống lúa chủ lực và có giá trị hàng hóa cao phục vụ xuất khẩu cho vùng đồng bằng sông Cửu Long**/ TS. Dương Hoàng Sơn, TS. Mai Nguyệt Lan; TS. Huỳnh Văn Nghiệp; TS. Đoàn Mạnh Tường; ThS. Phạm Trung Kiên; ThS. Lê Thị Mỹ Nhung; ThS. Trương Thị Kiều Liên; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai; KS. Phan Quốc Thứ; KS. Phạm Văn Mịch - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2022; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình thâm canh và sản xuất giống cho các giống lúa sản xuất thử nghiệm. Tổ chức sản xuất giống lúa quy mô công nghiệp cho các giống lúa đã được công nhận chính thức cấp quốc gia (giống lúa chủ lực). Xây dựng mô hình lúa hàng hoá chất lượng cao tập trung phục vụ xuất khẩu và nội tiêu, với các mô hình quy mô cánh đồng mẫu liên kết sản xuất và áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến, bền vững và hiệu qua. Đào tạo cán bộ kiểm tra, đánh giá chất lượng lúa giống, cán bộ kỹ thuật và người nông dân.

Số hồ sơ lưu: 20192

83640.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng gói kỹ thuật canh tác tiên tiến nâng cao hiệu quả sản xuất lúa cho các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**/ TS. Phan Thị Thanh, ThS. Đỗ Thế Hiếu; TS. Nguyễn Văn Khởi; ThS. Nguyễn Thị Anh; PGS.TS. Nguyễn Trí Hoàn; ThS. Nguyễn Thị Sen; ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngót; ThS. Lê Huy Nghĩa; TS. Chu Anh Tiệp; TS. Hoàng Ngọc Thuận; PGS.TS. Mai Xuân Trịnh - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2021; 07/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến và bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất lúa và đảm bảo chất lượng gạo cao, an toàn thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu được công nhận tiến bộ kỹ thuật, đạt các tiêu chí: Giảm chi phí đầu vào, sản xuất bền vững, giảm phát thải khí nhà kính; đạt năng suất, chất lượng cao, tăng thu nhập cho người trồng lúa; Nâng cao tỷ lệ sử dụng giống; Nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm thiểu thất thoát phân bón; Áp dụng kỹ thuật tưới nước tiết

kiện nông - lộ - phơi để giảm lượng nước tưới 30-40%; Sử dụng thuốc BVTV theo phương thức 4 đúng; Cơ giới hóa sản xuất, chế biến... nhằm giảm giảm tổn thất sau thu hoạch. Xây dựng 3 mô hình (quy mô 15-20 ha/ mô hình/ vụ) ứng dụng quy trình kỹ thuật tại 3 tỉnh đại diện vùng trồng lúa chính ĐBSH, tăng hiệu quả kinh tế ít nhất 25%.

Số hồ sơ lưu: 20199

83680.10-2022 **Đề tài Khảo nghiệm, tuyển chọn một số giống lúa chất lượng cao, năng suất khá, phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Bắc Kạn.**/ TS. Trịnh Thị Thanh Hương, TS. Trịnh Thị Thanh Hương; ThS. Phạm Thị Tươi; ThS. Phạm Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Văn Cường; KS. Trần Thị Thu Trang; KS. Trịnh Thị Hương; ThS. Chu Thị Đào; KS. Trần Huy Bình; KS. Phạm Văn Tuấn; ThS. Đỗ Tuấn Tùng. - Trung tâm Thực nghiệm Sinh học Nông nghiệp Công nghệ cao - Trung tâm Thực nghiệm Sinh học Nông nghiệp Công nghệ cao., 2019; 06/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo nghiệm 10 giống lúa có chất lượng cao, năng suất khá kết quả đã tuyển chọn được 4 giống lúa phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Bắc Kạn. Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất và tiêu thụ lúa gạo chất cao, có sự bao tiêu của Doanh nghiệp tư nhân Nhất Thúy (Ninh Bình) và Hợp tác xã Hoàn Thành (Bắc Kạn). Tổ chức tiêu thụ được 2,11 tấn thóc Sơn Lâm 1 khô và 41,187 tấn thóc ĐS1 tươi. Xây dựng mô hình trình diễn thử nghiệm với quy mô 40 ha. Tập huấn cho 100 hộ nông dân vùng thực hiện đề tài nắm vững quy trình kỹ thuật sản xuất giống lúa Sơn Lâm 1 và ĐS1. Tổ chức 02 hội thảo đầu bờ, số lượng đại biểu 100 người. Các đại biểu đánh giá kết quả mô hình thực hiện theo đúng tiến độ đảm bảo diện tích và cấp phát đầy đủ nguyên vật liệu hỗ trợ cho người dân.

Số hồ sơ lưu: Số 14/2019 Quyển 01-STD-QLCNCN

83871.10-2022 **Đánh giá, tuyển chọn, nhân các giống lúa mùa đặc sản, lúa chất lượng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**/ KS Lâm Văn Tính, PGS TS. Võ Công Thành; ThS. Trần Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thị Kim Nhung; KS. Phạm Thái Huân; KS. Trần Bạch Phát; KS. Huỳnh Thị Mỹ Linh; KTV. Võ Quang Trung; KTV. Đái Phương Mai - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh - Sở Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh, 2021; 11/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất lúa tỉnh Tây Ninh; Phục tráng hai giống lúa mùa đặc sản của tỉnh (Huyết Rồng và Khao dawk mali); Chọn tạo giống lúa mới cho tỉnh; Xây dựng mô hình canh tác và tổ chức hội thảo đầu bờ cho 3 giống lúa

Số hồ sơ lưu: K02/2021

83873.10-2022 **Xây dựng giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh khảm lá khoai mì tại tỉnh Tây Ninh**/ Nguyễn Văn Hồng, . ThS. Huỳnh Thị Ngọc Hương; KS. Lê Thị Kiều Trang; KS. Võ Thị Ngọc Tỷ; TS. Trịnh Xuân Hoạt; ThS. Mai Văn

Quân; KS. Lê Quang Mẫn; ThS. Ngô Quang Huy; TS. Bùi Quang Dũng; KS. Thế Thành Nam - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh - Sở Nông nghiệp và PTNT Tây Ninh, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định nguyên nhân và tác hại của bệnh vi rút khảm lá khoai mì tại Tây Ninh; Xác định phương thức lan truyền bệnh tại Tây Ninh; Xác định đặc điểm sinh học, sinh thái, quy luật phát sinh và gây hại của loài bọ phấn trắng truyền bệnh tại Tây Ninh và các yếu tố ảnh hưởng; Xác định các giải pháp quản lý bệnh; Xây dựng quy trình kỹ thuật, mô hình quản lý tổng hợp bệnh

Số hồ sơ lưu: K04/2021

84019.10-2022 **Xây dựng mô hình liên kết sản xuất giống lúa chất lượng cao LH12 theo chuỗi giá trị tại Lào Cai**/ PGS. TS. Lê Quốc Thanh, ThS. Phạm Văn Dân; ThS. Nguyễn Hữu Hiệu; ThS. Vũ Văn Dũng; ThS. Phạm Văn Vũ; ThS. Nguyễn Văn Trung; ThS. Đàm Quang Minh; Nguyễn Thị Sen; KS. Trần Thị Hường - Hà Nội - Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, 2019; 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất hạt giống LH12 các cấp cho Trung tâm giống cây trồng Lào Cai. Xây dựng mô hình liên kết sản xuất giống lúa LH12 tại Lào Cai theo chuỗi giá trị, tăng hiệu quả kinh tế cho người dân từ 15-20%. Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất hạt giống nguyên chủng và thương phẩm. Xúc tiến thương mại và phát triển thị trường sản phẩm gạo chất lượng LH12 trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Hỗ trợ 01 doanh nghiệp của tỉnh bao tiêu và phát triển sản phẩm gạo chất lượng LH12 mang nhãn hiệu vùng sản xuất).

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-033

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

82487.10-2022 **Ứng dụng Tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình kinh tế tổng hợp tại xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh**/ KS. Phan Văn Huy, CN. Trần Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Thị Hà; CN. Phan Hoàng Trường; CN. Hồ Thị Giang; CN. Phan Văn Thể; CN. Võ Thị Thùy Liên; CN. Lê Thị Bích Hảo - Hà Tĩnh - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Hà Tĩnh, 2021; 08/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng các mô hình tổng hợp: trồng ổi OĐL1; chăn nuôi gà bán tự nhiên; nuôi ong lấy mật; trồng nấm sò, mộc nhĩ, các mô hình đều cho kết quả khả quan và có hướng tái đầu tư phát triển. Kết quả của mô hình là cơ sở khoa học và thực tiễn để người dân trong vùng tham quan học tập kinh nghiệm, nhân rộng trên địa bàn xã và các địa phương lân cận; nâng cao nhận thức cho người dân trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn, tạo thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân vùng nông thôn miền núi; đào tạo được nguồn nhân lực, sẵn

sàng tiếp cận với các tiến bộ khoa học công nghệ để áp dụng vào phát triển sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –005/ KQNC

83141.10-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình nhân giống và sản xuất các giống Cam V2, CT36, BH chất lượng cao tại vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa**/ ThS. Lê Huy Khiêm, ThS. Nguyễn Hữu Trình; CN. Nguyễn Thái Hà; KS. Hoàng Khắc Vấn; CN. Lê Phú Hải; GS. TS. Đỗ Năng Vịnh; PGS. TS. Hà Thị Thúy; TS. Trần Ngọc Thanh; KS. Trịnh Hồng Sơn - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, 2021; 08/2017 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng hệ thống nhà lưới quy mô 2.000m2 để lưu giữ cây mẹ và vườn ươm giống quy mô 3.000m2 để ươm, nhân giống. Tiếp nhận, chuyển giao thành công các quy trình kỹ thuật: trồng và chăm sóc giống cây mẹ; Ươm nhân giống cam, sản xuất cam thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP. Đồng thời xây dựng các mô hình sản xuất cam tại các vùng đại diện ở Thanh Hóa với quy mô 100 ha để làm hạt nhân cho mở rộng sản xuất lớn tại các huyện trọng điểm cam trong tỉnh. Tiến hành đào tạo được 10 kỹ thuật viên cơ sở về kỹ thuật sản xuất giống và kỹ thuật trồng trọt cam thương phẩm chất lượng cao và tập huấn cho 200 lượt nông dân các vùng dự án về kỹ thuật trồng trọt cam thương phẩm chất lượng cao.

Số hồ sơ lưu: 19963

83158.10-2022 **Trồng thử nghiệm một số giống táo (Ziziphus mauritania lamk) mới có năng suất cao, chất lượng tại Sơn La**/ TS. Đoàn Xuân Cảnh, - Sơn La - Viện Cây lương thực và thực phẩm, 2020; 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lựa chọn giống táo mới có năng suất cao, chất lượng tốt bổ sung vào cơ cấu giống cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Sơn La. Xác định được vùng sinh thái thích hợp trồng táo cho hiệu quả kinh tế cao. Tuyển chọn được 1-2 giống táo thích hợp cho năng suất cao chất lượng tốt. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống táo phù hợp với điều kiện tỉnh Sơn La. Xây dựng mô hình sản xuất táo hàng hoá bằng các giống táo mới.

Số hồ sơ lưu: SLA-025-2021

83183.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng gói kỹ thuật đồng bộ cho cây cà phê nhằm nâng cao giá trị gia tăng cà phê, phục vụ nội tiêu và xuất khẩu**/ TS. Phan Việt Hà, ThS. Đinh Thị Nhã Trúc; TS. Phan Thanh Bình; ThS. Trịnh Xuân Hồng; ThS. Hoàng Thị Ái Duyên; ThS. Hoàng Hải Long; CN. Nguyễn Vũ Kỳ; KS. Lê Thừa Hoài Sơn; KS. Phạm Văn Thao; TS. Nguyễn Phi Hùng - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình tái canh cà phê, trồng mới trên cơ sở áp dụng các giải pháp tổng hợp theo hướng

BAP và quy trình thâm canh bền vững theo hướng BAP có hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở sử dụng các giống có phẩm cấp (đạt yêu cầu về năng suất và chất lượng). Đồng thời, xây dựng quy trình công nghệ nhân giống cà phê chất lượng cao bằng phương pháp in vitro định hướng quy mô công nghiệp. Nghiên cứu kỹ thuật canh tác cà phê bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở trồng xen các cây ăn quả lâu năm và áp dụng các biện pháp canh tác hợp lý, tiết kiệm chi phí đầu vào, tăng hiệu quả kinh tế trên diện tích gieo trồng. Tiến hành xây dựng quy trình xử lý cận thu hoạch bằng chế phẩm sinh học nâng cao tỷ lệ quả chín đều khi thu hoạch, đảm bảo chất lượng cao, tăng hiệu quả kinh tế trên diện tích gieo trồng. Xây dựng 4 mô hình trình diễn sử dụng các giống cà phê mới được công nhận có năng suất và chất lượng cao.

Số hồ sơ lưu: 19968

83184.10-2022 **Sản xuất hạt giống và cây giống mới chất lượng cao phục vụ trồng mới và trồng tái canh cà phê ở các vùng trọng điểm, tập trung**/ ThS. Đào Hữu Hiền, TS. Trần Anh Hùng; ThS. Bùi Ngọc Thơ; CN. Bùi Văn Khánh; ThS. Trần Quốc Hùng; CN. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh; ThS.Trần Thị Hoàng Anh; KS. Phạm Văn Thao; CN. Trương Văn Tân; TS. Trần Vinh - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện các quy trình sản xuất hạt giống, cây giống, đáp ứng yêu cầu sản xuất cà phê bền vững, giảm phát khí thải nhà kính và cho năng suất ổn định, gia tăng chất lượng cà phê và giá trị nội tiêu và xuất khẩu. Tiến hành liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hạt giống, cây giống mới, hạt giống cây giống đang trồng phổ biến bảo đảm chất lượng, chuyển giao cho sản xuất đáp ứng đủ trồng cho các vùng trồng tập trung trên cả nước. Xây dựng các mô hình sản xuất cà phê (20 ha cà phê vối và 10 ha cà phê chè) bền vững tại các vùng đại diện và cho kết quả năng suất mô hình cao hơn so với mô hình đối chứng tại các địa phương từ 10 - 15% và năng suất vào kinh doanh ổn định cà phê vối (trên 3 tấn nhân/ha); cà phê chè (trên 2,5 tấn nhân/ha).

Số hồ sơ lưu: 19967

83276.10-2022 **Mô hình trồng dừa xiêm tại vùng nam thị xã Ba Đồn**/ ThS. Lê Thị Hương Giang, Lê Thị Hương Giang; Bùi Thị Thục Anh; Trần Thế Hùng; Phạm Thanh Tâm; Phạm Văn Hoàn - Hợp tác xã sản xuất dịch vụ Nông nghiệp Phú Trịch - Hợp tác xã sản xuất dịch vụ Nông nghiệp Phú Trịch, 2021; 10/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng sinh trưởng, khả năng thích nghi với điều kiện đất đai, khí hậu của cây dừa xiêm xanh trên vùng đất trồng lúa chuyển đổi của xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đời sống cho người dân; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây dừa xiêm xanh trên vùng đất trồng lúa chuyển đổi; Nghiên cứu sự sinh trưởng của cây dừa xiêm xanh;

Đánh giá tình hình sâu bệnh hại trên cây dừa xiêm xanh

Số hồ sơ lưu: 11/2021-QLKHCN-CS

83642.10-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng bưởi diễn hàng hóa tại miền núi tỉnh Phú Thọ**/ ThS. Hoàng Thị Loan, ThS. Đào Tuấn Minh; KS. Nguyễn Thị Hải Yến; Vi Thị Hạnh; KS. Nguyễn Công Minh; Cử nhân. Luyện Thị Vân Anh; KS. Nguyễn Trung Kiên; Cử nhân. Hứa Thị Thanh Huyền; KS. Hà Văn Hùng; KS. Đinh Công Thọ; TS. Triệu Tiến Dũng - Phú Thọ - Trung tâm Ứng dụng và Thông tin Khoa Học và Công Nghệ Phú Thọ, 2021; 11/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng thâm canh bưởi Diễn sản xuất hàng hóa, nhằm khai thác có hiệu quả diện tích đất đồi, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi, bảo vệ môi trường sinh thái, làm đa dạng nguồn gen và phát triển bền vững ở tỉnh Phú Thọ. Xây dựng các mô hình: 0,5 ha vườn nhân giống; 200ha trồng mới bưởi Diễn hàng hóa; 02 ha mô hình tưới nước nhỏ giọt. Đào tạo 07 cán bộ kỹ thuật, tập huấn cho 500 lượt cán bộ khuyến nông và nông dân trong vùng dự án; Tiếp nhận và làm chủ 12 các quy trình công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 20198

84021.10-2022 **Nghiên cứu phát triển một số giống hoa hồng Bulgaria trồng chậu phục vụ du lịch tại tỉnh Lào Cai**/ ThS. Nguyễn Viết Dũng, GS. TS. Phạm Xuân Hội; TS. Lê Đức Thảo; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa; KS. Phạm Như Quỳnh; KS. Hồ Khắc Tráng; KS. Đặng Thị Nhẫn; KS. Nguyễn Thị Bích Chi - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021; 03/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, tình hình, khả năng phát triển du lịch sinh thái gắn với hoa cây cảnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Đánh giá tính thích ứng của bộ giống hoa hồng nhập nội trên địa bản tỉnh Lào Cai.Nghiên cứu, hoàn thiện qui trình kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp ghép và giâm cành. Nghiên cứu, hoàn thiện qui trình trồng, chăm sóc cho bộ giống hoa hồng nhập nội trên địa bản tỉnh Lào Cai. Xây dựng mô hình nhân giống. Đào tạo chuyển giao kỹ thuật, tập huấn kỹ thuật về qui trình nhân giống và trồng trọt, chăm sóc.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-036

84041.10-2022 **Ứng dụng công nghệ IoT (internet of thing) vào sản xuất dưa lưới trong nhà màng tại huyện Cẩm Xuyên**/ KS. Lê Quang Thuyết, ThS. Lê Ngọc Hà - đồng chủ nhiệm; KS. Trần Thị Linh; KS. Lê Anh Tuấn; KS. Đào Quốc Chiến - Hà Tĩnh - Văn phòng Điều phối thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Cẩm Xuyên, 2021; 02/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng 01 mô hình mẫu về ứng dụng giải pháp công nghệ IoT (inetnet of thing) vào sản xuất dưa lưới trong nhà màng tại huyện Cẩm

Xuyên, cụ thể: Điều khiển, vận hành hệ thống tưới nước, dinh dưỡng hoàn toàn tự động qua điện thoại thông minh, máy tính có kết nối Internet. Giám sát các yếu tố môi trường như: nhiệt độ, độ ẩm không khí, nhiệt độ, độ ẩm đất, độ dẫn điện của đất, ánh sáng và dinh dưỡng đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Xây dựng Sổ tay hướng dẫn ứng dụng giải pháp công nghệ IoT vào quá trình sản xuất nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –011/ KQNC

84101.10-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ trong tuyển chọn cây ưu tú và phát triển cây mơ vàng tại tỉnh Bắc Kạn**/ TS. Ngô Hồng Bình, TS. Ngô Hồng Bình; KS. Phan Thị Thu; ThS. Bùi Thị Trâm Anh; KS. Nguyễn Đạt Hùng; ThS. Dương Vũ Gia Khánh; KS. Ngô Diệu Linh; KS. Ngô Hồng Quang; ThS. Đỗ Thị Thu Hằng; KS. Ngô Xuân Tùng - Viện Nghiên cứu và Phát triển công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây, 2021; 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn được 35 cây, giống mơ vàng ưu tú, các cây ưu tú sinh trưởng khỏe, năng suất cao (60,2-99,3 kg/cây 22 năm tuổi), ổn định, chất lượng tốt, đạt yêu cầu nhân giống phục vụ sản xuất. Cải tạo được 31,1 ha giống mơ vàng Bắc Kạn, các cây được cải tạo đều có năng suất cao, vượt trội so với cây không cải tạo, năng suất mô hình cải tạo tăng 224,2-243,1% so với không tác động các biện pháp kỹ thuật. Xây dựng được mô hình trồng mới 10,0 ha mơ vàng Bắc Cạn. Tổ chức tập huấn cho 112 lượt hộ dân trực tiếp tham gia mô hình. Tổ chức hội thảo khoa học cây mơ vàng Bắc Kạn. Sau khi thăm quan mô hình, các đại biểu đánh giá cao kết quả mô hình trồng mới.

Số hồ sơ lưu: 04/2021 Quyển số 01-STD-QLCNCN

84102.10-2022 **Phát triển sản xuất một số cây trồng hàng hóa góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn**/ ThS. Ma Đình Tranh, ThS. Ma Đình Tranh; KS. Hoàng Thị Thùy; KS. Nông Thị Bắc; KS. Triệu Văn Sỹ; CN. Ma Đình Toàn; ThS. Vũ Trí Quân; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; CN. Ma Thanh Lê - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Chợ Đồn - Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chợ Đồn, 2021; 03/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát điều tra trực tiếp tại diện tích của các hộ triển khai dự án Cải tạo cây hồng với 59 hộ, Mô hình trồng mận chín sớm có 24 hộ, Mô hình trồng mới hồng không hạt có 51 hộ, Mô hình trồng thâm canh cây Chè Shan có 21 hộ, Cơ quan chủ trì thực hiện, phối hợp với Trung tâm Ứng dụng Khoa học - Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bắc Kạn tổ chức tập huấn được 10/10 lớp cho 343 lượt người tham gia (bao gồm cán bộ xã, các hộ tham gia dự án và một số hộ dân không thực hiện dự án) về các tiến bộ kỹ thuật trồng, chăm sóc, cải tạo, bón

phân, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây mận, cây Chè Shan, cây hồng trồng mới, cây hồng cải tạo và kỹ thuật chế biến, bảo quản chè thành phẩm cho các hộ tham gia mô hình và người dân trong vùng dự án.
Số hồ sơ lưu: 04/2021/Quyển số 01-STD-QLCNCN

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

82435.10-2022 **Xây dựng Nhãn hiệu tập thể "Hoàng Sin Cô Bát Xát" cho sản phẩm hoàng Sin Cô của huyện Bát Xát**/ CN. Vũ Thị Hoà, ThS. Mai Văn Sơn; CN. Vũ Minh Thành - Lào Cai - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Lào Cai, 2020; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở xác lập quyền đối với nhãn hiệu tập thể "Hoàng Sin Cô Bát Xát". Điều tra, khảo sát sản phẩm; xác định thống nhất chủ sở hữu nhãn hiệu. Xây dựng hồ sơ đăng kýnhãn hiệu tập thể "Hoàng Sin Cô Bát Xát". Xây dựng quy chế quản lý và sử dụngnhãn hiệu tập thể "Hoàng Sin Cô Bát Xát". Xây dựng hệ thống Quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể. Quảng bá và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể. Tổ chức đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình quản lý và khai thác nhãn hiệu tập thể. Đánh giá thực trạng ngành hàng và xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm; công bố nhãn hiệu.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-014

82448.10-2022 **Xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận "Dược liệu Bắc Hà" cho sản phẩm dược liệu của huyện Bắc Hà.**/ CN. Lê Vũ Huyền, ThS. Tăng Đức Khương; CN. Phạm Mai Anh; CN. Nguyễn Thanh Hương; CN. Hoàng Thị Tuyết Hồng; CN. Đào Thu Trang; CN. Nguyễn Anh Ngọc; CN. Trần Danh Lưu - Lào Cai - Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP, 2020; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận "Dược liệu Bắc Hà". Điều tra, khảo sát sản phẩm, xác định thống nhất chủ sở hữu nhãn hiệu. Xây dựng hồ sơ đăng ký, quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Xây dựng hệ thống Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Quảng bá và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận. Tổ chức đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình quản lý và khai thác...

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-016

82708.10-2022 **Xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận "Đương quy Bát Xát" cho sản phẩm đương quy của huyện Bát Xát**/ KS. Nguyễn Văn Hồng, ThS. Phạm Văn Sơn; KS. Lê Thị Hương; ThS. Nguyễn Thành Long; KS. Trần Thị Trâm; ThS. Trương Xuân Cường; CN. Vũ Hồng Nhung; ThS. Đinh Võ Sỹ; KS. Nguyễn Hoàng Thương; ThS. Hà Thu Thủy; KS. Nguyễn Hồng Nhung; CN. Nguyễn Thị Nhài - Lào Cai - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2020; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận "Đương quy Bát Xát". Xây dựng hồ

sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận "đương quy Bát Xát"; Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận "Đương quy Bát Xát". Xây dựng hệ thống Quản lý và sử dụng. Tổ chức hoạt động kiểm soát và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế.Quảng bá và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận. Tổ chức đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình quản lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận. Đánh giá thực trạng ngành hàng và xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm; công bố nhãn hiệu.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-018

82710.10-2022 **Xây dựng mô hình liên kết chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ dược liệu (Hà thủ ô đỏ, Ý dĩ, Bạc hà, Sả chanh) theo hướng GACP-WHO nhằm xây dựng nông thôn mới tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn**/ ThS.Vũ Thị Vân Phượng, ThS. Nguyễn Thị Hương; KS. Nguyễn Thị Luyến; TS. Trần Thị Liên; ThS. Nguyễn Thị Duyên; ThS. Nguyễn Xuân Trường; TS. Phạm Quang Thắng; TS. Vũ Thị Liên; ThS. Vũ Thị Hồng Nhung; CN. Vũ Thế Phương; TS. Lê Ngọc Hùng - Hà Nội - Công ty cổ phần VietRAP đầu tư thương mại, 2021; 11/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Quy trình nhân giống, trồng, thu hoạch, chế biến, bảo quản Ý dĩ, Bạc hà, Sả chanh được hoàn thiện phù hợp với từng địa phương. Đối với cây Hà thủ ô đỏ hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống và trồng. 04 mô hình sản xuất giống (mỗi mô hình 200 m2 trở lên, trồng một loại dược liệu: Hà thủ ô đỏ, Ý dĩ, Bạc hà, Sả chanh). 04 mô hình trồng cây dược liệu, cụ thể: Hà thủ ô đỏ 05 ha, Ý dĩ 02 ha, Bạc hà 02 ha, Sả chanh 05 ha. Sản phẩm thu được 100-120 tấn dược liệu cho hiệu quả kinh tế cao hơn ít nhất 30% so với hiện tại (theo tiêu chuẩn GACP); Tinh dầu các loại (Sả chanh, Bạc hà) tạo ra sản phẩm để đăng ký OCOP cho Sả chanh, Bạc hà ở Yên Bái (gồm các sản phẩm: tinh dầu treo xe và tinh dầu nguyên chất dùng cho các spa và tiêu dùng)

Số hồ sơ lưu: 19852

83271.10-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống nấm ăn và nấm dược liệu có giá trị hàng hóa cao**/ GS. TS. Phạm Xuân Hội, GS. TS. Lê Huy Hàm; ThS. Nguyễn Thị Giang; ThS. Trần Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Lê Thanh Uyên; ThS. Phạm Thị Thu; ThS. Ngô Thị Thuỳ Dương; ThS. Vũ Thị Hằng; ThS. Nguyễn Nam Giang - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021; 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và đánh giá tạo nguồn vật liệu các loại nấm (Rơm, Sò, Mỡ, Mộc nhĩ, Linh chi, Đùi gà). So sánh, tuyển chọn các nguồn gen giống nấm (Rơm, Sò, Mỡ, Mộc nhĩ, Linh chi, Đùi gà) triển vọng, tiến hành khảo nghiệm cơ bản các chủng nấm (Rơm, Sò, Mỡ, Mộc nhĩ, Linh chi, Đùi gà) triển vọng. Xây dựng quy trình nhân giống và nuôi trồng các giống nấm (Rơm, Sò, Mỡ, Mộc nhĩ, Linh chi, Đùi gà) mới. Đồng thời, khảo nghiệm sản xuất các

giống nấm mới trên và công nhận giống nấm. Từ đó, xây dựng mô hình sản xuất giống các giống nấm mới trên và đào tạo cán bộ kỹ thuật nhân giống và nuôi trồng các giống nấm mới ở ngoài nước.

Số hồ sơ lưu: 20006

83306.10-2022 **Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển loài cây thuốc quý hiếm Bảy lá một hoa (Paris polyphylla Smith) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa**/ KS. Đinh Văn Hải, - Thanh Hóa - Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, 2020; - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đặc tính sinh vật học và thực trạng phân bố của loài bảy lá một hoa tại Khu bảo tồn. Đánh giá chất lượng dược liệu của loài bảy lá một hoa phân bố tại Khu bảo tồn. Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống và sản xuất cây giống phục vụ trồng vườn giống gốc, mô hình và thực hiện các công thức thí nghiệm. Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự nảy mầm, ra rễ của hạt và chồi củ cây bảy lá một hoa và yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây con ở giai đoạn vườn ươm. Sản xuất cây giống phục vụ trồng trên các mô hình và vườn giống và thí nghiệm. Xây dựng vườn giống gốc để làm vườn lưu trữ và bảo tồn. Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật trồng và tập huấn chuyển giao hướng dẫn kỹ thuật nhân giống, gây trồng cây bảy lá một hoa cho người dân. Xây dựng phương án bảo tồn cây bảy lá một hoa.

Số hồ sơ lưu: THA-035-2021

83571.10-2022 **Trồng thử nghiệm giống tràm 5 gân chiết xuất tinh dầu**/ ThS. Phan Thị Thùy Nhung, . Phan Thị Thùy Nhung; Võ Tất Thành; Phạm Mậu Tài; Lê Văn Lập; Nguyễn Thị Thùy; Trương Thị Đoan Trang; Thái Thị Phương - Công ty TNHH MTV nông nghiệp hữu cơ Lộc Việt - Công ty TNHH MTV nông nghiệp hữu cơ Lộc Việt, 2021; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng cây tràm năm gân chiết xuất tinh dầu nhằm nghiên cứu, đánh giá các đặc điểm sinh trưởng, phát triển, tính thích nghi, hiệu quả kinh tế, từ đó hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng tràm 5 gân chiết xuất tinh dầu trên vùng đất cát phù hợp với điều kiện địa phương.

Số hồ sơ lưu: 15/2021-QLKHCN-CS

83583.10-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất đương quy Nhật Bản (*Angelica acutiloba* Kitagawa.), giảo cổ lam (*Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino.) và đan sâm (*Salvia miltiorrhiza*) tại huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam**/ KS. Trịnh Minh Hải, KS. Nguyễn Thị Dịu; KS. Lê Tư; KS. Lê Thanh Sơn; CN. Lê Thanh Hùng; KS. Hồ Văn Nuân; KS. Hồ Hữu Phục; KS. Đinh Việt Dũng; KS. Lê Thị Thanh Hà; KS. Trần Văn Tuấn; Hồ Văn Lợi; Trần Quốc Dũng; TS. Phan Thuý Hiền; ThS. Đào Văn Núi; ThS. Trịnh

Văn Vượng - Quảng Nam - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam, 2022; 10/2018 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình nhân giống, trồng trọt, thu hoạch và sơ chế cây đương quy Nhật Bản, giảo cổ lam và đan sâm phù hợp với điều kiện tại huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Xây dựng mô hình nhân giống cây giảo cổ lam, đương quy Nhật Bản và đan sâm. Xây dựng mô hình sản xuất dược liệu cây đương quy Nhật Bản, giảo cổ lam và đan sâm. Nghiên cứu mô hình sơ chế dược liệu đương quy Nhật Bản, giảo cổ lam và đan sâm tại xã Trà Nam, huyện Nam Trà My.

Số hồ sơ lưu: 20155

83803.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng cây dược liệu có giá trị (Đương quy, Đan sâm, Cát cánh) theo hướng tiêu chuẩn GACP-WHO tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.**/ KS. Nguyễn Thị Huê, ThS. Tạ Như Thục Anh TS. Trần Thị Liên; ThS. Lê Văn Giỏi; ThS. Phan Thị Hương Trà; ThS. Nguyễn Xuân Giang; KS. Lò Văn Ngoan; KS. Hoàng Long Cường; KS. Ma Xua Nam ; KS. Hoàng Văn Tùng - Lào Cai - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bắc Hà, 2020; 11/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, xây dựng kỹ thuật sản xuất cây giống dược liệu Đương quy Nhật Bản, Đan sâm và Cát cánh có chất lượng cao nhằm chủ động cung cấp giống, phục vụ mục tiêu phát triển cây dược liệu huyện Bắc Hà giai đoạn 2017 - 2020 và các năm tiếp theo. Xây dựng mô hình sản xuất giống và dược liệu cây Đương quy Nhật Bản, Đan sâm và Cát cánh theo tiêu chuẩn GACP-WHO. Chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cho người dân.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-031

84005.10-2022 **Nghiên cứu bảo tồn và phát triển cây Sâm khoai (yacón) (Smallanthus sonchifolius) theo hướng GACP-WHO tại Bát Xát (Lào Cai) tạo các sản phẩm chăm sóc sức khỏe cộng đồng**/ PGS. TS. Hồ Bá Do, ThS. Phạm Tiến Thịnh; KS. Nguyễn Văn Thành; KS. Hoàng Văn Nắm; Nguyễn Thuỳ Ngân; Võ Thị Duệ; Nguyễn Văn Hảo; Lê Thị Hằng; Nguyễn Thị Thuý Hường; Lê Thị Yến - Lào Cai - Công ty Cổ phần Tập đoàn Y Dược Tây Bắc, 2020; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và thực vật, nghiên cứu thành phần hóa học, độc tính và tác dụng dược lý của củ Sâm khoai. Xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở giống cho Sâm khoai; quy trình kỹ thuật trồng cây Sâm khoai theo hướng GACP – WHO tại xã Y Tý và A Lù – huyện Bát Xát – tỉnh Lào Cai. Xây dựng quy trình kỹ thuật sơ chế, chế biến dược liệu Sâm khoai theo hướng GACP – WHO và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở dược liệu Sâm khoai. Nghiên cứu bào chế sản phẩm Thực phẩm chức năng bổ sung dinh

dưỡng hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường có sử dụng dược liệu Sâm khoai. Đánh giá tính an toàn và hiệu quả của sản phẩm Thực phẩm chức năng bổ dung dinh dưỡng hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường từ dược liệu Sâm khoai đã bào chế được.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-024

84006.10-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình trồng và phát triển sản xuất chuỗi giá trị cây dược liệu Khoai nưa (Amorphophalluskonjac K.Koch), Ngưu bàng (Arctium lappa Linn) tại Lào Cai/** ThS. Nguyễn Thị Hoà, TS. Lục Quang Tấn; ThS. Nguyễn Thị Tần; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Trần Văn Việt; ThS. Đào Văn Núi; KS. Nguyễn Quang Thắng; KS. Đỗ Trung Tiến; KS. Sí Trung Kiên; KS. Trần Thị Hợp - Lào Cai - Công ty TNHH Tâm Phát Green, 2021; 05/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng được quy trình nhân giống tối ưu, đảm bảo cung cấp củ giống, hạt giống có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển trồng Khoai nưa, Ngưu bàng. Xây dựng được quy trình kỹ thuật trồng, sơ chế biến dược liệu theo hướng GACP – WHO làm nguyên liệu sản xuất chế biến sản phẩm, thực phẩm chất lượng cao cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Xây dựng mô hình vườn giống gốc, mô hình trồng dược liệu Khoai nưa, Ngưu bàng bền vững tại tỉnh Lào Cai theo hướng GACP-WHO.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-025

84012.10-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất giống và dược liệu một số loại cây dược liệu giá trị kinh tế cao (Độc hoạt, Mộc Hương, Bạch Chỉ, Huyền Sâm, Tục đoạn) theo hướng GACP-WHO tạo chuỗi sản xuất tại tỉnh Lào Cai/** ThS. Nguyễn Thị Tần, PGS. TS. Hoàng Văn Hùng TS. Ngô Thanh Xuân; TS. Lê Thị Minh Thảo; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Đỗ Thị Oanh; ThS. Đỗ Văn Hải; ThS. Lưu Thị Cúc; KS. Trần Ngọc Tuấn; KS. Ngô Quyền - Lào Cai - Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai, 2020; 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống và trồng đối với cây Độc hoạt, Mộc hương, Bạch Chỉ, Huyền sâm, Tục đoạn tại huyện Sa Pa, Bát Xát. Xây dựng mô hình sản xuất hạt giống tập trung và trồng dược liệu Độc hoạt, Mộc hương, Bạch Chỉ, Huyền sâm, Tục đoạn. Chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống và dược liệu theo hướng GACP - WHO.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-030

84142.10-2022 **Nghiên cứu đặc điểm sinh học và kỹ thuật gây, trồng cây chè Hoa vàng (Camellia spp.) tại tỉnh Bắc Kạn/** TS. Trần Đình Hà, TS. Trần Đình Hà; GS.TS. Đào Thanh Vân; ThS. Đỗ Thị Minh Hoa; TS. Hà Duy Trường; ThS. Lê Thị Kiều Oanh; TS. Đỗ Hoàng Chung; TS. Nguyễn Thị Thu Hoàn; CN. Dương Thị Ninh; KS. Nông Quốc Thụy; KS. Ma Đình Tranh. - Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu

giống cây trồng và vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên - Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra xác định thực trạng cây chè Hoa vàng tại huyện Chợ Đồn và huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Nghiên cứu xác định được một số biện pháp kĩ thuật trong nhân giống bằng giâm hom phù hợp cho cây chè Hoa vàng Bắc Kạn búp tím lá to, góp phần khai thác tận dụng nguồn hom có kích thước bé mà người dân thường loại bỏ và hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác chè Hoa vàng Bắc Kạn tại địa phương. Xây dựng thành công mô hình trồng chè Hoa vàng với quy mô 05 ha (chè Hoa vàng Bắc Kạn búp tím lá to: 02 ha, chè Hoa vàng Ba Chẽ: 1,38 ha và chè Hoa vàng Tam Đảo: 1,62 ha). Đào tạo cán bộ kĩ thuật, tập huấn nâng cao năng lực về nhân giống và chăm sóc chè Hoa vàng cho 100 hộ dân trên địa bàn, đặc biệt là các thành viên hợp tác xã Hòa Thịnh và 04 hộ dân thực hiện mô hình tại 2 huyện Ba Bể và Chợ Đồn.

Số hồ sơ lưu: 03/2021/Quyển số 01-STD-QLCNCN

40106. Bảo vệ thực vật

83605.10-2022 **Ứng dụng công nghệ sinh học để chẩn đoán, nhân giống sạch bệnh và quản lý bệnh virus hồ tiêu**/ ThS. Tạ Hoàng Anh, ThS. Nguyễn Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Hồng Tuyên; KS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Lê Thu Hiền; ThS. Trần Ngọc khánh; ThS. Vũ Thị Phương Bình; TS. Lê Quang Khải; TS. Hà Viết Cường; KS. Dương Thị Oanh - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2022; 07/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng và xác định thành phần virus hồ tiêu ở Việt Nam. Nghiên cứu phát triển Kit-PCR chẩn đoán nhanh virus hồ tiêu ở Việt Nam. Nghiên cứu quy trình nhân giống hồ tiêu sạch bệnh virus. Nghiên cứu biện pháp chống tái nhiễm bệnh virus hồ tiêu và xây dựng mô hình quản lý hồ tiêu sạch bệnh virus.

Số hồ sơ lưu: 20174

84014.10-2022 **Nghiên cứu các đối tượng sâu, bệnh hại chính và đề xuất các biện pháp phòng trừ tổng hợp nhằm góp phần phát triển bền vững măng tre Bát độ tại tỉnh Yên Bái.**/ Trần Xuân Hưng, ThS.Trần Xuân Hưng; ThS.Nguyễn Hoài Thu; KS.Trang A Tống; ThS.Nguyễn Văn Thành; TS.Nguyễn Thành Tuấn; KS.Nguyễn Thị Tuyên; ThS.Nguyễn Quốc Thống; KS.Nguyễn Anh Duy; ThS.Đặng Thanh Mai; ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn. - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ rừng., 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra xác định thành phần loài sâu, bệnh hại măng tre Bát độ trên địa bàn huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghiên cứu đặc điểm sinh học và sinh thái sâu, bệnh hại chính trên măng tre Bát độ tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái làm cơ sở cho việc đề

xuất các biện pháp phòng trừ; Nghiên cứu biện pháp phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại chính măng tre Bát độ tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; Xây dựng hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại chính nhằm góp phần phát triển bền vững măng tre Bát độ tại tỉnh Yên Bái; Tập huấn nhận biết loài sâu, bệnh hại chính và biện pháp phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại chính trên cây măng tre Bát độ tại tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-022-2021

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

83143.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và giải pháp phát triển cơ giới hóa sản xuất và công nghiệp chế biến một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực ở đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) thích ứng với biến đổi khí hậu**/ PGS. TS. Kha Chấn Tuyền, ThS. Lê Thị Thanh; ThS. Nguyễn Văn Cường; TS. Hoàng Hà Anh; TS. Nguyễn Bạch Đằng; TS. Phạm Thị Hồng Nhung; TS. Huỳnh Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thảo; TS. Nguyễn Đức Khuyến; ThS. Đàm Thị Hải Âu; ThS. Trần Thanh Giang; TS. Trương Quang Bình; TS. Nguyễn Hữu Thịnh; TS. Võ Văn Tuấn - Hồ Chí Minh - trường Đại Học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng về ứng dụng cơ giới hóa sản xuất và thực trạng công nghiệp chế biến một số số sản phẩm chủ lực (lúa gạo, cây có múi, vịt, lợn, cá da trơn, tôm…) ở ĐBSCL. Tìm hiểu những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của việc ứng dụng cơ giới hóa sản xuất và công nghệ chế biến một số nông sản chủ lực ở ĐBSCL đồng thời đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của công nghệ cơ giới hóa và chế biến trong sản xuất và chế biến nông sản trong bối cảnh thích ứng với biến đổi khí hậu. Qua đó, đề xuất các giải pháp kỹ thuật nhằm phát triển cơ giới hóa sản xuất và công nghiệp chế biến một số sản phẩm chủ lực ở ĐBSCL (lúa gạo, cây có múi, vịt, lợn, cá da trơn, và tôm) thích ứng với biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 19962

83153.10-2022 **Nghiên cứu quy trình bảo quản các loại quả xoài, nhãn, mận bằng màng sinh học saponin kết hợp với chitosan và axit axetic tại tỉnh Sơn La**/ PGS. TS. Nguyễn Văn Lợi, - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2020; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các thông số công nghệ và xây dựng quy trình công nghệ bảo quản các loại quả: xoài, nhãn, mận của tỉnh Sơn La bằng màng sinh học saponin kết hợp với chitosan và axit axetic trong khoảng thời gian 25 - 30 ngày ở điều kiện nhiệt độ bình thường với quả xoài và quả nhãn, 15 -20 ngày ở điều kiện nhiệt độ bình thường với quả mận. Xác định thời điểm thu hoạch thích hợp cho quá trình bảo quản. Xác định ảnh hưởng của saponin kết hợp với chitosan và axit axetic trong các nồng độ khác nhau, đến các biến đổi vật lý và các

biến đổi sinh hoá của quả trong thời gian bảo quản.

Số hồ sơ lưu: SLA-026-2021

83272.10-2022 **Hoàn thiện công nghệ sơ chế, chế biến nâng cao chất lượng cà phê nhân, gia tăng giá trị sản phẩm cà phê Việt Nam/** KS. Nguyễn Tấn Huy, CN. Lý Trọng Phúc; KS. Nguyễn Văn Hoàng; KS. Nguyễn Xuân Trí; KS. Nguyễn Phúc Nhân; TS. Trần Hưng Trà; TS. Dương Tử Tiên; TS. Lê Nguyễn Anh Vũ; TS. Nguyễn Văn Thuần; TS. Phan Thanh Bình - Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Cơ khí Vina Nha Trang, 2021; 11/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ và thiết bị đồng bộ phục vụ chế biến cà phê theo phương pháp ướt ứng dụng enzyme đáp ứng yêu cầu tạo ra sản phẩm "Cà phê chất lượng cao" thương hiệu Việt Nam. Ứng dụng các chế phẩm enzyme trong chế biến ướt quy mô nông hộ, công nghệ chế biến gắn với các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất cà phê chất lượng cao. Tiến hành chuyển giao công nghệ và dây chuyền sơ chế cà phê cho các cơ sở chế biến cà phê nhân xuất khẩu, các hợp tác xã, liên hộ, hộ gia đình nhằm làm chủ quy trình công nghệ sơ chế bằng phương pháp làm khô chủ động (sấy) cà phê quả. Xây dựng các mô hình sơ chế và chế biến cà phê nhân đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và được thị trường chấp nhận.

Số hồ sơ lưu: 20004

84100.10-2022 **Quản lý và Phát triển Chỉ dẫn địa lý hồng không hạt Bắc Kạn/** TS. Đào Thế Anh, TS. Đào Thế Anh; ThS. Vũ Hữu Cường; NCS. Trịnh Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; KS Hoàng Xuân Trường; KS. Nguyễn Văn Trung - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2014; 01/2011 - 08/2013. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình quản lý và khai thác Chỉ dẫn địa lý hồng không hạt Bắc Kạn. Xây dựng hệ thống quản lý bên ngoài. Xây dựng mô hình quản lý chất lượng bên trong của Hội hồng không hạt tỉnh Bắc Kạn. Xây dựng chiến lược giới thiệu và quảng bá sản phẩm hồng không hạt Bắc Kạn sau bảo hộ Chỉ dẫn địa lý. Tuyên truyền nâng cao năng lực về Sở hữu trí tuệ và quản lý phát triển Chỉ dẫn địa lý. Tổ chức tập huấn cho 450 học viên về Sở hữu Trí tuệ nói chung và Chỉ dẫn địa lý nói riêng thông qua các lớp tập huấn tại 3 huyện Ba Bể, Chợ Đồn và Ngân Sơn. Các học viên bước đầu đã nắm được các thông tin về SHTT và CDĐL.

Số hồ sơ lưu: 11/Quyển 01-STD-QLCN

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

83236.10-2022 **Xây dựng biện pháp kiểm soát bệnh héo xanh do vi khuẩn (*Ralstonia solanacearum*) trên hoa Cúc và hoa Vạn Thọ bằng vi khuẩn vùng rễ tại thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp/** ThS. Huỳnh Ngọc Tâm, ThS. Huỳnh Ngọc Tâm; ThS. Lê Uyển Thanh;

ThS. Trần Thị Tho; ThS. Tô Lan Phương; ThS. Ngô Thị Hồng Hương; ThS. Phạm Duy - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Sa Đéc - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Sa Đéc, 2019; 06/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân lập dòng vi khuẩn (VK) gây bệnh héo xanh vi khuẩn trên cây hoa Cúc (*Chrysanthemum sp.*) và hoa Vạn thọ (*Tagetes papula L.*) và các dòng vi khuẩn từ vùng rễ. Khảo sát khả năng gây hại của các dòng vi khuẩn *R.solanacearum* trên cây hoa Cúc (*Chrysanthemum sp.*) và hoa Vạn thọ (*Tagetes papula L.*) trong điều kiện nhà lưới. Khảo sát khả năng kháng thuốc trừ bệnh nguồn gốc hóa học của vi khuẩn gây bệnh héo xanh. Tuyển chọn vi khuẩn có nguồn gốc từ vùng rễ có khả năng đối kháng với vi khuẩn gây bệnh đã được phân lập. Khảo sát khả năng kiểm soát bệnh héo xanh vi khuẩn trong điều kiện nhà lưới của những dòng vi khuẩn triển vọng. Xác định danh pháp và đánh giá tính an toàn sinh học của các dòng vi khuẩn triển vọng được chọn. Xây dựng biện pháp kiểm soát bệnh héo xanh vi khuẩn trên cây hoa Cúc và cây hoa Vạn thọ. Xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn kiểm soát bệnh héo xanh.

Số hồ sơ lưu: DTP-2021-007

83465.10-2022 **Nghiên cứu xác định loài rầy xanh gây hại trên sầu riêng và biện pháp quản lý tổng hợp hiệu quả, an toàn tại tỉnh Bến Tre**/ Tiến sĩ Lại Tiến Dũng, TS Lại Tiến Dũng; ThS Đỗ Xuân Đạt; ThS Khúc Duy Hà; ThS Đỗ Minh Đức; ThS Nguyễn Nam Hải; ThS Phạm Thị Thu Trang; ThS Nguyễn Thị Hiền; ThS Trương Văn Vui; KS Võ Thanh Tùng; KS Trương Thị Tuyết Mai. - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2021; 09/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định loài rầy xanh gây hại trên cây sầu riêng tại tỉnh Bến Tre, đồng thời nghiên cứu các biện pháp quản lý rầy xanh gây hại trên sầu riêng một cách hiệu quả và an toàn nhằm giảm chi phí sản xuất, giảm ô nhiễm môi trường.

Số hồ sơ lưu: BTE-164-2021

83572.10-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất chế phẩm sinh học phòng trừ ruồi đục trái trên cây chôm chôm tại tỉnh Bến Tre**/ Cử nhân Nguyễn Thế Quyết, CN Nguyễn Thế Quyết; TS Nguyễn Đức Thành; ThS Nguyễn Thị Hồng Minh; ThS Phạm Thị Mai; CN Đào Thị Thu Hằng; ThS Lê Sĩ Dũng; KS Trịnh Quốc Bình; CN Bùi Hạnh Mai; ThS Phạm Văn Đồng. - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo được chế phẩm sinh học và dẫm gỗ có hiệu quả xua đuổi, phòng trừ ruồi đục trái trên cây chôm chôm tại tỉnh Bến Tre, giúp sản xuất ổn định và đạt được hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: BTE-165-2021

83260.10-2022 **Nghiên cứu giải pháp phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản đặc trưng, đặc sản của các huyện miền núi Thanh Hóa qua kênh phân phối hiện đại**/

TS. Ngô Chí Thành, - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành khảo sát điều tra và thu thập thông tin nghiên cứu đối với thực trạng sản xuất, sơ chế, liên kết, tiêu thụ qua kênh phân phối hiện đại đối với các sản phẩm đặc trưng, đặc sản ở khu vực miền núi Thanh Hóa. Trên cơ sở các số liệu thứ cấp, sơ cấp thu thập được, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp kết quả khảo sát và xử lý, phân tích số liệu sản xuất và tiêu thụ nông sản đặc trưng, đặc sản của các huyện miền núi Thanh Hóa qua kênh phân phối hiện đại.

Số hồ sơ lưu: THA-030-2021

83524.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình gieo ươm và trồng cây bần không cánh (Sonneratia apetala) góp phần phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển tỉnh Nam Định**/ Ngô Văn Chiều, Ngô Văn Chiều; Nguyễn Viết Cách; Trần Thị Hồng Hạnh; Lê Văn Thành; Phan Văn Trường; Trần Thị Thu Hiền; Phạm Văn Chính; Vũ Quốc Đạt; Trần Thị Nguyệt; Mai Quang Tuấn - Nam Định - Vườn quốc gia Xuân Thủy, 2021; 04/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng cây trồng,sinh trưởng và thích nghi của cây Bần không cánh tại khu vực bãi bồi cửa sông Hồng (cửa Ba Lạt); Nghiên cứu kỹ thuật gieo ươm hữu tính cây Bần không cánh phù hợp với điều kiện tỉnh Nam Định; Nghiên cứu kỹ thuật trồng cây Bần không cánh tại khu vực bãi bồi VQG Xuân Thủy; Tập huấn chuyển giao hướng dẫn kỹ thuật gieo ươm và trồng cây Bần không cánh cho cộng đồng địa phương và các bên hữu quan tại khu vực

Số hồ sơ lưu: 06

83526.10-2022 **Nghiên cứu hiện trạng, nguyên nhân suy thoái rừng ngập mặn và xây dựng mô hình khôi phục rừng ngập mặn bền vững tại vườn Quốc gia Xuân Thủy,tỉnh Nam ĐỊnh**/ Đỗ Quý Mạnh, Đỗ Quý Mạnh; Nguyễn Hoàng Hanh; Nguyễn Thị Bình; Bùi Văn Vinh; Mai Trọng Luân; Trần Thị Lợi; Trần Thị Mai Sen; Đặng Ngọc Bích; Trần Văn Sáng; Ngô Văn Chiều - Hà Nội - Viện Sinh thái và Bảo vệ Công trình, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đạng điểm về điều kiện tự nhiên,kinh tế - xã hội khu vực VQG Xuân Thủy liên quan đến rừng ngập mặn; Nghiên cứu hiện trạng rừng ngập mặn VQG Xuân Thủy; Nghiên cứu biến động và nguyên nhân suy thoái rừng ngập mặn khu vực nghiên cứu; Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật phục hồi rừng ngập mặn tại VQG Xuân Thủy; Đề xuất giải pháp quy hoạch, cơ chế chính sách và phục hồi, phát triển RNM tại VQG Xuân Thủy;

Số hồ sơ lưu: 7

83805.10-2022 **Nghiên cứu chọn giống Quế (*Cinnamomum cassia*. PRESL) có năng suất và hàm lượng tinh dầu cao phục vụ trồng rừng kinh tế tại tỉnh Lào Cai và nhiệm vụ thuộc đề tài "Nghiên**

cứu biện pháp phòng trừ tổng hợp sâu, bệnh hại cây Quế ở vườn ươm và rừng trồng tại tỉnh Lào Cai"/ TS. Vũ Văn Định, PGS.TS. Phạm Quang Thu; TS. Đào Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Minh Chí; ThS.Lê Văn Bình; ThS. Đặng Như Quỳnh; ThS. Bùi Quang Tiếp; ThS.Lê Thị Xuân; Nguyễn Văn Nam; Nguyễn Hoài Thu - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu Bảo vệ rừng, 2020; 08/2016 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, đánh giá thực trạng trồng, khai thác, chế biến và thị trường tiêu thụ Quế ở Lào Cai. Chọn 150 cây trội tại các khu trồng quế ở các huyện như: Bắc Hà; Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn. Nghiên cứu phương pháp bảo quản hạt giống và khảo nghiệm hậu thế 1 ha tại xã Nậm Đét huyện Bắc Hà, 1 ha tại thôn Xuân Lý xã Gia Phú huyện Bảo Thắng). Nghiên cứu mật độ trồng và bón phân (0,5ha), điều tra xác định thành phần loài sâu, bệnh và xác định loài sâu bệnh hại chính trên cây Quế ở vườn ươm và rừng trồng, nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh thái của các loài sâu bệnh hại chính cây Quế ở vườn ươm và rừng trồng. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ sâu, bệnh hại chính cây Quế.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-032

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

82487.10-2022 **Ứng dụng Tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình kinh tế tổng hợp tại xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh**/ KS. Phan Văn Huy, CN. Trần Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Thị Hà; CN. Phan Hoàng Trường; CN. Hồ Thị Giang; CN. Phan Văn Thể; CN. Võ Thị Thùy Liên; CN. Lê Thị Bích Hảo - Hà Tĩnh - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Hà Tĩnh, 2021; 08/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng các mô hình tổng hợp: trồng ổi OĐL1; chăn nuôi gà bán tự nhiên; nuôi ong lấy mật; trồng nấm sò, mộc nhĩ, các mô hình đều cho kết quả khả quan và có hướng tái đầu tư phát triển. Kết quả của mô hình là cơ sở khoa học và thực tiễn để người dân trong vùng tham quan học tập kinh nghiệm, nhân rộng trên địa bàn xã và các địa phương lân cận; nâng cao nhận thức cho người dân trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn, tạo thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân vùng nông thôn miền núi; đào tạo được nguồn nhân lực, sẵn sàng tiếp cận với các tiến bộ khoa học công nghệ để áp dụng vào phát triển sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –005/ KQNC

83251.10-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi lợn ngoại khép kín an toàn sinh học tại huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa**/ Phạm Viết Hoài, - Thanh Hóa - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Cẩm Thủy, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp nhận và làm chủ công nghệ sử dụng men vi sinh NN1 chế biến thức ăn chăn nuôi lợn tại trang trại chăn nuôi. Xây dựng mô hình trang

trại chăn nuôi lợn ngoại khép kín, chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn quy mô 10 con lợn nái và 200 con lợn thịt được công nhận cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học. Xây dựng mô hình trồng cây nguyên liệu phục vụ chế biến thức ăn. Đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn được 50 hộ dân trong vùng triển khai dự án nắm vững kỹ thuật. Xây dựng bản hướng dẫn quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn ngoại khép kín, chủ động nguyên liệu chế biến thức ăn theo hướng an toàn sinh học phù hợp với điều kiện của địa phương.

Số hồ sơ lưu: THA-021-2021

83258.10-2022 **Xây dựng mô hình nuôi chim Yến trong nhà đảm bảo cảnh quan, sinh thái kết hợp phát triển du lịch tại Khu du lịch văn hóa Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hóa**/ TS Nguyễn Ngọc Hồi, Nguyễn Văn Tuấn; Nguyễn Thị Hải; Trương Văn Hoạt; Nguyễn Văn Dân; Lê Văn Tuấn; Trần Phước Sỹ; Lê Thị Sen; Trịnh Hoàng Sinnh; Phạm Thị Hòa; Lê Thị Ánh Tuyết; Lê Huy Lưu; Nguyễn Văn Cường - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Thanh Tân, 2020; 04/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng kết quả nuôi chim Yến tại Thanh Hóa. Xây dựng mô hình nuôi chim Yến trong nhà với diện tích khoảng 270m2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quan sát sự sinh trưởng và phát triển của chim Yến phục vụ khách tham quan du lịch. Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi chim Yến trong nhà phù hợp với điều kiện tỉnh Thanh Hóa. Đề xuất phương án nhân rộng mô hình nuôi chim Yến trong nhà tại Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-028-2021

40205. Bảo vệ động vật nuôi

83217.10-2022 **Nghiên cứu sản xuất vắc-xin nhược độc đông khô tứ giá phòng 4 bệnh ở lợn: Tụ huyết trùng, Phó thương hàn, Đóng dấu, Dịch tả lợn**/ TS. Nguyễn Đức Tân, ThS. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Trần Văn Trung; ThS. Đào Duy Hưng; CN. Vũ Thái Thân; CN. Phạm Khánh Nam; CN. Lê Hồng Quí; TS. Nguyễn Văn Thoại; CN. Phan Tân Trầm; TS. Đặng Thanh Hiền; BSTY. Tăng Mạnh Nhật; BSTY. Phạm Thị Bích Liên; TS. Đỗ Văn Khiên; TS. Lê Lập; ThS. Phạm Xuân Tý; BSTY. Hồ Thị Thanh Phúc; CN. Ngô Đình Hùng - Hà Nội - Phân viện Thú y miền Trung, 2021; 10/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cải tiến môi trường nuôi cấy tăng sinh số lượng 3 loại vi khuẩn tụ huyết trùng, phó thương hàn, đóng dấu lợn và phương pháp nuôi cấy vi rút dịch tả lợn. Nghiên cứu chất bổ trợ dùng cho sản phẩm vắc-xin tứ giá phải đảm bảo tỷ lệ sống của 3 loại vi khuẩn và hiệu giá của vi rút sau khi phối trộn và đông khô. Đồng thời nghiên cứu xác định công thức phối trộn kháng nguyên tụ huyết trùng, phó thương hàn, đóng dấu lợn, dịch tả lợn và liều vắc-xin tứ giá. Xây dựng quy trình đông khô sản phẩm vắc-xin tứ giá. Tiến hành đánh giá đáp ứng miễn dịch của vắc-xin tứ giá trên bản động vật (lợn) và đánh giá chất lượng vắc-xin tứ giá theo

thời gian và điều kiện bảo quản. Hình thành bộ quy trình sản xuất, bảo quản và sử dụng vắc-xin tứ giá. Từ đó xây dựng quy trình kiểm nghiệm vắc-xin tứ giá cấp cơ sở và xây dựng hồ sơ kiểm nghiệm, khảo nghiệm quốc gia vắc-xin tứ giá.

Số hồ sơ lưu: 19991

83274.10-2022 **Nghiên cứu lâm sàng, bệnh tích và dịch tễ học mô tả bệnh Dịch tả lợn châu Phi tại Việt Nam**/ PGS. TS. Lại Thị Lan Hương, TS. Bùi Thị Tố Nga; GS. TS. Nguyễn Thị Lan; PGS. TS. Nguyễn Hữu Nam; PGS. TS. Bùi Trần Anh Đào; PGS. TS. Huỳnh Thị Mỹ Lệ; PGS. TS. Lê Văn Phan; TS. Chu Thị Thanh Hương; TS. Đặng Hữu Anh; ThS. Trần Minh Hải; ThS. Đàm Văn Phải; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Nguyễn Thị Huyên; ThS. Vũ Thị Ngọc; TS. Đặng Vũ Hoàng - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 12/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập và sàng lọc mẫu bệnh phẩm, xây dựng bộ câu hỏi điều tra dịch tễ học trong chăn nuôi lợn cho bệnh Dịch tả lợn châu Phi. Nghiên cứu về đặc tính lây truyền và tình hình mắc bệnh dịch tả lợn châu Phi theo lứa tuổi, phương thức chăn nuôi và quy mô trang trại. Chuẩn đoán bệnh Dịch tả lợn châu Phi bằng phương pháp Realtime - PCR đối với các mẫu bệnh phẩm thu được từ các ổ dịch quá cấp tính, cấp tính, á cấp tính và mạn tính tại thực địa. Đồng thời nghiên cứu các triệu chứng lâm sàng, phân lập virus từ các mẫu bệnh phẩm thu thập được xác định một số đặc điểm sinh học phân tử của các chủng virus Dịch tả lợn châu Phi phân lập từ các ổ dịch quá cấp tính, cấp tính, á cấp tính và mạn tính tại thực địa.

Số hồ sơ lưu: 20005

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

83277.10-2022 **Thử nghiệm mô hình nuôi giống cá Trắm đen trong ruộng lúa tại huyện Quảng Ninh**/ KS. Hoàng Thị Xuân Hồng, Hoàng Thị Xuân Hồng; Trần Thị Yên; Phan Duy Thành; Trần Văn Hiến; Trần Văn Nam - Hợp tác xã sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp Vạn Hải - Hợp tác xã sản xuất kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp Vạn Hải, 2021; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đa dạng hóa đối tượng nuôi và hình thức nuôi trồng thủy sản ở tỉnh Quảng Bình, nâng cao hiệu quả sản xuất cho người dân, góp phần phát triển mô hình sản xuất bền vững ở địa phương.Theo dõi, đánh giá đoợc các chỉ tiêu về tăng trưởng của cá trắm đen cũng như đánh giá được hiệu quả kinh tế của mô hình để làm cơ sở đề xuất phát triển mô hình tại địa phương; Hoàn thiện kỹ thuật nuôi ghép cá trắm đen trong ruộng lúa trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 12/2021

83459.10-2022 **Nuôi giống dê Lào theo phương pháp bán chăn thả tại huyện Minh Hóa**/ ThS. Mai Đức Trung, Mai Đức Trung; Phạm Xuân Ninh; Nguyễn Đức Anh; Nguyễn Thế Hùng - Đồn Biên phòng

Cà Xèng - Đồn Biên phòng Cà Xèng, 2021; 06/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nuôi giống dê Lào theo phương pháp bán chăn thả đạt chất lượng tốt, phù hợp tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, thực phẩm. Cung cấp con giống có chọn lọc, có năng suất cung ứng trên địa bàn huyện.Từ hiệu quả của nhiệm vụ khuyến cáo cho các hộ gia đình có nhu cầu nuôi dê Lào chuyển phương thức chăn nuôi truyền thống sang phương thức chăn nuôi bán chăn thả.

Số hồ sơ lưu: 14/2021-QLKHCN-CS

83573.10-2022 **Nuôi gà bằng thảo dược tại huyện Tuyên Hóa**/ KS. Hoàng Văn Nam, Hoàng Văn Nam; Phạm Ngọc Hoàng; Hoàng Quốc Dũng; Võ Thị Thành - Hợp tác xã sản xuất kinh doanh nông nghiệp và dịch vụ xã Đức Hóa - Hợp tác xã sản xuất kinh doanh nông nghiệp và dịch vụ xã Đức Hóa, 2021; 06/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và mức độ cảm nhiễm với một số bệnh thông thường của gà ri lai (¾ máu gà ri) nuôi thả vườn có bổ sung thảo dược qua từng giai đoạn. Xây dựng quy trình nuôi gà ri lai (¾ máu gà ri) thả vườn có bổ sung thảo dược phù hợp với địa phương hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh.

Số hồ sơ lưu: 16/2021

83574.10-2022 **Nuôi giống lợn Khùa theo phương pháp bán chăn thả**/ ThS. Trương Tấn Huệ, Trương Tấn Huệ; Hà Hải Lâm; Nguyễn Minh Hương; Nguyễn Thị Hồng - Công ty TNHH Nông trại Sen Việt - Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nông trại Sen Việt, 2021; 05/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và hiệu quả kinh tế của lợn Khùa thương phẩm trong điều kiện nuôi bán chăn thả. Hoàn thiện quy trình nuôi lợn Khùa thương phẩm bán chăn thả phù hợp với điều kiện địa phương

Số hồ sơ lưu: 18/202118

83427.10-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương và uôi thương phẩm cá Trắm đen và cá Rô phi đơn tính đực được sản xuất bằng công nghệ lai khác loài tại Bắc Giang**/ KS Nguyễn Văn Thiện, CN. Phan Thị Yến; KS. Bùi Minh Tuấn; KS. Nguyễn Tiến Nghị; Phan Xuân Hùng - Bắc Giang - Doanh nghiệp tư nhân Quảng Hiếu, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình ương cá giống cá Trắm đen, cá Rô phi đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đề ra. Xây dựng mô hình nuôi cá thương phẩm cá Trắm đen, cá Rô phi trong ao tại tỉnh Bắc Giang đạt chỉ tiêu về chất lượng, đem lại thu nhập cho doanh nghiệp và người dân. Triển khai thực hiện dự án đã góp phần thay đổi nhận thức của người dân và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống. Tiếp nhận và làm chủ được 02 quy trình công nghệ, đào tạo được 5 kỹ thuật viên và tập huấn cho 200 lượt người dân

về kỹ thuật ương cá giống và nuôi thương phẩm cá Trắm đen, cá Rô phi trong ao.

Số hồ sơ lưu: DAQGUQ/01/2021

40306. Bệnh học thú y

83561.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo kháng huyết thanh tối miễn dịch để điều trị bệnh Ca rê do Canine distemper virus gây ra trên chó**/ GS.TS. Nguyễn Thị Lan, TS. Trương Quang Lâm; PGS.TS. Nguyễn Hữu Nam; PGS.TS. Trịnh Đình Thâu; PGS.TS. Bùi Trần Anh Đào; TS. Lê Huỳnh Thanh Phương; ThS. Nguyễn Thị Yến; ThS. Nguyễn Thị Huyên; ThS. Đào Lê Anh; PGS.TS. Lê Văn Phan - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phân lập, xác định và lựa chọn chủng giống gốc Canine distemper virus để chế tạo kháng nguyên gây tối miễn dịch trên động vật thí nghiệm. Nghiên cứu quy trình sản xuất kháng huyết thanh điều trị bệnh Ca rê ở quy mô pilot. Ứng dụng chế phẩm kháng huyết thanh trong điều trị bệnh Ca rê do Canine distemper virus gây ra trên chó. Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh Ca rê của chế phẩm kháng huyết thanh trong phác đồ điều trị trên chó 1-3 tháng tuổi, chó 4-6 tháng tuổi, chó trên 7-12 tháng tuổi và hiệu quả điều trị bệnh Ca rê của chế phẩm kháng huyết thanh trên chó tại bệnh xá, bệnh viện Thú y tại địa bàn một số tỉnh miền Bắc.

Số hồ sơ lưu: 20180

40312. Dược học thú ý

83552.10-2022 **Nghiên cứu chế tạo kháng huyết thanh tối miễn dịch để điều trị bệnh viêm ruột tiêu chảy do canine parvo virus gây ra trên chó**/ ThS. Nguyễn Thị Hoa, TS. Lê Huỳnh Thanh Phương; GS.TS. Nguyễn Thị Lan; PGS.TS. Lại Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Văn Phương; TS. Trương Quang Lâm; TS. Trần Văn Nên; PGS.TS. Nguyễn Bá Hiên; ThS. Hoàng Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân lập, xác định đặc tính sinh học, sinh học phân tử và tuyển chọn chủng Canine parvovirus để làm giống gốc chế tạo kháng nguyên. Nghiên cứu quy trình nhân giống và bảo quản giống virus sản xuất kháng nguyên. Nghiên cứu quy trình sản xuất chế phẩm kháng huyết thanh bệnh viêm ruột tiêu chảy do Canine parvovirus trên chó. Ứng dụng chế phẩm kháng huyết thanh trong phác đồ điều trị bệnh viêm ruột tiêu chảy do Canine parvovirus gây ra trên chó.

Số hồ sơ lưu: 20143

40405. Giống cây rừng

83253.10-2022 **Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật nhân giống vô tính cây Giổi ăn hạt phục vụ trồng rừng gỗ lớn nâng cao thu nhập cho người dân miền núi tỉnh Thanh Hóa**/ ThS. Đỗ Ngọc Dương, Phạm Anh Tám; ThS. Nguyễn Đức Thắng; KS. Ngô Xuân Minh; CN. Trịnh Văn Hà; Lê Văn Triệu; KS. Nguyễn Mậu

Toàn; KS. Nguyễn Ngọc Quân - Thanh Hóa - Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Xuân Liên, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thu thập tài liệu, thông tin có liên quan đến nhân giống vô tính cây Giổi ăn hạt phục vụ trồng rừng gỗ lớn. Xây dựng các bản hướng dẫn kỹ thuật bằng phương pháp nhân giống vô tính cây giống Giổi ăn hạt (*Michelia tonkinensis*) phù hợp tại địa phương. Xây dựng mô hình vườn ươm chuyên dụng nhân giống vô tính phục vụ nghiên cứu nhân giống Giổi ăn hạt (diện tích 300m2, công suất 10.000 cây/năm). Xây dựng mô hình trồng rừng sản xuất 2,0 ha Giổi ăn hạt và đào tạo tập huấn kỹ thuật nhân giống, trồng rừng cây Giổi ăn hạt.

Số hồ sơ lưu: THA-023-2021

40406. Nông lâm kết hợp

84087.10-2022 **Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp nhằm nâng cao năng suất và phát triển bền vững măng tre Bát độ trên địa bàn tỉnh Yên Bái**/ ThS. Kiều Tư Giang, ThS. Kiều Tư Giang; KS. Nguyễn Hữu Trà; ThS. Phí Lâm Bàng; KS. Phạm Thị Tuyết Phương; ThS. Tô Xuân Quý; ThS. Nguyễn Đức Toàn; KS. Nguyễn Tiến Chiến; KS. Trần Duy Hưng - Tỉnh Yên Bái - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái, 2021; 07/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng tình hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm măng tre Bát độ trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật thâm canh (chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản nguyên liệu) trên diện tích 03 ha mô hình trồng măng tre Bát độ từ 5 năm tuổi trở lên nhằm góp phần ổn định và nâng cao năng suất măng tre Bát độ tỉnh Yên Bái. Xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật tổng hợp nhằm nâng cao năng suất và phát triển bền vững măng tre Bát độ (chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản nguyên liệu) trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh cho 90 hộ nông dân trồng và sản xuất măng tre Bát độ của tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-023-2021

40502. Di truyền học và nhân giống thuỷ sản

83382.10-2022 **Lựa chọn mô hình ứng dụng phục hồi san hô cứng tại Khu Ramsar Vườn quốc gia Côn Đảo**/ PGS.TS. Võ Sĩ Tuấn, PGS.TS. Võ Sĩ Tuấn ; TS. Hoàng Xuân Bền ; KS. Phan Kim Hoàng ; KS. Nguyễn Đức Thắng ; KS. Lê Hồng Sơn ; KS. Nguyễn Văn Vững ; KS. Nguyễn Phùng Hùng ; Nguyễn Duy Thành ; Nguyễn Sĩ Toàn ; Nguyễn Văn Trà - Bà Rịa - Vũng Tàu - Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát lựa chọn địa điểm, xác định quy mô phục hồi san hô cứng tại khu Ramsar Vườn quốc gia Côn Đảo. Đánh giá hiện trạng rạn san hô tại khu vực đã được chọn lựa trước và sau khi phục hồi, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả phục hồi. Tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng

về bảo tồn và đào tạo kỹ năng phục hồi rạn san hô cho cán bộ địa phương và cộng đồng. Phục hồi rạn san hô trên nền đáy tự nhiên và mô hình rạn nhân tạo. Theo dõi, giám sát xu thế thay đổi và khả năng phát triển của các loài san hô phục hồi và nguồn lợi sinh vật tại vị trí phục hồi. Xây dựng quy trình phục hồi, qui mô chăm sóc và bảo vệ san hô cứng ở khu Ramsar Vườn quốc gia Côn Đảo.

Số hồ sơ lưu: IV-126

40504. Nuôi trồng thuỷ sản

83185.10-2022 **Nghiên cứu giải pháp kĩ thuật, xây dựng mô hình nuôi trồng thuỷ sản bền vững bảo vệ môi trường nước, phát triển sinh kế, nâng cao đời sống cư dân lòng hồ Hoà Bình, Sơn La, Núi Cốc góp phần xây dựng Nông thôn mới**/ TS. Lê Minh Châu, TS. Hồ Thị Bích Ngọc; TS. Nguyễn Thu Quyên; TS. Phạm Thị Trang; TS. Đặng Thị Mai Lan; TS. Bùi Ngọc Sơn; TS. Vũ Thị Hạnh; TS. Nguyễn Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hường; ThS. Nguyễn Hữu Hòa; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương; ThS. Mai Hải Hà Thu; ThS. Lưu Hồng Sơn; ThS. Phan Thị Yến; ThS. Dương Văn Biểng; KS. Nguyễn Văn Tùng; KS. Hoàng Đức Luân; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh - Hà Nội - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, xây dựng 01 quy trình kỹ thuật vận chuyển tươi sống cá bỗng, cá nheo mỹ (lăng đen) dạng hở và 03 mô hình nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường nước ở hồ chứa, cụ thể : 01 mô hình nuôi ghép cá bỗng/trai ngọc tại Hòa Bình, 01 mô hình nuôi ghép cá trắm đen/trai ngọc tại Núi Cốc và 01 mô hình nuôi ghép cá nheo mỹ/trai ngọc. Đồng thời tổ chức nghiên cứu, xây dựng 03 quy trình chế biến sản phẩm thủy sản từ các loài thủy sản nước ngọt nuôi và tự nhiên trong vùng lòng hồ và xây dựng 01 mô hình sản xuất tại Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu và Phát triển thủy sản – trường Đại học Nông Lâm. Đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ cho 100 lượt người cộng đồng dân cư vùng lòng Hồ Thuỷ điện Hoà Bình, Sơn La, Núi Cốc và đã giới thiệu 03 doanh nghiệp/ HTX tiêu thụ sản phẩm nuôi, chế biến để đảm bảo sản xuất, tiêu thụ ổn định.

Số hồ sơ lưu: 19982

83203.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi nghêu bền vững tại Đồng Bằng Sông Cửu Long**/ ThS. Nguyễn Đức Minh, TS. Đinh Thị Thủy; ThS. Đoàn Văn Cường; TS. Lê Hồng Phước; TS. Phan Thanh Lâm; PGS. TS. Ngô Thị Thu Thảo; ThS. Nguyễn Đinh Hùng; ThS. Ngô Thị Ngọc Thủy; ThS. Đoàn Văn Bảy; ThS. Nguyễn Thị Hương Thảo - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định nguyên nhân và tác nhân gây nghêu chết hàng loạt, các giải pháp kỹ thuật áp dụng hiệu quả trong thực tế để thực hiện nghiên cứu hoàn thiện qui trình nuôi. Đánh giá lại các nguyên nhân và tác nhân

gây nghêu chết hàng loạt, đánh giá hiệu quả các giải pháp kỹ thuật tổng hợp áp dụng nhằm phòng trừ được bệnh. Đưa ra các giải pháp kỹ thuật tổng hợp mang lại hiệu quả nuôi, áp dụng đồng bộ và mở rộng qui mô hình sản xuất kết hợp giải pháp kỹ thuật và giải pháp quản lý. Từ đó, tạo ra các sản phẩm từ nghêu thuận lợi tới tay người tiêu dùng với thời gian bảo quản lâu, chất lượng tốt và thuận tiện trong chế biến nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19988

83249.10-2022 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng nghề sản xuất tôm giống Ninh Thuận, đề xuất mô hình cơ sở sản xuất giống an toàn, chất lượng theo hướng VietGAP, hướng đến mục tiêu trở thành trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước/** ThS. Huỳnh Minh Khánh, CN. Thân Trọng Thủy Tiên - Ninh Thuận - Chi cục Chăn nuôi và Thú Y, 2018; 07/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất tôm giống trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng tôm giống của tỉnh Ninh Thuận. Đề xuất mô hình cơ sở sản xuất tôm giống an toàn, chất lượng theo hướng VietGap, hướng đến xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm sản xuất tôm giống lớn của cả nước.

Số hồ sơ lưu: NTN-007-2021

83685.10-2022 **Dự án Thử nghiệm nuôi cá Lăng chấm Hemibagrus guttatus (Lacépède, 1803) tại khu vực Vườn Quốc gia Ba Bể./** ThS Nông Thế Diễn, ThS. Nông Thế Diễn; ThS. Phạm Văn Nam; TC. Trần Ngọc Phú; KS. Hoàng Văn Chất; TC. Hoàng Phúc Sáng; Nguyễn Văn Thạch; ThS. Nguyễn Anh Hiếu; ThS. Ngô Sĩ Vân. - Vườn Quốc gia Ba Bể - Vườn Quốc gia Ba Bể (nay là Ban quản lý Vườn quốc gia Ba Bể tỉnh Bắc Kạn)., 2016; 05/2011 - 06/2013. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nuôi thử nghiệm cá Lăng chấm bằng lồng trên sông Năng, trong ao đất tại khu vực Vườn Quốc gia Ba Bể đúng theo quy trình kỹ thuật, đào tạo, chuyển giao công nghệ và hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá Lăng chấm trong môi trường ao và lồng phù hợp với điều kiện địa phương. Kết quả thử nghiệm cho thấy cá Lăng chấm thích ứng với điều kiện ao và lồng tại sông Năng, tuy nhiên, chưa chuyển giao nhân rộng mô hình cho tập thể, cá nhân như mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, nguồn cung cấp cá giống hạn chế, điều kiện khí hậu thời tiết bất thường (mưa lũ, nước đục, nắng nóng, nhiệt độ thấp…) ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 15/2019/ Quyển số 01-STD-QLCNCN

84007.10-2022 **Ứng dụng công nghệ xây dựng mô hình nuôi cá quế thương phẩm tại huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai/** KS. Bùi Văn Hồng, KS. Nguyễn Thị Nguyệt ThS. Nguyễn Hải Sơn; ThS. Nguyễn Văn Chung; KS. Bùi Trung Tá; KS. Đinh Thị Hương; Chu Ngọc Hạnh;

Nguyễn Văn Nam; Nguyễn Văn Hoà - Lào Cai - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, 2021; 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ xây dựng mô hình nuôi cá quế thương phẩm tại huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai. Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Quế trong ao phù hợp với điều kiện nuôi trồng thủy sản tỉnh Lào Cai. Xây dựng được mô hình nuôi thương phẩm cá Quế trong ao. Hội thảo, nghiệm thu, đào tạo tập huấn chuyển giao kỹ thuật nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-026

84040.10-2022 **Ứng dụng Khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi cá Leo (Wallago attu) thương phẩm tại thị xã Hồng Lĩnh**/ KS. Nguyễn Văn Giáp, KS. Hoàng Gia Kỳ; CN. Nguyễn Thị Lý; CN. Phan Nhân Đạo - Hà Tĩnh - Trung tâm Ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, 2021; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công mô hình nuôi cá Leo thương phẩm trong ao đất tại thị xã Hồng Lĩnh với quy mô 2ha, qua đó đã sản xuất được 17.150kg/KH18.000 kg cá Leo thương phẩm với các tiêu chí kỹ thuật đạt được: Kích cỡ bình quân đạt 1,28 kg/con; Tỷ lệ sống đạt 67 % với hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) đối với thức ăn công nghiệp là 1,2 và kết hợp thức ăn tự chế là 1,5 ; đạt năng suất là 0,87 kg/m2 18,58 tấn/ha/vụ/13 tháng), đạt mục tiêu dự án đề ra.

Số hồ sơ lưu: 2021 – 30 –010/ KQNC

84058.10-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi thử nghiệm cá chày tại tỉnh Bắc Kạn**/ KS. Hoàng Thị Hiếu, ThS. Hà Đức Tiến; KS. Hoàng Thị Hiếu; CN. Đỗ Thị Nguyệt; KS. Trần Minh Quang; ThS. Bùi Đình Đặng; ThS. Nguyễn Thị Hoa; KS. Nguyễn Thị Liễu; KTV.Hoàng Ngọc Yêu; KTV. Hoàng Tiến Lực; KTV. Hoàng Văn Thuận; KTV. Phan Thị Vàng - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn, 2017; 03/2015 - 05/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành khảo sát và lựa chọn địa điểm nuôi, chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị, giống, vật tư nuôi phù hợp với mục tiêu đề ra đạt 100% kế hoạch. Tổ chức tập huấn quy trình công nghệ nuôi cá chày thương phẩm trong ao và trong lồng cho cán bộ và nông dân trong và ngoài mô hình 01 lớp chi làm 02 đợt (mỗi đợt 30 học viên), đạt 100% kế hoạch. Sau khi tập huấn các học viên đã nắm được các nội dung lý thuyết và thực hành, thực hiện tốt yêu cầu kỹ thuật trong quá trình chăm sóc cá trong lồng, trong ao của dự án và tại hộ gia đình.

Số hồ sơ lưu: 09/Quyển số 01-STD-QLCN.

40507. Bảo quản và chế biến thủy sản

83250.10-2022 **Nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm mới từ rong mơ Sargassum tại Ninh Thuận**/ PGS. TS. Vũ Ngọc Bội, - Ninh Thuận - Trường Đại học Nha Trang, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá sinh lượng, thành phần loài, thành phần và hoạt tính của một số chất chống oxy hóa chính có trong rong mơ Sargassum tại tỉnh Ninh Thuận. Nghiên cứu quy trình sơ chế rong mơ sau thu hoạch. Hoàn thiện quy trình chiết tách các chất chính có hoạt tính sinh học có trong các loài rong mơ Ninh Thuận có sản lượng lớn. Quy trình công nghệ tạo một số sản phẩm thực phẩm mới ở quy mô đại trà như: nước uống có hoạt tính chống oxy hóa, trà túi lọc, rong mơ cán màng ăn liền. Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ từ bã thải rong mơ và rong nguyên liệu. Báo cáo đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế của các sản phẩm có thể áp dụng ở quy mô bán đại trà.

Số hồ sơ lưu: NTN-008-2021

83578.10-2022 **Ứng dụng công nghệ Nano UFB (Ultra Fine Bubble) để bảo quản cá ngừ đại dương trên tàu câu tay**/ ThS. Phạm Văn Long, TS. Nguyễn Xuân Thi; KS. Phan Thị Hương; KS. Đặng Văn An; ThS. Nguyễn Như Sơn; ThS. Đinh Xuân Hùng; ThS. Phạm Thị Điểm; KS. Vũ Xuân Sơn; ThS. Trần Bá Cương John; KS. Trần Xuân Lâm - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2020; 01/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được quy trình công nghệ, hệ thống thiết bị bảo quản cá ngừ đại dương bằng công nghệ nano UFB trên tàu câu tay hiệu quả, phù hợp với điều kiện sản xuất của ngư dân. Hệ thống thiết bị bảo quản cá ngừ đại dương quy mô 500kg/mẻ, kích thước bong bóng nano ≤ 100nm. Nâng cao chất lượng sản phẩm cá ngừ đại dương đánh bắt đạt chỉ tiêu xuất khẩu loại A và B. Trong đó, loại A ≥ 20%. Thời gian bảo quản cá ngừ trên biển ≥ 25 ngày. Ứng dụng hệ thống thiết bị bảo quản cá ngừ đại dương bằng công nghệ nano UFB trên 10 tàu câu tay (công suất ≥ 400cv).

Số hồ sơ lưu: 20193

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

83142.10-2022 **Nghiên cứu định loại và phát triển mã vạch ADN (DNA barcoding) trên tôm hùm (*Panulirus spp.*)**/ ThS. Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn, ThS. Nguyễn Minh Châu; KS. Dương Văn Sang; ThS. Đinh Tấn Thiện; TS. Võ Thế Dũng; ThS. Võ Thị Dung; ThS. Phạm Thị Hạnh; ThS. Hoàng Thị Châu Long; ThS. Phạm Trường Giang; ThS. Nguyễn Thị Lê Hằng; ThS. Lê Thị Thu Hương - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2021; 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thu mẫu và định loại tôm hùm gai (*Panulirus spp.*) bằng phương pháp hình thái, phát triển bộ

mã vạch ADN phục vụ định loại 4 loài tôm hùm Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu phát triển bộ mã vạch ADN phục vụ truy xuất nguồn gốc tôm hùm bông (*P. ornatus*) vàtôm hùm xanh (*P. homarus*) Việt Nam. Từ đó tiến hành xây dựng quy trình truy xuất nguồn gốc tôm hùm bông (*P. ornatus*) và tôm hùm xanh (*P. homarus*) Việt Nam bằng chỉ thị ADN.

Số hồ sơ lưu: 19974

83205.10-2022 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Mai cây (Dendrocalamus yunnannicus Hsueh et D.Z.Li) tại một số tỉnh miền núi phía Bắc**/ PGS. TS. Trần Thị Thu Hà, GS.TS. Trần Ngọc Ngoạn; TS. Lê Văn Phúc; GS. TS. Phạm Văn Điển; PGS. TS. Phạm Đức Tuấn; TS. Nguyễn Thanh Tiến; TS. Đặng Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Văn Thọ; ThS. Nguyễn Mỹ Hải; ThS. Hoàng Thanh Phúc - Thái Nguyên - Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm Nghiệp, 2021; 06/2017 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá các đặc điểm lâm học, giá trị dinh dưỡng của xuất xứ mai cây. Hoàn thiện quy trình chọn giống và quy trình kỹ thuật nhân giống vô tính mai cây. Đồng thời hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng thâm canh mai cây lấy măng và lấy thân làm nguyên vật liệu xây dựng. Từ đó, tiến hành nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật khai thác và sơ chế biến măng mai cây đảm bảo an toàn thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19984

83296.10-2022 **Nghiên cứu bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen lan Hài vân bắc (Paphiopedilum callosum (Rchb.f.) Pfitzer), lan Hài lông (Paphiopedilum hirsutissimum (Lindl.ex Hook.) Stein.) và lan Thủy tiên hường (Dendrobium amabile O'Brien.) cho vùng Bắc Trung bộ.**/ ThS. Phạm Anh Tám, ThS. Nguyễn Đức Thắng; CN. Trịnh Văn Hà; KS. Nguyễn Ngọc Quân; ThS. Mai Văn Chuyên; ThS. Lê Đình Phương; ThS. Nguyễn Trọng Quyền; PGS. TS. Đặng Trọng Lương; TS. Mai Đức Chung; TS. Trần Duy Dương - Hà Nội - Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Xuân Liên, 2021; 06/2017 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Bổ sung hiện trạng, vùng phân bố; thực trạng khai thác, kinh doanh và giá trị sử dụng đối với 03 loài lan Hài vân bắc, lan Hài lông và lan Thủy tiên hường khu vực vùng Bắc Trung Bộ. Xác định đặc điểm nông sinh học, sinh thái và đa dạng di truyền (mức độ hình thái và mức độ phân tử) của các nguồn gen lan Hài vân bắc, lan Hài lông và lan Thủy tiên hường. Qua đó, xây dựng 09 quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc đối với 03 loài Lan được lựa chọn và xây dựng 01 mô hình vườn giống gốc (quy mô 4.500 cây/03 loài) và 03 mô hình cây thương phẩm (quy mô 45.000 cây/03loài).

Số hồ sơ lưu: 20011

40604. Các công nghệ vi sinh vật trong nông nghiệp

83544.10-2022 **Ứng dụng bức xạ gamma gây đột biến *Trichoderma* để tạo chế phẩm phân giải nhanh rơm rạ trên đồng ruộng**/ ThS. Trần Băng Diệp, TS. Trần Minh Quỳnh; ThS. Nguyễn Văn Bính; ThS. Hoàng Đăng Sáng; ThS. Nguyễn Thị Thơm; ThS. Trần Xuân An; KS. Hoàng Phương Thảo; CN. Phạm Duy Dưỡng - Hà Nội - Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội, 2022; 01/2018 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tạo chủng giống *Trichoderma* đột biến bởi phóng xạ có khả năng sinh tổng hợp cellulase cao. Xác định các thông số lên men của chủng *Trichoderma* đột biến và chế tạo chế phẩm phân hủy cellulose. Đánh giá khả năng phân hủy rơm rạ của chế phẩm *Trichoderma* đột biến phóng xạ tại phòng thí nghiệm. Thử nghiệm ứng dụng chế phẩm *Trichoderma* đột biến phóng xạ để phân hủy rơm rạ trên đồng ruộng.

Số hồ sơ lưu: 20162

83594.10-2022 **Ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm EM Pro 1 từ giống gốc để xử lý môi trường trong chăn nuôi và bãi rác thải tập trung tại các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Nguyễn Thị Thúy Ngân, - Vĩnh Phúc - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất 18000 lít chế phẩm EM pro-1 từ giống gốc cung cấp cho các huyện, thành phố để xử lý môi trường trong chăn nuôi và các bãi rác thải tập trung; Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người dân sau khi sử dụng chế phẩm sinh học tương xử lý môi trường, từ đó có những khuyến cáo, nhân rộng; Nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường nhằm phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng

Số hồ sơ lưu: VPC-024-2020

83595.10-2022 **Ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm EM pro1 từ giống gốc để xử lý môi trường trong chăn nuôi và bãi rác thải tập trung tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Nguyễn Thị Thúy Ngân, - Vĩnh Phúc - Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất 18000 lít chế phẩm EM pro-1 từ giống gốc cung cấp cho các huyện, thành phố để xử lý môi trường trong chăn nuôi và các bãi rác thải tập trung; Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người dân sau khi sử dụng chế phẩm sinh học tương xử lý môi trường, từ đó có những khuyến cáo, nhân rộng; Nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường nhằm phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng

Số hồ sơ lưu: VPC-024-2020

499. Khoa học nông nghiệp khác

83257.10-2022 **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất thực phẩm theo hướng VietGap gắn với giáo dục dạy nghề tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa**/ Nguyễn Sỹ Thọ, - Thanh Hóa - Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá chất lượng đất, nước vùng triển khai dự án và thiết kế các mô hình của dự án. Triển khai xây dựng mô hình sản xuất rau theo hướng VietGAP, mô hình nuôi trồng thủy sản và mô hình chăn nuôi lợn theo hướng VietGAP. Xây dựng các bản hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với điều kiện của Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa. Đào tạo, tập huấn cho học viên và tổ chức hội nghị đầu bờ, hội thảo khoa học đánh giá hiệu quả mô hình của dự án.

Số hồ sơ lưu: THA-027-2021

84088.10-2022 **Xác lập quyền sở hữu trí tuệ một số sản phẩm nông nghiệp đặc sản của huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.**/ ThS. Ninh Khắc Bẩy, ThS. Ninh Khắc Bẩy; TS.Nguyễn Thị Kim Thúy; ThS.Nguyễn Đức Duy; ThS. Nguyễn Văn Huân; CN. Nguyễn Hồng Ngọc; ThS. Nguyễn Quang Huy; KS. Mai Như Trang; CN.Hoàng Thị Thu Linh; ThS.Trần Quốc Tuấn.. - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao., 2021; 04/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập quyền đối với Nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm "Măng mai Lục Yên", "Lạc đỏ Lục Yên", "Gà trống thiến Lục Yên", tỉnh Yên Bái nhằm quản lý tốt hơn chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. - Xây dựng hệ thống văn bản, công cụ quản lý và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm "Măng mai Lục Yên", "Lạc đỏ Lục Yên", "Gà trống thiến Lục Yên" tỉnh Yên Bái

Số hồ sơ lưu: YBI-024-2021

5. Khoa học xã hội

82796.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ nhằm phòng ngừa tham nhũng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay**/ TS. Hà Quang Tiến, ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; CN. Nguyễn Thành Dũng; CN. Nguyễn Thị Tần; CN. Trần Minh Sáu; ThS. Nguyễn Hải Hà; CN. Cao Đức Cường; CN. Nguyễn Thanh Lâm - Ban Nội chính - Tỉnh ủy Vĩnh Phúc - Ban Nội chính - Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, 2020; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về kiểm soát xung đột lợi ích, hoạt động công vụ và phòng, chống tham nhũng. Đánh giá thực trạng kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ nhằm phòng ngừa tham nhũng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2019. Đề xuất giải pháp thực hiện tốt kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 4.2020

82799.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp**

phân cấp quản lý ngân sách nhà nước nhằm phát huy nguồn lực thực hiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc/ Nguyễn Mạnh Thắng, Nguyễn Ngọc Bình ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; TS. Nguyễn Ngọc Bình; ThS. Vũ Giang Hậu; CN. Vũ Thị Thúy Hằng; ThS.Trương Đức Tuấn; ThS.Nguyễn Thị Huệ Tâm; ThS. Dương Quốc Chính; ThS.Hà Thị Thanh Nhàn; ThS. Phan Việt Hùng; CN. Nguyễn Thị Thu Hường. - Văn phòng HĐND tỉnh Vĩnh Phúc - Văn phòng HĐND tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 04/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về phân cấp quản lý NSNN tác động đến việc phát huy nguồn lực nhằm phát triển kinh tế xã hội; Đánh giá thực trạng phân cấp quản lý ngân sách, phân bổ nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020; Đề xuất các giải pháp, kiến nghị phân cấp quản lý ngân sách nhà nước nhằm phát huy nguồn lực thực hiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025;

Số hồ sơ lưu: 12.2020

82800.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp xây dựng đội ngũ công chức tuyên giáo tỉnh Vĩnh Phúc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.**/ Bùi Huy Vĩnh, ThS. Bùi Huy Vĩnh; CN.Nguyễn Hữu Bình; CN.Nguyễn Văn Hà; ThS. Phạm Văn Công; CN.Tạ Thị Hồng Phương; CN.Phạm Thị Viết; ThS. Trần Hoài Nam - Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy Vĩnh Phúc - Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, 2020; 04/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan tình hình trong nước, trong tỉnh có liên quan đến công tác xây dựng đội ngũ công chức tuyên giáo. Đánh giá thực trạng đội ngũ công chức tuyên giáo trên địa bàn tỉnh hiện nay. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng đội ngũ công chức tuyên giáo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: 13.2020

82802.10-2022 **Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Tạ Văn Nam, Ngô Khương Tuyến; TS. Tạ Văn Nam; TS. Trần Hoa Phượng; TS. Phạm Anh; TS. Đinh Văn Trung; TS. Vũ Thế Tùng; TS. Trần Văn Thắng; TS. Phí Hữu Toàn; ThS. Cáp Tuấn Ba; ThS. Trịnh Thị Tuyết Mai; ThS. Đặng Hải Yến - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020; 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nông nghiệp. Thực trạng phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nông nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2013 - 2018. Phương hướng và giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nông nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn

tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17.2020

82806.10-2022 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt khai thác tự nhiên tại một số vùng chưa có chương trình nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.**/ Trần Văn Thuận, Tạ Bình CN Trần Văn Thuận; Tạ Bình; Nguyễn Khắc Chính; Đào Xuân Hòa; Đào Thị Thảo; Trần Đình Luân; Dương Thị Thúy; Lê Đình Đức. - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Vĩnh Phúc - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan một số vấn đề có liên quan đến việc khai thác tự nhiên và sử dụng nước ăn uống, sinh hoạt sạch; Khảo sát thu thập thông tin, đánh giá thực trạng chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt khai thác tự nhiên tại một số vùng chưa có chương trình nước sạch; Phân tích, thử nghiệm đánh giá chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt khai thác tự nhiên tại một số vùng chưa có chương trình nước sạch; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt khai thác tự nhiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 32.2020

82808.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phục dựng di tích lịch sử chiến khu Ngọc Thanh, tỉnh Vĩnh Phúc.**/ Mai Văn Trung, CN Mai Văn Trung; Đỗ Thị Thu Hà; Nguyễn Mạnh Hà; Vũ Vân Nam; Hoàng Thị Hồng Lĩnh; Nguyễn Thị Hải Yến; Lê Thị Phương Thủy; Phạm Xuân Hải; Đỗ Thị Ánh Tuyết; Nguyễn Thị Minh Thúy; Ngô Quang Dụ. - Bảo tàng tỉnh Vĩnh Phúc - Bảo tàng tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, giá trị lịch sử văn hóa về di tích lịch sử nói chung và thực tiễn tồn tại, vai trò và các chứng tích về di tích lịch sử chiến khu Ngọc Thanh nói riêng; Nghiên cứu điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, đánh giá thực trạng di tích lịch sử chiến khu Ngọc Thanh; Nghiên cứu các quy định của Nhà nước về bảo quản, phục hồi di tích, về phát huy giá trị di sản văn hóa, các văn bản, quy phạm pháp luật Nhà nước về môi trường, đất đai, lâm nghiệp, du lịch... có liên quan, ảnh hưởng tới quá trình triển khai thực hiện phục dựng và tôn tạo di tích; Đề xuất những giải pháp nhằm phục dựng di tích lịch sử chiến khu Ngọc Thanh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 40.2020

83193.10-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp sản xuất phục vụ thúc đẩy xuất khẩu một số sản phẩm cây ăn quả chủ lực trên địa bàn tỉnh Sơn La**/ PGS.TS Nguyễn Mậu Dũng, ThS. Nguyễn Hữu Giáp; ThS. Lê Trần Phú; ThS. Đỗ Thị Diệp; KS. Nguyễn Việt Hùng; TS. Phạm Thanh Lan; KS. Lê Thị Thương; ThS. Hoàng Thị Hằng; CN. Đào Thị Kim Ngân; ThS. Nguyễn

Mạnh Hiếu - Học viện nông nghiệp việt nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020; 06/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về sản xuất và xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả và các giải pháp tăng cường xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả. Đánh giá thực trạng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu một số sản phẩm cây ăn quả chủ lực trên địa bàn tỉnh Sơn La. Định hướng và giải pháp sản xuất để thúc đẩy xuất khẩu một số sản phẩm cây ăn quả chủ lực trên địa bàn tỉnh Sơn La thời gian tới: Định hướng phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả chủ lực trên địa bàn tỉnh Sơn La: Mục tiêu phấn đấu đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh năm 2020 tăng từ 7-10%/năm, trong đó kim ngạch xuất khẩu nông sản của tỉnh cũng không ngừng gia tăng theo từng năm và đạt từ 6-8%/năm…

Số hồ sơ lưu: 2021

83196.10-2022 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác quản lý rừng cộng đồng, đề xuất các biện pháp quản lý rừng cộng đồng bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La**/ ThS. Đỗ Văn Ánh, KS. Nguyễn Trọng Nam; KS. Ngô Văn Độ; KS. Đinh Thị Minh Tuyền; KS. Đặng Thanh Bình; KS. Nguyễn Mạnh Cương; ThS. Vũ Văn Thuận; KS. Ngô Mai Anh; ThS. Đào Thị Lan; KS. Nguyễn Thái Sơn - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La - , 2020; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về rừng cộng đồng. Nội dung nghiên cứu, đã xây dựng được cơ sở lý luận về quản lý rừng cộng đồng bền vững và đánh giá được tổng quan về rừng cộng đồng, những chính sách áp dụng rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La. Học tập kinh nghiệm mô hình quản lý rừng cộng đồng bền vững tại 1 số địa phương trong nước. Đánh giá thực trạng quản lý rừng cộng đồng tại 1 số khu vực trên địa bàn tỉnh Sơn La. Xây dựng tiêu chí và mô hình quản lý rừng cộng đồng bền vững phù hợp với tỉnh Sơn La. Đề xuất giải pháp quản lý rừng cộng đồng bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La. Tập huấn chuyển giao kỹ thuật quản lý rừng cộng đồng bền vững cho khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 0421/KHXH

83197.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng việc làm và xây dựng nội dung tư vấn khởi nghiệp cho thanh niên ở tỉnh Sơn La hiện nay**/ TS. Giang Quỳnh Hương, TS. Hoàng Phúc; ThS. Vàng A Lả; ThS. Đào Thị Thúy Loan; ThS. Nguyễn Duy Dũng; ThS. Vũ Diệu Linh; ThS. Đặng Văn Công; ThS. Nguyễn Thị Thu Châu; CN. Lê Thu Phương; ThS. Cầm Thị Huyền Trang - Đại học Tây Bắc - Đại học Tây Bắc, 2020; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận chung về vấn đề lao động, việc làm, khởi nghiệp, tính tất yếu khách quan của giải quyết việc làm và tư vấn khởi nghiệp cho thanh niên tỉnh Sơn La hiện nay… Thực trạng, giải pháp việc làm và dự

báo xu hướng khởi nghiệp, việc làm của thanh niên tỉnh Sơn La. Biên soạn tài liệu (cẩm nang) tư vấn khởi nghiệp và thiết kế, thực nghiệm một số mô hình thực nghiệm cho thanh niên tỉnh Sơn La.

Số hồ sơ lưu: 0521/KHXH

83200.10-2022 **Nghiên cứu thị trường thủy sản: Định hướng phát triển thủy sản cho các doanh nghiệp, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Sơn La, Hòa Bình**/ ThS. Trương Thị Luân, ThS. Lò Minh Hùng; ThS. Lã Thị Bích Ngọc ; TS. Đặng Công Thức; TS. Nguyễn Thị Phương Thảo ; ThS. Phan Nam Giang; ThS. Trần Thị Ánh Tuyết ; ThS. Đặng Trung Kiên; CN. Trần Thị Vân Anh ; TS. Hoàng Xuân Trọng - Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ - Trung tâm nghiên cứu Khoa học và Chuyển giao công nghệ (Trường Đại học Tây Bắc), 2020; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về phát triển thị trường thuỷ sản bao gồm tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước; Phân tích, đánh giá thực trạng về nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm thủy sản của các HTX vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, Hòa Bình. Nghiên cứu đã chỉ ra được hiện trạng nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ thuỷ sản ở một số tỉnh miền Băc. Miền Bắc là thị trường tiềm năng cho các HTX, DN nuôi trồng thủy sản vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, Hòa Bình. Đưa ra một số định hướng và một số giải pháp phát triển thủy sản cho các doanh nghiệp, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Sơn La, Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: 0821/KHXH

83202.10-2022 **Phát triển kinh tế hợp tác xã theo hướng bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; Kinh nghiệm một số địa phương trong nước và giải pháp cho tỉnh Sơn La**/ TS. Lê Thị Minh Châu, TS. Ngô Thị Thu Hằng; ThS. Dương Hương Quế; TS. Phí Thị Diễm Hồng; ThS. Đinh Trung Dũng; TS. Nguyễn Quốc Oánh; ThS. Dương Gia Định; ThS. Hoàng Thị Mai Anh; ThS. Đặng Hồng Quang; ThS. Nguyễn Thị Đào - Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020; 06/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế hợp tác xã theo hướng bền vững tại tỉnh Sơn La. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã. Đánh giá tác động của phát triển kinh tế hợp tác xã theo hướng bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tại Sơn La… Đánh giá phát triển kinh tế hợp tác xã theo hướng bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tại một số địa phương trong nước và phân tích bài học kinh nghiệm cho tỉnh Sơn La. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế hợp tác xã theo hướng bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn la giai đoạn 2020 – 2030.

Số hồ sơ lưu: 1021/KHXH

83211.10-2022 **Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Mận hậu Sơn La" cho sản phẩm quả Mận hậu của tỉnh Sơn La**/ TS. Nguyễn Mai Hương, TS. Đào Đức Huấn; CN. Hà Thị Ngọc Bích; CN. Bùi Tuấn Anh; ThS. Phạm Thế Bảo; ThS. Bùi Quang Nguyên; CN. Hoàng Thị Tâm; ThS. Đặng Phúc Giang; CN. Nguyễn Ngọc Yến - Trung tâm Phát triển Nông thôn - Trung tâm phát triển nông thôn, 2021; 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) "Mận Sơn La" đã được cấp văn bằng bảo hộ số 340186 theo Quyết định số 114518/QĐ-SHTT ngày 18/12/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ. Xây dựng các công cụ quản lý và sử dụng NHCN đã được xây dựng để phục vụ cho việc quản lý chất lượng sản phẩm và quản lý nhãn hiệu. Xây dựng mô hình quản lý và sử dụng NHCN "Mận Sơn La" phục vụ cho việc quản lý sản phẩm và duy trì chất lượng sản phẩm, bảo vệ quyền sở hữu và quyền sử dụng NHCN. Xây dựng tài liệu tập huấn và tổ chức được 2 đợt tập huấn Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc QR Code trên hệ sinh thái của SmartLife. Xây dựng các tài liệu quảng bá NHCN: Cẩm nang giới thiệu, phóng sự quảng bá trên truyền hình. Các sản phẩm này có thể được sử dụng trong các sự kiện XTTM, hội chợ, hội nghị.

Số hồ sơ lưu: 1321/KHXH

83279.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý đội ngũ đảng viên ở các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn hiện nay**/ CN. Phạm Thị Hồng Nhung, CN. Phạm Thị Hồng Nhung; ThS.Vũ Ngọc Vinh; ThS.Trần Quang Minh; ThS.Trần Ngọc Minh; ThS. Bùi Huy Tùng; CN. Diệp Thị Thanh Hà; CN. Trần Xuân Tăng; ThS. Nguyễn Mạnh Nguyên; ; ThS. Nguyễn Mạnh Tuân; ThS. Trần Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thiên Hương; ThS. Nguyễn Thị Hường - Đảng ủy khối cơ quan Vĩnh Phúc - Đảng ủy khối cơ quan Vĩnh Phúc, 2020; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quản lý luận về công tác quản lý đội ngũ đảng viên ở các tổ chức cơ sở Đảng. Đánh giá thực trạng công tác quản lý đội ngũ đảng viên ở các tổ chức cơ sở Đảng tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý đội ngũ cán bộ đảng viên ở các tổ chức cơ sở Đảng.

Số hồ sơ lưu: 06/ĐTKHVP 2020-2021

83281.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay**/ Phạm Thị Hồng Thủy, Đường Trọng Khang ThS. Phạm Thị Hồng Thủy; CN. Đường Trọng Khang; ThS. Nguyễn Văn Cường; CN. Lộc Hoàng Lê Na; CN. Nhâm Thị Hạnh; Triệu Thị Minh Nguyệt; Phan Thị Hường - Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc - Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Vĩnh Phúc, 2021; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; Đánh giá thực trạng Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Vĩnh Phúc; Đề xuất giải pháp phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu:08/ĐTKHVP/2020-2021

83282.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí tăng trưởng toàn diện để đánh giá phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc**/ Phạm Mỹ Hằng Phương, TS. Phạm Mỹ Hằng Phương; ThS. Đỗ Thị Hà Anh; PGS. TS. Trần Trọng Nguyên; ThS. Đặng Thùy Nhung; ThS. Trần Hoàng Minh; ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; NCS. ThS. Đỗ Thanh Hương; ThS. Hoàng Thị Minh Hà; ThS. Đỗ Văn Lâm - Học viện Chính sách và Phát triển - Học viện Chính sách và Phát triển, 2021; 08/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về phát triển bền vững và kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá phát triển bền vững; sự cần thiết phải xây dựng bộ tiêu chí tăng trưởng toàn diện để đánh giá phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc; Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2020; Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí tăng trưởng toàn diện để đánh giá phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc; Đề xuất một số giải pháp chính sách thực hiện phát triển bền vững của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030.

Số hồ sơ lưu:28/ĐTKHVP/2020-2021

83283.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Vĩnh Phúc trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế**/ Nguyễn Thị Thu Hương, Trần Nguyên Lý ThS. Đỗ Thị Nâng; TS. Hồ Thị Hòa; ThS. Nguyễn Quang Sáng; ThS. Nguyễn Phương Linh; ThS. Trần Thị Hiên; ThS. Lê Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Minh Hạnh; TS. Đỗ Thị Thục; TS. Nguyễn Thị Thùy Hương; ThS. Nguyễn Viết Hà; ThS. Nguyễn Thị Phương Ngọc - Học Viện tài Chính - Học viện tài chính, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hồ sơ và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, phát triển thương hiệu sản phẩm rau quả (ớt, ngô ngọt, bí đỏ) cho doanh nghiệp đầu mối. Nghiên cứu xây dựng phương tiện quảng bá, phát triển sản phẩm. Nghiên cứu tìm hiểu công nghệ để vận hành hệ thống phần mềm quản lý sản xuất, nguồn gốc sản phẩm; hệ thống phần mềm QR code tra cứu thông tin truy xuất nguồn gốc bên ngoài. Đề xuất các giải pháp duy trì, quản lý và phát triển sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) trong thời gian tới; Giải pháp duy trì, quản lý, tích hợp và bảo mật thông tin trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 10/ĐTKHVP 2020-2021

83285.10-2022 **Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với phương tiện đo tại các cửa hàng kính thuốc và các cơ sở khám mắt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Vũ Ngọc Minh, Phạm Thị Mai Chinh ThS. Vũ Ngọc Minh; ThS. Phạm Thị Mai Chinh; ThS. Phạm Ngọc Thạch; ThS. Đặng Thị Minh Thuý; CN. Đàm Thanh Khải; ThS. Lê Thị Lan Hương; KS. Nguyễn Anh Tiến; KS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Vĩnh Phúc - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Vĩnh Phúc, 2021; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về công tác quản lý nhà nước về đo lường đối với các phương tiện đo kính mắt và sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo tại các các cửa hàng kính thuốc và các cơ sở khám mắt. Đánh giá thực trạng tình hình quản lý, sử dụng phương tiện đo tại các cửa hàng kính thuốc và các cơ sở khám mắt tại Việt Nam và địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý quản lý nhà nước đối với phương tiện đo tại các cửa hàng kính thuốc và các cơ sở khám mắt bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 09/ĐTKHVP 2020-2021

83286.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp xây dựng Vĩnh Phúc trở thành thành phố trực thuộc Trung ương**/ Phan Thế Huy, Lê Đức Thế Phan Thế Huy; Lê Đức Thế; Đào Tiến Phương; Nguyễn Hữu Mai; Nguyễn Thị Kim Anh; Trần Tuấn Anh; Phạm Văn Phòng; Bùi Mạnh Cường; Phạm Văn Nhân; Trần Thị Thanh Thúy - Sở Xây dựng - Sở Xây dựng, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận, các tiêu chí, điều kiện, yêu cầu đặt ra đối với Thành phố trực thuộc Trung ương và sự cần thiết xây dựng Vĩnh Phúc sớm trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương. Đánh giá tổng thể về thực trạng tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn hiện nay so với các tiêu chí, điều kiện, yêu cầu đặt ra đối với Thành phố trực thuộc Trung ương. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị để xây dựng Vĩnh Phúc sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Số hồ sơ lưu: 29/ĐTKHVP 2019-2020

83291.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa**/ Nguyễn Hải Trung, Đặng Anh Tuấn - Học viện cảnh sát nhân dân - Học viện Cảnh sát nhân dân, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ lý luận về an ninh trật tự (ANTT) trên địa bàn nông thôn và đảm bảo ANTT trên địa bàn nông

thôn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân. Nghiên cứu đặc điểm, tình hình, thực trạng hoạt động đảm bảo ANTT trên địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghiên cứu dự báo xu hướng vận động của tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội và các yếu tố tác động đến hoạt động đảm bảo ANTT trên địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chức năng của lực lượng Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 74/ĐTKHVP 2018-2020

83335.10-2022 **Thực trạng và giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.**/ Hồ Thủy Tiên, - TS. Trần Thị Kim Oanh - TS. Lê Trung Đạo - ThS. Phạm Thanh Truyền - TS. Phạm Thị Thanh Xuân - CN. Nguyễn Đình An - ThS. Lê Hùng Chính - TS. Nguyễn Xuân Hiệp - CN. Phạm Xuân Hải - ThS. Hồ Thu Hoài - TP. HCM - Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2021; 10/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ khái niệm phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT). Xây dựng được hệ thống chỉ báo khá hoàn chỉnh để đo lường sự phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa. Nghiên cứu xác định được những nhóm đối tượng chính với các thuộc tính tiêu biểu, để phát triển, tham gia BHXH, BHYT. Kết quả của đề tài là cơ sở cho cơ quan BHXH Tỉnh Khánh Hòa nghiên cứu vận dụng trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/315

83405.10-2022 **Phát triển nguồn lao động và giải quyết việc làm ở tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030**/ TS. Lê Anh Vũ, GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn; PGS.TS. Nguyễn Duy Dũng; ThS. Bùi Việt Cường; TS. Nguyễn Đình Hòa; TS. Nguyễn Đức Đồng; TS. Phạm Văn Hiếu; TS. Nguyễn Cao Đức; ThS. Vũ Thị Chanh; ThS. Lê Thị Thu Hiền; 10. ThS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Nguyễn Thị Thu Hường; CN. Lê Quang Bình; ThS. Phạm Tuyên; TS. Nguyễn Văn Công; ThS.NCS. Trịnh Anh Tuân; TS. Nguyễn Thị Huyền; TS. Phạm Thị Nguyệt; ThS. Sùng Mí Lử; ThS. Nguyễn Thị Đào; ThS. Đỗ Thị Hải Vân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ thực trạng, đặc điểm, xu hướng phát triển nguồn lao động và giải quyết việc làm ở tỉnh Hà Giang. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách phát triển nguồn lao động và giải quyết việc làm của tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030. Làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm của một số địa phương trong

nước về phát triển nguồn lao động và giải quyết việc làm. Nhận diện thực trạng, xu hướng, những hạn chế, nguyên nhân hạn chế, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn lao động và giải quyết việc làm tỉnh Hà Giang giai đoạn từ 2015 - 2019. Xây dựng được các quan điểm định hướng; giải pháp, cơ chế chính sách để phát triển nguồn lao động và giải quyết việc làm tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030.

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKH&CN-01/2021

83415.10-2022 **Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**/ TS. Bùi Tôn Hiến, TS. Trịnh Thu Nga; ThS. Đỗ Khắc Vinh; ThS. Nguyễn Hải Ninh; CN. Nguyễn Thị Minh Nguyệt ; ThS. Lê Viết Trực; CN. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Đỗ Thị Ban; ThS. Đỗ Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Chiến - Viện Khoa học Lao động và Xã hội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2021; 09/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án Phát triển NNL tỉnh Sơn la trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 và tầm nhìn đến 2045, bao gồm hệ thống các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh. Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu và đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và các tỉnh miền núi trong nước, rút ra một số bài học về phát triển NNL cho tỉnh Sơn La. Cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp, đề tài đã xác định 25 chương trình, dự án trọng điểm cần triển khai thực hiện trong những năm tới nhằm góp phần đạt được các mục tiêu phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.

Số hồ sơ lưu: 1721/KHXH

83416.10-2022 **Nghiên cứu và phát huy giá trị di sản văn hoá thời Tiền - Sơ sử vùng lòng hồ Thuỷ điện Hoà bình (địa bàn tỉnh Sơn La)**/ ThS. Lưu Thị Hải Anh, PGS.TS. Nguyễn Khắc Sử; CN. Phạm Văn Tuấn; ThS. Lường Ngọc Ánh; CN. Lò Văn Thanh; PGS.TS. Nguyễn Lân Cường; CN. Nguyễn Thị Hồng Phương; TS. Lê Hải Đăng ; ThS. Nguyễn Thị Hải Dương; ThS. Ngô Hải Yến - Bảo tàng tỉnh Sơn La - Bảo tàng tỉnh Sơn La, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa đầy đủ tư liệu khảo cổ vùng lòng hồ , triển khai điền dã, thu thập bổ sung thêm nhiều hiện vật giúp cho việc trưng bày Bảo tàng tỉnh cũng như bổ sung tư liệu nghiên cứu, biên soạn lịch sử thời kỳ nguyên thủy Sơn La, Trong quá trình tồn tại và phát triển, cư dân tiền - sơ sử vùng lòng hồ thủy điện Hòa Bình trên đất Sơn La đã để lại cho các thế hệ hôm nay những giá trị di sản văn hóa nổi bật về sự tương thích của con người với sự biến động khắc nghiệt của môi trường, được thể hiện rõ qua các tổ hợp công cụ lao động bằng đá, bằng xương, bằng đồng, các dụng cụ lao động và các loại hình đồ đựng, đồ đun nấu bằng đất nung phù hợp với miền núi Sơn La. Các di chỉ khảo cổ học tiền và sơ sử

Sơn La nói chung và vùng lòng hồ thủy điện Hòa Bình trên đất Sơn La nói riêng, không chỉ là nguồn sử liệu biên soạn thời kỳ nguyên thủy ở địa phương, mà còn là tài nguyên du lịch của tỉnh. Cho nên, chúng ta cần có những giải pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát huy di sản khảo cổ trong giai đoạn hiện nay…

Số hồ sơ lưu: 1821/KHXH

83417.10-2022 **Nghiên cứu biên soạn Lịch sử Quân sự tỉnh Sơn La (1945 - 2020)**/ CN. Hoàng Đình Tường, CN. Tô Quang Hanh; CN. Nguyễn Xuân Thuỷ; CN. Nguyễn Văn Quang; CN. Ngô Trung Hà; CN. Phạm Minh Dũng; Nguyễn Tiến Bắc; CN. Phạm Thế Tân; Phạm Tiến Bình; TS. Phùng Quốc Hưng - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La, 2021; 09/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả công tác tư liệu Ban biên soạn đã tổ chức các đợt đi khai thác, sưu tầm, xác minh tư liệu, sự kiện lịch sử tại các kho lưu trữ. Biên tập bản thảo Lịch sử quân sự tỉnh Sơn La (1945-2020). Hội thảo đề cương sơ lược và hội thảo bản thảo. Thực hiện kế hoạch nghiên cứu đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Hội đồng Khoa học quân sự đã tổ chức cuộc Hội thảo đề cương sơ lược (lần 1, ngày 10/11/2020); hội thảo bản thảo Lịch sử quân sự tỉnh Sơn La (1945-2020) (lần 2, ngày 20/3/2021), (lần 3, ngày 25/5/2021) đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đề ra. Xây dựng báo cáo tổng kết, nghiệm thu cấp tỉnh, tổ chức xuất bản, phát hành cuốn sách.

Số hồ sơ lưu: 1921/KHXH

83575.10-2022 **Nghiên cứu hoạt động của cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể địa phương trong diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Đồng Hới**/ CN. Trương Trung Dũng, Trương Trung Dũng; Lê Văn Hợi; Nguyễn Thế Tài; Lê Quang Hải; Trần Tiến Đạt - Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Đồng Hới - Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Đồng Hới, 2021; 06/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu hoạt động của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể địa phương trong diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Đồng Hới, nhằm nghiên cứu thực trạng các cuộc diễn tập KVPT thành phố Đồng Hới trong thời gian qua. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá kết quả đạt được, chưa được và xác định nguyên nhân tồn tại, hạn chế về hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể địa phương trong diễn tập KVPT thành phố. Đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể địa phương khi thực hành diễn tập KVPT thành phố trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 17/2020-QLKHCN

83621.10-2022 **Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ ThS. Hoàng Văn Nhiệm, ThS. Hoàng Văn Nhiệm; ThS. Nguyễn Văn Hải; KS. Nguyễn Hải Long; CN. Đào Duy Hòa; ThS. Lê Khánh

Linh; ThS. Lê Đức Thọ; ThS. Nguyễn Thế Hùng; CN. Nguyễn Việt Phương; ThS. Đỗ Thị Ngân - Sở Tài Chính tỉnh Vĩnh Phúc - Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận các vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng vốn nhà nước thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành. Đánh giá thực trạng công tác quản lý, sử dụng vốn nhà nước thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2019. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: 11/ĐTKHVP 2020-2021

83622.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc khóa XV.**/ Trần Văn Tiến, TS. Trần Văn Tiến; CN. Nguyễn Thành Hưng; CN. Lê Thị Nguyệt; ThS. Trần Hồng Hà; CN. Lưu Đức Long; ThS. Nguyễn Văn Hòa; ThS. Hà Việt Dũng; ThS. Nguyễn Hương Giang; CN. Nguyễn Thị Bích Vân; ThS. Kiều Tuấn Hoàng; ThS. Trần Thị Hiền - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc - Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 03/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội. Đánh giá thực trạng hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giám sát của đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 05/ĐTKHVP 2020

83758.10-2022 **Nghiên cứu phát triển chuỗi cung ứng nông sản sạch của tỉnh Hà Giang**/ TS. Kim Hương Trang, ThS. Nguyễn Thị Mai; TS. Lê Phương Lan; TS. Nguyễn Đỗ Quyên; ThS. Đặng Huyền Linh; NCS.ThS. Trần Ngọc Hà; NCS.ThS. Vũ Thị Kim Oanh; ThS. Phan Thị Hương Giang; ThS. Lê Thế Bình; ThS. Hoàng Thị Yến; - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2021; 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng sản xuất và cung ứng một số nông sản sạch chủ yếu của tỉnh Hà Giang, cụ thể tập trung vào cây cam, tìm ra những điểm hạn chế và nguyên nhân của việc cung ứng nông sản chưa hiệu quả, từ đó đề xuất mô hình cung ứng nông sản sạch phù hợp với tỉnh Hà Giang và đề xuất các giải pháp về cơ chế, chính sách thực hiện mô hình đó nhằm phát triển chuỗi cung ứng nông sản sạch của tỉnh. Mục tiêu cuối cùng là đề xuất giải pháp đưa được nông sản của tỉnh vào chuỗi các siêu thị trong nước và xuất khẩu (cụ thể tỉnh Vân Nam, Trung Quốc).

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2022

84089.10-2022 **Nghiên cứu, lập bản đồ nguồn gốc định cư của cư dân vùng Diên Khánh**/ Lê Nguyên Anh, - Bà Nguyễn Thị Vân Anh - KS. Ngô Công Châu - ThS. Thái Nguyên Hoàng Giang - CN. Trần Hạnh Huy - ThS. Nguyễn Thị Nga - Ông Đỗ Văn Khoái - ThS. Trần Thị Thanh Loan - Khánh Hòa - Bảo tàng tỉnh Khánh Hòa, 2022; 04/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài đã thực hiện đáp ứng tính khoa học, tính thực tiễn và đầy đủ sản phẩm về số lượng và nội dung đã đăng ký và có phần vượt trội. Cụ thể:
Bản đồ định cư cư dân vùng Diên Khánh từ năm 1653 đến năm 2010. Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài "Nghiên cứu, lập bản đồ nguồn gốc định cư của cư dân vùng Diên Khánh". Khái quát lịch sử vùng Diên Khánh từ năm 1653 đến 2020. Qúa trình định cư cư dân vùng Diên Khánh .

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/318

84164.10-2022 **Nghiên cứu, biên soạn lịch sử Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang giai đoạn 1945 - 2020**/ ThS. Lương Văn Đoàn, ThS. Nguyễn Văn Phong; Triệu Đức Thanh; CN. Nguyễn Thị Hằng; CN. Bàn Thị Hường; CN. Lê Văn Đạt; ThS. Nguyễn Tiến Hùng; CN. Trần Đức Nghĩa; CN. Lộc Thị Tuyên; CN. Vương Thị Nga; CN. Nguyễn Hoàng; CN. Vi Thị Chuyên; KS. Nguyễn Đức Hạnh - Hà Giang - Chi cục Văn thư, Lưu trữ, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Biên soạn thành công lịch sử UBND tỉnh Hà Giang, giai đoạn 1945 - 2020, trong đó phản ánh được các nội dung cơ bản sau: Tổ chức bộ máy và nhân sự của UBND tỉnh Hà Giang. Hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Hà Giang. Kết quả thu được từ hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Hà Giang về mọi mặt kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh. Đánh giá, nhận xét về hoạt động của UBND tỉnh Hà Giang

Số hồ sơ lưu: HSĐKTTKHCN-HG-2022

84206.10-2022 **Giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học ứng dụng của giảng viên Trường Đại học Khánh Hòa**/ Phan Quốc Thông, - ThS. Nguyễn Thị Kim Hằng - TS. Lê Văn Thành - ThS. Lê Thị Thuấn - PGS. TS. Lê Thị Phương Ngọc - TS. Bùi Thị Thanh Diệu - Khánh Hòa - Trường Đại học Khánh Hòa, 2022; 03/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học ứng dụng cho đội ngũ giảng viên có ý nghĩa, vai trò rất quan trọng đối với các trường đại học.
Kết quả phân tích SWOT điều tra xã hội học cho thấy hoạt động KH&CN của Nhà trường với ít điểm mạnh và cơ hội, trong khi đó còn nhiều điểm yếu và thách thức. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy đa phần giảng viên đồng ý với các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực và các tiêu chí giúp nâng cao năng lực NCKH ứng dụng của giảng viên mà ban chủ nhiệm đề tài đã đưa ra. Đưa ra được

hệ thống các các giải pháp đồng bộ và cụ thể hoá các chỉ tiêu phát triển NCKH đối với hoạch hoạt động KH&CN của Nhà trường. Xây dựng được kế hoạch tổng thể phát triển hoạt động KH&CN của trường Đại học Khánh Hòa đến năm 2025, trên cơ sở đó nâng cao năng lực NCKH ứng dụng của giảng viên trường Đại học Khánh Hòa trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/319

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

83140.10-2022 **Lồng ghép của biến đổi khí hậu vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội các khu kinh tế ven biển Đồng bằng sông Hồng, (thí điểm khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Hải Phòng)**/ ThS. Ngô Thị Bích Ngọc, ThS. Vũ Thị Thương; TS. Phạm Văn Thanh; KS. Lê Văn Vượng; TS. Đậu Hiển; CN. Cù Thị Trâm; ThS. Bùi Thị Minh; ThS. Nguyễn Thị Duyên; ThS. Đặng Thị Hương - Hà Nội - Hội Địa chất biển Việt Nam, 2021; 03/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng nghiên cứu. Đánh giá được tác động của biến đổi khí hậu gây biến động điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường và tổn thương kinh tế xã hội vùng nghiên cứu.Qua đó, đề xuất được các giải pháp thực thi và lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19972

83179.10-2022 **Phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững gắn với du lịch nông nghiệp tại 3 huyện Đại từ, Định Hóa, Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên**/ TS. Vũ Thị Thanh Thủy, TS. Nguyễn Ngọc Anh; GS.TS. Nguyễn Thế Đặng; TS. Trần Mai Anh; ThS. Vũ Thế Phiệt; TS. Nguyễn Quang Thi; ThS. Nông Thu Huyền; ThS. Trương Thành Nam; ThS. Hà Văn Tuyển; PGS.TS. Phan Đình Binh; KS. Phan Tiến Hùng; TS. Nguyễn Thế Huấn; ThS. Vũ Thị Kim Hảo; TS. Phạm Văn Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Linh; ThS. Ngô Hồng Gấm; ThS. Quách Thị Hoe; ThS. Nguyễn Đình Thi; TS. Nguyễn Đức Nhuận; ThS. Đào Thanh Tùng; ThS. Đỗ Trọng Hưng - Hà Nội - Trung tâm Môi trường Tài nguyên miền núi, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng sản xuất nông lâm nghiệp và tiềm năng phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững gắn với du lịch nông nghiệp tại 3 huyện Đại Từ, Định Hóa và Võ Nhai. Xây dựng mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững gắn với du lịch nông nghiệp tại 3 huyện trên. Nâng cao năng lực cho người dân, cộng đồng và các bên liên quan về sản xuất nông nghiệp bền vững kết hợp phát triển du lịch nông nghiệp. Qua đó đánh giá hiệu quả, thuận lợi, khó khăn và đề xuất một số giải pháp phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững gắn với Du lịch.

Số hồ sơ lưu: 19981

83206.10-2022 **Nghiên cứu đánh giá mức độ tổn thương một số ngành kinh tế phục vụ phát**

triển bền vững một số khu kinh tế trọng điểm do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng/ ThS. Lưu Văn Thủy, ThS. Bùi Thị Minh; TS. Nguyễn Thế Tưởng; TS. Đậu Hiển; TS. Đào Mạnh Tiến; KS. Lê Văn Vượng; ThS. Nguyễn Thị Duyên; ThS. Công Minh Vương; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt - Hà Nội - Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển bền vững, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn nghiên cứu mức độ tổn thương của một số ngành kinh tế tại một số khu kinh tế trọng điểm do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Qua đó, xác định mức độ tổn thương của một số ngành kinh tế của 2 khu kinh tế Chân Mây- Lăng Cô và Phú quốc. Từ những nghiên cứu, đánh giá trên đưa ra các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương một số ngành kinh tế do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Số hồ sơ lưu: 19987

83226.10-2022 **Nghiên cứu phát triển hệ thống du lịch thông minh "Con đường di sản miền Trung"**/ TS. Trịnh Công Duy, KS. Ngô Quốc Huy; ThS. Phạm Thị Minh Trang; ThS. Trần Chí Cường; TS. Cao Trí Dũng; ThS. Nguyễn Viết Toàn; CN. Nguyễn Công Khiết; ThS. Lê Ngọc Tường; TS. Trương Ngọc Châu; TS. Phan Thanh Hải; ThS. Phạm Hồng Quảng; ThS. Lê Sỹ Minh; ThS. Nguyễn Chí Trung; TS. Nguyễn Quang Thanh - Đà Nẵng - Công ty cổ phần Công nghệ thông tin Halovi, 2021; 07/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các mô hình, kiến trúc đã có, đánh giá hạn chế của các giải pháp đang sử dụng và tiến hành khảo sát, đánh giá lựa chọn các công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực du lịch. Đồng thời khảo sát dữ liệu thực địa, phân tích các dữ liệu đã thu thập, cập nhật dữ liệu, xây dựng các mô đun xem nội dung bản đồ số cho người dùng. Xây dựng cổng thông tin hệ thống du lịch thông minh, triển khai thực nghiệm và đánh giá kết quả, hoàn thiện hệ thống. Từ đó đưa ra giải pháp đề xuất cần được thử nghiệm trên các ứng dụng cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 19993

83569.10-2022 **Chính sách tài khóa thúc đẩy tăng trưởng toàn diện: Luận cứ và giải pháp hoàn thiện cho Việt Nam**/ ThS. Đào Mai Phương, ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; ThS. Trương Bá Tuấn; TS. Nguyễn Thị Hải Thu; ThS. Lê Thị Mai Liên; ThS. Tô Kim Huệ; TS. Đặng Đức Anh; TS. Nguyễn Thành Hưng; TS. Vũ Nhữ Thăng; PGS.TS. Lê Xuân Trường - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2022; 08/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận đối với chính sách tài khóa và tăng trưởng toàn diện. Tổng hợp, phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc đổi mới, điều chỉnh các cơ chế, chính sách tài khóa hướng đến mục tiêu tăng trưởng toàn diện, trên cơ sở đó rút ra các bài học kinh nghiệm, hàm

ý chính sách cho Việt Nam. Thực trạng tăng trưởng toàn diện, chính sách tài khóa thúc đẩy tăng trưởng toàn diện ở Việt Nam giai đoạn 2001 - 2020, trong đó tập trung đánh giá, làm rõ vai trò của chính sách tài khóa thúc đẩy tăng trưởng toàn diện ở Việt Nam; nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng và quá trình tổ chức thực thi các chính sách tài khóa ở Việt Nam đối với yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng toàn diện thời gian qua; xác định các rào cản, điểm nghẽn về chính sách tài khóa trong mối quan hệ với yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng toàn diện ở Việt Nam và nguyên nhân. Đề xuất các khuyến nghị về đổi mới chính sách tài khóa nhằm thúc đẩy tăng trưởng toàn diện ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

Số hồ sơ lưu: 20153

50202. Kinh doanh và quản lý

83078.10-2022 **Báo cáo kinh tế Việt Nam 2020: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo**/ PGS.TS. Bùi Quang Tuấn, TS. Phạm Sỹ An; TS. Lê Văn Hùng; TS. Nguyễn Cao Đức; TS. Phạm Bích Ngọc; TS. Đào Thị Hoàng Mai; TS. Nguyễn Thị Tố Quyên; TS. Nguyễn Đình Hòa; ThS. Phạm Thành Công; ThS. Trần Thị Kim Chi; ThS. Trần Thị Mỹ Anh; ThS. Trần Văn Hoàng - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành đánh giá nền kinh tế Việt Nam năm 2020 từ góc độ vĩ mô. Phân tích quá trình tăng trưởng kinh tế Việt Nam và vai trò của đổi mới sáng tạo giai đoạn 2011-2019. Qua đó, rà soát cơ chế, chính sách cho đổi mới sáng tạo giai đoạn 2011-2019. Nghiên cứu, xem xét thực trạng các doanh nghiệp đầu tư cho các hoạt động đổi mới sáng tạo. Để từ đó, đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm tháo gỡ nút thắt cho đổi mới sáng tạo để đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế trong 10 năm tới (2021-2030).

Số hồ sơ lưu: 19956

83080.10-2022 **Sở thích của nhà quản lý, thiết lập mục tiêu và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Kiểm chứng bằng phương pháp thực nghiệm ngẫu nhiên RCT**/ TS. Kim Hương Trang, TS. Nguyễn Đức Quang; ThS. Đặng Huyền Linh; ThS. Dương Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan; TS. Hồ Hồng Hải - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2020; 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mối liên hệ giữa sự ưa thích rủi ro và sở thích về thời gian của nhà quản lý đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tiến hành khai thác vai trò hiệu ứng mồi (priming effect) của việc phản hồi hàng tháng đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Kiểm chứng và nghiên cứu thực nghiệm xem việc thiết lập mục tiêu theo tháng so với việc thiết lập mục tiêu theo năm có cải thiện được hoạt động của doanh nghiệp hay không. Đồng thời, phân tích thực nghiệm việc thiết lập mục tiêu theo tháng có mang lại nhiều lợi ích cho các nhà quản lý doanh nghiệp, những người có mức thiên

lệch về hiện tại (present bias) và/hoặc sợ thua lỗ cao, hay không.

Số hồ sơ lưu: 19953

83110.10-2022 **Tăng cường khả năng đổi mới cho các doanh nghiệp Việt Nam: Vai trò của lãnh đạo chuyển đổi, lãnh đạo đạo đức và quản trị tri thức**/ TS. Lê Ba Phong, TS. Nguyễn Thị Nguyệt Dung; PGS. TS. Nhâm Phong Tuân; TS. Thân Thanh Sơn; PGS. TS. Lê Trung Thành; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Mai - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2021; 03/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tài liệu, cơ sở lý thuyết về lãnh đạo chuyển đổi, lãnh đạo đạo đức, quản trị tri thức, và khả năng đổi mới của doanh nghiệp để xây dựng được khung phân tích lý thuyết của toàn bộ đề tài. Nghiên cứu thực trạng các vấn đề về lãnh đạo, quản trị tri thức và khả năng đổi mới của các doanh nghiệp Việt Nam. Đồng thời, làm rõ vai trò và ảnh hưởng của lãnh đạo chuyển đổi và lãnh đạo đạo đức đến khả năng quản trị tri thức của các doanh nghiệp Việt Nam và làm rõ tác động của quản trị tri thức đến khả năng đổi mới của các doanh nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu cơ chế trung gian của quản trị tri thức trong mối quan hệ giữa các phong cách lãnh đạo (lãnh đạo chuyển đổi và lãnh đạo đạo đức) và khả năng đổi mới của các doanh nghiệp Việt Nam. Qua đó, đề xuất các ý tưởng và ngụ ý cụ thể cho các nhà nghiên cứu và các doanh nghiệp Việt Nam nhằm tăng cường khả năng đổi mới của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19958

83169.10-2022 **Ứng dụng Công nghệ thông tin truy xuất nguồn gốc thực phẩm trên địa bàn tỉnh Long An**/ PGS.TS. Huỳnh Trung Hiếu, PGS.TS. Bùi Trung Thành; PGS.TS. Huỳnh Tường Nguyên; TS. Phạm Hoàng Anh; ThS. Đỗ Văn Long; ThS. Nguyễn Duy Phong; PGS.TS. Đàm Sao Mai; ThS. Nguyễn Minh Cường; TS. Phạm Công Duy; TS. Lê Trọng Ngọc - Long An - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2020; 09/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm và thiết kế các API để kết nối, cập nhật và truy xuất dữ liệu của quy trình quản lý sản xuất từ giai đoạn thu hoạch, sơ chế, đóng gói, dán tem, phân phối cho đại lý cấp 1 cho 4 loại sản phẩm (Chuối, Thanh Long ruột trắng, Thanh Long ruột đỏ, và Dưa lưới). Xây dựng nền tảng công nghệ Blockchain và truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, nghiên cứu giải pháp đề xuất có khả năng tích hợp ứng dụng công nghệ Blockchain nhằm đảm bảo rằng hệ thống đáp ứng được những tính chất: Chống giả mạo; Chống chối bỏ; Bảo đảm tính riêng tư thông tin lưu vết; Bảo đảm tính bất biến thông tin và bảo đảm tính thuận tiện cho các bên tham gia vào hệ thống.

Số hồ sơ lưu: LAN-003-2021

83216.10-2022 **Xây dựng bản đồ công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ trong việc phát triển và ứng dụng IoT tại Việt Nam**/ TS.

Đặng Minh Tuấn, TS. Vũ Thành Nam; TS. Nguyễn Xuân Hạ; TS. Nguyễn Hữu Xuyên; PGS. TS. Nguyễn Linh Giang; PGS. TS. Phạm Văn Hải; PGS. TS. Trần Thị Nắng Thu; TS. Nguyễn Thị Thanh Tân; TS. Phạm Minh Hải; TS. Đặng Bảo Lâm; TS. Phạm Ngọc Hiếu; TS. Trần Đức Cân; TS. Lê Thu Huyền; TS. Phạm Minh Triển; ThS. Cù Kim Long; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Phùng Minh Thu Thủy; ThS. Trần Xuân Đức; ThS. Nguyễn Hoàng Việt; ThS. Nguyễn Hùng Anh; ThS. Đinh Xuân Trường; ThS. Nguyễn Văn Huy; ThS. Nguyễn Tiến Đồng; KS. Nguyễn Trung Hưng - Hà Nội - Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về ứng dụng công nghệ IoT trong các ngành, tìm hiểu về sản phẩm, thị trường và phân khúc thị trường công nghệ IoT trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Tiến hành đánh giá thực trạng sản phẩm và năng lực công nghệ IoT trong các lĩnh vực tại Việt Nam. Qua đó, xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ IoT thông qua các chính sách, chiến lược phát triển đối với công nghệ IoT nhằm lựa chọn ra được các sản phẩm ưu tiên. Đồng thời qua đó tiến hành xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu cho bản đồ công nghệ IoT.

Số hồ sơ lưu: 19989

83297.10-2022 **Quản lý tiền tệ trong điều kiện phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam**/ PGS. TS. Phạm Quốc Khánh, PGS. TS. Phạm Thuỳ Giang; TS. Nguyễn Phi Lân; PGS. TS. Phạm Thị Hoàng Anh; PGS. TS. Đặng Thị Huyền Anh; TS. Nguyễn Thanh Nhàn; TS. Phan Thanh Đức; TS. Trần Mạnh Hà; TS. Nguyễn Văn Thủy; TS. Nguyễn Văn Khách; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Đặng Tài An Trang; TS. Đặng Anh Tuấn - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2021; 06/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tông luận về các loại hình tiền tệ và quản lý tiền tệ (mục tiêu, nội dung quản lý, nguồn lực, các chủ thể và cơ chế phối hợp, đánh giá kết quả quản lý tiền tệ) trong điều kiện phát triển nền kinh tế số. Tìm hiểu những bài học cho Việt Nam từ kinh nghiệm của các nước trong quản lý tiền tệ phù hợp với bối cảnh phát triển nền kinh tế số. Phân tich xu hướng phát triển các loại hình tiền tệ trong điều kiện phát triển nền kinh tế số và những yêu câu đôi mới công tác quản lý tiền tệ phù hợp với xu hướng phát triển nền kinh tế số. Qua đó, đề xuất nôi dung và công cu quản lý tiền tệ trong điều kiện phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20008

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

83426.10-2022 **Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý "Bến Tre" dùng cho sản phẩm tôm càng xanh**/ Luật sư Dương Thành Long, LS Dương Thành Long; PGS. TS Dương Phúc Tý; CN Võ Quang Hùng; CN Nguyễn Thùy Dương; CN Đào Phương Hạnh; TS Nguyễn Tài; KS Lê Văn Vĩnh; KS

Nguyễn Thị Siêm; KS Châu Hữu Trị. - TP Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu Trí tuệ (CIPTEK), 2021; 08/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công chỉ dẫn địa lý "Bến Tre" cho sản phẩm tôm càng xanh của tỉnh Bến Tre và thiết lập mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý phù hợp và hiệu quả trên thực tế nhằm duy trì danh tiếng sản phẩm, nâng cao giá trị thương phẩm, tạo điều kiện quảng bá sản phẩm qua đó mở rộng thị trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao đời sống người dân sản xuất và kinh doanh sản phẩm tôm càng xanh của tỉnh Bến Tre.

Số hồ sơ lưu: BTE-163-2021

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

83259.10-2022 **Nghiên cứu hệ thống giải pháp nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục ở bậc mầm non tỉnh Thanh Hóa**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Hà Lan, - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục mầm non. Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục của giáo viên mầm non tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng hệ thống các giải pháp nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục mầm non ở tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-029-2021

83303.10-2022 **Nghiên cứu giải pháp phát triển thể chất cho học sinh tiểu học tỉnh Thanh Hóa**/ TS. Đồng Hương Lan, TS. Nguyễn Văn Toàn; TS. Trịnh Văn Bắc; ThS. Nguyễn Xuân Trọng; TS. Lê Trọng Đồng; TS. Nguyễn Thị Quyên; ThS. Dương Thái Bình; ThS. Nguyễn Duy Hùng; ThS. Hoàng Sỹ Trung; ThS. Ngô Thảo Yên - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2019; 04/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục thể chất của học sinh trong các trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng mô hình tập luyện thể dục thể thao chính khóa và ngoại khóa trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng các giải pháp nhân rộng mô hình tập luyện thể dục thể thao chính khóa và ngoại khóa trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-032-2021

83554.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng chương trình Tiếng Anh tổng quát và chuyên ngành hàng hải trực tuyến cho sinh viên và học viên trường đại học giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025**/ TS. Vũ Thị Lan Anh, ThS. Đặng Nhân Cách; ThS. Hồng Đông Anh Chi; ThS. Ngô Thị Phương Thảo; ThS. Lương Thị Minh Thu; ThS. Nguyễn Phúc Hưng; ThS. Nguyễn Duy Dũng - Hồ Chí Minh - Trường

Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan lý thuyết về dạy và học ngoại ngữ trực tuyến. Đánh giá thực trạng hoạt động hiện nay của việc dạy và học tiếng Anh trực tuyến tại Trường Đại học Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh. Khảo sát xây dựng chương trình học tiếng Anh trực tuyến theo nội dung và cấp độ bộ giáo trình English Empower của nhà xuất bản Cambridge University Press. Đề xuất một số giải pháp để quản lý và vận hành chương trình OEEP hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 20164

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

83180.10-2022 **Xây dựng, vận hành tổ chức quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ; nâng cao hiệu quả hoạt động sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ cho trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên/** TS. Nguyễn Thế Huấn, PGS. TS. Lê Minh; ThS. Trần Minh Hòa; TS. Bùi Đình Hòa; TS. Vũ Thị Thanh Thủy; TS. Hà Quang Trung; TS. Nguyễn Hữu Thọ; TS. Bùi Văn Quang; TS. Nguyễn Văn Bảy; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Vũ Hữu Cường - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên, 2020; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát hoạt động Sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ trong và ngoài Trường Đại học Nông Lâm-Đại học Thái Nguyên. Thành lập bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ trong trường và xây dựng và ban hành các văn bản (Quy chế/quy định/quy trình) quản lý, phát triển Sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ trong trường. Nâng cao năng lực quản lý Sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ cho bộ phận chuyên trách và các nhà khoa học, giảng viên, giáo viên trong trường. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và hoàn thiện mô hình quản lý Sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ trong Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19979

83207.10-2022 **Nghiên cứu cơ hội và điều kiện để xuất khẩu giáo dục đại học và cao đẳng Việt Nam thông qua việc thu hút sinh viên quốc tế: sử dụng cách tiếp cận Bayesian/** TS. Phạm Hùng Hiệp, TS. Vương Quân Hoàng; ThS. Nguyễn Mai Hương; ThS. Đinh Việt Hùng; TS. Lê Trần Hữu Nghĩa; ThS. Hồ Mạnh Toàn; ThS. Nguyễn Tô Hồng Kông; ThS. Lã Việt Phương - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Phú Xuân, 2021; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra về hiện trạng của sinh viên quốc tế tại Việt Nam: các sinh viên đến từ đâu? Các nguồn tài chính nào hỗ trợ họ du học tại Việt Nam? Họ thường lựa chọn chương trình không trao bằng hay trao bằng? Các trường cao đẳng và đại học như thế nào thường được họ lựa chọn? Họ thường theo học chuyên ngành gì? Từ việc điều tra, nghiên cứu trên xác định các yếu tố - học thuật, quản trị,

tài chính – dẫn đến thành công của các trường đại học và cao đẳng trong việc tuyển sinh sinh viên quốc tế. Đồng thời, nghiên cứu, điều tra sức ảnh hưởng của các yếu tố xác định thành công của các trường đại học và cao đẳng trong việc tuyển sinh sinh viên quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19985

83237.10-2022 **Phát triển kỹ năng ứng dụng đa phương tiện trong dạy và học lịch sử ở trường Trung học tỉnh Đồng Tháp**/ ThS. Lý Thị Xuân Hồng, ThS. Lý Thị Xuân Hồng; CN. Nguyễn Nhựt Trường; ThS. Nguyễn Hoàng Hải; CN. Trần Thị Thủy; ThS. Trần Ngọc Trường; CN. Hồ Thị Thanh - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp, 2019; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá thực trạng dạy và học Lịch sử, ứng dụng đa phương tiện trong dạy học Lịch sử ở trường Trung học. Đề xuất các nhóm giải pháp để phát huy hiệu quả kỹ năng ứng dụng đa phương tiện trong dạy và học Lịch sử ở trường Trung học. Xây dựng bộ lọc liệu đa phương tiện để phát huy việc dạy và học môn Lịch sử ở trường Trung học. Góp phần làm phong phú thêm lý luận dạy học bộ môn về sử dụng kỹ thuật, phương tiện dạy học ở trường trung học, nhất là việc sử dụng đa phương tiện trong dạy học Lịch sử ở các trường THCS, THPT. Nâng cao năng lực nghiên cứu góp phần thực tiễn nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực phụ trách.

Số hồ sơ lưu: DTP-2021-008

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

77165.10-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng Công đoàn Thủ đô trong đại diện bảo vệ quyền,lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động**/ TS. Nguyễn Thị Tuyến, ThS. Lê Đình Hùng; KS. Tạ Văn Dưỡng; PGS.TS. Vũ Quang Thọ; PGS.TS. Phạm Văn Hà; TS. Vũ Văn Thú; ThS. Phạm Thị Thu Lan; ThS. Nguyễn Quốc Khánh; CN. Lê Xuân Trường; KS. Trần Thị Thanh; CN. Nguyễn Văn Ngọc - Hà Nội - Liên Đoàn Lao Động thành phố Hà Nội, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của tổ chức công đoàn trong việc thực hiện đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho người lao động; Đánh giá thực trạng chất lượng hoạt động của công đoàn Thủ đô trong việc thực hiện đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho người lao động trong thời gian qua; Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn Thủ đô trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho người lao động; Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài, báo cáo tóm tắt, báo cáo kiến nghị của đề tài

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-26/ĐK-TTTT&TK

83079.10-2022 **Tác động của quy mô và kết cấu gia đình tới kết**

quả học tập và phúc lợi hộ gia đình/ TS. Vũ Hoàng Linh, TS. Phùng Đức Tùng; ThS. Nguyễn Hồng Thùy; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Ngô Hà Quyên - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển Mekong, 2021; 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành nghiên cứu tổng quan tài liệu về tác động của số lượng và tỉ lệ giới của con cái lên việc giáo dục trẻ em và công việc cũng như thu nhập của cha mẹ. Đồng thời, nghiên cứu và cung cấp phân tích thống kê mô tả về số lượng và tỉ lệ giới của con cái lên việc giáo dục trẻ em, công việc, thu nhập của cha mẹ. Đánh giá mức độ tác động của số lượng và tỉ lệ giới của con cái lên giáo dục trẻ em ở Việt Nam và đánh giá mức độ tác động của số lượng và tỉ lệ giới của con cái lên công việc và thu nhập của cha mẹ. Dựa trên các kết quả thực nghiệm, nghiên cứu đề xuất các chính sách liên quan đến việc tăng cường giáo dục trẻ em và phúc lợi gia đình.

Số hồ sơ lưu: 19954

83138.10-2022 **Xây dựng mô hình công nghệ khí canh sản xuất củ giống khoai tây sạch bệnh tại tỉnh Hưng Yên**/ KS. Nguyễn Thị Nhâm, CN. Nguyễn Thái Kiều Ngân; ThS. Nguyễn Trường Long; ThS. Phạm Thái Sơn; KS. Doãn Trung Hưng; KTV. Ngô Thị Điều; CN. Quách Thị Quyên; CN. Vũ Thị Ngọc Anh; KS. Cao Thị Duyên - Hưng Yên - Trung tâm ứng dụng tiến Bộ Khoa học và Công nghệ Hưng Yên (Nay là Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên), 2021; 11/2016 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ 11 quy trình công nghệ sản xuất củ khoai tây giống sạch bệnh bằng công nghệ khí canh. Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ nhân khoai tây giống sạch bệnh bắt nguồn từ công nghệ khí canh. Xây dựng nhà màn sản xuất củ giống khoai tây siêu nguyên chủng diện tích 2.000 m2. Đồng thời, xây dựng mô hình sản xuất củ giống khoai tây nguyên chủng diện tích 5ha và xác nhận với diện tích 20 ha và xây dựng mô hình trồng khoai tây thương phẩm 15 ha, để đánh giá khả năng sản xuất, chất lượng giống và hiệu quả của dự án. Thông qua dự án đào tạo được 4 kỹ thuật tiếp nhận được công nghệ có thể chủ động sản xuất, thu hoạch và bảo quản giống và tổ chức tập huấn cho 200 lượt người dân về quy trình trồng, chăm sóc sản xuất giống và củ khoai tây thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19969

83151.10-2022 **Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo bền vững của hộ gia đình dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Thanh Hoá hiện nay**/ ThS. Ngô Xuân Sao, - Thanh Hoá - Trường Đại học Hồng Đức, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, phân tích thực trạng và những nhân tố ảnh hưởng, cũng như những chính sách giảm nghèo và giảm nghèo bền vững đối với người dân trên thế giới và ở Việt Nam, từ đó xác định khoảng trống

nghiên cứu. Phân tích thực trạng năng lực thoát nghèo của hộ gia đình các dân tộc thiểu số miền núi Thanh Hoá.

Số hồ sơ lưu: THA-019-2021

83223.10-2022 **Vấn đề ly hôn của các cộng đồng tộc người ở Tây Nam Bộ hiện nay: Thực trạng, nguyên nhân và hệ quả xã hội/** PGS. TS. Trần Thị Minh Thi, GS. TS. Nguyễn Hữu Minh; ThS. Nguyễn Đức Tuyến; ThS. Đặng Thanh Nhàn; ThS. Nguyễn Hà Đông; ThS. Lỗ Việt Phương; ThS. Lê Thị Hồng Hải - Hà Nội - Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2020; 08/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô tả quy mô và mức độ của ly hôn ở các cộng đồng tộc người ở Tây Nam Bộ hiện nay, bao gồm những nhân tố mang tính cấu trúc như giới tính, văn hóa và số liệu thống kê dân số (cư dân nông thôn/ thành thị, mô hình chung sống trước ly hôn), chu trình sống (i.e. con cái, đoàn hệ, tuổi kết hôn, độ dài hôn nhân, tuổi ly hôn) và các yếu tố kinh tế xã hội (giáo dục, tình hình kinh tế), người chủ động ly hôn và các yếu tố tác động. Tìm hiểu những lý do ly hôn và các yếu tố tác động cũng như những hệ quả xã hội, kinh tế và pháp lý của ly hôn tới việc chăm sóc và sự phát triển của con cái, mối quan hệ cha mẹ - con cái, sự hòa nhập với xã hội sau khi ly hôn dưới các tác động của quan hệ xã hội. Để từ đó có những gợi ý về chính sách để giảm nhẹ những hậu quả mà ly hôn mang lại cho cá nhân và sự phát triển của con cái.

Số hồ sơ lưu: 19994

83227.10-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất Mắc ca bền vững theo chuỗi giá trị phục vụ xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Lâm Đồng/** KS. Nguyễn Hoàng Anh, ThS. Nguyễn Hải Đăng; TS. Trần Hồng Sơn; ThS. Trần Thị Thúy Hằng; CN. Quách Trung Trực; CN. Nguyễn Thị Anh; ThS. Đào Thanh Sơn; ThS. Tạ Kiên Trung; KS. Trần Anh Tuấn; KS. Nguyễn Thanh Thượng - Lâm Đồng - Công ty TNHH Hoàng Anh Maca, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng trồng, cơ cấu giống, kỹ thuật thâm canh, trồng xen Mắc ca ở Tây Nguyên. Xây dựng mô hình trình diễn về trồng và thâm canh cây Mắc ca. Xây dựng 01 mô hình sơ chế, chế biến và bảo quản hạt Mắc ca và xây dựng 01 mô hình liên kết thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân với qui mô tối thiểu 50 tấn/năm tại 02 huyện của Lâm Đồng. Đồng thời xây dựng hệ thống tài liệu bao gồm Quy trình hướng dẫn, 01 cuốn tài liệu (dạng sổ tay kỹ thuật) và 01 video về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế, chế biến và bảo quản Mắc ca.

Số hồ sơ lưu: 19996

83295.10-2022 **Nghiên cứu giải pháp chống chịu và phục hồi sinh kế của cộng đồng cư dân trước ảnh hưởng của sự cố Formosa 2016/** PGS. TS. Trương Văn Tuyển, PGS. TS. Nguyễn Viết Tuân; ThS. Hoàng Thị Hồng Quế; TS. Lê Thị Hồng Phương; ThS. Nguyễn Ngọc

Truyền; ThS. Nguyễn Thiện Tâm; ThS. Dương Ngọc Phước; ThS. Trần Cao Úy - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu thiệt hại và đánh giá mức độ tác động sinh kế của sự cố môi trường biển Formosa 2016 đối với các hộ dân ven biển ở bốn tỉnh Miền Trung. Xác định các giải pháp ứng phó và hiện trạng thực hiện các các giải pháp ứng phó của hộ dân trước ảnh hưởng của sự cố môi trường biển Formosa 2016. Qua đó, đánh giá kết quả ứng phó sự cố, hồi sinh kế và đời sống của các nhóm hộ dân cư ven biển trước ảnh hưởng của sự cố.

Số hồ sơ lưu: 19980

83333.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**/ Cử nhân. Đặng Ngọc Long, ThS. Diêm Thị Hoa; ThS. Trần Quang Đạo; CN. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Hoàng Thị Phương; CN. Đỗ Hồng Sơn. - Bắc Giang - Ủy ban MTTQ Việt Nam, 2021; 01/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thanh tra nhân dân (TTND) là hình thức giám sát của nhân dân thông qua Ban TTND đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước. Nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang góp phần nghiên cứu tìm ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban TTND, góp phần quan trọng trong thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Số hồ sơ lưu: NVCS96/2021

83343.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp góp phần hạn chế vụ việc phụ nữ và trẻ em bị bạo lực, xâm hại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**/ ThS. Ngụy Thị Tuyến, CN. Phạm Thị Tuyết Trinh; ThS. Vũ Thị An; ThS. Nguyễn Thị Hưng; CN. Bà Nguyễn Thị Phương - Bắc Giang - Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Bắc Giang, 2021; 01/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác tham gia giải quyết vụ việc bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em của Hội LHPN các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần hạn chế các vụ việc bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em trên địa bàn tỉnh. Để hạn chế, giảm thiểu các vụ việc bạo lực, xâm hại phụ nữ, trẻ em đòi hỏi chính quyền, ngành chức năng cần xây dựng và đồng bộ thực hiện các giải pháp mang tính chất hệ thống nhằm nâng cao chất lượng ở tất cả các khâu: tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng mọi mặt của

phụ nữ, trẻ em và nhân dân; tiếp nhận, xử lý, giải quyết vụ việc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân trước mắt và lâu dài.

Số hồ sơ lưu: NVCS92/2021

83428.10-2022 **Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực lý lịch tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**/ CN. Nguyễn Thị Phương Linh, ThS. Đỗ Thị Loan; ThS. Nguyễn Thị Như; ThS. Hoàng Hà Đông; CN.Nguyễn Thị Thanh Huyền; CN. Chu Thị Thảo; CN. Hoàng Minh Hiếu; CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Bắc Giang - Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang, 2021; 01/2021 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nêu và làm rõ những vấn đề về cơ sở lý luận, hình thức, phương pháp và tầm quan trọng của QLNN về LLTP, cải cách hành chính trong lĩnh vực LLTP. Nhằm phát hiện những tồn tại, hạn chế trong QLNN về LLTP nói chung và trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nói riêng, để từ đó tìm ra những tồn tại, bất cập của công tác QLNN về LLTP hiện nay. Trên có sở nghiên cứu, đánh giá một cách chính xác, khách quan và toàn diện về thực trạng công tác QLLL về LLTP hiện nay, đề ra các giải pháp hữu hiệu nhằm góp phần tăng cường hiệu quả QLNN về LLTP nói chung và QLNN về LLTP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nói riêng.

Số hồ sơ lưu: NVCS94/2021

83577.10-2022 **Phát triển sinh kế bền vững cho người dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang trong giai đoạn hiện nay**/ TS. Nguyễn Thị Thanh Nhàn, CN.Sèn Chỉn Ly; TS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Cầm Thị Lai; ThS. Tống Trần Hà; CN. Trần Thị Mỹ Liên; CN. Nguyễn Sơn Hải; ThS. Phạm Sỹ Hùng; ThS. Nguyễn Văn Viên; ThS. Lưu Thị Ngọc; ThS. Trần Văn Đỉnh; ThS. Trịnh Sơn; ThS. Trịnh Diệu Bình; PGS.TS. Đinh Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Khánh Ly; ThS. Phạm Bình Dương - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển sinh kế bền vững. Thực trạng sinh kế của người dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang giai đoạn 2015-2020. Định hướng và giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Đề xuất một số mô hình sinh kế bền vững cho người dân trên địa bàn huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: 20190

50499. Xã hội học khác

83269.10-2022 **Năng lực chống chịu biến đổi khí hậu của các cộng đồng người dân tộc thiểu số ở vùng đồi núi Thừa Thiên Huế trong bối cảnh giảm tiếp cận tài nguyên rừng**/ PGS. TS. Lê Thị Hoa Sen, TS. Lê Thị Hồng Phương; PGS. TS. Nguyễn Hoàng Khánh Linh; TS. Nguyễn Thị Hồng Mai; TS. Hồ Đắc Thái Hoàng; ThS. Trần Cao Uý; ThS. Lê Văn Nam - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Nông Lâm,

Đại học Huế, 2021; 02/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu nhận thức của người dân tộc thiểu số và các bên liên quan về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế của hộ và cộng đồng. Nghiên cứu năng lực chống chịu biến đổi khí hậu của các nhóm dân tộc thiểu số ở vùng núi Thừa Thiên Huế. Tiếp cận và sử dụng thông tin biến đổi khí hậu trong sản xuất và phát triển sinh kế của hộ và cộng đồng người dân tộc thiểu số ở vùng núi Thừa Thiên Huế. Từ đó ra quyết định thích ứng với biến đổi khí hậu của nông hộ.

Số hồ sơ lưu: 20003

83664.10-2022 **Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre đáp ứng nhu cầu thị trường lao động đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045**/ TS. Đỗ Thị Hoa Liên, TS. Đỗ Thị Hoa Liên; TS. Nguyễn Thị Anh Trâm; TS. Nguyễn Hải Thập; ThS. Hoàng Võ Hằng Phương; ThS. Trần Thị Hoàng Ngân; ThS. Phan Đình Tuấn; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; ThS. Đoàn Thị Thủy; ThS. Bùi Thị Oanh; ThS. Nguyễn Phúc Linh; CN. Trần Văn Phương; ThS. Tôn Nữ Lâm Châu - TP Hồ Chí Minh - Trường Đại học Lao động – Xã hội (Cơ sở II), 2021; 06/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích những luận cứ khoa học và thực tiễn về chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và dự báo cung cầu lao động. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất những quan điểm, định hướng, chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Số hồ sơ lưu: BTE-166-2021

82537.10-2022 **Thu hút người trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ TS. Đinh Hồng Linh, TS. Đinh Hồng Linh; ThS. Nguyễn Đắc Dũng; PGS.TS. Trần Quang Huy; PGS.TS. Trần Viết Khanh; ThS. Bùi Văn Lương; ThS. Trần Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Hiệp; TS. Nguyễn Quang Hợp; TS. Đỗ Đình Long; TS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Ngô Thị Hương Giang; TS. Trần Tuấn Anh; TS. Nguyễn Thành Vũ; ThS. La Quý Dương; ThS. Nông Thị Minh Ngọc; ThS. Trần Văn Nguyện; ThS. Nguyễn Hải Quân; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền - Thái Nguyên - Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2021; 07/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến BHXH và BHXH tự nguyện. Đánh giá thực trạng tình hình tham gia BHXH tự nguyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu các chính sách liên quan đến BHXH và BHXH tự nguyện đã và đang được triển khai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia BHXH tự nguyện của người trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đề xuất các giải pháp nhằm thu hút người trong độ tuổi lao động tham gia BHXH tự

nguyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: TNN-2021

83447.10-2022 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát huy giá trị tài liệu lưu trữ tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang**/ ThS. Hoàng Thị Duyên, CN. Nguyễn Ngọc Hảo; CN. Lương Vũ Thắng; ThS. Vũ Trí Biên; CN. Trần Thị Phượng - Bắc Giang - Văn phòng Sở khoa học và công nghệ, 2021; 08/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu về công tác văn thư - lưu trữ nói chung và tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ đã được rất nhiều nhà khoa học, nhà lý luận, nhà hoạt động thực tiễn quan tâm. Làm rõ ý nghĩa, giá trị tài liệu lưu trữ tại Sở Khoa học và Công nghệ; đánh giá thực trạng công tác tổ chức khoa học tài liệu lưu trữ và công tác tổ chức khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ tại Sở; đề xuất giải pháp phát huy giá trị tài liệu lưu trữ tại Sở Khoa học và Công nghệ. Ngoài việc đưa ra và phân tích cụ thể các giải pháp phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, chúng tôi đã xây dựng mô hình số hóa tài liệu lưu trữ tại Sở KH&CN; xây dựng danh mục và công bố Danh mục hồ sơ tài liệu lưu trữ đang bảo quản tại Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang từ 1986 đến 2016; xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ của Sở Khoa học và Công nghệ.

Số hồ sơ lưu: NVCS101/2021

50501. Luật học

83224.10-2022 **Hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm để thực thi các quy định mới của Bộ luật dân sự năm 2015**/ TS. Võ Đình Toàn, CN. Đinh Văn Linh; ThS. Lê Thị Thúy Nga; TS. Trần Thị Quang Hồng; PGS. TS. Vũ Thị Hồng Yến; PGS. TS. Lê Thị Thu Thủy; TS. Nguyễn Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Hồng Hải; ThS. Nguyễn Chi Lan; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Quang Hương Trà; LS. Nguyễn Thị Phương; CN. Trương Hồng Quang; ThS. Bế Hoài Anh; ThS. Đồng Đức Duy; ThS. Trần Danh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Lương Trà; ThS. Hoàng Thị Thúy Quỳnh; ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng; CN. Nguyễn Thị Phương Thúy; CN. Lưu Thị Phấn; CN. Nguyễn Thị Thu - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2018; 01/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát một số vấn đề lý luận pháp luật về giáo dịch bảo đảm như những vấn đề chung về giao dịch bảo đảm nghĩa vụ quân sự và pháp luật một số quốc gia trên thế giới về giao dịch bảo đảm. Tìm hiểu những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2915 về các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ quân sự. Qua đó đưa ra những định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm để thực thi các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Số hồ sơ lưu: 19999

83589.10-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện quy định về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ để thực**

hiện chủ trương tích tụ ruộng đất/ TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Võ Diệu Linh; ThS. Trần Phong Vũ; ThS. Nguyễn Trọng Toán; ThS. Tăng Lệ Thu; KS. Đặng Thùy Linh; TS. Lê Thị Kim Dung; ThS. Đinh Thị Thanh Huyền; ThS. Trần Thu Hoài; ThS. Nguyễn Thành Tôn - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2022; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và chủ trương tích tụ ruộng đất. Đánh giá thực trạng tích tụ đất nông nghiệp và chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ (nghiên cứu tại Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên). Các yếu tố ảnh hưởng tới tích tụ đất đai và chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp. Đề xuất tiêu chí về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và tích tụ ruộng đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện quy định chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp góp phần thực hiện chủ trương tích tụ ruộng đất tại vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Số hồ sơ lưu: 20181

50599. Các vấn đề pháp luật khác

83225.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam về Quyền con người trong lĩnh vực Hành chính Tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp/** ThS. Cao Xuân Phong, TS. Tường Duy Kiên; TS. Nguyễn Kim Ngân; TS. Nguyễn Công Khanh; TS. Nguyễn Văn Toàn; ThS. Vũ Thị Thảo; ThS. Đỗ Thúy Lan; ThS. Đặng Trung Hà; CN. Trần Thị Lan Phương - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2016; 05/2012 - 11/2012. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng quy định trong lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp và việc đáp ứng các yêu cầu của cam kết quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Tìm hiểu thực trạng nhận thức của cán bộ Bộ Tư pháp về thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người trong lĩnh vực hành chính tư pháp, trong đó có cả việc đánh giá hiệu quả của công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Đồng thời tìm hiểu về cơ chế thực hiện các quy định trong lĩnh vực hành chính tư pháp và các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện cơ chế thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp. Từ đó, đề xuất các kiến nghị về xây dựng và thực hiện cơ chế thực thi các cam kết của Việt Nam về quyền con người trong lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Số hồ sơ lưu: 19998

83597.10-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn và đề xuất chủ trương, phương án đàm phán của Việt Nam trong xây dựng các văn kiện pháp lý quốc tế trong khuôn khổ Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học tại các vùng biển nằm ngoài phạm**

vi tài phán quốc gia/ PGS.TS. Nguyễn Hồng Thao, TS. Hoàng Ly Anh; TS. Chu Mạnh Hùng; ThS. Vũ Thị Mai Liên; TS. Lê Thị Anh Đào; ThS. Đỗ Thanh Dương; TS. Trần Đình Lân; TS. Nguyễn Lê Tuấn; TS. Dư Văn Toán; TS. Hoàng Thị Thanh Nhàn; ThS. Trần Thị Ngọc Sương; ThS. Phạm Thị Mai Trang; TS. Nguyễn Thị Kim Ngân; ThS. Phạm Thị Bắc Hà; TS. Phạm Hồng Hạnh; TS. Nguyễn Toàn Thắng; TS. Nguyễn Thị Hồng Yến; Cử nhân. Phạm Thị Ngọc Diễm - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2021; 08/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thông qua nghiên cứu, phân tích và đánh giá cơ sở khoa học và thực tiễn để góp ý đàm phán xây dựng văn kiện pháp lý quốc tế trong khuôn khổ Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học tại các vùng biển nằm ngoài phạm vi tài phán quốc gia (BBNJ), Đề tài đề xuất những khuyến nghị giúp xây dựng chủ trương, phương án cho Việt Nam đàm phán hiệu quả văn kiện pháp lý quốc tế về BBNJ trong khuôn khổ UNCLOS, đồng thời bảo vệ quyền lợi của Việt Nam trong quá trình đàm phán nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học tại các vùng biển nằm ngoài phạm vi tài phán quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 20200

50601. Khoa học chính trị

77165.10-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng Công đoàn Thủ đô trong đại diện bảo vệ quyền,lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động**/ TS. Nguyễn Thị Tuyến, ThS. Lê Đình Hùng; KS. Tạ Văn Dưỡng; PGS.TS. Vũ Quang Thọ; PGS.TS. Phạm Văn Hà; TS. Vũ Văn Thú; ThS. Phạm Thị Thu Lan; ThS. Nguyễn Quốc Khánh; CN. Lê Xuân Trường; KS. Trần Thị Thanh; CN. Nguyễn Văn Ngọc - Hà Nội - Liên Đoàn Lao Động thành phố Hà Nội, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của tổ chức công đoàn trong việc thực hiện đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho người lao động; Đánh giá thực trạng chất lượng hoạt động của công đoàn Thủ đô trong việc thực hiện đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho người lao động trong thời gian qua; Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn Thủ đô trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho người lao động; Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài, báo cáo tóm tắt, báo cáo kiến nghị của đề tài

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-26/ĐK-TTTT&TK

83208.10-2022 **Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành bảo đảm thực thi thông suốt, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp**/ ThS. Nguyễn Hồng Tuyến, ThS. Vương Toàn Thắng; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Nguyễn Mạnh Cường; TS. Trần Văn Đạt; ThS. Cao Kim Oanh; ThS. Phạm Ngọc Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Tùng; ThS.

Nguyễn Thị Thu Hòe; ThS. Đỗ Đình Lương; ThS. Bùi Thu Hằng; ThS. Thái Thị Hải Yến; ThS. Trần Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thụy; ThS. Lê Thái Phương; CN. Nguyễn Hoàng Hà; CN. Nguyễn Thị Phương Liên; CN. Trần Hồng Hạnh; CN. Nguyễn Thị Thanh Hoa; CN. Phạm Thị Phương Thảo - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2018; 01/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn về cơ chế phối hợp và cơ chế phối hợp liên ngành trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp. Đánh giá đúng thực trạng về thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành trong thực thi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp. Qua đó, đề xuất phương hướng; nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành thực thi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp.

Số hồ sơ lưu: 19986

83229.10-2022 **Các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách tư pháp từ thực tiễn thực hiện vai trò, chức năng của Chính phủ**/ TS. Phan Chí Hiếu, TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Nguyễn Đỗ Kiên; ThS. Nguyễn Xuân Tùng; ThS. Trần Thị Kim Phú; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Kiều Thị Hảo; ThS. Ngô Thanh Xuyên - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2018; 11/2016 - 05/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá khách quan chất lượng và hiệu quả của công tác cải cách tư pháp thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ từ năm 2006 đến nay; kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập. Qua đó, rút ra nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện công tác cải cách tư pháp thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ từ năm 2006 đến nay. Đồng thời đề xuất những giải pháp, lộ trình nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả cải cách tư pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ trong những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 20000

83530.10-2022 **Quan hệ giữa Ấn Độ với một số nước trong khu vực và hàm ý cho Việt Nam**/ TS. Lê Thị Hằng Nga, ThS. Nguyễn Lê Thy Thương; PGS.TS. Ngô Xuân Bình; PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung; TS. Hà Lê Huyền; ThS. Nguyễn Thị Oanh; TS. Huỳnh Thanh Loan; TS. Nguyễn Văn Linh; ThS. Nguyễn Thị Hiên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, 2021; 02/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những yếu tố tác động đến quan hệ ngoại giao giữa Ấn Độ và một số quốc gia trong khu vực Nam Á. Thực trạng quan hệ ngoại giao giữa Ấn Độ với Nepal, Bhutan và Sri Lanka. Đánh giá quan hệ giữa Ấn Độ và một số quốc gia khu vực Nam Á và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với các nước láng giềng, đặc biệt là quan hệ với Lào, Campuchia.

Số hồ sơ lưu: 20135

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

83548.10-2022 **Nghiên cứu giải pháp nâng cao vai trò, trách nhiệm của kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước**/ ThS. Nguyễn Thành Công, ThS. Vũ Hoàng Nam; TS. Đào Thúy Hà; ThS. Lê Vĩnh Phúc; ThS. Trần Tuấn Linh; ThS. Phạm Duy Yên - Hà Nội - Vụ Pháp chế, Kiểm soát nội bộ, 2022; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về vai trò, trách nhiệm của kiểm soát viên trong các doanh nghiệp nhà nước. Đánh giá thực trạng quản lý vốn và vai trò trách nhiệm của kiểm soát viên trong các doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Đề xuất giải pháp nâng cao vai trò, trách nhiệm của kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 20163

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

83220.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng**/ PGS. Hồ Thị Lam Trà, ThS. Hoàng Phương Anh; PGS.TS. Đỗ Thị Tám; TS. Phạm Văn Vân; ThS. Vũ Thị Xuân; ThS. Nông Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thành Hải; ThS. Nguyễn Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Trọng Phùng; ThS. Lê Hải Diệp; ThS. Trần Triều Dương; ThS. Trần Thị Kim Diệu - Cao Bằng - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2020; 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin thông qua phiếu điều tra. Đánh giá thực trạng liên quan đến công tác tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Cao Bằng. Nghiên cứu tác động và đề xuất giải pháp tạo quỹ đất phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Cao bằng giai đoạn 2020-2025. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tạo quỹ đất của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: CBG-004-2021

83311.10-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn và đề xuất xây dựng mô hình kinh tế xanh cấp xã lưu vực sông Lam**/ TS. Lại Văn Mạnh, ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; GS. TS. Nguyễn Viết Thịnh; ThS. Trần Xuân Cường; PGS. TS. Lê Thu Hoa; TS. Trương Hà Thái; PGS. TS. Nguyễn Thị Trang Thanh; PGS. TS. Trần Văn Ý; TS. Nguyễn Hoàng Nam; TS. Kim Thị Thúy Ngọc; TS. Trần Thị Tuyến; ThS. Thân Văn Đón; ThS. Võ Công Anh Tuấn; TS. Ngô Đăng Trí; ThS. Nguyễn Hữu Đạt; ThS. Tô Ngọc Vũ - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2021; 09/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn về các mô hình kinh tế xanh, từ đó lựa chọn tiêu chí để nhận diện, đánh giá mô hình kinh tế xanh cấp xã lưu vực sông Lam. Điều tra, khảo sát và xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ chuyên đề phục vụ nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn và đề xuất mô hình kinh tế xanh quy mô cấp xã lưu vực sông Lam. Đánh giá thực trạng các mô hình phát triển

kinh tế-xã hội quy mô cấp xã trên lưu vực sông Lam, từ đó phát hiện những điểm phù hợp và chưa phù hợp của các mô hình đó đối với mô hình kinh tế xanh. Đề xuất các mô hình kinh tế xanh lưu vực sông Lam, lựa chọn xây dựng một số mô hình trình diễn kinh tế xanh đặc thù quy mô cấp xã thuộc lưu vực sông Lam. Đồng thời, đề xuất các giải pháp phát triển, nhân rộng mô hình kinh tế xanh ở các lưu vực sông của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 20012

83580.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng nông thôn Tây Nguyên và đề xuất mô hình nông thôn mới theo các vùng địa lý sinh thái nhằm tạo sinh kế, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển nông nghiệp bền vững/** TS. Nguyễn Thị Thủy, ThS. Hoàng Thị Huyền Ngọc; TS. Nguyễn Mạnh Hà; TSKH. Bạch Quốc Khang; TS. Cao Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Bùi Thị Ngọc Dung; PGS.TS. Lưu Thế Anh; TS. Nguyễn Thành Mến; TS. Dương Thị Lịm; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; TS. Nguyễn Lập Dân; ThS. Nguyễn Thị Bích; TS. Hoàng Lưu Thu Thủy; Đồng Thị Thanh; TS. Nguyễn Văn Dũng - Hà Nội - Viện Địa lý, 2022; 11/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng tiếp cận địa lý tổng hợp. Thực trạng nông thôn mới Tây Nguyên theo các vùng địa lý sinh thái. Định hướng sản xuất nông lâm nghiệp bền vững vùng Tây Nguyên trong bối cảnh biến đổi khí hậu, liên kết vùng, hội nhập quốc tế. Đề xuất mô hình nông thôn mới phù hợp với vùng địa lý sinh thái và mô hình tích hợp các kết quả khoa học - công nghệ của chương trình Tây Nguyên 3 phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng Tây Nguyên. Cơ sở dữ liệu GIS về tài nguyên đất - nước - rừng phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Số hồ sơ lưu: 20183

84020.10-2022 **Xây dựng mô hình phát triển nghề thổ cẩm truyền thống gắn với du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai/** CN. Nguyễn Văn Thưởng, ThS. Giàng Thị Gấm TS. Phan Phương Mai; TS. Nguyễn Thị Hường; TS. Vũ Thế Duy ; KS. Hoàng Văn Kiêm; Nguyễn Khánh Hòa ; CN. Vũ Thị Nhung; CN. Vi Thị Mến; CN. Giàng Chủ - Lào Cai - Công ty Cổ phần Đầu tư và huấn luyện BSTA Lào Cai, 2021; 11/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình phát triển nghề thổ cẩm truyền thống nhằm duy trì và phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn hiện nay và tầm nhìn đến 2030. Đánh giá thực trạng sản xuất sản phẩm nghề thổ cẩm truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Xây dựng quy trình thêu dệt thổ cẩm phục vụ du lịch. Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất và quảng bá sản phẩm thêu, dệt thổ cẩm tại điểm du lịch lựa chọn. Tổ chức tập huấn cho đối tượng làm nghề và hướng dẫn về nghề thêu dệt, thổ cẩm truyền thống. Đề xuất chính sách nhằm bảo tồn và phát huy nghề sản xuất thổ cẩm

truyền thống gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh lào cai tầm nhìn đến 2030.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-034

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

83607.10-2022 **Nghiên cứu định hướng và giải pháp quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới ven đô**/ TS.KTS. Lê Thị Bích Thuận, TS.KTS. Nguyễn Trung Dũng; PGS.TS. Lưu Đức Hải; TS. Tạ Thị Hoàng Vân; TS.KTS. Nguyễn Tuấn Minh; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; CN. Nguyễn Thùy Dung; ThS. Nguyễn Thị Hồng Diệp; ThS. Lê Viết Trường; ThS. Nguyễn Văn Nam - Hà Nội - Viện Nghiên cứu đô thị và phát triển hạ tầng, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tổng kết công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các xã ven đô trong thời gian qua. Định hướng công tác quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới ven đô gắn với định hướng đô thị hóa, tái cơ cấu nông nghiệp và lấy đô thị để hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn. Đề xuất các giải pháp quy hoạch xây dựng và quản lý quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới ven đô nhằm tăng cường liên kết đô thị - nông thôn, gắn với định hướng đô thị hóa và tiết kiệm nguồn lực đầu tư.

Số hồ sơ lưu: 20167

83695.10-2022 **Mô hình tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan nông thôn mới kế thừa giá trị văn hóa truyền thống các vùng miền**/ ThS. Nguyễn Tuấn Minh, TS. Tạ Thị Hoàng Vân; ThS. Nguyễn Thành Long; ThS. Đặng Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Phạm Hoàng Phương; ThS. Phạm Thị Thanh Vân; CN. Nguyễn Ngọc Dương; ThS. Thái Thị Hồng Liên; CN. Lê Văn Ba - Hà Nội - Viện Quy hoạch và Kiến trúc Đô thị, 2022; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất các mô hình bảo tồn và phát huy giá trị kiến trúc cảnh quan nông thôn mới đặc trưng các vùng miền đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Đề xuất khung quy định quản lý bảo tồn và phát huy giá trị kiến trúc cảnh quan nông thôn truyền thống đặc trưng các vùng miền phục vụ xây dựng nông thôn mới. Thí điểm xây dựng mô hình tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan nông thôn mới kế thừa giá trị văn hóa truyền thống đặc trưng cho vùng đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ.

Số hồ sơ lưu: 20168

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội

83783.10-2022 **Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai**/ CN. Phạm Thanh Quang, CN. Vương Trinh Quốc ThS. Trần Ngọc Nhân; ThS. Nguyễn Hồng Quang; CN. Trần Xuân Huệ; Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Trần Thị Thu Hiền; CN. Lâm Thị Tú; CN. Hà Thị Xuân Thủy; CN. Phạm Thị Thu Hương - Lào Cai - Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai, 2020;

11/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng công tác truyền thông ở cơ sở, về các loại hình, hoạt động truyền thông, khả năng tiếp cận và hiệu quả của các kênh truyền thông. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại, hạn chế tìm hiểu nguyên nhân những tồn tại, hạn chế trong hoạt động truyền thông ở cơ sở, từ đó đề xuất lựa chọn các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truyền thông ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-023

599. Khoa học xã hội khác

82434.10-2022 **Xây dựng Nhãn hiệu tập thể "Chè Bảo Yên" cho sản phẩm chè của huyện Bảo Yên**/ ThS Nguyễn Đại Dương, CN. Trần Thị Thu Hương; CN. Nguyễn Tuấn Anh; CN. Nguyễn Thế Hiếu; CN. Phạm Hoàng Giang; KS. Đinh Công Thành - Lào Cai - Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm hàng hóa tỉnh Lào Cai, 2020; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở xác lập quyền đối với nhãn hiệu tập thể "chè Bảo Yên", dùng cho sản phẩm; Điều tra, khảo sát sản phẩm; xác định thống nhất chủ sở hữu nhãn hiệu. Xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể "chè Bảo Yên". Xây dựng hệ thống Quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể: Xây dựng văn bản và cơ chế quản lý nhãn hiệu tập thể"Chè Bảo Yên". Triển khai hỗ trợ hoạt động quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể chè Bảo Yên. Tổ chức hoạt động kiểm soát và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế. Quảng bá và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-013

82935.10-2022 **Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng vũ trang Lào Cai trong ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay**/ PGS. TS Phạm Xuân Nguyên, TS. Nguyễn Văn Đông; ThS. Vũ Văn Học; PGS. TS Phạm Ngọc Hùng; PGS. TS Phạm Châu Diên; PGS. TS Nguyễn Thanh Liêm; Đặng Huy Cương; Lã Việt Hùng; Nguyễn Phi Khanh; KS. Tạ Công Huy - Hà Nội - Viện Khoa học Nghệ thuật Quân sự, 2021; 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sự cố, thiên tai điển hình do thiên nhiên hoặc con người gây ra và thực trạng về hoạt động của Lực lượng vũ trang Lào Cai trong ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua. Dự báo tình hình có liên quan và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Lực lượng vũ trang Lào Cai trong giai đoạn hiện nay. Khảo cứu, đánh giá hiệu quả các phương án diễn tập ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn giai đoạn vừa qua. Nghiên cứu, biên soạn sổ tay hướng dẫn cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước và cán bộ, chiến sỹ Lực lượng vũ trang có nhiệm vụ liên quan đến hoạt động của Lực lượng vũ trang Lào Cai trong ứng phó sự

cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-019

83521.10-2022 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể: "Hiệp hội nông nghiệp sạch Nam Định" dùng cho các sản phẩm nông nghiệp sạch của Hiệp hội nông nghiệp sạch Nam Định**/ Nguyễn Văn Thủy, Nguyễn Văn Thủy; Phạm Thị Thoa; Trần Xuân Lại; Hoàng Thị Hương Giang; Trần Quốc Toản; Trần Văn Vững; Đinh Thị Phương. - Nam Định - Hiệp hội nông sản sạch tỉnh Nam Định, 2021; 05/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập quyền Nhãn hiệu tập thể "Hiệp hội nông nghiệp sạch Nam Định; Xây dựng các điều kiện, hệ thống công cụ,phương tiện phục vụ quản lý,khai thác và phát triển Nhãn hiệu tập thể "Hiệp hội nông nghiệp sạch Nam Định"; triển khai thí điểm và hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông nghiệp sạch mang Nhãn hiệu tập thể.

Số hồ sơ lưu: 02

83525.10-2022 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể " Cơ khí Xuân Tiến" dùng cho các sản phẩm cơ khí của làng nghề Xuân Tiến, xã Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định**/ Lê Vũ Huyền, Lê Vũ Huyền; Trịnh Dương Văn; Đỗ Mạnh Hùng; Đào Thu Trang; Phạm Mai Anh; Nguyễn Anh Ngọc; Tăng Đức Khương; Trần Danh Lưu - Hà Nội - Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP, 2021; 12/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập quyền cho nhãn hiệu tập thể Cơ Khí Xuân Tiến trong đó: Đó điều tra đánh giá về sản phẩm và vùng sản xuất; Xác định tổ chức tập thể làm chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể Cơ khí Xuân Tiến; Xây dựng bản đồ địa lý tương ứng với nhãn hiệu tập thể và xin giấy phép sử dụng tên địa danh Xuân Tiến; Thiết kế mẫu nhãn hiệu tập thể cơ Khí Xuân Tiến; Đăng ký xác lập quyền cho nhãn hiệu tập thể cơ khí Xuân Tiến; Xây dựng hệ thống quản lý và sử dụng nhãn hiệu tập thể "Cơ khí Xuân Tiến"

Số hồ sơ lưu: 06

6. Khoa học nhân văn

82792.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đấu giá tài sản trong thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ ThS. Đào Xuân Hà, ThS. Đào Xuân Hà; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thị Ly; CN. Đỗ Thị Như Thùy; Phùng Ngọc Lan; CN. Nguyễn Thị Lan; ThS. Nguyễn Minh Thùy; CN. Vi Thị Thanh Hường; CN. Đào Thị Kim Cúc; ThS. Hà Thị Thanh Loan - Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc - Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 04/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan, cơ sở lý luận về đấu giá tài sản thi hành án dân sự và cần thiết phải nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đấu giá tài sản trong thi hành án dân sựĐánh giá thực trạng công tác đấu

giá tài sản trong thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 - 2020. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác đấu giá tài sản trong thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 - 2025.

Số hồ sơ lưu: 1.2020

82793.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng xét xử các vụ án vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Vĩnh Phúc**/ Đỗ Anh Cường, Nguyễn Thanh Danh ThS. Đỗ Anh Cường; ThS. Nguyễn Thanh Danh; ThS. Đinh Ngọc Huân, ThS. Phạm Thị Thúy Mai; ThS. Vũ Văn Mạnh; ThS. Nguyễn Vĩnh Thành; ThS. Trần Văn Thái; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Trần Văn Sơn; ThS. Nguyễn Bình Thuận; ThS. Lê Minh Hoàng; ThS. Đỗ Thị Liên; ThS. Nguyễn Lê Hoàng - Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc - Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Thực trạng xét xử các vụ án vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Vĩnh Phúc. Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xét xử các vụ án vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 2.2020

82795.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm sát thi hành án dân sự, án hành chính của Viện kiểm sát nhân dân ở tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn hiện nay**/ Lê Tất Hiếu, Ngô Khương Tuyến ThS. Lê Tất Hiếu; ThS. Ngô Khương Tuyến, ThS. Trịnh Duy Tám, CN. Đặng Thanh Nhàn, CN. Nguyễn Việt Vương, CN. Nguyễn Kim Thanh, CN. Trần Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Phương Nam, CN Lê Minh Hùng, CN. Trần Trung Kiên. - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 04/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan những vấn đề lý luận có liên quan đến công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính. Đánh giá thực trạng công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính. Trong giai đoạn 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 - 2019.

Số hồ sơ lưu: 3.2020

82796.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ nhằm phòng ngừa tham nhũng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay**/ TS. Hà Quang Tiến, ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; CN. Nguyễn Thành Dũng; CN. Nguyễn Thị Tần; CN. Trần Minh Sáu; ThS. Nguyễn Hải Hà; CN. Cao Đức Cường; CN. Nguyễn Thanh

Lâm - Ban Nội chính - Tỉnh ủy Vĩnh Phúc - Ban Nội chính - Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, 2020; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về kiểm soát xung đột lợi ích, hoạt động công vụ và phòng, chống tham nhũng. Đánh giá thực trạng kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ nhằm phòng ngừa tham nhũng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2019. Đề xuất giải pháp thực hiện tốt kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 4.2020

82799.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp phân cấp quản lý ngân sách nhà nước nhằm phát huy nguồn lực thực hiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Nguyễn Mạnh Thắng, Nguyễn Ngọc Bình ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; TS. Nguyễn Ngọc Bình; ThS. Vũ Giang Hậu; CN. Vũ Thị Thúy Hằng; ThS.Trương Đức Tuấn; ThS.Nguyễn Thị Huệ Tâm; ThS. Dương Quốc Chính; ThS.Hà Thị Thanh Nhàn; ThS. Phan Việt Hùng; CN. Nguyễn Thị Thu Hường. - Văn phòng HĐND tỉnh Vĩnh Phúc - Văn phòng HĐND tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 04/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về phân cấp quản lý NSNN tác động đến việc phát huy nguồn lực nhằm phát triển kinh tế xã hội; Đánh giá thực trạng phân cấp quản lý ngân sách, phân bổ nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020; Đề xuất các giải pháp, kiến nghị phân cấp quản lý ngân sách nhà nước nhằm phát huy nguồn lực thực hiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025;

Số hồ sơ lưu: 12.2020

82800.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp xây dựng đội ngũ công chức tuyên giáo tỉnh Vĩnh Phúc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.**/ Bùi Huy Vĩnh, ThS. Bùi Huy Vĩnh; CN. Nguyễn Hữu Bình; CN. Nguyễn Văn Hà; ThS. Phạm Văn Công; CN. Tạ Thị Hồng Phương; CN. Phạm Thị Viết; ThS. Trần Hoài Nam - Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy Vĩnh Phúc - Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, 2020; 04/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan tình hình trong nước, trong tỉnh có liên quan đến công tác xây dựng đội ngũ công chức tuyên giáo. Đánh giá thực trạng đội ngũ công chức tuyên giáo trên địa bàn tỉnh hiện nay. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng đội ngũ công chức tuyên giáo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: 13.2020

82802.10-2022 **Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Tạ Văn Nam, Ngô Khương Tuyến TS. Tạ Văn Nam; TS. Trần Hoa Phượng; TS. Phạm Anh; TS. Đinh Văn Trung; TS. Vũ

Thế Tùng; TS. Trần Văn Thắng; TS. Phí Hữu Toàn; ThS. Cáp Tuấn Ba; ThS. Trịnh Thị Tuyết Mai; ThS. Đặng Hải Yến - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020; 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nông nghiệp. Thực trạng phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nông nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2013 - 2018. Phương hướng và giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân trong nông nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 17.2020

82806.10-2022 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt khai thác tự nhiên tại một số vùng chưa có chương trình nước sạch trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.**/ Trần Văn Thuận, Tạ Bình CN. Trần Văn Thuận; Tạ Bình; Nguyễn Khắc Chính; Đào Xuân Hòa; Đào Thị Thảo; Trần Đình Luân; Dương Thị Thúy; Lê Đình Đức. - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Vĩnh Phúc - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 03/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan một số vấn đề có liên quan đến việc khai thác tự nhiên và sử dụng nước ăn uống, sinh hoạt sạch; Khảo sát thu thập thông tin, đánh giá thực trạng chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt khai thác tự nhiên tại một số vùng chưa có chương trình nước sạch; Phân tích, thử nghiệm đánh giá chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt khai thác tự nhiên tại một số vùng chưa có chương trình nước sạch; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt khai thác tự nhiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 32.2020

82808.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phục dựng di tích lịch sử chiến khu Ngọc Thanh, tỉnh Vĩnh Phúc.**/ Mai Văn Trung, CN. Mai Văn Trung; Đỗ Thị Thu Hà; Nguyễn Mạnh Hà; Vũ Vân Nam; Hoàng Thị Hồng Lĩnh; Nguyễn Thị Hải Yến; Lê Thị Phương Thủy; Phạm Xuân Hải; Đỗ Thị Ánh Tuyết; Nguyễn Thị Minh Thúy; Ngô Quang Dụ. - Bảo tàng tỉnh Vĩnh Phúc - Bảo tàng tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, giá trị lịch sử văn hóa về di tích lịch sử nói chung và thực tiễn tồn tại, vai trò và các chứng tích về di tích lịch sử chiến khu Ngọc Thanh nói riêng; Nghiên cứu điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, đánh giá thực trạng di tích lịch sử chiến khu Ngọc Thanh; Nghiên cứu các quy định của Nhà nước về bảo quản, phục hồi di tích, về phát huy giá trị di sản văn hóa, các văn bản, quy phạm pháp luật Nhà nước về môi trường, đất đai,

lâm nghiệp, du lịch... có liên quan, ảnh hưởng tới quá trình triển khai thực hiện phục dựng và tôn tạo di tích; Đề xuất những giải pháp nhằm phục dựng di tích lịch sử chiến khu Ngọc Thanh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 40.2020

83279.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý đội ngũ đảng viên ở các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn hiện nay**/ CN. Phạm Thị Hồng Nhung, CN. Phạm Thị Hồng Nhung; ThS.Vũ Ngọc Vinh; ThS.Trần Quang Minh; ThS.Trần Ngọc Minh; ThS. Bùi Huy Tùng; CN. Diệp Thị Thanh Hà; CN. Trần Xuân Tăng; ThS. Nguyễn Mạnh Nguyên; ; ThS. Nguyễn Mạnh Tuân; ThS. Trần Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Thị Thiên Hương; ThS. Nguyễn Thị Hường - Đảng ủy khối cơ quan Vĩnh Phúc - Đảng ủy khối cơ quan Vĩnh Phúc, 2020; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quản lý luận về công tác quản lý đội ngũ đảng viên ở các tổ chức cơ sở Đảng. Đánh giá thực trạng công tác quản lý đội ngũ đảng viên ở các tổ chức cơ sở Đảng tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý đội ngũ cán bộ đảng viên ở các tổ chức cơ sở Đảng.

Số hồ sơ lưu: 06/ĐTKHVP 2020-2021

83281.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay**/ Phạm Thị Hồng Thủy, Đường Trọng Khang ThS. Phạm Thị Hồng Thủy; CN. Đường Trọng Khang; ThS. Nguyễn Văn Cường; CN. Lộc Hoàng Lê Na; CN. Nhâm Thị Hạnh; Triệu Thị Minh Nguyệt; Phan Thị Hường - Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc - Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; Đánh giá thực trạng Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Vĩnh Phúc; Đề xuất giải pháp phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 08/ĐTKHVP/2020-2021

83282.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí tăng trưởng toàn diện để đánh giá phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc**/ Phạm Mỹ Hằng Phương, TS. Phạm Mỹ Hằng Phương; ThS. Đỗ Thị Hà Anh; PGS. TS. Trần Trọng Nguyên; ThS. Đặng Thùy Nhung; ThS. Trần Hoàng Minh; ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; NCS. ThS. Đỗ Thanh Hương; ThS. Hoàng Thị Minh Hà; ThS. Đỗ Văn Lâm - Học viện Chính sách và Phát triển - Học viện Chính sách và Phát triển, 2021; 08/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về phát triển bền vững và kinh nghiệm quốc tế trong đánh giá phát triển bền vững; sự cần thiết phải xây dựng bộ tiêu chí tăng trưởng toàn diện để đánh giá phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc; Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2020; Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí tăng trưởng toàn diện để đánh giá phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc; Đề xuất một số giải pháp chính sách thực hiện phát triển bền vững của tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030.

Số hồ sơ lưu: 28/ĐTKHVP/2020-2021

83283.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Vĩnh Phúc trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế**/ Nguyễn Thị Thu Hương, Trần Nguyên Lý ThS. Đỗ Thị Nâng; TS. Hồ Thị Hòa; ThS. Nguyễn Quang Sáng; ThS. Nguyễn Phương Linh; ThS. Trần Thị Hiên; ThS. Lê Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Minh Hạnh; TS. Đỗ Thị Thục; TS. Nguyễn Thị Thùy Hương; ThS. Nguyễn Viết Hà; ThS. Nguyễn Thị Phương Ngọc - Học Viện tài Chính - Học viện tài chính, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hồ sơ và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, phát triển thương hiệu sản phẩm rau quả (ớt, ngô ngọt, bí đỏ) cho doanh nghiệp đầu mối. Nghiên cứu xây dựng phương tiện quảng bá, phát triển sản phẩm. Nghiên cứu tìm hiểu công nghệ để vận hành hệ thống phần mềm quản lý sản xuất, nguồn gốc sản phẩm; hệ thống phần mềm QR code tra cứu thông tin truy xuất nguồn gốc bên ngoài. Đề xuất các giải pháp duy trì, quản lý và phát triển sản phẩm rau quả (ớt, bí đỏ, ngô ngọt) trong thời gian tới; Giải pháp duy trì, quản lý, tích hợp và bảo mật thông tin trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 10/ĐTKHVP 2020-2021

83285.10-2022 **Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với phương tiện đo tại các cửa hàng kính thuốc và các cơ sở khám mắt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ Vũ Ngọc Minh, Phạm Thị Mai Chinh ThS. Vũ Ngọc Minh; ThS. Phạm Thị Mai Chinh; ThS. Phạm Ngọc Thạch; ThS. Đặng Thị Minh Thuý; CN. Đàm Thanh Khải; ThS. Lê Thị Lan Hương; KS. Nguyễn Anh Tiến; KS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Vĩnh Phúc - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Vĩnh Phúc, 2021; 07/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về công tác quản lý nhà nước về đo lường đối với các phương tiện đo kính mắt và sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo tại các các cửa hàng kính thuốc và các cơ sở khám mắt. Đánh giá thực trạng tình hình quản lý, sử dụng phương tiện đo tại các cửa hàng kính thuốc và các cơ sở khám mắt tại Việt Nam và địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu

quả quản lý quản lý nhà nước đối với phương tiện đo tại các cửa hàng kính thuốc và các cơ sở khám mắt bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 09/ĐTKHVP 2020-2021

83286.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp xây dựng Vĩnh Phúc trở thành thành phố trực thuộc Trung ương**/ Phan Thế Huy, Lê Đức Thế Phan Thế Huy; Lê Đức Thế; Đào Tiến Phương; Nguyễn Hữu Mai; Nguyễn Thị Kim Anh; Trần Tuấn Anh; Phạm Văn Phòng; Bùi Mạnh Cường; Phạm Văn Nhân; Trần Thị Thanh Thúy - Sở Xây dựng - Sở Xây dựng, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận, các tiêu chí, điều kiện, yêu cầu đặt ra đối với Thành phố trực thuộc Trung ương và sự cần thiết xây dựng Vĩnh Phúc sớm trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương. Đánh giá tổng thể về thực trạng tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn hiện nay so với các tiêu chí, điều kiện, yêu cầu đặt ra đối với Thành phố trực thuộc Trung ương. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị để xây dựng Vĩnh Phúc sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Số hồ sơ lưu: 29/ĐTKHVP 2019-2020

83291.10-2022 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa**/ Nguyễn Hải Trung, Đặng Anh Tuấn - Học viện cảnh sát nhân dân - Học viện Cảnh sát nhân dân, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ lý luận về an ninh trật tự (ANTT) trên địa bàn nông thôn và đảm bảo ANTT trên địa bàn nông thôn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân. Nghiên cứu đặc điểm, tình hình, thực trạng hoạt động đảm bảo ANTT trên địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghiên cứu dự báo xu hướng vận động của tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội và các yếu tố tác động đến hoạt động đảm bảo ANTT trên địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chức năng của lực lượng Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: 74/ĐTKHVP 2018-2020

83621.10-2022 **Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**/ ThS. Hoàng Văn Nhiệm, ThS. Hoàng Văn Nhiệm; ThS. Nguyễn Văn Hải; KS. Nguyễn Hải Long; CN. Đào Duy Hòa; ThS. Lê Khánh Linh; ThS. Lê Đức Thọ; ThS.

Nguyễn Thế Hùng; CN. Nguyễn Việt Phương; ThS. Đỗ Thị Ngân - Sở Tài Chính tỉnh Vĩnh Phúc - Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận các vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng vốn nhà nước thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành. Đánh giá thực trạng công tác quản lý, sử dụng vốn nhà nước thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2019. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2020-2025.

Số hồ sơ lưu: 11/ĐTKHVP 2020-2021

83622.10-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc khóa XV.**/ Trần Văn Tiến, TS. Trần Văn Tiến; CN. Nguyễn Thành Hưng; CN. Lê Thị Nguyệt; ThS. Trần Hồng Hà; CN. Lưu Đức Long; ThS. Nguyễn Văn Hòa; ThS. Hà Việt Dũng; ThS. Nguyễn Hương Giang; CN. Nguyễn Thị Bích Vân; ThS. Kiều Tuấn Hoàng; ThS. Trần Thị Hiền - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc - Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc, 2020; 03/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội. Đánh giá thực trạng hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giám sát của đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Phúc. Số hồ sơ lưu: 05/ĐTKHVP 2020

60101. Lịch sử Việt Nam

82937.10-2022 **Lịch sử tỉnh Lào Cai 1907 - 1950**/ PGS. TS Nguyễn Mạnh Hà, ThS. Đỗ Trường Sơn; Nguyễn Văn Phúc TS. Nguyễn Thị Nguyền; ThS. Nguyễn Thế Dũng; ThS. Nguyễn Lan Phương; ThS. Lê Minh Phú; TS. Vũ Thị Minh Hương - Lào Cai - Văn phòng tỉnh ủy, 2021; 11/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lịch sử tỉnh Lào Cai từ năm 1907 – 1950 trên tất cả các lĩnh vực, bao gồm hệ thống chính trị, các mặt kinh tế văn hóa xã hội quốc phòng an ninh, đối ngoại, xây dựng cuốn sách Lịch sử tỉnh Lào Cai (1907 - 1950). Tổng quan tình hình nghiên cứu; Lào Cai - Địa bàn chiến lược quan trọng, cư dân, văn hóa, tiềm năng phát triển (Lào Cai từ thời nguyên thủy đến 1907; 1907 – 1930; 1930 – 1945; 1945 – 1946; 1947 – 1950). Nghiên cứu thực địa, sưu tầm tài liệu. Nghiên cứu đánh giá sự phát triển của Lào Cai từ 1907 đến 1950. Xây dựng bản thảo cuốn sách lịch sử. Hội thảo khoa học.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-020

82939.10-2022 **Lịch sử tỉnh Lào Cai 1950 - 1991**/ ThS. Hà Thị Nga, TS. Nguyễn Thị Nguyền ThS. Trần Thị Bình; ThS. Đặng Thị Hiền; ThS. Lê Minh Phú; Nguyễn Xuân Minh; PGS. TS Nghiêm Đình Vỳ; PGS. TS Đinh Ngọc Bảo; Cao Đức Hải; ThS.

Mai Thị Hiền; PGS TS. Vũ Quang Vinh; TS. Vũ Tang Bồng - Lào Cai - Văn phòng tỉnh ủy, 2021; 11/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lịch sử tỉnh Lào Cai từ năm 1950 - 1991 trên tất cả các lĩnh vực, bao gồm hệ thống chính trị, các mặt kinh tế văn hóa xã hội quốc phòng an ninh, công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử của tỉnh. Đấu tranh tiễu phỉ, bảo vệ thành quả cách mạng (1950 - 1954). Khôi phục, phát triển kinh tế, xã hội, cải cách dân chủ (1955 - 1960). Thực hiện Kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Vừa xây dựng, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968). Vừa xây dựng, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969 - 1972). Khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa xã hội (1973 - 1975). Xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976 – 1980). Xây dựng chủ nghĩa xã hội (1980 – 1986). Thực hiện đổi mới (1986 - 1991). Điền dã, nghiên cứu thực địa, sưu tầm tài liệu. Nghiên cứu đánh giá sự phát triển của Lào Cai từ 1950 đến 1991. Xây dựng bản thảo cuốn sách lịch sử.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-021

82940.10-2022 **Lịch sử tỉnh Lào Cai 1991 - 2017**/ CN. Nguyễn Văn Vịnh, PGS. TS Nguyễn Đình Lê ThS. Mai Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thế Dũng; TS. Nguyễn Thị Nguyền; NCS Trần Thị Bình; Cao Đức Hải; PGS. TS. Nghiêm Đình Vỳ; PGS. TS. Đinh Ngọc Bảo; PGS. TS Vũ Quang Vinh; TS. Vũ Tang Bồng; PGS. TS Trần Ngọc Long - Lào Cai - Văn phòng tỉnh ủy, 2021; 11/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lịch sử tỉnh Lào Cai từ năm 1991 - 2017 trên tất cả các lĩnh vực, bao gồm hệ thống chính trị, các mặt kinh tế văn hóa xã hội quốc phòng an ninh, công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử của tỉnh; Xây dựng cuốn sách Lịch sử tỉnh Lào cai (1991-2017) nhằm tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử của tỉnh. Tái lập tỉnh, tiếp tục sự nghiệp đổi mới (1991 – 1995). Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2000). Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2001 - 2005). Phát triển nhanh, toàn diện (2006 - 2010). Phấn đấu trở thành tỉnh phát triển của khu vực Tây Bắc (2011 - 2017). Điền dã, nghiên cứu thực địa, sưu tầm tài liệu. Nghiên cứu đánh giá sự phát triển của Lào Cai từ khi tái lập tỉnh đến năm 2017. Bài học kinh nghiệm trong công cuộc đổi mới của Lào Cai (1991 - 2017). Xây dựng bản thảo cuốn sách lịch sử.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-022

83077.10-2022 **Nghiên cứu lịch sử phân chia địa giới hành chính ở Việt Nam thời Pháp thuộc**/ TS. Lương Viết Sang, TS. Dương Thị Huệ; TS. Đặng Kim Oanh; TS. Nguyễn Bình; TS. Trần Thị Vui; TS. Nguyễn Danh Lợi; TS. Đoàn Thị Hương; ThS. Nguyễn Thị Hằng Phương; TS. Nguyễn Thị Mai Chi - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc

gia Hồ Chí Minh, 2019; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân chia địa giới Việt Nam của chính quyền thực dân Pháp. Trình bày khái quát quá trình phân chia địa giới hành chính Việt Nam của chính quyền thực dân Pháp. Đồng thời làm rõ mục đích và cơ sở của việc phân chia địa giới hành chính Việt Nam của chính quyền thực dân Pháp. Qua đó, đề xuất kiến nghị với Đảng và Nhà nước về phân chia địa giới hành chính ở nước ta hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 19955

60203. Nghiên cứu ngôn ngữ khác

83688.10-2022 **Dự án Xây dựng phần mềm bộ từ điển điện tử song ngữ Tày - Việt**/ CN. Hoàng Thị Hy, CN.Hoàng Thị Hy; CN Trần Ngọc Trung; CN Hà Thị Hoa; CN Lô Quang Tuyến; CN Nguyễn Thị Hiền. - Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Kạn - Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Kạn, 2015; 05/2012 - 04/2013. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Việc xây dựng đề tài Xây dựng phần mềm bộ từ điển song ngữ Tày-Việt vừa đáp ứng được nhu cầu học tập, tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn về ngôn ngữ của dân tộc thiểu số, vừa là một đề tài mang tính khoa học góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội .Tại tỉnh Bắc Kạn, khi bộ phần mềm này được đưa vào sử dụng rộng rãi nó không những đáp ứng được nhu cầu của các tổ chức cá nhân mà nó còn góp phần nâng cao giá trị nhân văn sâu sắc của ngôn ngữ của dân tộc Tày vùng quê hương cách mạng Việt Bắc, đồng thời nó còn góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng. Sản phẩm đề tài: 01 bộ Phần mềm bộ từ điển song ngữ Tày - Việt; 100 đĩa CD cài đặt phần mềm.

Số hồ sơ lưu: 06/Quyển số 01-STD-QLCN

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

83228.10-2022 **Tái cấu trúc văn hóa của cư dân vùng biên trong bối cảnh phát triển thương mại Việt Nam - Trung Quốc**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Phương Châm, TS. Hoàng Cầm; TS. Hồ Thị Thanh Nga; TS. Đoàn Thị Tuyến; ThS. Hoàng Thị Thu Hằng; ThS. Trần Đức Tùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2021; 05/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu, phân tích, đánh giá quá trình tái cấu trúc văn hoá của các cư dân vùng biên giới Việt – Trung từ sau bình thường hoá quan hệ giữa hai nước vào năm 1991. Qua đó, khám phá quá trình tạo dựng bản sắc văn hóa tộc người và chiến lược tận dụng lợi thế vùng biên cũng như vận hành các yếu tố văn hóa truyền thống như những nguồn lực cho sự bền vững trong sinh kế, sự linh hoạt trong tương tác xã hội ở khu vực biên giới đa dạng và phức tạp. Từ những phân tích đánh giá trên cung cấp những hiểu biết đầy đủ hơn, cập

nhật hơn về bức tranh văn hóa, xã hội của cư dân khu vực biên giới Việt-Trung trong nhìn nhận đó là "khu vực gặp gỡ, tiếp xúc" [contact zone] và cũng là "khu vực tranh giành, va chạm [contest zone] nhiều phức tạp.

Số hồ sơ lưu: 19997

84143.10-2022 **Bảo tồn và phát huy một số giá trị văn hóa dân tộc gắn liền với phát triển du lịch Ba Bể**/ Hà Văn Trường, CN. Hà Văn Trường; ThS Hoàng Minh Thư; PGS.TS Trần Hoàng Tiến; ThS Nguyễn Thị Hướng - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn, 2021; 10/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng đội văn nghệ dân gian dân tộc Dao tại thôn Phiêng Phàng, xã Yến Dương và Đội văn nghệ dân gian dân tộc Mông tại thôn Đán Mẩy, xã Nam Mẫu để phục vụ tour du lịch trải nghiệm tại thôn bản. Xây dựng mô hình Khu vui chơi giải trí và giao lưu văn hóa, ẩm thực dân tộc (Chợ đêm) để phục vụ khách du lịch vào tối thứ 7, chủ nhật hàng tuần tại thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể. Xây dựng mô hình khu Tắm thuốc người Dao và khu trưng bày, giới thiệu và bán các sản phẩm văn hóa làm quà lưu niệm cho khách du lịch tại thôn Nà Mằm, xã Khang Ninh, huyện Ba Bể. Xây dựng Mô hình bảo tồn và phát huy 15 món Ẩm thực đặc trưng của dân tộc tại các nhà hàng, khách sạn và quán ăn của khu du lịch hồ Ba Bể để phục vụ khách du lịch.

Số hồ sơ lưu: 01/2021/Quyển số 01-STD-QLCNCN

60209. Các nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác

83255.10-2022 **Phát huy giá trị của các ca khúc viết về Thanh Hóa phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa quê hương đất nước**/ ThS. Đoàn Dũng, - Thanh Hóa - Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa, 2019; 05/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận của việc phát huy giá trị các ca khúc viết về Thanh Hóa phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa quê hương đất nước. Nghiên cứu đặc điểm, thực trạng về sáng tác và quảng bá ca khúc viết về Thanh Hóa. Đánh giá nhu cầu sử dụng ca khúc viết về Thanh Hóa. Đề xuất các giải pháp nhằm phát huy giá trị các ca khúc viết về Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-025-2021

83784.10-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình các sản phẩm du lịch đặc thù, hình thành chuỗi sản phẩm du lịch của huyện Bát Xát**/ TS. Trần Hữu Sơn, TS. Dương Tuấn Nghĩa; TS. Vũ Hồng Nhi; TS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Vũ Thị Trang; ThS. Nguyễn Lan Phương; GS. Vũ Anh Tuấn; Bùi Quốc Khánh; ThS. Hồ Sỹ Lập; ThS. Sờ Có Suy - Hà Nội - Viện nghiên cứu văn hoá dân gian ứng dụng, 2020; 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình các sản phẩm du lịch đặc thù, hình thành chuỗi sản phẩm du lịch của huyện Bát Xát nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh để phát triển du lịch bền vững và góp phần xóa đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế văn hóa - xã hội địa phương.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-029

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

82446.10-2022 **Xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận "Ngựa Bắc Hà" cho sản phẩm ngựa của huyện Bắc Hà**/ ThS. Tăng Đức Khương, CN. Hoàng Thị Tuyết Hồng; CN. Nguyễn Thanh Hương; CN. Phạm Mai Anh; CN. Đào Thu Trang; CN. Nguyễn Anh Ngọc; CN. Trần Danh Lưu; CN. Lê Vũ huyền - Lào Cai - Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp INVESTIP, 2020; 06/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận "Ngựa Bắc Hà". Điều tra, khảo sát sản phẩm; xác định thống nhất chủ sở hữu nhãn hiệu. Xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận "Ngựa Bắc Hà". Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận "Ngựa Bắc Hà". Xây dựng hệ thống Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Triển khai hỗ trợ hoạt động quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận ngựa Bắc Hà. Tổ chức hoạt động kiểm soát và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế. Quảng bá và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận. Đánh giá thực trạng ngành hàng và xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm; công bố nhãn hiệu.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-015

82449.10-2022 **Xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận "Xuyên khung Bát Xát" cho sản phẩm xuyên khung của huyện Bát Xát.**/ KS. Ngô Thanh Lộc, ThS. Nguyễn Thành Long; ThS. Trương Xuân Cường; ThS. Đinh Võ Sỹ; ThS. Hà Thu Thủy; KS. Lê Thị Hương; KS. Trần Thị Trâm; CN. Vũ Hồng Nhung; KS. Nguyễn Hồng Nhung; CN. Nguyễn Thị Nhài - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2020; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận "Xuyên khung Bát Xát". Điều tra, khảo sát sản phẩm, xác định thống nhất chủ sở hữu nhãn hiệu. Xây dựng hồ sơ đăng ký, quy chế quản lý và sử dụng. Xây dựng hệ thống Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Tổ chức hoạt động kiểm soát và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế. Quảng bá và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận. Tổ chức đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình quản lý và khai thác. Đánh giá thực trạng ngành hàng và xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm. Công bố nhãn hiệu.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-017

83171.10-2022 **Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Đông Khê" cho sản phẩm**

quả lê Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng/ KS. Nguyễn Văn Ba, ThS. Lê Đình Việt; CN. Ngô Sỹ Đạt; ThS. Hoàng Thị Tâm; CN. Hà Thị Ngọc Bích; CN. Trần Thị Phương Ngân; CN. Vũ Thị Tuyết Hương - Hà Nội - Trung tâm Phát triển nông thôn, 2020; 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận "Đông Khê" cho sản phẩm quả lê Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xây dựng mô hình quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận "Đông Khê" cho sản phẩm quả lê Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Hỗ trợ quản bá và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Đông Khê" cho sản phẩm quả lê Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Số hồ sơ lưu: CBG-003-2021

83238.10-2022 **Xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận "Nha đam Ninh Thuận"**/ ThS. Nguyễn Ngọc Anh, PGS. Lê Thị Nam Giang - Ninh Thuận - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AGL, 2019; - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định cơ sở thực tế của việc xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận "Nha đam Ninh Thuận" và đánh giá thực tế trồng, sản xuất, kinh doanh sản phẩm nha đam tươi và các sản phẩm được sản xuất từ nha đam thông qua khảo sát thực tế. Đăng ký Nhãn hiệu chứng nhận "Nha đam Ninh Thuận" tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Xây dựng hệ thống các văn bản quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận "Nha đam Ninh Thuận" phù hợp với thực tế khai thác và chế biến các sản phẩm này tại địa phương và chủ trương phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Thuận. Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu gắn với Nhãn hiệu chứng nhận "Nha đam Ninh Thuận" nhằm quảng bá và phát triển sản phẩm nha đam Ninh Thuận.

Số hồ sơ lưu: NTN-002-2021

83245.10-2022 **Xây dựng và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm rong Sụn của tỉnh Ninh Thuận**/ TS. Nguyễn Khắc Lâm, - Ninh Thuận - Trung tâm Khuyến nông Ninh Thuận, 2019; 05/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở khoa học xác định các tiêu chí, đặc tính cần chứng nhận của sản phẩm rong sụn (bao gồm rong tươi, rong khô) mang nhãn hiệu chứng nhận "rong sụn Ninh Thuận", từ đó tiến hành các thủ tục để xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Xây dựng hệ thống các văn bản quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận "rong sụn Ninh Thuận" phù hợp với thực tế nuôi trồng tại Ninh Thuận. Bảo đảm việc kiểm soát hoạt động nuôi trồng, bảo quản và chế biến sản phẩm theo đúng quy trình, góp phần nâng cao giá trị kinh tế, xã hội, văn hóa của sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm. Thiết lập hệ thống tổ chức, điều kiện để quản lý nhãn hiệu chứng nhận "rong sụn Ninh Thuận". Nhãn hiệu chứng nhận "rong sụn Ninh Thuận" được đăng

ký bảo hộ, sử dụng, quản lý và khai thác có hiệu quả trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: NTN-003-2021

83247.10-2022 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận tôm giống tỉnh Ninh Thuận**/ KS. Đặng Văn Tín, - Ninh Thuận - Chi cục Thủy sản Ninh Thuận, 2017; 08/2016 - 10/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng cơ sở khoa học xác định các tiêu chí, đặc tính cần chứng nhận của sản phẩm tôm giống (tôm sú và tôm thẻ chân trắng) mang nhãn hiệu chứng nhận "Tôm giống Ninh Thuận", từ đó tiến hành các thủ tục để xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Thiết lập hệ thống tổ chức, hệ thống các phương tiện, điều kiện để quản lý nhãn hiệu chứng nhận "Tôm giống Ninh Thuận". Xây dựng giải pháp để nhãn hiệu chứng nhận "Tôm giống Ninh Thuận" được đăng ký bảo hộ, sử dụng, quản lý và khai thác có hiệu quả trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: NTN-005-2021

83248.10-2022 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Trái cây Ninh Sơn"**/ PGS. TS. Trần Thị Thùy Dương, - Ninh Thuận - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AGL, 2018; 08/2017 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát thực tế nhằm xác định được cơ sở thực tế của việc xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận "Trái cây Ninh Sơn". Đăng ký Nhãn hiệu chứng nhận "Trái cây Ninh Sơn" tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Xây dựng hệ thống các văn bản quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận "Trái cây Ninh Sơn" phù hợp với thực tế khai thác và chế biến các sản phẩm này tại địa phương và chủ trương phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Thuận. Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu gắn với Nhãn hiệu chứng nhận "Trái cây Ninh Sơn" nhằm quảng bá và phát triển sản phẩm trái cây của huyện Ninh Sơn.

Số hồ sơ lưu: NTN-006-2021

83252.10-2022 **Xây dựng và phát triển thương hiệu "Rượu Toả dương" Thành phố Thanh Hóa.**/ Nguyễn Thị Tứ, Nguyễn Duy Minh; Nguyễn Duy Tam; Nguyễn Viết Huấn; Nguyễn Thị Giang; Nguyễn Duy Anh; Nguyễn Thị Phượng; Nguyễn Thị Hạnh; Nguyễn Xuân Bồng - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Giấy Ánh Mai, 2016; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các tiêu chí, đặc tính, phạm vi cần chứng nhận của sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận "Rượu Làng Quảng Xá", từ đó tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận này. Thiết lập hệ thống tổ chức, quản lý, khai thác nhằm nâng cao giá trị nhãn hiệu chứng nhận "Rượu Làng Quảng Xá" trên thị trường trong và ngoài nước. Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Rượu Làng Quảng Xá" được đăng ký bảo hộ, được quản lý và khai thác có hiệu quả trên thực tế.

Số hồ sơ lưu: THA-022-2021

84008.10-2022 **Xây dựng quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Dứa Mường Khương" cho sản phẩm dứa của huyện Mường**

Khương/ CN. Nguyễn Thế Hiếu, KS. Đinh Công Thành; CN. Phạm Hoàng Giang; CN. Bạch Thuỳ Linh; CN. Trương Phúc Hưng - Lào Cai - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Hải Hân, 2021; 03/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quản lý xác lập quyền bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận "Dứa Mường Khương" dùng cho sản phẩm dứa của huyện Mường Khương. Xác định được các chỉ tiêu, đặc tính cần chứng nhận của sản phẩm dứa mang nahnx hiệu chứng nhận 'Dứa Mường Khương". Xây dựng kế hoạch phát triển quảng bá nhãn hiệu chứng nhận và phát huy quyền sử hữu trí tuệ của nhãn hiệu chứng nhận Dứa Mường Khương.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-028

60405. Nghệ thuật dân gian

83222.10-2022 **Văn hóa cải lương Nam Bộ ở Long An**/ TS. Huỳnh Công Tín, - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ CHí Minh, 2017; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hai bình diện đặc trưng và giá trị của sân khấu cải lương Nam Bộ. Khái quát tình hình nhạc dân tộc ở Nam Bộ và diễn trình phát triển sân khấu cải lương Long An. Giới thiệu một số thế hệ nghệ nhân làm nên nghệ thuật cải lương Long An và một số thành tựu trong sáng tác nghệ thuật ở Long An. Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển sân khấu cải lương ở Long An.

Số hồ sơ lưu: LAN-010-2021

83235.10-2022 **Kết quả nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị loại hình di sản văn hóa phi vật thể tín ngưỡng, phong tục tập quán dân gian**/ TS. Bùi Phát Diệm, ThS. Nguyễn Tấn Quốc; ThS. Đỗ Thị Lan; ThS. Nguyễn Phương Thảo; CN. Nguyễn Bạch Long - Long An - Bảo tàng Long An, 2017; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về vùng đất và con người Long An. Nghiên cứu về ngữ văn và nghệ thuật trình diễn dân gian. Tín ngưỡng và phong tục tập quán xã hội ở Long An. Nghiên cứu lễ hội dân gian truyền thống và các nghề truyền thống cũng như tri thức dân gian ở tỉnh Long An. Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Long An.

Số hồ sơ lưu: LAN-012-2021

699. Khoa học nhân văn khác

82433.10-2022 **Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai**/ TS. Lưu Hồng Quảng, CN. Nguyễn Huy Đức; CN. Nguyễn Huy Đức; CN. Tạ Xuân Nghị; CN. Nguyễn Thanh Bình; CN. Phạm Huy Hoàng; CN. Nguyễn Văn Thái; CN. Nguyễn Trung Tuyến; CN. Đào Quốc Tuấn - Lào Cai - Công an tỉnh Lào Cai, 2020; 12/2018 - 01/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu về đặc điểm, kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng… liên quan đến

công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, lợi dung vấn đề dân tộc tôn giáo, tranh chấp khiếu kiện, tội phạm và các vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội tác động đến công tác bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Đánh giá thực trạng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Dự báo tình hình tình hình thế giới, khu vực và trong nước về kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng tác động đến công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Các nhóm Giải pháp nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2021-012

Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: https://dichvucong.vista.gov.vn, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ https://dichvucong.most.gov.vn, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ https://dichvucong.gov.vn.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:* Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:*

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*